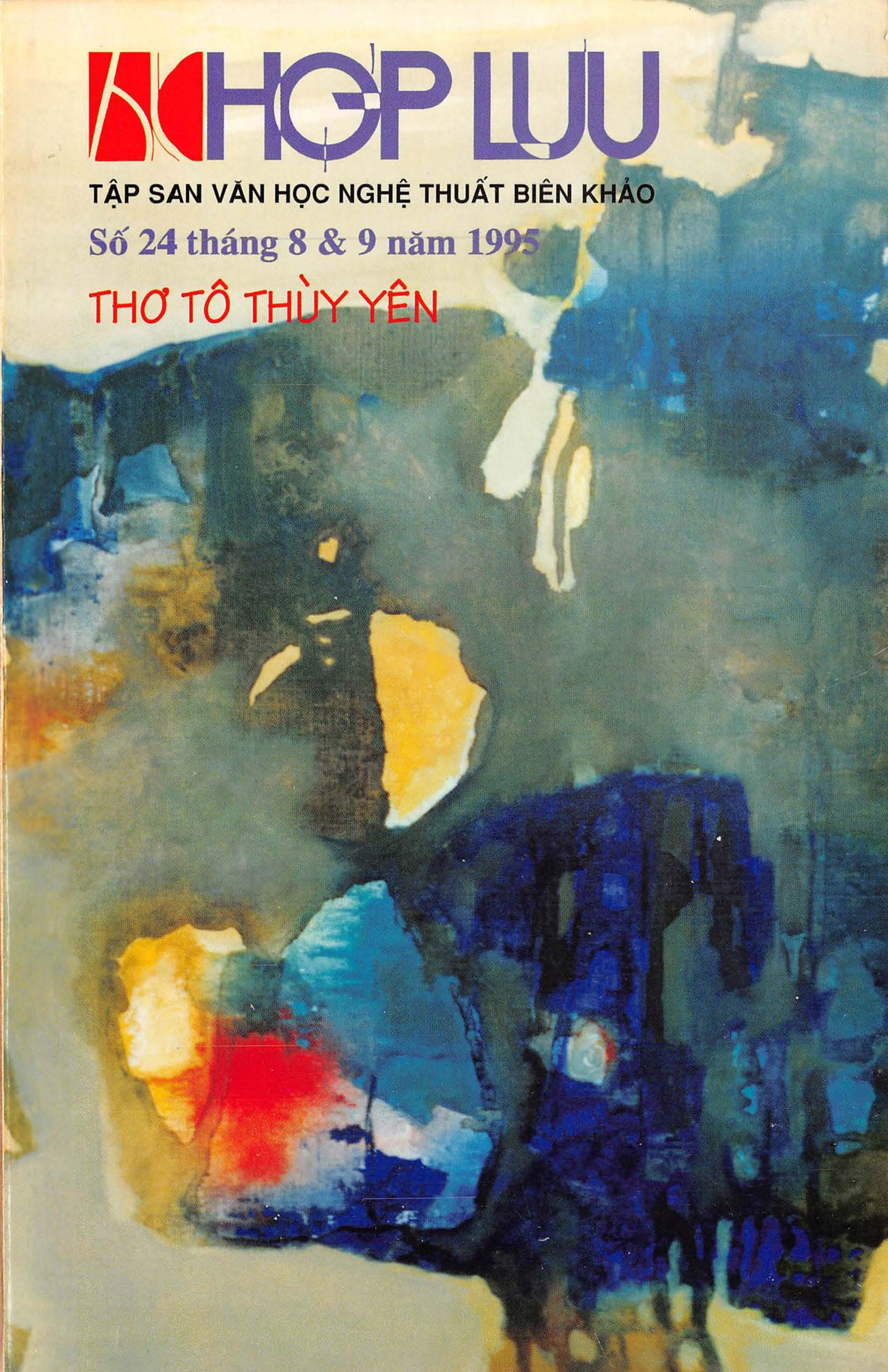


HỢP LƯU
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
Số 24 tháng 8 & 9 năm 1995
THƠ TÔ THÙY YÊN



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714-537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ • số 24 tháng 8 & 9, năm 1995

Đại diện Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại San Jose
Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490
Đại diện tại Âu Châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trần Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697
Đại diện tại Australia
Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.3.8071-797
Đại diện tại Đông Âu
Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 99 83

•

Chủ trương
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trần Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

Chủ biên
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Kể từ số này,
điện thoại mới của HỢP LƯU sẽ là:

714-775-7242

Xin quý độc giả và văn hữu
lưu ý khi cần liên lạc.



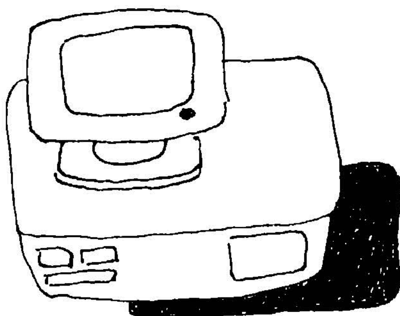
MỤC LỤC

Tranh bìa:
Sơn dầu của họa sĩ **Trịnh Cung**





thư tòa soạn



Tin tức được xem quan trọng hàng đầu trong tháng vừa qua, là quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia Mỹ-Việt vừa được Tổng thống Bill Clinton công bố.

Quan trọng, và tuy là chuyện chính trị, nhưng lại ảnh hưởng rất nhiều đến các lĩnh vực khác, trong đó có lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật của người Việt trong, ngoài, nói riêng; của Việt Nam với nước Mỹ và các quốc gia khác, nói chung.

Hợp Lưu đã nhiều lần, hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp, nghĩ rằng một khi nhà cầm quyền Mỹ bằng lòng thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam, cũng có nghĩa vô hình trung họ đã đẩy Việt Nam vào thế phải ít nhiều chịu sự chi phối của ảnh hưởng Mỹ, trong đó, văn hóa, văn học, nghệ thuật - biểu hiện dưới nhiều dạng thức - là mũi nhọn quan trọng. Từ nhiều năm nay, chưa vội nói đến chuyện đúng, sai, hay, dở, chỉ thấy âm nhạc Mỹ, phim ảnh Mỹ, thời trang Mỹ, hàng hóa Mỹ, kể cả sách báo và nếp sống Mỹ... một cách có khi âm thầm, có khi công khai ồ ạt, trở nên những hiện tượng phủ trùm lên đời sống mọi công dân Việt. Nói cách khác, cái gì cũng có thể thâm nhập được vào đất nước chúng ta, ngoại trừ một món duy nhất: văn học của người Việt hải ngoại! Nhưng với tình thế mới, với những cánh cửa rồi đây sẽ mở tung mà chắc chắn nhà cầm quyền Việt Nam không thể và không có khả năng kiềm giữ, văn học của người Việt hải ngoại - một nền văn học lưu vong phong phú, đa dạng và sung mãn nhất so với các sắc dân cùng cảnh ngộ khác - rồi sẽ hiện diện ở quê hương, sẽ đến với bảy mươi tư triệu người, góp một phần không nhỏ làm dày thêm chiều dày, tuy còn khiêm nhường, nhưng đã định hình, của văn học nghệ thuật Việt Nam.

Trong niềm tin tưởng ấy, chúng ta tiếp nhận sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước như một tín hiệu lạc quan đầy triển vọng.

Trở lại chủ đề của số báo này. Được sự cho phép của nhà thơ Tô Thùy Yên, *Hợp Lưu* gửi đến bạn đọc một vài thi phẩm tiêu biểu, những thi phẩm làm nên tên tuổi Tô Thùy Yên, những thi phẩm khẳng định vị trí của ông trong dòng thơ ca dương đại vài thập niên qua, cùng bài viết của nhà văn Hoàng Khởi Phong, về "thơ Tô Thùy yên" và bài phỏng vấn nhà thơ này, do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện.

Độc giả hẳn thấy, qua 24 số báo, chúng tôi từng cố gắng vượt nhiều khó khăn, từ nhiều phía, để hoàn thành những số chủ đề về một số văn nghệ sĩ, cách này, khác khác, đã đóng góp công sức, tài năng, thiện chí của mình cho một nền văn học (chữ quốc ngữ), vốn dĩ, còn rất non trẻ, nếu so với nhiều nền văn học khác, của nhiều dân tộc khác. Việc làm ấy được hầu hết độc giả tán thành, hỗ trợ. Chỉ tiếc, bởi hoàn cảnh khó khăn hiện nay của sinh hoạt chữ nghĩa hải ngoại, người viết tuy nhiều nhưng không còn thiết tha với việc viết lách, nhất là lãnh vực phê bình, nghiên cứu, lý luận, cộng thêm sự thiếu thốn tư liệucùng nhân sự. Mọi việc làm chỉ là cố gắng tự phát của mỗi cá nhân, đòi hỏi thời giờ và hy sinh, có khi vượt quá mức chịu đựng cũng như khả năng của một người. Vì vậy, những số chủ đề như thế không thể đều dặn được. Đó cũng là lý do lẽ ra số báo này sẽ là số đặc biết, về một nhà thơ cũng đặc biệt không kém: là một tác giả tuy chưa có tác phẩm nào được in thành sách, nhưng tên tuổi lại trở nên tiêu biểu cho một giai đoạn văn học. Mà riêng lĩnh vực thi ca, có lẽ, là một trong vài người hiếm hoi, đã tạo được một chỗ đứng vững chãi cho mình, trong ngôi đền thơ ca dân tộc. Nhưng chúng tôi đã không thực hiện được ý muốn vừa nêu, đành chỉ giới thiệu cùng độc giả một mảng nhỏ tài năng của nhà thơ này, với hy vọng, sẽ có dịp trở lại chủ đề "Thơ Tô Thùy Yên", đầy đủ và nghiêm chỉnh hơn, trong tương lai.

Cuối cùng, như thường lệ, *Hợp Lưu* trân trọng giới thiệu những sáng tác văn thơ chọn lọc của các tác giả cũ, mới, trong, ngoài tiêu biểu, cùng các mục thường xuyên hấp dẫn, phong phú.

Hy vọng số báo sẽ là một tập hợp mà sự đa dạng của nó sẽ không làm độc giả thất vọng.

HỢP LƯU

LƯU Ý QUAN TRỌNG

Bắt đầu từ số này, điện thoại mới của HỢP LƯU như sau:

(714)775-7242

Rất mong độc giả, văn hữu lưu ý khi cần liên lạc



NGUYỄN XỚN

tác phẩm văn học



NHỮNG QUAN NIỆM

Nói chung, trước một khái niệm, càng có nhiều cách diễn đạt bao nhiêu, khái niệm đó càng mờ nhạt bấy nhiêu. Thực tế, có những khái niệm không thể có cách diễn đạt nào khác ngoài việc ghi nguyên tên chúng ra. Màu "đỏ" chẳng hạn. Cho nên lý thuyết văn chương sẽ đơn giản, tầm thường và ít hiệu quả biết chừng nào, thậm chí lắm khi trở thành những vật cản cho nhà văn, nếu chúng ta say sưa giải thích các khái niệm và mặc sức đặt ra hàng loạt những thuật ngữ, rồi định nghĩa chúng một cách rối rắm, để cuối cùng táo bạo đề ra những nguyên lý.

Sự rõ ràng, dễ hiểu và có tính khoa học của lý luận văn học là ở chỗ lý luận văn học tuyệt nhiên không buộc nhà văn tuân thủ một mệnh lệnh nào cả, ngoài mệnh lệnh của trái tim con người; nó không hề nhắc nhở văn chương phải trung thành với những qui tắc, phương pháp này, hoặc qui tắc, phương pháp nọ. Lý luận văn học chỉ nhận xét xem các phương thức điển hình hóa cuộc sống khác nhau, thịnh hành ở những thời kỳ lịch sử khác nhau đã xuất hiện như thế nào và tại sao lại như thế này ở nhà văn này, nhưng lại thế khác ở nhà văn khác. Tuyệt nhiên, lý luận văn học không khái quát thành những qui luật vĩnh viễn có khả năng qui định, qui tụ, qui chiếu toàn bộ lịch sử văn chương.

Đối với lý luận văn học, mọi sự *diễn biến*(1) của văn chương đều tốt trong thời gian nhất định của chúng. Nó không cho phép mình thiên về phái này

hoặc phái kia, và nếu như nó buộc lòng phải thiên vị, thì ít ra nó cũng không ngoan ngoãn nghe theo sự chỉ bảo nào và không bấu víu vào qui luật vĩnh viễn của nghệ thuật để làm lá chắn cho quan điểm của mình. Nói tóm lại lý luận văn học rất khách quan, vì thế thật sự khoa học.

Sự khách quan này chỉ có thể bảo đảm chắc chắn, không bị nghiêng ngửa trước những áp lực nào, khi lý luận văn học lấy tác phẩm văn học làm đối tượng trước hết để nghiên cứu. Mọi vấn đề khác của văn học cũng từ đây mà hình thành. (Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh điều tưởng đơn giản này là vì trong thực tế, rất nhiều năm lại đây, lắm khi tác giả của một tác phẩm nào đó lại được xem xét đầu tiên. Địa vị xã hội, thiên kiến chính trị, đôi khi lý lịch gia đình nữa của nhà văn, làm tăng hoặc giảm giá trị nghệ thuật của tác phẩm, thậm chí, người ta còn dùng cuộc đời của nhà văn để giải thích những điều được nhà văn trình bày trong tác phẩm vượt khỏi khả năng hiểu biết của mình). Vì thế, việc xác định tác phẩm văn học là cái gì có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là bước đầu tiên để ta đi trên con đường hun hút về sau. Tức là kiến giải *vì sao* và *do đâu* mà bằng một số lượng từ ngữ nhất định, được sắp xếp theo một trật tự nhất định, hoàn toàn theo cách riêng của nhà văn, tác phẩm văn học có khả năng mở ra trước mắt người đọc một thế giới sinh động, và đầy xúc động đến thế!

Thực ra, đứng trước một tác phẩm nghệ thuật, nhất là nghệ thuật ngôn từ, chúng ta khó lòng chỉ hết và gọi tên đúng tất cả những gì chứa đựng trong đó. Điều này cũng dễ tha thứ, bởi vì có một thế giới bao la, sâu thẳm, đầy niềm vui và nỗi đau con người được *nén chặt, giấu kín* dưới các lớp ngôn từ không lấy gì làm đồ sộ.

Vì những lẽ trên, nên để có thể tiến hành các công việc về sau, chúng ta chỉ còn cách chấp nhận khái niệm tác phẩm với tính cách là *một khái niệm tạm thời cần được từng bước giải thích rõ thêm.*

I. Tác phẩm văn học là sản phẩm tinh thần của con người

1.

Lẽ cố nhiên không ai cho rằng tác phẩm văn học là sản phẩm tự nhiên. Tuy vậy, nhiều thời đại đã qua và hiện nay vẫn vậy, người ta đặc biệt chú ý tới các mối quan hệ giữa tác phẩm và các hiện tượng bên ngoài của tự nhiên, nhất là mối quan hệ giữa văn học nghệ thuật và đời sống xã hội. Từ luận điểm cổ xưa nhất là *thuyết bắt chước*, đến gần đây là *phản ánh chân thật cuộc sống trong mọi biểu hiện của nó*, đều xuất phát từ cơ sở trên. Và mọi cuộc tranh luận trong đời sống văn học, suy cho cùng, cũng muốn làm sáng tỏ điều hiển nhiên ấy.

Xét về hình thức, tác phẩm văn học không chứa đựng ở bản thân nó sự vận động nào cả, nó im lìm và không chứa đựng sự sống tự nhiên. Còn xét về

bản chất, nó lại có số phận, có dời sống cực kỳ thú vị, thậm chí mang tính vĩnh cửu, tính nhân bản, những hứng thú tràn trề mang tính con người, các giá trị tinh thần ở biến cố của lịch sử, của sự sống tự nhiên, một tính cách cá biệt của con người trong dòng chuyển động, phát triển và kết thúc của nó, bao giờ cũng được xuất hiện ở trong tác phẩm văn học trong sáng hơn, dẹp dẽ hơn, cao cả hơn diều có thể thấy ở hiện thực hàng ngày, ở mọi biểu hiện của tự nhiên. Như vậy có nghĩa là hiện thực của dời sống tự nhiên và dời sống xã hội, khi vào trong tác phẩm văn học, đã có sự trau chuốt của tinh thần con người. Làng Vũ Đại, quê hương của Chí Phèo, của Thị Nở, hẳn là có bầu không khí ngột ngạt, trì trệ hơn bất cứ nơi nào của làng quê Việt Nam trong những thập niên 40, 50, nhưng không vì thế mà làm người ta nghi ngờ, trái lại, chúng ta thấu hiểu một cách sâu sắc thân phận con người và một cách tự nhiên, ai cũng cảm thấy xúc dộng, cảm thấy một tình cảm cao thượng xuất hiện mỗi khi nghĩ tới con người.

Đối với những gì nhà văn lấy từ nơi sâu thẳm của lý trí và trái tim mình để dưa vào tác phẩm, chúng sẽ có một cuộc sống lâu dài, bất tận. Trong khi đó, tất cả mọi thứ có sự sống của tự nhiên, đều thường xuyên thay đổi và tiêu diệt, cho dù có người có thể nghĩ rằng tự nhiên là do thần linh sáng tạo ra, trong đó có lòng chí thiện và trí thông minh màu nhiệm của đấng tối cao.

Con người, xét ở mọi phương diện, là sản phẩm tuyệt vời của tự nhiên. Sự tuyệt vời dược biểu hiện một cách rõ ràng và chính xác ở chỗ con người biết sáng tạo ra sản phẩm không chỉ phục vụ bản thân mà còn phục vụ cả đồng loại theo qui luật của cái dẹp, nói rộng ra là nó có khả năng sáng tạo ra một tự nhiên thứ hai, một thiên nhiên người ta cảm nhận được qua nghệ thuật. Nhưng sở dĩ con người có thể làm được sự kỳ diệu ấy là nhờ nó có ý thức về thế giới tự nhiên, bao gồm cả chính bản thân nó. Ở đây chẳng có yếu tố thần linh nào can thiệp cả. Chính hiện thực, tức thế giới tự nhiên được nhận thức, là chất liệu cho hoạt động sáng tạo này. Thêm nữa, nếu có thần linh thì bản thân thần linh cũng là một sản phẩm được con người sáng tạo nên, nghĩa là một sản phẩm tinh thần.

Như thế, chúng ta có thể đồng ý với quan niệm của Heghen khi ông cho rằng *cái dẹp trong nghệ thuật cao hơn cái dẹp trong tự nhiên, bởi vì cái dẹp trong nghệ thuật do con người sáng tạo ra, là cái dẹp tinh thần*.

Hoạt dộng sáng tạo nghệ thuật được coi là hoạt động tự do nhất và cũng là hoạt động cao nhất trong mọi hoạt động của con người. Nhưng điều đó không có nghĩa tất cả những gì được con người sáng tạo ra trong tác phẩm văn học là thiếu chân xác. Tưởng tượng là hạt nhân của lĩnh vực này. Nhưng, liệu con người có thể tưởng tượng ra một cái gì đó ngoài khả năng cái nó cảm nhận được, nó hiểu được, nó biết được hay không?

Nói tóm lại sáng tạo nghệ thuật là một hoạt dộng tinh thần, tác phẩm văn học, nghệ thuật là kết quả của quá trình sáng tạo đó, nhưng dù hiểu thần linh theo nghĩa nào đi nữa, thì hoạt động này vẫn không tách rời thế giới tự nhiên, nghĩa là *quan hệ giữa văn học nghệ thuật với dời sống tự nhiên và dời sống xã*

hội là có thật, là bất biến.

2

Từ cách hiểu trên, một câu hỏi sẽ được đặt ra. Tác phẩm văn học do tinh thần sản sinh ra, là sản phẩm do con người sáng tạo, thì nhu cầu nào thôi thúc nhà văn sáng tạo nên tác phẩm văn học? Đã và vẫn có quan niệm cho rằng sáng tạo văn chương nói riêng và nghệ thuật nói chung, chỉ là trò chơi thuần túy ngẫu nhiên như mọi trò chơi khác, là một cái gì đó do sự ngẫu hứng dẫn dắt, vì thế, hoạt động này xem ra chẳng mang lại ý nghĩa gì đặc biệt, bởi lẽ trong đời sống của con người thiếu gì phương tiện và biện pháp để thực hiện mục đích mà văn chương tự đặt ra cho mình. Xét về mặt nào đó, xem ra một cách hiểu như vậy không dễ gì bác bỏ. Bản thân văn chương có chức năng giải trí, và người ta cũng đề cao tính chất du hí, mua vui của văn chương. Mới đây thôi, các nhà nghiên cứu văn chương ở Mỹ đã viết rằng văn học là "trò diễn của ngôn từ" (Robert Fnost). Trong văn học yếu tố "trò diễn", có nghĩa là "mua vui", "vui chơi", người đọc chờ đợi ở tác phẩm văn học sự vui thú, khoái trá... Có những tác phẩm nghệ thuật không nên đi tìm một cách nghiêm chỉnh chân lý trong đó, điều quan trọng là những thích thú, khoái trá chúng đem lại cho ta v.v... Văn chương nửa sau thế kỷ XX, quả thật có mang đến cho chúng ta nhiều hy vọng, lẫn âu lo. Nhưng không vì thế mà chúng ta trở về chiêm ngưỡng quá khứ. Chắc chắn không ai không thừa nhận rằng sáng tạo văn học bắt nguồn từ nhu cầu chính đáng và ham muốn cao thượng, thậm chí chỉ có nó mới thỏa mãn những nhu cầu cao nhất và gần như tuyệt đối của con người, bởi vì nó hòa quyện với những hứng thú và đam mê tôn giáo (hoặc vô thần) của mọi thời đại và của các dân tộc. Như thế cũng có thể cho ta nhận thức được rằng nhu cầu nghệ thuật không phải là ngẫu nhiên mà là một nhu cầu tất yếu của con người. Bởi chính nhu cầu này là của mọi người, và cũng chính nhu cầu này sản sinh ra nghệ thuật. Việc con người sáng tạo nghệ thuật và đòi hỏi cảm thụ nghệ thuật là chính đáng vì nó sáng tạo ra từ bản thân nó, cho bản thân nó, để chứng minh rằng nó tồn tại và mọi vật chung quanh cùng tồn tại với nó.

Sự tồn tại này, đối với tự nhiên, chỉ một lần và trực tiếp, còn đối với con người, trong khi tồn tại với tư cách là sản phẩm của tự nhiên (tức là một đối tượng của nghệ thuật), nó còn tồn tại cho chính mình nữa. Đạt được một nhận thức như vậy về sự tồn tại, con người không thể không phô bày khả năng tàng chứa bên trong của bản thân, tức là công khai, lắm khi còn quá đáng, bày tỏ sự hiểu biết và năng lực cảm thụ thế giới bên ngoài và thế giới bên trong của chính cá nhân mình. Phương tiện để đạt đến một sự nhận thức như vậy ở con người, tựu trung lại, có hai cách: *Lý luận* và *Thực tiễn*.

Về lý luận, rõ ràng là con người phải nhận thức cho được những khát vọng cháy bỏng và nông nổi của con tim không chỉ của riêng mình mà còn của nhiều người khác nữa. Làm được điều này, trước hết, con người phải tự chiêm ngưỡng mình, đánh giá những khả năng của mình, lập ra những đồ thị,

những quỹ đạo, sự biến thiên của tư tưởng mình do tự nhận thức mà có được và do tích lũy từ kinh nghiệm, nhờ tri giác từ ngoại giới.

Về thực tiễn, khi đạt đến một độ nhận thức như vậy, con người muốn bộc lộ, muốn bày tỏ, muốn được giải thoát một cách trực tiếp. Sáng tạo nghệ thuật, vì thế không chỉ đơn thuần là để cho người khác hiểu, mà còn mang tính vô tư, như một phương tiện giúp chính mình vậy. Cho nên, biện pháp mà con người muốn thay đổi cái bên ngoài bằng cuộc sống bên trong của mình là đưa ra cách cảm, cách hiểu, cách đánh giá riêng của mình. Thế là từ những gì có tính qui luật, phổ biến, nghệ sĩ đã chuyển thành cái cá biệt, riêng rẽ. Anh ta làm điều này với tư cách là một cá nhân, một chủ thể tự do.

Nói chung, nhu cầu về nghệ thuật là xuất phát từ chỗ con người muốn nhận thức về thế giới tự nhiên và thế giới tâm hồn, vốn rất lộn xộn và bao la, bằng cách hình dung nó là một nơi mà ở đấy con người nhận ra cái "tôi" của mình.

Vì những lẽ trên, nhu cầu đặc trưng này ở con người khác nhu cầu về chính trị và đạo đức, về tôn giáo và các khoa học khác và tính chất giải trí của văn học không mang tính mua vui.

3

Tất nhiên tác phẩm văn học là sản phẩm chung cho mọi người và nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần cho tất cả. Tuy nhiên, điều này không không có nghĩa là chúng ta không thừa nhận quan điểm cho rằng sáng tạo nên những tác phẩm văn chương giá trị là do những người có thiên tư đặc biệt, những người được tự nhiên dành cho một khả năng loại biệt. Điều này cũng có nghĩa là tác phẩm nghệ thuật là sản phẩm của tài năng, của thiên tài. Người Đức có đưa ra quan niệm *Thời đại Thiên tài*, thời đại này được mở đầu bằng những tác phẩm đầu tiên của Gớt và được tăng cường thêm bởi Sinle.

Ở đây không phải là nơi bàn về tài năng và thiên tài và càng không phải đánh giá xem quan niệm trên như thế nào. Nhưng một điều rất rõ là trong di sản văn chương khổng lồ của nhân loại, những tác phẩm được nhiều người và nhiều thời đại biết đến rất ít.

Mặt khác, chúng ta cũng dễ dàng đồng ý với nhau rằng tài năng là bẩm sinh, nghĩa là do trời phú, nhưng muốn được phát triển và được ghi nhận bằng những giá trị văn hóa, tài năng ấy phải thường xuyên suy nghĩ về phương thức biểu hiện, và dù muốn, dù không, anh ta vẫn phải chịu những áp lực nặng nề của xã hội. Thêm nữa, phải thường xuyên rèn luyện để tạo nên thói quen, kỹ năng, kỹ xảo. Ngôn ngữ, chất liệu chính của tác phẩm văn học, liệu có được một cách tự nhiên cho một thiên tài không, nếu anh ta không trực tiếp quan hệ với đời sống xã hội, với con người? Sự sâu sắc và chân xác trong việc mô tả thế giới tự nhiên và thế giới nội tâm ở một nghệ sĩ, chỉ có thể có được khi anh ta hướng cái nhìn, cái cảm của mình vào thế giới đó. Con đường dẫn anh ta tới thế giới đó không gì hơn khác hơn là sự học tập và tích

lũy kinh nghiệm sống.

Đó là chưa nói tới thái độ và tư tưởng của nhà văn trước cuộc sống và trách nhiệm của anh đối với con người, những cái không thể có được cho thiên tài nếu như anh ta tách khỏi cuộc đấu tranh xã hội.

Chính Heghen đã từng chỉ ra rằng những tác phẩm đầu tiên của hai thiên tài người Đức vừa kể ở trên không thành thực, thậm chí thô lỗ và dã man. Và ông khẳng định rằng chỉ khi đạt đến tuổi trưởng thành, hai thiên tài này mới thực sự lần đầu tiên cung cấp cho dân tộc đầy duy lý này những tác phẩm sâu sắc và hoàn mĩ. Heghen còn cho ta biết thêm rằng đến lúc tuổi già, Hôme mới sáng tác được những bản trường ca bất tử với thời gian.

Kinh nghiệm cuộc sống, sự chín chắn về tư duy nghệ thuật là những luồng gió nâng cánh thiên tài nghệ thuật bay bổng. Và điều này mới quan trọng: Những tác phẩm bất hủ của những thiên tài nghệ thuật là cái gì, nếu như trong đó anh ta không viết về nhân dân, về dân tộc mình, về thời đại mình, nếu như anh ta không hòa vào trong cái dòng chảy bất tận và không bao giờ vơi cạn của tình cảm và trí tuệ nhân loại, mà ngọn nguồn của nó là những bài ca dao, dân ca ngân nga cao vút trước những cánh đồng phì nhiêu, những thảo nguyên bao la ngạt ngào hương cỏ, trên những miền sa mạc cháy bỏng thấm đẫm mồ hôi và máu... Lịch sử văn hóa nhân loại đã chồng chất những sự kiện khẳng định rằng nghệ thuật bao giờ cũng là sự nghiệp của nhân dân, nhân dân hun đúc nên nó và tuôn cái linh hồn bất diệt, vĩ đại, thơ ngây, trong sáng của mình cho nó.

Tuy vậy, điều này không có nghĩa đã là con người thì sẽ là nhà văn. "Con người bẩm sinh là nghệ sĩ", câu nói đó không sai. Nhưng để trở một nghệ sĩ của nhân dân, của thời đại đâu có đơn giản. Cũng giống như con người, sản phẩm tuyệt vời của thiên nhiên, tác phẩm văn học không phải được sản xuất hàng loạt, nghĩa là không theo qui trình công nghệ nào hết, không có khuôn mẫu nào hết. Điều này có nghĩa không ai có quyền buộc tác phẩm văn học phải thế này hay thế khác. Chúng ta chẳng đã ngán ngẩm biết chừng nào khi thấy tiểu thuyết, thơ ca cứ ào ạt tuôn ra như đâu đó có một nhà máy chuyên sản xuất văn chương vậy. Là sản phẩm của tinh thần, văn chương phải đáp ứng nhu cầu về ham muốn tinh thần của con người. Hẳn là những người làm công tác lý luận, phê bình văn chương cần xem xét lại công việc, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, không chỉ đối với nghệ thuật mà còn đối với nhân dân nữa.

II. Tác phẩm văn học vừa là kết quả vừa là đối tượng của cảm xúc thẩm mỹ.

1

Tác phẩm văn học tác động tới tình cảm con người, chiếu sáng tâm hồn

con người, thức dậy những gì tưởng đã ngủ yên nơi sâu thẳm của con tim, xây dựng và bảo vệ những ước mơ lớn cho bất cứ ai đến với văn học và khao khát sống. Nhưng sẽ ngớ ngẩn cho những ai, vì lẽ trên, coi những công trình nghiên cứu về văn chương chỉ đơn thuần là tài liệu khảo sát về tình cảm. Bởi những lý do sau:

a) Tình cảm của con người, dù cao thượng đến mấy, cũng chỉ là một lĩnh vực lờ mờ, bí ẩn, rất khó diễn đạt của tâm hồn. Những gì ta nhận biết được bằng *thế giới cảm* đều rất chủ quan, đơn nhất, trừu tượng và sự khác nhau giữa các tình cảm, các trạng thái tình cảm không phải là sự khác nhau của bản thân đối tượng của tri giác cảm quan. Sung sướng, phấn khởi, rạo rực, hả hê... tất cả những tình cảm này chỉ là những trạng thái được biểu hiện của một tình cảm duy nhất mà thôi. Xét về bản thân nó, tình cảm chẳng qua chỉ là một hình thức trống rỗng của xúc cảm chủ quan. Hình thức này không phải là một cái gì dễ xác định: nó có thể đa dạng, phong phú, chẳng hạn chán chường, hào hứng, bi quan và hi vọng... cũng có thể chứa đựng các nội dung hoàn toàn khác nhau, tình cảm về đạo đức, tình cảm về tôn giáo, tình cảm về bản năng..., vì thế nội dung của tình cảm, về cơ bản, chưa bộc lộ bản chất chủ yếu của nó, vì thế trước sau, nó vẫn chỉ là một cảm xúc thuần túy chủ quan.

b) Từ ý nghĩa trên, chúng ta dễ nhận ra rằng, việc phân tích, xác định những tình cảm do tiếp nhận tác phẩm văn học có lẽ không tránh khỏi mơ hồ, nếu chúng ta không đếm xỉa gì đến nội dung chân thực và bản chất của văn học. Cho nên khi nói đến văn học nghệ thuật, khi tìm *giá trị* của một tác phẩm văn học, lý thuyết văn chương phải được chú ý không những đến việc giáo dục năng khiếu thưởng thức nghệ thuật, mà còn phải chú đến cả việc phát hiện một năng khiếu thưởng thức tốt. Nhà phê bình nghệ thuật trước hết phải là một người sành nghệ thuật và nhất thiết phải có năng khiếu phê bình.

c) Cái làm nên bản chất của tác phẩm văn học là cái đẹp(2).

Tác phẩm văn học muốn gây được thiện cảm, trước hết, nhất thiết phải đẹp. Bởi vì, các nghệ thuật khác như hùng biện, tuyên truyền, tôn giáo, lịch sử cũng gây nên tình cảm. Cho nên, ở đây khi xét đến sự tác động tình cảm ấy phải được hiểu đó là *tình cảm đặc thù của cái đẹp* được tri giác cảm quan chấp nhận tự giác và tự do. Tri giác cảm quan này không phải được xác định rồi là bất diệt. Sự thay đổi về sau tùy thuộc vào đối tượng và những biểu hiện của cái đẹp do nghệ sĩ sáng tạo ra. Tình cảm về cái đẹp chỉ có thể có được khi đối tượng của nó mang cái đẹp, đối tượng là đẹp.

2

Sự cảm thụ của con người trước hết là một nhu cầu của tinh thần, vì thế tác phẩm văn học phải làm cho tinh thần thấy tác dụng của nó và tìm thấy ở đó một khoái cảm nào đó. Do vậy, khi đọc một tác phẩm văn học, con người không nẩy sinh một dục vọng nào hết. Nó chỉ có nhiệm vụ làm thỏa mãn các

hứng thú tinh thần và gạt bỏ mọi dục vọng. Riêng điều này cũng đã cho ta thấy, tác phẩm nghệ thuật, xét về phương diện thẩm mỹ, nó cao hơn mọi hiện tượng khác trong tự nhiên. Đến với các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, con người chỉ lo làm sao nhận thức được chúng ở trong tính phổ biến của chúng, tìm ra được bản chất bên trong của chúng cũng như những qui luật của chúng và cuối cùng là lý giải chúng phù hợp với khái niệm của chúng. Chẳng hạn, lịch sử của những thời kỳ đã qua, dù hấp dẫn và rạng rỡ đến đâu cũng được con người cảm nhận theo cách đó. Nghĩa là, trong khi rời bỏ đối tượng trong sự cá biệt, cụ thể và trực tiếp, trí tuệ biến đổi nó trong tư duy của mình, từ chỗ là một đối tượng cảm quan cụ thể thành một cái gì về căn bản là trừu tượng và được quan niệm hóa. Văn học không có được khả năng ấy và nó không cần khả năng ấy. Văn học khác các khoa học khác cũng ở chỗ ấy.

Hứng thú nghệ thuật để mặc đối tượng (tác phẩm) của nó tự do tồn tại trong sự "tồn tại của nó". Trong khi cảm thụ tác phẩm văn học, con người không tìm thấy trong đó cái *vật chất cụ thể có tính chất liệu* (những cái mà dục vọng đòi hỏi); Con người cũng chưa vội vã tìm cái tư tưởng phổ biến ở dạng ý niệm; con người muốn tìm cái biểu hiện bên ngoài, thoát khỏi tính vật chất thuần túy.

Đối với tinh thần, biểu hiện này xuất hiện dưới dạng những hình ảnh, một dáng dấp, một âm thanh, tác động trực tiếp vào thính giác, thị giác, tri giác và trực giác. Vị giác, xúc giác và khứu giác hầu như không tham gia vào sự thưởng thức tác phẩm văn học.

Bằng tác phẩm của mình, nhà văn muốn cung cấp cho người đọc một thế giới hư ảo gồm những âm thanh, hình ảnh. Người đọc cũng không nên nghĩ rằng khi sáng tạo nên một tác phẩm văn học, nhà văn do chỗ bất lực và bị giới hạn, nên chỉ ghi lại cái vỏ của sự vật, cái sơ đồ của sự vật mà thôi. Tất cả những gì xuất hiện trong tác phẩm không phải vì bản thân chúng, mà còn nhằm mục đích dùng phương tiện này thỏa mãn những hứng thú tinh thần cao đẹp và trong sáng hơn, cho nên chúng có khả năng thức tỉnh những gì đã ngủ yên trong tâm hồn con người và làm rung chuyển đến tận chiều sâu của ý thức và gây nên tiếng vang vọng trong tinh thần.

Như vậy, ta có thể nói rằng sở dĩ tác phẩm văn học là một tác phẩm nghệ thuật vì nó được sinh ra do hoạt động tinh thần và nó đi qua tinh thần. Đến đây, một vấn đề cần phải lưu ý, đó là với tư cách một chủ thể sáng tạo, nhà văn lĩnh hội như thế nào những *cảm quan nghệ thuật* và những cảm quan này xuất hiện như thế nào trong quá trình sáng tạo.

3

Sáng tạo nghệ thuật là một hoạt động chủ quan của nghệ sĩ. Nhưng những gì có được lại tồn tại khách quan trong tác phẩm. Tất nhiên, hoạt động này không mang tính cơ giới, không phải hoạt động hình thức theo những qui tắc cứng nhắc, lạnh lùng, cũng không phải là một hoạt động khoa học chuyển từ

cảm quan sang những biểu tượng trừu tượng và những tư tưởng, nghĩa là không phải là những thao tác hoàn toàn của lĩnh vực tư duy thuần túy. Trong tác phẩm văn học, yếu tố tinh thần được thống nhất làm một với yếu tố cảm quan.

Hư cấu và tưởng tượng là biểu hiện rõ nhất, cụ thể nhất, bản chất nhất của hoạt động sáng tạo nói trên: chúng là những nhân tố của lý tính, của tinh thần. Nhờ chúng mà con đường đi tới ý thức được khai thông.

Có một nhà thơ Nga đã nói rằng sáng tạo thơ ca cũng như một trận bóng đá: kỹ thuật điêu luyện của cầu thủ, hay đấy, nhưng dù thế nào, cái chính vẫn là đá vào lưới đối phương. Nhận định này nói rõ tính mục đích của sáng tạo nghệ thuật. Tuy nhiên, chúng ta đừng quên rằng, người nghệ sĩ sáng tạo nghệ thuật không phải để giành danh hiệu, không phải để lĩnh lương, không phải để cùng đồng đội đoạt "cúp". Nghệ sĩ sáng tạo vì mọi người, vì nỗi đau và niềm vui của con người. Người đọc, cũng như người xem bóng đá vậy, có thể không biết đá bóng, nhưng biết rõ ai đá hay, ai đá dở, đá thế nào đẹp. Họ không quan tâm nhiều lắm tới sự chiến thắng của đội này hay đội kia, họ cần một khoái cảm, một niềm vui, một sự nhẹ nhõm trong lòng.

Một trận bóng đá buồn tẻ và ngán ngẩm biết chừng nào nếu cả hai đội đều chằm hăm chờ quả phạt đền (cần thủng lưới đối phương mà!).

Tưởng tượng và hư cấu của nghệ sĩ là một hoạt động sáng tạo chủ quan của con người có trí tuệ sáng suốt và trái tim nồng nhiệt.

Dĩ nhiên, tưởng tượng và hư cấu nghệ thuật có được nhờ một thiên tư bẩm sinh, một tài năng do rèn luyện, bởi lẽ sáng tạo nghệ thuật có chứa đựng những mặt của cảm quan và của trực giác.. Cũng có thể nói tới tài năng khoa học, tức là khả năng khái quát và phân tích những qui luật, những điều này không liên quan gì tới hư cấu. Khoa học không cho phép hư cấu.

Bên cạnh những nét có tính chất trí tuệ, hư cấu còn mang tính chất một hoạt động bản năng, bởi vì những nét chủ yếu của tác phẩm văn học là tính hình tượng và tính cảm quan đều xuất hiện trong nhà văn với tư cách như là những gì thuộc về thiên bẩm và những ham muốn luôn có nhu hầu phát tiết ra ngoài mà không đợi đến ý thức thúc dục. Nói đúng ra, bản chất của tài năng và của thiên tài chỉ viện đến khả năng bẩm sinh, khả năng "trời cho" không thôi, thì cũng chưa đủ, bởi vì, như trên kia đã nói, sáng tạo nghệ thuật là một *hoạt động tinh thần tự giác*. Thực tế cho thấy rằng hầu như người nào cũng có thể làm thơ được, viết tiểu thuyết được, ở một trình độ nhất định (dở, thường, hay...), nhưng chỉ đạt đến trình độ mà từ đó nàng thơ thực sự lên tiếng thì cần phải có một tài năng nghệ thuật bẩm sinh khác thường.

III. Tác phẩm văn học không chỉ là kết quả sự phản ánh

1

Trong sáng tác văn học, tư tưởng và hư cấu là hai hoạt động thuộc tinh

thần không thể thiếu và không có gì thay đổi được. Tuy nhiên, những năng lực này ở nghệ sĩ dù rộng lớn và cao vút đến đâu đi nữa, thì những gì được sáng tạo ra cũng không thể nằm ngoài thế giới tự nhiên. Như vậy ta có thể nói, những gì chất chứa trong tác phẩm văn học là một sự "vay mượn" ở tự nhiên.

Do cách hiểu này, lý thuyết về sự *phản ánh hiện thực* trong sáng tạo nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng, đã vạch ra được một con đường dài thăm thẳm theo lịch sử văn minh của nhân loại.

Chúng ta hãy bắt đầu từ điểm xuất phát của lý thuyết này. Đó là nguyên lý bắt chước tự nhiên. Từ "bắt chước" ở đây là chỉ khả năng mô phỏng những hình ảnh, những sự vật, những biểu hiện của tự nhiên phù hợp với ý muốn và mục đích của con người dưới hình thức như chúng thực sự tồn tại. Nói khác đi, việc mô tả thành công sự tương ứng này khiến cho con người hoàn toàn thỏa mãn và gây hứng khởi.

Mục đích hoạt động này ở con người là tái hiện lại một thiên nhiên thứ hai như nó *đã* và *vẫn* tồn tại ở bên ngoài con người. Sự lặp lại này, đối với hội họa, âm nhạc, điêu khắc có nhiều khả năng hơn. Tuy vậy,

a) Ở nhiều trường hợp, nó tỏ ra có phần *thừa*, bởi vì những cái người ta bắt chước ai cũng có thể nhìn nhận thấy ở đâu đó. Trong vườn nhà, một khu rừng đã từng qua, hay ở những mối quan hệ thường nhật giữa người và người mà họ đã chứng kiến nếm trải.

b) Ở một số trường hợp, nó *thua* kém tự nhiên, bởi vì như thế tác phẩm văn học chỉ bó hẹp ở các biện pháp miêu tả và chỉ có thể tạo ra cái dáng vẻ bên ngoài không chân thật của hiện thực và không len lỏi vào nơi sâu thẳm của tình cảm. Điều này cũng dễ hiểu. Nếu như tác phẩm văn học chỉ là một sự bắt chước thuần túy, thì nó chỉ mới đem đến một cái vỏ của sự sống chân thực. Nếu như chỉ lo bắt chước mà thôi, thì nhà văn sẽ không sao "cạnh tranh" nổi với tự nhiên. Việc làm này được Heghen ví như "một con giun muốn đuổi kịp một con voi vậy".

Nói chung thì con người chẳng bao giờ bằng lòng với những gì mình đã có. Nó luôn đòi hỏi và mơ ước một cái gì lớn hơn, đẹp hơn, hữu ích hơn. Nó sẽ mừng rỡ vì có được một khoái cảm trước cái đẹp. Tuy vậy, niềm hân hoan và nỗi say mê ngây ngất mà những công trình sáng tạo nghệ thuật mang đến cho con người sẽ nguội lạnh, trống rỗng và cảm thấy khó chịu nếu bản sao đặt trước mặt họ giống cái mà tự nhiên đã sáng tạo lâu rồi. Nói tóm lại, con người không hài lòng về sự bắt chước. Sự khoái cảm về sự bắt chước không lâu bền, và nói chung, trong mọi trường hợp, con người khát khao tự mình sáng tạo ra một cái gì đó xứng đáng với tầm vóc con người hơn là bắt chước những cái mà tự nhiên sẵn lòng dâng hiến.

Hoạt động bắt chước mang tính chất thuần túy hình thức, tức là chỉ tiếp cận được cái bề mặt của tự nhiên. Cho nên, khi người ta coi đó là mục đích thì bản thân cái đẹp khách quan vốn có ở đối tượng đã bị hòa tan; bởi vì trước hết chúng ta chỉ chú tâm tới sự *đúng đắn* chứ chưa vội quan tâm tới việc bắt

chước *cái gì*. Tức là đối tượng và nội dung của cái đẹp không được coi là quan trọng.

Mục đích của nghệ thuật rõ ràng là không phải ở chỗ bắt chước một cách hình thức những gì bên ngoài, bởi vì, nếu như thế, lối bắt chước này chỉ có thể tạo ra những sản phẩm khéo léo, chứ không thể tạo ra những tác phẩm nghệ thuật.

Ngày nay, nguyên lý bắt chước tự nhiên và tính tự nhiên được đẩy lên ở những tầng cao mới. Đương nhiên, xu hướng này có mặt hợp lý của nó và làm hình thành một nguyên tắc phản ánh trong sáng tạo không phải dễ dàng bác bỏ được. Tuy vậy, tính chất giống tự nhiên, tính chân thật cuộc sống mà người ta đòi hỏi ở nghệ thuật, không phải là cái cơ bản, cái hàng đầu có khả năng để làm cơ sở cho sự sáng tạo nghệ thuật. Thực tiễn sáng tạo đã cho chúng ta thấy rằng cho dù tính chất giống tự nhiên của sự bắt chước bên ngoài có làm hình thành một nguyên tắc miêu tả cuộc sống của nghệ thuật đi nữa, thì *tính chất tự nhiên của tự nhiên* không là một *qui tắc* đối với sáng tạo văn học, thêm nữa, nếu chỉ bắt chước *cái hiện tượng bên ngoài với tính cách hiện tượng bên ngoài*, thì điều đó không thể là *mục đích* của sáng tạo văn học.

2

Từ nguyên lý bắt chước tự nhiên đến nguyên tắc thể hiện một cách chân thật cuộc sống trong mọi biểu hiện của nó, trong quá trình phát triển cách mạng của nó, nghệ thuật nhân loại đã diễn biến trên một chặng đường dài. Trong quá trình đó, lý thuyết về sự phản ánh hiện thực của nghệ thuật gặp không ít sóng gió. Mặc dù vậy, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống lý thuyết văn học đồ sộ và có ảnh hưởng to lớn đến thực tiễn sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật, nhất là về chủ nghĩa hiện thực. Ngày nay, khi buộc phải *xét lại* toàn bộ vấn đề như là điểm khởi đầu cho sự đổi mới, chúng ta thực sự bối rối, bởi vì việc xác định điểm xuất phát và hướng đi của nó không phải dễ dàng.

Giá trị của một tác phẩm văn học là ở chỗ nó thức tỉnh một tình cảm, những hy vọng và ước mơ có thể có đang yên ngủ ở trong con người, làm cho trái tim thêm tràn đầy tình yêu và những thổn thức về cuộc sống, từ đó, con người có thể thấy trước tất cả những gì mà tâm hồn của nó có thể chất chứa được, nhận ra khả năng đang tàng ẩn ở trong mình. Tác phẩm văn học có thể làm cho con người nhận thức được nỗi bất hạnh và tai họa, cái ác và cái thiện, biết được thế nào là hạnh phúc và sự khoan khoái, chắp cánh cho trí tưởng tượng bay cao, bay xa, bay nhanh tới đỉnh cao của ước mơ, để cho tâm hồn con người có thể thỏa thích tận hưởng sức quyến rũ của những hình ảnh vốn rất dễ làm đắm say lòng người.

Nhưng, những tình cảm đẹp đẽ này có được *không phải do kinh nghiệm* của đời sống mà chính là do cái *biểu hiện bên ngoài* của cuộc sống gây nên, tức là sự sáng tạo đầy *hư tưởng* của nghệ sĩ mà anh ta dùng để *thay thế* hiện

thực.

Như vậy, tính chân thực của cuộc sống ở đây tuyệt nhiên không phải là sự *phản ánh đúng* cuộc sống.

Điều này ở thơ trữ tình đặc biệt rõ ràng. Trong thơ, sự kiện, biến cố, tức là những biểu hiện chân thực của cuộc sống không quan trọng. Cái hay, cái đẹp của bài thơ là ở sự chân thật của những cảm xúc, ở sự sâu sắc và lắng đọng của suy nghĩ, ở sự mới lạ của những hình ảnh được tưởng tượng của nhà thơ do sự tác động của một cái gì đó lắm khi không có trong cuộc sống thực. Như vậy, sự phản ánh ở đây được thay thế bằng sự cảm nhận, sự tìm kiếm, sự phát hiện do nhu cầu bên trong chứ không phải sự thể hiện cái nhìn thấy, nghe được ở bên ngoài.

Khi Xuân Diệu viết: "Tháng giêng *ngon* như một cặp môi gần" thì có ai nói là không chân thật đâu, nhưng cũng không ai nếm được vị đó trong hiện thực cả.

Ở tự sự, tình hình cũng như vậy, cho dù ở loại hình văn học này, các phương thức trần thuật, miêu tả, kể có vai trò cốt yếu. Chẳng hạn, đoạn văn sau đây được trích trong truyện *Perraguyx, Thủ Lĩnh Của Đám Phàm Ăn* của Banzắc: "Ở Paris có những con đường cũng đáng xấu hổ như một con người có thể phải xấu hổ khi làm điều đê tiện. Ở đó cũng có những con phố cao thượng, những phố quả thực lương thiện, những phố trẻ trung mà công chúng chưa kịp có ý kiến về đức hạnh của chúng, tiếp đó có những đường phố hung bạo... những đường phố đáng kính, những phố luôn luôn bẩn và những phố lúc nào cũng sạch, những phố lao động, làm ăn, buôn bán. Tóm lại, những đường phố Paris có những tính chất của con người và vẻ ngoài của chúng gợi cho ta những ý nghĩ nhất định mà ta không cách gì cưỡng lại được".

Đọc một tác phẩm văn học, người ta quả có cảm nhận được những mối quan hệ, liên hệ có vẻ có thật của cuộc sống. Nhưng, xét cho cùng, tất cả những cái đó không phải là mục đích, thậm chí cũng không phải là đối tượng. Đó chỉ là hệ quả của sự trình bày một ý tưởng, một quan niệm, một thái độ. Bởi lẽ, mục đích của nghệ thuật là sự khơi dậy những tình cảm con người. Con người với những khát vọng và sự phản ứng của nó trước cuộc sống, mới là trung tâm của sự chú ý của nghệ thuật. Hiển nhiên, con người mà nghệ thuật chú ý không thể là con người triết học, con người xã hội, con người bản năng, mà tổng hợp tất cả những cái đó. Nói rõ ra thì con người có phần *hồn* và phần *xác*. Phần hồn là tinh thần, phần xác là vật chất. Kể ra, văn học có nói tới vẻ đẹp bên ngoài có thể chiêm ngưỡng dễ dàng được của con người. Nhưng cái chính lại không phải là cái dáng vẻ đầy khêu gợi và hấp dẫn đó. Phần hồn, theo mọi quan niệm, đều được coi là nội dung, cái làm nên bản chất của con người. Còn phần xác được coi là hình thức, không quan trọng. Thể hiện thế giới của phần hồn thật khó chấp nhận được rằng đó là sự phản ánh. Đó chỉ có thể là tưởng tượng, là sáng tạo, là tìm kiếm, là phát hiện nghệ thuật mới hy vọng thực hiện được mục đích của mình.

Nhưng dù thế nào đi nữa, *văn chương không thể tách rời đời sống xã hội.*

Khi mà con người còn bị áp bức và đau khổ, còn lầm than và tủi nhục, khi mà giữa người với người còn hố thẳm ngăn cách, khi mà cá nhân còn bị ràng buộc bởi những thành kiến và những thiên kiến, khi mà thiên nhiên, người mẹ vĩ đại, còn bị con người tàn phá... nhà văn không thể viết văn là để viết văn được.

3

Như nhiều người đều biết, sau đệ nhị thế chiến, nhiều nhà văn Pháp đã cho rằng, mọi cố gắng hết sức của nhà văn cũng chỉ là vô nghĩa. Văn chương đã không những không chấm dứt được đau khổ, tủi nhục, nghèo đói, chết chóc, chiến tranh của nhân loại, mà xem ra tình trạng đó ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Sartre đã từng nói rằng từ lâu lắm, ông vẫn coi ngòi bút của mình như một lưỡi gươm, còn bây giờ thì ông hiểu ra là ông đã bất lực. Họ cương quyết cho rằng làm văn chương chỉ thuần túy văn chương. Tuy nhiên, quan điểm của họ khác với những người theo quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật ở thế kỷ XIX. Họ không phải là những người lãnh đạm, thờ ơ với thời cuộc, với những vấn đề chính trị - xã hội của thời đại. Nói rõ ra là họ không chủ trương văn chương không phản ánh xã hội. Vì thế, chúng ta thấy tác phẩm của họ không gợi lên một liên tưởng nào về những vấn đề nóng bỏng của thời đại đe dọa dùng đến hạt nhân. Đó là một thứ văn chương gạt bỏ cả sinh hoạt của con người, họ chỉ nhằm mô tả thế giới sự vật: văn chương từ chối nhân văn, văn chương vắng bóng con người.

Chính Alain Roble Grillet gọi văn chương của những thế kỷ đã qua là một thứ văn chương an ủi, nhằm "dẫn dắt tâm hồn, vỗ về tâm hồn" vì nó phản ánh. Ông nói rằng văn chương không thể là một công cụ để tranh đấu, nó không phục vụ gì cả, vì làm thế cũng vô ích.

Trong quan niệm của A.G. Grillet chúng ta thấy ông đặc biệt chú ý tới *cuộc tìm kiếm* của nhà văn. Văn chương không phải là một phản ánh, mà là một cuộc tìm kiếm, một *sự nghiệp sáng tạo*, hơn thế nữa, trong cuộc tìm kiếm ấy, nhà văn không bao giờ tìm kiếm được điều nó tìm kiếm. Anh ta tìm kiếm và sáng tạo bằng chính việc đi tìm trong cuộc tìm kiếm, văn chương không phải phản ánh là phản ánh vì phản ánh thừa nhận một thực tại có ý nghĩa trước khi phản ánh; văn chương phản ánh là văn chương công nhận cuộc đời này có ý nghĩa. Nhà văn không được ở trong vũ trụ có ý nghĩa có sẵn để làm nhiệm vụ phản ánh, nhà văn phải tự tìm ra ý nghĩa, chỉ có sau khi tìm kiếm mới thấy được ý nghĩa đó. Tác phẩm văn học chính là cuộc tìm kiếm để phát hiện ra *ý nghĩa mới*.

Trên thực tế, A.R. Grillet muốn tách văn chương ra khỏi chính trị, ra khỏi ý thức hệ. Và như thế, thiết nghĩ không cần phải bình luận tiếp làm gì.

Tuy vậy, nếu đi sâu vào vấn đề văn học có phản ánh hiện thực hay không, thì chúng ta sẽ thấy tính chất phức tạp, rắc rối và tế nhị của nó tới mức tưởng chừng như không thể giải quyết cho ra nhẽ, do đó mọi kết luận vội vã dễ đưa

chúng ta vào thành lũy của giáo điều, nhưng nếu chúng ta đồng ý với nhau rằng ngày nay con người không thể nhìn nhận, đánh giá, xem xét nghệ thuật theo những quan niệm ngày trước được nữa, thì vấn đề chắc chắn sẽ khai thông ít nhiều. Chẳng hạn, ngay từ bây giờ, ta đã thấy được rất rõ là những khái niệm vốn đã tồn tại từ trước, không thể biểu hiện được bằng phương tiện trước đây. Nhiều hiện tượng mà con người thời đại ngày nay quan tâm đòi hỏi phải có một cách lý giải mới và một hình thức nghệ thuật mới, may ra mới thuyết phục được con người. Thêm nữa, theo quan niệm ký hiệu học, ở tác phẩm văn học, tất cả đều có tính chất qui ước. Những hiện tượng thẩm mỹ có được ý nghĩa khách quan không phải do mối liên hệ của chúng với thực tại, mà là ở chức năng giao tiếp của chúng, do một qui ước xã hội vốn tự phát nảy sinh. Còn điều này nữa: Việc giải thích *không gian* và *thời gian nghệ thuật* trong tác phẩm văn học có thể đồng nhất với những *quá trình và quan hệ hiện thực* được không? Và cái đáng quan tâm không kém thú vị là sự sáng tạo huyền thoại mà nhiều người coi đây như một con đường lớn của quá trình diễn biến nghệ thuật hiện đại: huyền thoại hòa lẫn với các hình thức tượng trưng của sự thụ cảm ngoại giới, huyền thoại là sự thâm nhập vào bản chất của siêu nghiệm thế giới, huyền thoại là sự thể hiện tích cực sáng tạo của con người, sự chủ động lịch sử con người.

Nói tóm lại, xét cho cùng văn học không chỉ có nhiệm vụ là phản ánh thực tại. Và vì thế, chúng ta cũng không nên quan tâm nhiều vào tính chân thật cuộc sống với cái nghĩa đơn giản nhất của cụm từ này. Vinh quang hoặc cay đắng của nó không phải ở chỗ nó có chân thực hay không chân thực, mà là ở chỗ nó có đẹp không, có làm xúc động lòng người không.

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

Về *mặt luận lý*, tác phẩm văn học do hai hệ thống cấu thành: hệ thống thứ nhất là ngôn ngữ, hệ thống thứ hai là toàn bộ những gì được nén trong hệ thống thứ nhất. Như vậy, chúng ta sẽ thấy có ba điều thú vị và rất đáng quan tâm.

a. Hệ thống thứ nhất là cái cụ thể, được xác định, tức là *hữu hạn.*

b. Hệ thống thứ hai là cái trừu tượng, không xác định, tức là *vô hạn.*

c. Cái hữu hạn chứa đựng cái vô hạn, nhưng lại thống nhất, trọn vẹn, hài hòa tới mức chỉ cần thay đổi chút ít một trong hai cái đó, tác phẩm văn học sẽ không còn như trước nữa.

Ta có thể xem hệ thống thứ nhất là hình thức, còn hệ thống thứ hai là nội dung. Do vậy, không có một lý do nào cho phép chúng ta coi nội dung quan trọng hơn hình thức.

Tất nhiên, ai cũng biết rằng đối với một dân tộc, bất cứ thời kỳ lịch sử quan

trọng nào cũng có nghệ thuật riêng của nó. Đối với lịch sử nhân loại cũng vậy. (Chính Heghen, trong công trình *Mĩ học* của mình, đã phân biệt: nghệ thuật Đông phương, nghệ thuật cổ điển và nghệ thuật lãng mạn). Cái riêng ấy được thể hiện rõ ràng ở sự khác nhau của hai hệ thống nói trên. Nhưng khi một người vĩ đại như Heghen nói rằng đặc điểm của nghệ thuật cổ điển là sự cân đối *hoàn toàn* giữa hình thức và nội dung và nghệ thuật lãng mạn nội dung lại quan trọng hơn hình thức, chúng ta cũng thấy được rằng do đâu mà nghệ thuật lãng mạn lại như vậy, thì Heghen đã không chỉ ra(3). Tất nhiên điều này không làm ta phải băn khoăn, bởi lẽ, ngay từ đầu chúng ta đã không coi việc khẳng định cái vô hạn (nội dung) trong sự phát triển lôgích của nó, phải quan trọng hơn cái hữu hạn (hình thức) là một cái gì có thể giải thích hoặc biện minh được.

I. Nội Dung

1

Bất cứ sự vật, hiện tượng nào tồn tại trong thế giới khách quan đều ở trong sự thống nhất giữa *nội dung* và *hình thức* của nó. Đó là một nguyên lý. Nội dung và hình thức ở đây là *những phạm trù triết học* phản ánh mối quan hệ qua lại của thực tại khách quan. Nội dung, vì thế được hiểu như toàn bộ những yếu tố và quá trình, được sắp xếp theo một trật tự nhất định làm nên sự vật và hiện tượng. Còn hình thức là phương thức tồn tại và biểu hiện của nội dung ấy. Vì lẽ đó, trong mối quan hệ qua lại giữa nội dung và hình thức, thì nội dung là mặt chủ đạo, mặt quyết định của khách thể được biến dạng, thay đổi tùy theo sự thay đổi của nội dung. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức là tương đối, là tạm thời.

Đối với tác phẩm văn học, việc xác định nội dung và hình thức của nó và sự thống nhất không thể tách rời giữa chúng sẽ không được sâu rộng, nếu chúng ta tự ràng buộc mình bằng *quan niệm triết học* vốn rất biện chứng và rất đúng. Bởi vì:

a) Tác phẩm văn học không phải là một sự vật, mặc dù trước mắt chúng là một vật thể (cuốn sách). Giá trị của nó không tùy thuộc vào độ dày mỏng, khổ rộng hẹp. Tác phẩm văn học không phải là một hiện tượng, cho dù nó có thể tạo nên những hiện tượng này, hay hiện tượng khác trong đời sống văn hóa - xã hội - chính trị ở những thời điểm lịch sử nhất định.

b) Sự đối lập giữa nội dung và hình thức ở tác phẩm văn học, là sự đối lập một bên là cái vô hạn và một bên là cái hữu hạn, và không hề dẫn tới đấu tranh để phát triển. Trường hợp có sự thay đổi giữa nội dung và hình thức (theo nghĩa chung nhất của chúng) của tác phẩm văn học, ở những giai đoạn lịch sử khác nhau thì điều đó không phải do tự thân sự vận động bên trong của tác phẩm, mà là do điều kiện bên ngoài xã hội thôi thúc, đòi hỏi, gây sức ép, buộc nhà văn phải sáng tạo ra cái mới.

c) Ở cùng một thời kỳ lịch sử, các khuynh hướng văn học khác nhau nhất thiết không giống nhau trong cách thể hiện nội dung và hình thức của tác phẩm.

d) Riêng đối với văn học, nếu có một tác phẩm văn học nào đó, bị tàn phá một phần hoặc bị tiêu diệt toàn bộ (bị đốt chẳng hạn), thì sự toàn vẹn về nội dung và hình thức của nó vẫn có thể được khôi phục một cách chính xác và đầy đủ. Hình như không có sự "phục chế" trong văn học. Các dị bản của thời kỳ tiền văn tự, về thực chất là những tác phẩm riêng biệt, vì thế chúng có nội dung và hình thức khác nhau.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy một vài đặc điểm nhỏ khác, là có những thời kỳ người ta *đòi hỏi* nội dung của tác phẩm văn học quan trọng hơn hình thức và có những thời kỳ lại cho hình thức quan trọng hơn nội dung, thì điều đó không có nghĩa là ở những thời kỳ ấy, cấu trúc của tác phẩm văn học luôn ở trạng thái chênh vênh và cũng không phải là nếu ai làm ngược lại, thì sáng tác của họ không được coi là tác phẩm văn học.

Với những điều vừa trình bày ở trên, chúng ta dễ nhận ra điều này. Việc xác định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học là cần thiết và không đơn giản, dễ dàng. Ở đây liệu có nguyên lý vĩnh hằng và đầy quyền uy nào giúp ta dẹp bỏ những chướng ngại để ta nhanh chóng đến đích: đưa ra một định nghĩa về nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, từ đó vạch đường chỉ lối không chỉ cho phê bình mà còn cho cả sáng tác?

Đã và vẫn có quan niệm cho rằng đối với một tác phẩm văn học, nội dung quyết định hình thức, nội dung là mặt chủ đạo... Quan niệm đó có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài trong đời sống văn học, nghệ thuật nước ta. Điều còn chưa rõ ràng của quan niệm này là người ta không lý giải hợp lý vì sao nội dung lại quyết định hình thức và quyết định như thế nào? Do vậy. lẽ ra đối với một tác phẩm văn học và nghệ thuật phải phát hiện ra *giá trị* của nó, trên thực tế, người ta đã tìm ra *công dụng* của nó. Nhìn nhận theo cách này, vô hình trung, chúng ta đã coi văn học như một phương tiện "chữa trị" các căn bệnh trong đời sống tinh thần của con người và nó có hiệu ứng như nhau cho mọi người, vì thế người ta có thể lập ra một "qui trình công nghệ" cho việc sáng tác nghệ thuật, mà khâu đầu tiên là "sản xuất" nội dung, còn hình thức, tùy nhu cầu tiêu dùng mà thay đổi "mẫu mã". Việc qui định những đề tài, chủ đề nào là cơ bản và những đề tài, chủ đề nào không cơ bản, tức là mở ra những lối đi nhất định vào cuộc sống cho người nghệ sĩ, có thể là một bằng chứng cho điều vừa trình bày.

Thực ra, đối với văn học nghệ thuật, mọi đề tài, chủ đề đều bình đẳng như nhau. Cuộc sống trong mọi biểu hiện của nó đều đáng để ta quan tâm. Vấn đề là ở chỗ nhà văn đã thể hiện chúng như thế nào, nhằm mục đích gì và có làm cho người đọc nhận ra, hiểu được và hiểu đúng điều nhà văn muốn nói hay không. Nghĩa là giá trị của một tác phẩm văn học không chỉ ở nội dung mà còn ở hình thức của nó nữa.

Nội dung của tác phẩm văn học xét về mọi phương diện, là *cái khách quan*

(cuộc sống trong những mối quan hệ với con người, trong mọi biểu hiện của nó do con người có ý thức tác động vào) được *chủ quan hóa* (lựa chọn, phân tích, đánh giá, tưởng tượng... theo cách riêng của từng nghệ sĩ). Còn hình thức của tác phẩm văn học, là *cái chủ quan* (lựa chọn từ ngữ, sắp xếp theo trật tự nhất định, vận dụng các qui luật thẩm mỹ của ngôn ngữ, làm tăng tính biểu cảm... Tóm lại là nhà văn tìm ra sự tối ưu nhất để diễn đạt hết nội dung) được *khách quan hóa* (tồn tại một cách hiển nhiên, cụ thể, ai cũng nhận được, ở một dạng thức nhất định, có một số lượng nhất định...)

Sự chuyển hóa giữa cái nội dung và cái hình thức của tác phẩm văn học bắt đầu từ sự chuyển hóa này. Và vì thế *riêng về văn học, nghệ thuật* giữa nội dung và hình thức *không thể có* cái nào quyết định cái nào, không có cái nào quan trọng hơn cái nào. Chúng ta còn dễ dàng nhận ra một điều này nữa. Khi nhà văn đã có một nội dung rồi, anh ta phải *lựa chọn* một hình thức. Cái hình thức anh ta lựa chọn cho mình là hình thức tốt nhất (theo anh ta nghĩ). Cho nên nếu thay đổi hình thức, dù một tí thôi, cũng phá vỡ nội dung rất ghê gớm của một tác phẩm văn học. Không phải cứ có một nội dung thì sử dụng hình thức nào cũng được(4)

Trong lịch sử văn học, nghệ thuật nhân loại, chúng ta đã từng biết có những thời kỳ người ta thẳng thắn chỉ trích những nghệ sĩ say sưa bảo vệ quan niệm "nghệ thuật vị nghệ thuật", vì họ đã chú trọng tới hình thức hơn nội dung. Đáng ngạc nhiên là trong số họ có những người là bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ: Puskin (thời kỳ Nicôlai đệ nhất trị vì), Tuốcghênhev, Muytxê... Nhưng điều không lạ: họ là những người theo chủ nghĩa lãng mạn (ít ra thì có một thời kỳ như vậy).

Phân tích trường hợp này quả có một số vấn đề tế nhị và phức tạp.

Việc cho hình thức là quan trọng hơn nội dung ở một tác phẩm nghệ thuật, chỉ là hệ quả của quan niệm "nghệ thuật vị nghệ thuật", hay "nghệ thuật tuyệt đối" mà thôi. Chúng ta cần thống nhất với nhau rằng tuyệt nhiên không có "nghệ thuật tuyệt đối". Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản là có hay không có.

Ở nước nào cũng vậy, có thời kỳ nhất định nào đó, do sự bất đồng nghiêm trọng tới mức tuyệt vọng giữa cá nhân nghệ sĩ với đời sống xã hội, nghệ sĩ đã từng đứng ngoài cuộc đấu tranh của nhân dân mình, nhưng có thời kỳ khác, do nhận ra sự hòa hợp giữa cá nhân nghệ sĩ với đời sống xã hội, họ lại khát khao và nồng nhiệt tham gia sự nghiệp đấu tranh vì những mục đích cao cả chung. Sự lựa chọn này là hoàn toàn tự giác, không ai có thể ép buộc họ. Do đó, ý thức, tình cảm và hoạt động nghệ thuật của họ ở các thời kỳ khác nhau ấy cũng khác nhau. Bởi thế, chúng ta phải tìm hiểu vấn đề trên phương diện sự việc đã và đang có, chứ không phải trên phương diện sự việc đúng ra phải có.

2

Như trên đã nói, nội dung của một tác phẩm văn học là cái *vô hạn*, là cái

khách quan được chủ quan hóa. Cho nên, việc xác định nội dung tác phẩm văn học chỉ có thể đúng và rõ khi đặt nó trong sự chuyển hóa từ cái khách quan thành cái chủ quan và nhất thiết phải nhờ hoàn toàn vào hình thức, bởi vì hình thức của tác phẩm văn học là cái cụ thể, xác định được, là cái khách quan được chủ quan hóa(5)

Với ý nghĩa này, ta có thể nói rằng không thể có hai tác phẩm có nội dung giống nhau, cho dù nhà văn chịu sự tác động của cùng một thực tế cuộc sống. Khi nhà văn vay mượn cốt truyện, tình hình vẫn như vậy. Nếu không có hai mà nhiều tác phẩm văn học có nội dung na ná như nhau, thì điều đó chứng tỏ rằng các nhà văn ấy, vì những lý do nghiệt ngã nào đó, đã để mất vai trò của cá nhân mình. Tất nhiên, giữa nhà văn này và nhà văn nọ, giữa tác phẩm này và tác phẩm kia, có sự gần gũi nhau về tư tưởng, điều đó là dễ hiểu và thường tình. Dưới ánh sáng của một tư tưởng nhất định và trước sự hối thúc không thể cưỡng nổi của lý trí, tình cảm và nhu cầu muốn làm cho tinh thần của mọi người gần gũi nhau, thấu hiểu và thông cảm lẫn nhau, nhà văn đã sáng tạo nên nội dung tác phẩm từ rất nhiều chất liệu cuộc sống xã hội. Tuy vậy, nội dung ấy sẽ không là cái gì cả, nếu nó không được người đọc chú ý tới tác phẩm. Nội dung của tác phẩm văn học thật sự có khi người đọc cảm thụ hết, hiểu được và hiểu đúng những gì mà nhà văn muốn thông báo cho con người. Ở đây, nội dung của tác phẩm văn học vẫn giữ nguyên ý nghĩa cái khách quan được chủ quan hóa: tác phẩm văn học là cái khách quan của người đọc, nhưng đọc xong tác phẩm không phải ai cũng hiểu ngay được, không phải ai cũng hiểu như ai. Nói tóm lại, đối với người đọc, việc hiểu được, hiểu đúng và khả năng mở rộng đường chân trời của nội dung tác phẩm tùy thuộc vào lý trí, tình cảm, điều kiện sống và tâm sinh lý của mỗi người. Trên cơ sở đó, dần dần xuất hiện trong bản thân mình một sự phán xét, đánh giá cuộc sống, lựa chọn một phương thức sống và phương thức đấu tranh cho cuộc sống, làm hoàn thiện thêm nhân cách trong quá trình quan hệ với tự nhiên và với con người.

Như vậy, nội dung của tác phẩm văn học không phải là một cái gì cố định, mà nó có khả năng thu hẹp hoặc mở rộng. Nó không chỉ tùy thuộc vào nhà văn mà còn tùy thuộc vào người đọc. Nó là cái vô hạn, là cái khách quan được chủ quan hóa là vì thế. Nội dung tác phẩm văn học là cái khó có thể định nghĩa để làm vừa lòng mọi người. Nó chỉ có thể mô tả mà thôi.

Tất nhiên, dù hiểu theo cách nào, nội dung của tác phẩm văn học vẫn luôn luôn do cuộc sống qui định. Nhưng qui định này chỉ là gián tiếp.

Nói nội dung của tác phẩm văn học là cái khách quan được chủ quan hóa (cả ở người sáng tác lẫn người cảm thụ), thì điều đó không có nghĩa là muốn thể hiện nó thế nào cũng được và muốn hiểu thế nào cũng được. Nhà văn sáng tạo theo qui luật của cái Đẹp, người đọc cảm thụ cũng theo qui luật của cái Đẹp. *Tính khách quan* của cái đẹp thường xuyên ngăn cấm một cách có hiệu quả sự tùy tiện của nhà văn trong việc thể hiện cái vô hạn và sự sa đà trong việc hiểu cái vô hạn ấy của tác phẩm văn học. Trong khi đó, *tính chủ*

quan của cái Đẹp lại gỡ bỏ dần những rào chắn do sự hẹp hòi của tư duy và tình cảm, của những định kiến và thành kiến, của sự lệ thuộc và bị động có ở cả nhà văn lẫn người đọc. Nói cách khác, nội dung của tác phẩm văn học là cái vô hạn và tùy thuộc vào chủ quan, nhưng sở dĩ chúng ta có thể cùng nhau nhận chân được nó là nhờ cái Đẹp chỉ dẫn. Cái đẹp như là người đưa đường cho nhà văn tung hoành trong thế giới tự nhiên và thế giới nội tâm con người, và cho người đọc say sưa, hứng khởi len lỏi trong thế giới ngôn từ do nhà văn sáng tạo ra.

Để làm bằng chứng cho điều vừa trình bày, xin dẫn ra đây một ví dụ. Trong ca dao Việt Nam có bài:

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi, ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Đọc xong (hoặc nghe xong) bài ca dao trên, hiển nhiên là không ai nghĩ rằng người ta vừa nói về con cò. Như vậy, người đọc (hoặc người nghe) đã hiểu được và hiểu đúng nội dung của một tác phẩm văn học, một nội dung được sáng tạo, mà cụ thể là nghệ sĩ đã chủ quan hóa cái khách quan. Nhưng vấn đề ở chỗ tại sao người nghệ sĩ dân gian lại lấy con cò làm hình tượng nghệ thuật cho tác phẩm của mình mà không phải là con gì khác, khi anh ta muốn nói về thân phận bạc bẽo, kiếp sống tủi nhục của người phụ nữ nông dân Việt Nam trong buổi tối trời, tối đất, tuy cửa nhà trống rỗng nhưng trái tim đầy ắp tình thương và trách nhiệm? Và tại sao ai cũng hiểu như vậy mà không cảm thấy chật vật?

Câu trả lời cũng đơn giản. Nhờ thường xuyên quan hệ và liên hệ với cuộc sống, với cảnh sống, nhờ liên tục tìm kiếm miếng cơm, manh áo, nhờ không ngừng vật lộn với thiên nhiên, mà người nông dân có được quan niệm về cuộc sống, định ra trách nhiệm, bổn phận và nghĩa vụ của mình trước cuộc sống, trước gia đình và trước bản thân, từ đó họ nhận ra mình là ai, là người như thế nào, có những khả năng gì. Nói cách khác, trước áp lực của cuộc sống, con người không chỉ có chống đỡ mà còn vươn lên trên cuộc sống, con người không chỉ hiểu cuộc sống mà còn hiểu bản thân mình, hiểu đồng loại. Vì thế, trong quá trình này, tùy thuộc mức độ của sự nhận thức, tùy theo từng điều kiện lịch sử cụ thể, con người tự tìm cho mình những biểu tượng chung ai cũng có thể dễ dàng thừa nhận là đẹp. Con cò là một biểu tượng như vậy. Vì thế, khi nhận được những thông tin trên, người ta dịch được ngay ý nghĩa của chúng mà sai số không đáng kể, và người ta cũng sẽ không chấp nhận một cách hiểu nào khác trái với ý đó.

Liệu bài ca dao trên có ai hiểu theo ý nghĩa sau đây không:

Một người đàn bà nông dân ngoại tình (con cò mà đi ăn đêm). Tình nhân của bà ta là một người không đáng tin cậy (đậu phải cành mềm). Chồng bà ta phát giác được (lộn cổ xuống ao). Bà ta kêu la xin được chồng tha thứ (ông ơi ông vớt tôi nao). Trước sự cương quyết làm cho ra nhẽ của người chồng, bà ta than thở rằng đối với bà, ông chồng làm gì cũng được, nhưng mong ông nghĩ đến con cái, thương yêu chúng và đừng để chúng đói khổ... (có xáo thì xáo nước trong / đừng xáo nước đục đau lòng cò con).

Dĩ nhiên, không ai cho phép mình hiểu như vậy và không thể chấp nhận cách "dịch mã" ấy, bởi lẽ trong ý thức và tình cảm thẩm mỹ của người Việt Nam, con cò chưa và chẳng bao giờ xuất hiện với đôi cánh gớm guốc như vậy.

Trường hợp vừa được dẫn không có gì phức tạp: Nội dung được nghệ sĩ sáng tạo và người đọc tiếp nhận cũng dễ hiểu, giản dị, bởi vì đó là ca dao. Tuy vậy, nó làm rõ tính lờ mờ của các định nghĩa về nội dung của tác phẩm văn học được phổ biến lâu nay. Tác phẩm văn học chưa và chẳng bao giờ có mô hình chung, bản thiết kế chung. Chúng ta đã có một thời kỳ dài mải mê với sự nhận thức và trình bày cái tổng quát. Vì thế, chúng ta đã cùng nhau đi vào lâu đài cổ kính của cái lôgich có tính chất kinh viện, cái lôgích lấy làm mãn nguyện vì có quyền phán xét cái cá thể, áp dụng cho cái cá thể.

Trên mọi phương diện, đọc những tác phẩm viết về các loài vật, viết về thiên nhiên, chúng ta càng thấy cái khách quan được chủ quan hóa cao đến mức nào. Thử hỏi loài người trên hành tinh ồn ào, nóng bỏng, chật chội và luôn bão táp này, đã có một giây phút nào được sống thật sự yên ổn trong yêu thương, hòa bình, hữu nghị chưa? Con người đã làm gì cho hòa bình nếu không phải lấy máu đỏ của chính mình rưới vào ngọn lửa hận thù, ngạo mạn và tham lam quyền lực? Sự sám hối, ân hận của loài người hẳn chẳng mang lại hiệu quả nào nếu cứ không chịu hiểu nhau, nghe nhau, nếu không đưa thần chiến tranh vào viện bảo tàng. Thế nhưng, chú dế mèn, trong cuộc phiêu lưu của mình, đã tìm thấy một thế giới mà cho đến bây giờ, khi hố thẳm ngăn cách giữa con người với con người đang dần dần được san lấp, thế giới đó vẫn còn nằm trong ước mơ chính đáng của nhân loại. Bạn đọc mọi lứa tuổi say mê *Dế Mèn Phiêu Lưu Ký*, chắc hẳn hiểu ra rằng để tâm hồn mình rong ruổi bay bổng trong cái thế giới huyền diệu ấy, dù chỉ là khoảnh khắc, cũng đủ cho tình thương và lòng nhân hậu, sự khoan dung mãi mãi tràn đầy.

Như vậy, có lẽ nội dung của tác phẩm văn học (Chỉ nói riêng địa hạt văn học cũng đã quá rõ), được gói gọn trong định nghĩa phổ quát, chỉ mới là yếu tố cơ bản tác động tới nghệ sĩ. Những gì có được về sau mới đích thực là nội dung bất tận tác phẩm, nó là thế giới của sự cảm nhận, của sự hiểu biết, thế giới của sự tin tưởng, ước mơ, hy vọng và phấn đấu của con người. Dĩ nhiên, điều này cũng rất đúng với mọi sáng tác khác, chẳng hạn như *Chiến Tranh Và Hòa Bình* (Tônxtôi), *Giăng Krixtôv* (R. Rolăng), *Tìm Lại Thời Gian Đã Mất* (M. Prút), *Trăm Năm Cô Đơn* (Macket) v.v... và ngay cả ở bài ca dao Việt Nam:

Em tưởng giếng sâu em nối sợi dây dài
Ai ngờ giếng cạn em tiếc hoài sợi dây.

Thiết nghĩ, nếu chúng ta đồng ý, đồng tình một cách hiểu nội dung như vừa trình bày, thì việc phê bình nghệ thuật sẽ không phải một thao tác đơn giản là lấy hiện thực bên ngoài hoặc một quan điểm có tính tôn giáo làm tiêu chuẩn để đo lường công dụng của tác phẩm văn học, và nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, sẽ không phải cần mẫn minh họa cho một tư tưởng nhất định. Ta hãy nhớ lại nghệ thuật thời Trung cổ và nghệ thuật thế kỷ XVII ở phương Tây, sẽ rõ. Sức mạnh nào đã làm đổ sập toàn bộ nền nghệ thuật La Mã chói lọi và bề thế, nếu không phải là những tín điều khác nghiệt của Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo? Và tại sao, trong những điều kiện văn minh hơn về sau, người ta cố gắng bắt chước truyền thống Hy Lạp mà vẫn không sao tu bổ được nền nghệ thuật như người Hy Lạp đã làm nên trong buổi hừng đông của nhân loại, trong khi đó con người ở bên kia bờ Địa Trung Hải vào thời kỳ ấy chẳng có đỉnh cao nào chung quanh để nhìn ngó? Cũng trên cơ sở này, ta sẽ không lấy làm lạ khi nhận thấy rằng tại sao thơ Đường luật của Trung Quốc được các nghệ sĩ phong kiến Việt Nam sử dụng gần như trọn vẹn về mọi phương diện của nó.

Như thế, nội dung của một tác phẩm nghệ thuật chỉ có thể xác định đúng và rõ khi chúng ta nhìn nhận nó ở cái *được sáng tạo* chứ không phải ở *cái có thực* bên ngoài đời sống. Nghệ sĩ thể hiện mọi vấn đề mà cuộc sống đã ảnh hưởng ghê gớm tới con người dưới những luồng ánh sáng nhất định. Điều này hoàn toàn đúng. Nhưng không phải bao giờ những vấn đề được thể hiện ai cũng nhìn thấy. Ngay cả khi chúng đã thành hiện tượng nghệ thuật rồi vẫn có người không nhận ra, hoặc chỉ mới thấy lờ mờ. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một trường hợp: Người khen, khen hết lời; người chê, chê hết tình. Thả neo nơi ốc đảo không biết đại dương cuộc đời đang sắp sửa có dông bão, các bậc túc nho làm sao không sửng sốt, ngơ ngác, khó chịu khi bất thần thấy nàng Kiều, sau khi đã làm xong bổn phận của mình, đanh thép đọc bản "điều trần" về sự lỗi thời của "tam tòng tứ đức". Chỉ có những ai trong cảnh "bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng" nghe được tiếng rạn nứt của thành lũy phong kiến phương Đông do chấn động của đại bác và vó ngựa của đạo quân xâm lược phương Tây, và do tiếng đập dữ dội của trái tim con người Việt Nam tha thiết được sống và được yêu mới đồng tình với nàng Kiều.

Ở đây ta không nhận định ai đúng, ai sai. Điều quan trọng là ở chỗ nội dung *Truyện Kiều* như thế nào và tại sao Nguyễn Du lại viết được một tác phẩm có nội dung như vậy, không chỉ khác, rất khác, những người đồng thời với ông mà còn xa lạ với *Lục Vân Tiên*, một tác phẩm ra đời sau đó hàng trăm năm.

Mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống xã hội là có thật. Nhưng sẽ sai lầm và sẽ làm khô cứng nghèo nàn nghệ thuật biết chừng nào, nếu quan niệm rằng đời sống xã hội đã ảnh hưởng một cách *trực tiếp* vào nội dung của tác

phẩm nghệ thuật và ảnh hưởng như nhau, giống nhau đối với nghệ sĩ. Thực tiễn, nghệ thuật nhân loại cho thấy rằng ở những thời kỳ nào có nhiều khuynh hướng nghệ thuật khác nhau cùng xuất hiện, thời kỳ ấy nghệ thuật phong phú, đa dạng, sinh động và thường có nhiều nghệ sĩ lớn, nhiều tác phẩm xuất sắc.

3

Trong khi tìm hiểu nội dung tác phẩm, người ta thường chú ý tới hai yếu tố căn bản, đó là đề tài và chủ đề. Tuy vậy, giữa hai khái niệm này lắm khi khó phân biệt cho thật rạch ròi. Chẳng hạn, những tác phẩm viết về chiến tranh, về công nhân v.v... có người gọi là đề tài, người khác gọi là chủ đề. Sở dĩ có sự nhập nhằng khó hiểu như vậy, vì:

a) Quá cố gắng để phân chia nội dung tác phẩm thành những phần riêng rẽ.

b) Giá trị của một tác phẩm văn học thường được ước lượng bằng cách đặt tâm trạng (trong tác phẩm trữ tình), các tính cách (trong tác phẩm tự sự), các hành động (trong tác phẩm kịch) bên cạnh cái có thực.

c) Đòi hỏi tác phẩm văn học phải có nội dung rõ ràng, dễ hiểu và phải phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ trước mắt.

Thực ra, đề tài và chủ đề của một tác phẩm văn học là những khái niệm khó lòng thuyết phục người khác bằng các định nghĩa, bởi vì chúng cũng khó xác định, khó khái quát. Trong cách hiểu phổ biến, hai khái niệm này rất gần nhau về nội dung và phải dùng đến khả năng tự nhận thức mới có thể cắt nghĩa được.

Nhà văn chưa và sẽ chẳng bao giờ sao chép thiên nhiên một cách nô lệ, mà là thay đổi thiên nhiên và sáng tạo ra những hình tượng nghệ thuật làm người đọc xúc động. Những gì nhà văn đưa vào tác phẩm của mình không phải là những tập ảnh, những chồng hồ sơ lý lịch. mà là những gì anh ta tưởng tượng ra nhưng lại như có thực. Có được như vậy là nhờ nhà văn tiếp xúc với cuộc sống, đào sâu suy nghĩ, đắn đo và dằn vặt về cuộc sống. Có những con người, biến cố, sự việc tuy làm cho nhà văn ngạc nhiên và người đọc cũng vậy, nhưng nếu chúng không có một giá trị nhân văn, thì anh ta sẽ không đưa vào tác phẩm của mình. Đây chính là chiếc chìa khóa để nhà văn mở cửa đi vào cõi lòng người đọc. Nhiều nhà văn thú nhận rằng trước khi bắt tay viết những dòng đầu tiên một tác phẩm, họ chẳng những chuẩn bị hàng tháng, hàng năm trời ròng rã, lập dự đồ này, thay kết cấu nọ, đặt nhân vật vào tình huống này, tình huống kia v.v..., mà còn phải trải qua không biết bao nhiêu buồn vui và đau khổ, can đảm và yếu đuối, trải qua những cuộc tiếp xúc, hò hẹn với mọi người, đi tới mọi miền xa lạ, hít thở khí mát trong lành của đồng nội, của làng quê, của núi rừng và cả bầu không khí ô nhiễm của đô thành.

Như vậy, nếu cho đề tài của một tác phẩm văn học là *phạm vi những hiện tượng của đời sống được phản ánh và được làm sáng tỏ trong tác phẩm đó*, thì

phạm vi ấy chỉ có tính cách giả định. Thực tế đường ranh giới giữa một bên là những hiện tượng của đời sống được phản ánh và được làm sáng tỏ và một bên là những hiện tượng của đời sống không được phản ánh mà vẫn làm sáng tỏ, đôi khi hết sức rõ ràng, hầu như không có. Chẳng hạn như bài ca dao:

Cầm vàng mà lội qua sông
Vàng rơi chẳng tiếc, tiếc công cầm vàng

Trong những trường hợp này, đề tài và chủ đề là một. Người đọc (hoặc người nghe) tiếp nhận được nội dung của chúng là nhờ chủ đề đã được hiểu, nhờ một sự liên tưởng, so sánh ngầm và rất nhanh chóng. Cùng một dạng ta có thể thấy ở những tác phẩm viết về thú vật. Sở dĩ người đọc chia xẻ với những nỗi vui và niềm đau của đời sống nội tâm phong phú, sinh động của muôn loài là vì ý thức và tình cảm của họ dễ dàng vượt qua phạm vi của cái có thực, và nhanh chóng đột nhập vào "lãnh địa" của sự dối trá đã nâng thành nghệ thuật mà loài người từ khi biết tư duy và vụ lợi coi như là một phương thức để hy vọng thống trị kẻ khác. Cuộc đấu tranh vì sự công bằng xã hội và vì một miền đất hứa cho nhân loại sẽ không bao giờ chấm dứt, nếu mỗi con người càng ngày càng tồi tệ, man dã và ác độc hơn thú vật, ăn thịt đồng loại không phải vì bản năng, không phải vì đói khát, mà vì lòng tham lam quyền lực, địa vị, danh vọng không bờ, không bến. Ai đã sử dụng "Đoạn đầu đài" trong thế kỷ được gọi là hòa bình và hợp tác, là chung sống hòa bình ở trên hành tinh chúng ta? Đọc những tác phẩm của Aimatôp, nhất là *Đoạn Đầu Đài*, cái có thật và cái không thật, cuộc sống con người và đời sống nội tâm của chó sói hòa nhập vào nhau. Chúng ta sẽ khó phân định rạch ròi đâu là chủ đề đâu là đề tài. Trong trường hợp ranh giới này xuất hiện rõ ràng với tư cách là hai khái niệm riêng rẽ và dễ xác định nội dung, thì tác phẩm nghệ thuật phổ biến sẽ là sự cụ thể hóa bằng hình tượng để làm rõ hơn, đậm nét hơn những đường viền của tư tưởng chính thống hoặc những tín điều nào đó. Nghệ thuật Thiên Chúa Giáo, văn học thế kỷ XVII ở Pháp có thể coi là những bằng chứng. Các tác phẩm truyện nôm khuyết danh ở nước ta cũng tương tự như vậy.

Như thế, ta có thể hiểu rằng đề tài và chủ đề của một tác phẩm văn học là hai khái niệm được chuyển hóa lẫn nhau. Chúng vừa là cái này vừa là cái kia. Đề tài như là một cái mang tính hình thức, còn chủ đề là cái mang tính nội dung. Muốn xác định được đề tài nhất thiết phải tiếp nhận được rõ và đúng chủ đề và ngược lại, muốn xác định đúng và rõ chủ đề phải hiểu được đề tài. Mọi sự phân định đường ranh giới giữa chúng đều ít mang lại hiệu quả cụ thể.

Đời sống tự nhiên và đời sống xã hội thường xuyên tạo ra những phản ứng của con người mà biểu hiện của những phản ứng ấy là con người hành động theo sự hướng dẫn của lí trí. Nhưng con người là sản phẩm của tự nhiên và xã hội. Cho nên, ngay từ điểm xuất phát của quá trình không ngừng nghỉ ấy,

con người đã gặp phải sức cản phá từ mọi phía, kể cả ngay từ chính lòng mình. Hy vọng và tuyệt vọng, hạnh phúc và đau khổ cứ thế xuất hiện như là những viên gạch lát đường để con người tiến tới mục đích. Thực tế, nghệ thuật muôn đời cũng chỉ trình bày điều đó thôi. Việc nhà văn chiếm lĩnh một đỉnh cao nào đó trong đời sống của tự nhiên và của xã hội, để anh ta có khả năng đưa ống kính của mình lên, mà mọi cảnh sắc không bị mờ nhạt và không bị thiếu thốn, là cả một quá trình lựa chọn. Như vậy, ngay từ đầu, mục đích, chủ định, thái độ và sở thích của nhà văn đã bộc lộ. Chính những điều này đã chứng tỏ sự loại trừ những gì anh ta cho là không cần thiết.

Tuy vậy, cách hiểu này vẫn còn mơ hồ. Mơ hồ bởi vì cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy đều có thể có ý nghĩa ngang nhau, chưa nói là cái nào hơn cái nào. Nghệ thuật thường vẫn vậy. *Trăm Năm Cô Đơn* là một trường hợp tiêu biểu. Nhưng cũng cần lưu ý rằng tính cụ thể trong nghệ thuật, nhất là trong lý thuyết nghệ thuật, là điều hiếm thấy.

Liệu có thể coi cái nhìn thấy ở một tác phẩm văn học là đề tài của tác phẩm đó và cái không nhìn thấy là chủ đề được không? Thực ra, cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy chính là cái được cảm nhận ngay và cái cần phải đi qua tư duy mới hiểu ra được, đôi khi hiểu sai. Hơn nữa, nếu không có cái thứ nhất thì cái thứ hai sẽ không thâm nhập được vào tư duy, và nếu cái thứ hai đi qua tư duy một cách nhẹ nhàng như không có gì cả, thì cái thứ nhất cũng không làm tròn bổn phận của mình.

Trong trường hợp những cái được coi là có thực, khi đến tư duy người đọc, chúng không tài nào vượt qua được, hoặc khi vượt qua được rồi chúng lại bị méo mó, biến thể, thì hoặc là tư duy người đọc đã có giăng tấm lưới quá dày, hoặc tư duy người viết được bao vây bởi tấm lưới quá dày. Những tác phẩm văn học như vậy dược coi như có chủ đề không rõ ràng, và vì thế, đề tài của chúng cũng không có giá trị gì. Chúng ta đôi khi được nghe nói tới tác phẩm có biểu tượng hai mặt. Thực chất của hiện tượng này không ghê gớm như người ta tưởng. Đó chẳng qua do chủ đề của nó rộng lớn, sâu sắc, phong phú và mang nhiều ý nghĩa, còn đề tài của nó thì lại đơn giản, rõ ràng. Tất nhiên, không được lầm lẫn rằng đề tài của một tác phẩm không quan trọng so với chủ đề, mặc dù, người đọc, bằng lý trí, tìm tới ý nghĩa nhân bản, ý nghĩa xã hội từ chủ đề của nó. Chính đề tài của tác phẩm đã qui định phương thức chiếm lĩnh cuộc sống, phương thức điển hình hóa của nhà văn. Thay đổi đề tài sẽ nhất thiết thay đổi các phương thức khác. Nhiều tác phẩm văn học có chủ đề có thể gần nhau nhưng không thể như nhau về các phương thức nói trên. Ở đây, tất cả là do đề tài qui định.

Đề tài và chủ đề của một tác phẩm văn học thường xuyên qua lại, nhưng chúng có hai chức năng riêng biệt. Và phiền hà thay, ngôn ngữ của chúng ta quả là ít ỏi để diễn đạt thật thông minh hai khái niệm này. Tuy vậy, từ tất cả những điều được trình bày ở trên, chúng ta có thể rút ra kết luận như sau:

Thứ nhất, chúng ta không nên phân biệt hai khái niệm này, cả trong lý thuyết lẫn trong hoạt động thực tiễn, tức là khi phân tích, cảm thụ một tác

phẩm văn học, nghệ thuật. Sự chuyển hóa thống nhất giữa chúng thường xuyên tạo ra một ý nghĩa trong sự nhận thức có mục đích hoặc không có mục đích, có chủ định hoặc không có chủ định ở người đọc. Cả hai đều là xương sống của tác phẩm. Đọc hoặc phân tích một tác phẩm văn học, trước hết là làm người ta ngẫm nghĩ, hoặc chỉ ra rõ ràng một điều gì đó, một cái gì đó. Đó là chủ đề nhưng cũng là đề tài đã được nhận thức, được bình giảng, được hiểu. Không phát hiện ra một điều gì đó khi đọc xong một tác phẩm văn học, thì đề tài ấy cũng chẳng mang một ý nghĩa gì cả, nó chỉ là một cái gì lơ lửng.

Đọc *Chí Phèo* của Nam Cao, chúng ta rút ra được ý nghĩa này: Con người sinh ra vốn nhân hậu, biết toan tính và có khả năng tạo lập một cuộc sống bình thường, nhưng sống trong một xã hội phi nhân, những phẩm chất đó bị rơi rớt dần cho đến khi mất sạch, và lúc đó, con người sẽ trở thành, "hoặc là nạn nhân hoặc là đao phủ". Đó là chủ đề của tác phẩm. Từ ý nghĩa này, số phận người nông dân trong thời buổi khốn khổ, tức là đề tài, mới có cơ sở để người đọc cảm nhận ra. Và thực tế, nó cũng đã hòa trộn vào trong chủ đề rồi, thậm chí xem ra không còn quan trọng mấy.

Thứ hai là chủ đề của một tác phẩm văn học bao giờ cũng được thể hiện một cách cụ thể, sinh động, hấp dẫn và *gây xúc động* cho người đọc. Tuyệt nhiên không có chủ đề chung chung. Một tác phẩm có một chủ đề riêng và được thể hiện đặc sắc và độc đáo, tức là điều gì đó nhà văn muốn truyền đến người đọc không có cách nào khác hơn là như thế. Người đọc có thể đọc xong tác phẩm rồi mới lần mò đi tìm ý nghĩa, nhưng đối với nhà văn thì một tác phẩm trọn vẹn là ý nghĩa(6). Tuy vậy, sẽ làm đơn giản đời sống văn học biết chừng nào, nếu cho rằng tác phẩm văn học được viết ra là để tuyên truyền cho một chủ đề và chủ đề chỉ là điều được tuyên truyền. Đúng là văn chương có hướng dẫn, khuyên bảo, giáo dục con người bằng một chứng minh nghệ thuật, nhưng đừng quên rằng tất cả cái đó chỉ có giá trị, có ý nghĩa khi chúng thực sự tạo ra sự hứng thú, xúc động và phấn kích ở người đọc. Tức là tác phẩm văn học không phải là sự minh họa một ý tưởng, một quan điểm nào đó. Vả lại, chủ đề, với tư cách một khái niệm mang tính chất thẩm mỹ, dễ gì diễn đạt được bằng một luận điểm khái quát. Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng khác các khoa học khác ở chỗ, văn chương trình bày cái cá biệt, cụ thể từ các qui luật, còn các khoa học khác thì ngược lại, từ cái cụ thể, riêng rẽ, bộ phận khái quát thành qui luật. Cho nên, đối với văn học, chi tiết có ý nghĩa lớn, bởi vì chính những chi tiết, sự kiện riêng rẽ làm rõ các luận điểm vốn rất trừu tượng. Với ý nghĩa này, chủ đề có quan hệ với cốt truyện, với kết cấu của tác phẩm, những thành tố được xem là thuộc về hình thức. Nói chung, mối quan hệ này, trong một tác phẩm văn học, không đơn giản. Đề tài, chủ đề như một nguồn ánh sáng soi rọi cho nhà văn lựa chọn chi tiết, sự kiện, biến cố, nói rộng ra, là các mối quan hệ và liên hệ giữa con người và đời sống tự nhiên, và đời sống xã hội, để anh ta xây dựng nên một cấu trúc. Đề tài và chủ đề kìm hãm sự hung hăng của ý tưởng; đề tài và chủ đề làm cho nhà văn trầm tĩnh và cẩn trọng hơn, tỉnh táo và sáng suốt hơn.

II. Hình thức

1

Như trên đã nói, hình thức của một tác phẩm văn học như là cái hữu hạn, như là cái chủ quan được khách quan hóa. Còn nội dung như là cái vô hạn, là cái khách quan được chủ quan hóa. Tính đối lập và ngược chiều này ở tác phẩm văn học đã tạo nên bao nhiêu kỳ thú nhưng cũng rắc rối, phiền hà.

Từ cách hiểu này, chúng ta dễ dàng nhận ra được những đặc điểm sau đây của *hình thức* tác phẩm văn học.

a) Nhờ nó và chỉ có nó, nội dung tác phẩm văn học mới có thể được người đọc hiểu và hiểu đúng, đồng thời có khả năng mở rộng (hoặc thu hẹp).

b) Nó phải tương ứng hết sức với nội dung của tác phẩm và thường xuyên chuyển hóa vào nhau.

c) Nó là cái được nhà văn sáng tạo ra bằng tài năng nghệ thuật của cá nhân nhưng có sự qui định của đề tài, chủ đề và cả quan niệm phổ quát về thị hiếu thẩm mỹ xã hội.

d) Nó là nơi biểu hiện cao nhất của sự kết hợp giữa cái đẹp khách quan và cái đẹp chủ quan (cả ở nhà văn lẫn ở người đọc).

Do vậy, sẽ gặp nhiều vướng mắc nếu chúng ta xem hình thức của một tác phẩm văn học như là một phương tiện để chuyên chở một nội dung, tư tưởng nào đó. Tư tưởng của một tác phẩm văn học bao giờ cũng hòa tan trong hình thức chứ không phải bị "đóng gói" trong chủ đề, để rồi chờ đợi hình thức đến "cập bến" chuyển đi.

Từ những đặc điểm trên, ta có thể rút ra những nhận xét sau:

- Thứ nhất, hình thức của một tác phẩm không trừu tượng, rất riêng biệt, đơn nhất ở ngay bản thân nó. Bởi vì cái trừu tượng, cái phổ biến không có được khả năng chuyển thành cái đặc thù, thành sự biểu hiện bên ngoài, thành sự thống nhất với chính nó trong sự biểu hiện bên ngoài ấy. Trong khi ấy, hình thức của tác phẩm văn học là một sự biểu hiện bên ngoài và thống nhất trong bản thân nó.

- Thứ hai, hình thức của tác phẩm văn học là sự thể hiện *cảm quan* về thế giới của người nghệ sĩ. Người đọc lĩnh hội nó cũng bằng *cảm quan*. Tuy nhiên, sẽ đơn giản hóa vấn đề nếu cho rằng việc chọn một hình ảnh, một thủ pháp nghệ thuật để thể hiện một hiện thực của thế giới bên ngoài là một chuyện thuần túy ngẫu nhiên của người nghệ sĩ. Chẳng hạn, để thể hiện nửa vầng trăng, Nguyễn Du viết:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Hàn Mặc Tử viết:

Đêm nay chỉ có nửa trăng thôi
Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi.

Trong chúng ta, hẳn ai cũng biết vì sao có hai cách biểu hiện như vậy.

- Thứ ba, hình thức của tác phẩm văn học là cái bề ngoài và có vẻ giả dối, ngụy tín. Nhưng chính cái vẻ bề ngoài, ngụy tín này là cái qui định sự tồn tại của cái thực chất. Nội dung của tác phẩm văn học sẽ không có được nếu như nó không hiện hữu và sẽ không chân thực đối với con người nếu như nó không tồn tại *cho* một ai đó.

- Thứ tư, hình thức của tác phẩm văn học là *một* trong hai yếu tố cấu thành tác phẩm chứ không phải thuần túy chỉ là phương tiện. Người ta không thể chia tách cái nọ ra khỏi cái kia dù chỉ làm điều đó vì mục đích tìm tác dụng của văn chương đối với đời sống xã hội hay vì mục đích nào khác. Đã không ít trường hợp, chúng ta thường "chê trách" những tác phẩm "có vấn đề" là đã tạo ra những hình thức đẹp. Về mặt nguyên tắc, nghệ thuật luôn có vấn đề. Bởi vì lịch sử của nghệ thuật là lịch sử của sự đổi mới không ngừng nghỉ, lịch sử của sự khám phá và phát hiện những vấn đề liên quan tới con người và những vấn đề do chính con người sáng tạo ra trong sự nhận thức thế giới và nhận thức bản thân mình. Hình thức không thể gọi là đẹp nếu không có nội dung tương ứng. Ở đây, chẳng qua chỉ vì cái mới của hình thức dễ nhận ra hơn cái mới của nội dung. Hình thức cảm nhận được nhanh, còn nội dung không phải ngay lập tức có thể nhận thức được, thậm chí có thể nhận thức sai. Chừng nào còn ám ảnh bởi quan niệm nội dung quyết định hình thức, thì chừng đó chúng ta còn ngần ngại trước một hình thức mới.

2

Bản thân các thành tố tạo nên hình thức của tác phẩm văn học là cụ thể nhưng chúng không phải là cái vỏ bọc. Mỗi thành tố như thế chỉ có thể hoàn thành chức năng của mình khi nó vừa thâu tóm toàn bộ đối tượng theo một hệ qui chiếu nhất định, vừa cùng những thành tố khác lan truyền và phát sáng về nhiều hướng, nhiều chiều, để cuối cùng tất cả đều hòa mình trong một môi trường mà ở đó hình tượng mặc sức sinh sôi nảy nở ý nghĩa và khẳng định sức sống bất tận của nó.

Cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ, theo lý thuyết truyền thống, là những thành tố tạo lập hình thức tác phẩm. Thực tế, hình thức của một tác phẩm không chỉ đơn giản có vậy và cũng không nhất thiết có vậy. Chẳng hạn, ở thơ trữ tình, cốt truyện là không có, ở tiểu thuyết, có một thời kỳ cốt truyện có xu hướng "teo" lại. Kết cấu cũng vậy, so với những tác phẩm thời kỳ xa xôi. Kết cấu của tiểu thuyết ngày nay hoàn toàn đã khác. Ngôn ngữ, yếu tố không thể thiếu của văn học, là ngôn ngữ nghệ thuật, nhưng đối với tiểu thuyết không giống với thơ v.v... Điều này có nghĩa là việc xem xét hình thức của tác phẩm văn học không nên đưa ra một khái niệm chung, mà phải nhìn nhận, luận giải nó theo đặc điểm của từng loại thể. Về lĩnh vực này, thi pháp học và thi pháp loại thể cung cấp cho chúng ta nhiều cơ sở chắc chắn. Đặc biệt là cuốn *Lý Luận Và Thi Pháp Tiểu Thuyết* của Bakhtin,

Một tác phẩm có hình thức đẹp không phải vì tự nó là đẹp. Hình thức của tác phẩm sở dĩ như thế này hoặc như thế kia là do chỗ đối tượng được nói

đến, được phân tích, đánh giá, làm thành nội dung đòi hỏi những hình thức biểu hiện khác nhau. Chính những hình thức này qui định những cách biểu hiện khác nhau. Cho nên, hình thức nghệ thuật chẳng qua là do những quan hệ khác nhau giữa nội dung và cách biểu hiện nội dung làm nên. Vì thế, không thể có nhiều tác phẩm giống nhau về hình thức, cho dù có thể có chung hệ thống chủ đề. Tuy nhiên, người ta có thể tìm ra một mẫu số chung cho hình thức thể hiện của một tác giả nào đó. Nhưng điều này nhất thiết phải đặt chúng trong quan hệ với cách thụ cảm, cách đánh giá và thái độ của nhà văn đó đối với hiện thực.

Tính chất phức tạp, phong phú, đa dạng của hình thức, như vừa nói trên, đã cuốn hút không ít nhà lý luận văn học vào những miền đất hấp dẫn đang tranh chấp. Đó là phong cách cá nhân. Những người cho rằng ngôn ngữ nghệ thuật, cốt truyện, bố cục, nhịp điệu..., tất cả những cái đó, trong ý nghĩa chung, là phong cách, không phải là không có căn cứ, và vì thế, không dễ dàng bác bỏ.. Bởi vì, về mặt hình thức, có vẻ như là họ xem phong cách là hình thức, nhưng về mặt bản chất của vấn đề, họ đã không hề tách ra khỏi phong cách những đặc điểm của sự thể hiện tư tưởng, đề tài, của sự xây dựng các hình tượng, của những âm điệu của tác phẩm.

Cũng như mọi vấn đề khác của nghệ thật, vấn đề hình thức, vấn đề phong cách nghệ thuật, chúng ta lại cần sự chi viện của thi pháp học mới hy vọng giải vây được. Tất nhiên, nếu chỉ xét xem phong cách về mặt thuần túy hình thức của tác phẩm, thì không còn khả năng vượt khỏi bế tắc. Cả hình thức và phong cách trong tác phẩm văn học đều là kết quả của sự tìm tòi, sáng tạo của nhà văn. Và với tư cách là một thước đo nghệ thuật nhất định, là hoạt động tiết kiệm tối đa và có hiệu quả tối đa trong việc thể hiện những tư tưởng bằng hình tượng, phong cách và hình thức đều mang trong mình những phẩm chất đặc biệt của sự khai thác thẩm mỹ cuộc sống. Khi các nhà cấu trúc luận cho rằng phong cách như là một hiện tượng có tính chất ngôn ngữ, họ đã ngăn cản việc khám phá ra vị trí thực tế và vai trò của những hiện tượng thuộc về hình thức nói chung trong sự vận động và diễn biến của văn học.

Tác phẩm văn học không chỉ là *một hệ thống* phức tạp của nhiều thành tố cấu tạo nên, mà còn là *một hệ thống của nhưng hệ thống*. Phong cách là một hệ thống phức tạp, trong đó sự tổng hợp của những phương tiện *giọng điệu* có tầm quan trọng đặc biệt. Tìm ra được một giọng điệu cho việc khái quát hóa cuộc sống bằng hình tượng, xem ra có vẻ khó khăn hơn nhiều so với việc tìm tòi một hình thức thể hiện. Về mặt này, những ý kiến của các nhà văn lớn đã cho ta nhiều bằng chứng, không được phép nghi ngờ. L. Tônxtôi cho rằng khi tìm ra được giọng điệu thích hợp rồi thì việc móc nối tư liệu, việc gắn những bộ phận riêng lẻ thành một chỉnh thể thống nhất không còn mấy lo toan nữa. Nhưng như vậy, liệu giọng điệu có phải là tiền đề cho một hình thức không? Tất nhiên là không! Cho là giọng điệu có tầm vóc đến đâu đi nữa, nó cũng chỉ là *một* hệ thống của hệ thống phong cách mà thôi. Còn phong cách, như trên đã nói, không ít người nhìn thấy nó trong sự "hòa tan"

với hình thức của tác phẩm.

Đến đây, ta càng thấy sự màu nhiệm của hình thức. Nó hữu hạn, cụ thể nhưng sức chứa của nó lại vô hạn.

3

Những phương thức *kết cấu*, cách cấu tạo của nó, xét trên phương diện vai trò chức năng trong *hệ thống hình thức*, có thể được nhìn nhận như là sự tổ chức *thời gian* và *không gian* ở tác phẩm tự sự và kịch. Ở đây, những yếu tố của hệ thống nội dung được thể hiện gắn liền với những yếu tố biểu cảm. Trong khi xây dựng kết cấu, nhà văn, trước hết, quan tâm tới sự tương quan giữa hình tượng được sáng tạo trong tác phẩm, vị trí và vai trò của mỗi hình tượng trong sự phát triển của câu chuyện, của hành động kịch. Ở đây, có sự lắp ghép, đối chiếu những tính cách một cách sinh động và độc đáo.

Trong hệ thống kết cấu, *bố cục* có vai trò nòng cốt, nhưng nó rất dễ bị thay đổi so với ý định ban đầu của nhà văn. Theo những lời tiết lộ của một số nhà văn lớn, thì trong ý thức sáng tạo, họ thường xuyên xảy ra một quá trình liên tục làm rõ dần những tính cách, xác định, sắp xếp, bố trí chúng theo những mô hình khác nhau. Nói khác đi, công việc xây dựng kết cấu một thiên truyện, một vở kịch của nhà văn như công việc của người xây dựng một tòa nhà đồ sộ, chỉ riêng việc tìm ra bố cục thích hợp cũng đã ngốn không biết bao nhiêu hoạt động trí óc của nhà văn: Bắt đầu là việc suy ngẫm, cân nhắc, sắp xếp "chức vụ" của các nhân vật vào các công việc trọng yếu, sau đó là bố trí các cuộc gặp gỡ của chúng... Cuối cùng là luôn luôn kiểm tra phê phán sự hợp lý hoặc không hợp lý các hoạt động của các tính cách... Nói chung, qui luật sáng tạo nghệ thuật không cho phép nhà văn sử dụng thừa thải, tùy tiện, lãng phí những chất liệu của cuộc sống.

Việc lựa chọn một thể loại nào đó, chẳng hạn truyện ngắn hoặc truyện vừa, là do ý định ban đầu của nhà văn. Vì thế, công việc sắp xếp các mối quan hệ cũng từ đó từng bước được tiến hành, nghĩa là một kết cấu được sáng tạo ra. Tuy vậy, trong quá trình nghiền ngẫm và cân nhắc lại, trong quá trình sáng tạo, nhiều khi có hiện tượng "phình ra" về mặt cấu trúc, buộc nhà văn phải thay đổi kết cấu, thậm chí phải thay đổi cả hình thức của thể loại. Đã phình ra, tất phải có trường hợp "teo lại". Nói tóm lại, kết cấu của một tác phẩm, trong khi sáng tạo, không phải là một cái gì đó đã cố định. Kết cấu của một tác phẩm văn học không phải bao giờ cũng là một cái gì hoàn thiện. Phổ biến là thường xảy ra mâu thuẫn sau đây: Thời gian và không gian nghệ thuật trong tác phẩm quá rộng lớn, không cân xứng với những sự kiện, biến cố và các mối quan hệ. Trong trường hợp này, một sự xộc xệch nảy sinh; Kết cấu rời rạc, lỏng lẻo. Để khắc phục tình trạng này, tác giả thường dùng "chất độn", mong tác phẩm giữ được một thế đứng nào đó. Tất nhiên là không thể "đánh lừa" được người đọc. Truyện ngắn của chúng ta thường theo xu hướng này.

Những biện pháp và những phương tiện được đưa ra để nhằm "tiết kiệm"

ngôn từ, tiết kiệm thời gian cho người đọc, nói chung, rất được các nhà văn chú tâm áp dụng. Không ít tác phẩm văn học rất đơn giản mộc mạc nhưng lại có sức biểu cảm cao, sức hấp dẫn lớn bởi sự rõ ràng một cách tinh xảo lạ thường. Nguyễn Công Hoan có lẽ là một người như thế, rất đáng được nhắc tên. Tất nhiên, ông chỉ có tài về mặt này trong phạm vi truyện ngắn. Đối với tiểu thuyết, ông ít có ưu điểm. *Bước Đường Cùng*, về mặt kết cấu không thành công, việc đưa cảnh vợ Pha sinh nở dài như vậy không cần thiết khi mà đứa con của họ chẳng có bóng dáng gì trong câu chuyện về sau. Trong khi đó, tiểu thuyết *Tắt Đèn*, một tác phẩm được xem có kết cấu tốt, lại thiếu hẳn việc trình bày chế độ sưu thuế, nguyên nhân của kiếp sống lầm than, không ánh sáng của gia đình chị Dậu và nhiều người khác.

Xu hướng phổ biến trong sáng tạo nghệ thuật được nhà văn cố gắng theo đuổi và rút gọn, cô đặc những gì mình muốn trình bày. Nghĩa là, nhà văn bao giờ cũng muốn sáng tạo ra một kết cấu đẹp nhất cho tác phẩm của họ.

4

Kết cấu có quan hệ mật thiết với *cốt truyện*. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa cấu trúc của một tác phẩm văn học hoàn toàn tùy thuộc vào việc xây dựng cốt truyện.

Về đại thể, cốt truyện được xem như là việc sắp xếp các biến cố, sự kiện theo một trật tự nhất định nào đó và gắn rất chặt với tính cách của nhân vật. Tính cách, khi đụng chạm với sự cố, nhất thiết xảy ra một sự cố mới, đồng thời, nhờ có tính cách vận động và phát triển, cứ như thế, tính cách và sự cố cứ diễn biến trên "lộ trình" của chúng. Nghĩa là, tính cách là nguyên nhân gây ra sự cố, còn sự cố làm rõ thêm tính cách. Cốt truyện của một tác phẩm liên kết quá trình trên. Chúng ta dễ nhận ra những đặc điểm phổ biến sau đây của cốt truyện.

- Thứ nhất là nêu nguyên nhân nảy sinh những hành động thế này hay thế khác của nhân vật. Các nhà văn thường cố gắng đưa những lý do này lẫn vào trong tính cách, trong tâm trạng, trong suy tư của nhân vật. Phổ biến là nguyên nhân thường thể hiện ở các hiện tượng, sự kiện, các chi tiết.

- Thứ hai là báo hiệu trước. Ở đây chức năng báo hiệu trước của chi tiết, đôi khi rất đơn giản, có tầm quan trọng đặc biệt, cũng có khi chức năng này lại đặt vào những tính cách bằng việc nêu lên những ám ảnh, những lời nói, những ý tưởng của nhân vật, làm người đọc nghĩ ngay sự việc sẽ đến, nhưng chưa biết đến như thế nào. Tức là, việc báo hiệu trước này gây nên sự chờ đợi. Tiểu thuyết hiện đại rất rất chú ý tới đặc điểm này của cốt truyện, điều mà văn chương những thế kỷ trước rất hiếm thấy.

- Thứ ba là tạo nên sự bất ngờ. Đây được coi là đặc điểm tiêu biểu của sự phát triển cốt truyện. Chính sự bất ngờ không những làm người đọc sung sướng, thích thú khi sự cố đến, mà còn gây nên kích thích, tò mò, chờ đợi. Nói tóm lại, đây như là một thủ pháp nghệ thuật cần có trong sáng tạo nghệ thuật.

Bậc thầy của trường hợp này, trước hết phải kể đến Doxtôiepxki. Chúng

ta hãy loại ra ngoài một đặc điểm cũng rất đặc biệt của nhà văn Nga vĩ đại này là tình huống gay cấn, những tai biến, những gì có tính hình sự. Chỉ riêng cái bất ngờ cũng đủ cho chúng ta yêu mến con người tài ba này. Trong *Thằng Ngốc* chẳng hạn, Hoàng tử Mưskin bất ngờ xuất hiện trong nhà tướng Epanchin "như một thằng ngốc thảm hại, gần như một đứa ăn mày" lại là người có họ hàng gần gũi với phu nhân tướng quân, một người rất trọng danh dự và tự hào về dòng dõi quí tộc của bà. Hàng loạt những điều xảy ra về sau như thế nào, không ai đoán trước được. Tiểu thuyết của Doxtôievxki là như vậy. Ở *Anh Em Nhà Karamadov* sự bất ngờ xảy ra trong đời sống nội tâm của nhân vật.

Từ nhiều năm nay, khi bàn về cốt truyện, có hai xu hướng chính:

a) Mở rộng vô căn cứ ý nghĩa, vai trò, chức năng của cốt truyện.

b) Thu hẹp dần vai trò của cốt truyện.

Về xu hướng thứ nhất, đại loại, người ta cho rằng cốt truyện chính là quan niệm về hiện thực của nhà văn, rằng trong cốt truyện sự phản ánh khách quan về cuộc sống thực tế và quan điểm của tác giả với hiện thực gắn với nhau v.v... (Đôbin).

Về xu hướng thứ hai, chúng ta có thể nhìn thấy trong các tác phẩm văn chương Âu Mỹ những năm gần đây. Người ta cho rằng việc trí tuệ hóa văn xuôi khiến cho cốt truyện trở nên một thành tố ít quan trọng trong văn xuôi. Biểu hiện cụ thể là việc khước từ miêu tả sự kiện, biến cố và mối quan hệ và liên hệ giữa chúng, ở việc chuyển tiếp đột ngột, những sự gián đoạn trong hành động... Nói chung, họ cho rằng việc xây dựng và lưu tâm tới cốt truyện là trở ngại cho sáng tạo nghệ thuật.

Cốt truyện, cũng như những khái niệm khác của nghệ thuật, đều có tính cách lịch sử. Vấn đề quan trọng không phải là ở chỗ cốt truyện đã hoàn thành như thế nào, số phận lịch sử của nó ra làm sao, mà là ở chỗ có nó hoặc thiếu nó, nghệ thuật sẽ như thế nào.

Thực tế là, vào thế kỷ XIX, những yếu tố nằm ngoài cốt truyện đã giữ một vai trò quan trọng trong sáng tác của Gôgôn (*Những Linh Hồn Chết*), của Tsêkhốp. Vào những năm 50-60 của thế kỷ XX, Pauxtôvxki đã mang đến cho ta nỗi buồn man mác của những con người Nga trước đời sống thường nhật, vị ngọt ngào của hương cỏ đồng nội vùng Vônga... qua những truyện ngắn và cốt truyện mỏng manh như những ngọn gió thu thổi từ những miền đầy hoa tươi và tràn ánh mặt trời.

Khi đồng ý với nhau rằng lịch sử văn học, nghệ thuật là lịch sử của quá trình đổi mới không ngừng nghỉ, thì mọi vấn đề có lẽ không đến nỗi phức tạp như chúng ta vẫn tưởng.

NGUYỄN XỚN

---

(1) Đối với lịch sử văn học, nghệ thuật của một dân tộc và của cả nhân loại cũng vậy, chúng tôi nghĩ rằng trong quá trình vận động của nó, chúng ta thấy không phải

bao giờ cũng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Vì thế, việc coi quá trình vận động của văn học, nghệ thuật là một quá trình phát triển, xem ra có phần thiếu chính xác.

(2) Theo Alfred North Whitehead, tác giả cuốc "Bước Đường Phiêu Lưu Của Những Dòng Tư Tưởng", thì cái đẹp được hiểu như là sự thích nghi qua lại của nhiều yếu tố trong một cơ hội nhận thức và phản ánh thế giới bên ngoài. Trong ý nghĩ cơ bản của nó, cái đẹp là một phẩm chất có thể tìm thấy trong điều kiện hiện tại. Thích nghi hàm chứa tính mục đích, tức là chủ thể có sự lựa chọn và dẹp bỏ được mọi thứ ngăn cấm, vì thế, cái đẹp vừa là sản phẩm của chủ quan, vừa là sản phẩm của tự nhiên. Do đó, cái gì được gọi là đẹp thường xuyên có sự phối hợp mật thiết vừa riêng vừa chung trong sự đối chiếu đã được mẫu mực hóa. Chính nhờ có sự đối chiếu này đã làm xuất hiện lý tưởng về cái đẹp, là cái vốn bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử về sự hình thành và sự tồn tại của một xã hội hoặc của một giai cấp nhất định. Cho nên, lý tưởng về cái đẹp luôn giàu có về nội dung, một nội dung hoàn toàn có điều kiện, nghĩa là không có cái đẹp tuyệt đối.

(3) Thực ra, đối với Hêghen, tư tưởng này chỉ có ý nghĩa là trong nghệ thuật Hy Lạp, cái đẹp là yếu tố chính, còn trong nghệ thuật cận đại (tức là nghệ thuật lãng mạn) cái đẹp thường nhường chỗ cho các yếu tố khác

(4) Khi nói về các thể loại văn học, chúng tôi có lưu ý tới trường hợp này. Không phải vấn đề nào trong cuộc sống cũng có thể sử dụng loại kịch hoặc loại trữ tình... Cuộc sống chứa chất nhiều xung đột, nhiều lo lắng, băn khoăn, nhiều bực dọc trong con người... thì làm thơ ít hay hơn là viết kịch. Chẳng hạn nhiều năm lại đây, chúng ta ít có bài thơ hay, trong khi đó ta lại thấy xuất hiện nhiều vở kịch có giá trị, luôn xúc động lòng người.

(5) Nói chung, những định nghĩa về nội dung của tác phẩm văn học nghệ thuật mà ta từng biết, phổ biến là chỉ mới nói về nó ở mặt khách quan, đại để là hiện thực muôn hình muôn vẻ, chủ yếu là con người, sinh hoạt của con người, sinh hoạt xã hội hết sức cụ thể, phong phú, đa dạng v.v...

(6) Đây chính là điều kiện tốt để người đọc, bằng khả năng tự nhận thức của mình, có thể mở rộng (hoặc thu hẹp) ý nghĩa của tác phẩm. Đồng thời cũng là nơi làm nảy nở những ý tưởng sai lệnh về ý nghĩa của tác phẩm ở một số người đọc. Lịch sử văn chương nhân loại đã không ít những trang đẫm nước mắt vì sự vô lý và thiếu công bằng của những người có trách nhiệm với văn chương.



HUY TƯỞNG

tịch mạc

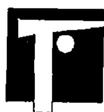
Bóng chiều ngói lợp
Nối úa vàng cỏ lau dăm dắm...

Mơ,
Mớ xanh. Tắt mịn đêm
(Ô! đêm sẽ vô danh đến bao giờ?)
Lấm tấm chân sóng về
Ùa vắng...

Liềm trăng lên khàn giọng
Tù và
Oằn gió liễu
Khép mắt lá rong. Chong đèn
Mơ,
Mớ ngập đá. Im ngắt:

Im ngắt chân sóng buồn
Bước ngói rêu không động...

HUY TƯỞNG



NGUYỄN QUANG TẤN

dạo khúc 31

Đã tự bao giờ
Từ khi một xác chim khô
Vẫn còn là chiếc trứng xinh xinh nằm trong tổ nhỏ
Mùa đông giăng mưa đầu ngõ
Và tình yêu là trò chơi mê hồn của những trẻ thơ...

Ta thắp cành hương ngày cũ
Gọi hồn một xác chim khô
Trong chiếc trứng xinh có vuông trời tưởng nhớ
Năm nay đông về đầu ngõ
và tình yêu là trò chơi đau lòng một kẻ nằm mơ..

NGUYỄN QUANG TẤN



PAUL CELAN

DIỄM CHÂU

ca ngợi chốn xa

Ở nguồn suối của mắt em
sống những chiếc lưới của ngư phủ nơi vùng nước hoang.
Ở nguồn suối của mắt em
biển cả giữ lời mình hứa hẹn

Nơi đây tôi phóng
một trái tim đã từng sống giữa mọi người,
áo quần tôi và ánh ngời một lời ước thệ:

Đen hơn trong đêm tối, tôi cũng trần trụi hơn.
Là kẻ bất trung duy có mình tôi trung tín.
Tôi là em, khi tôi là tôi.

Ở nguồn suối của mắt em
tôi bị cuốn đi và mơ tới chuyện quyến rũ.

Một chiếc lưới đã đánh bắt một chiếc lưới:
chúng ta lìa nhau quấn quít.

Ở nguồn suối của mắt em
một người bị treo cổ bóp nghẹt sợi thừng.

(Mohn und Gedachtnis)

PAUL CELAN



HỒ MINH DŨNG

văn cao
"cuộc từ ly não nùng"



Kẻ hậu sinh này, nhân danh một người đã từng mến mộ tài khí của Văn Cao, khi nghe tin ông qua đời bùi ngùi xúc động, viết lên một đôi điều, dù chưa bao giờ hân hạnh được quen biết ông. Làm việc này, ngoài nén hương lòng để tưởng nhớ tới một con người *suốt ngày đêm kêu khát*(*), tôi như kẻ đang bị cảm giác lạc lõng bơ vơ giữa một rừng cây, quanh tôi không ngừng âm vang tiếng chuyển động của một gốc đại thụ ầm ầm đổ xuống.

Từ ngày còn thơ bé, tôi học tiểu học ở trường các bà xơ, một chị nữ tu còn rất trẻ, phụ trách văn nghệ, sau khi tập cho chúng tôi hát những Thánh ca, học sinh hành khúc, chị thường hát cho chúng tôi nghe những ca khúc tiền chiến. Rất nhiều lần, chị hát bài Về Miền Trung của Phạm Duy và *Trương Chi* của Văn cao. "Người đi trên đống tro tàn, tan thây thiếu phụ, nát đầu hài nhi"... Trong bài Về Miền Trung, hồi đó tôi đã mang máng hiểu được. Vì, quê hương tôi đang ngày đêm bị bom đạn thực dân Pháp cày xới. Còn, *tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng. Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào nguyên*, hay là, *âm ba thoáng rung cánh đào rơi. Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời*, thì không làm sao tôi hiểu được. Cho đến ngày nay, hơn bốn mươi năm qua, tôi đã hiểu (một phần nào) ý nghĩa của lời ca thần kỳ diệu vợi ấy. Và hiểu thêm, vì sao người nữ tu trẻ tuổi xinh đẹp ấy, đã khấn trọn đời, đã khỏa lấp trên thân xác một lớp hoa huệ trắng xóa dưới ánh đèn bạch lạp lung linh, còn cất

lên tiếng hát thoát tục như thế.

Khi tuổi thanh xuân, lên trọ học ở Huế, tôi dạy kèm trẻ trong một gia đình ở An Lăng, bên cạnh khu rừng dương ngút ngàn, đầy những lăng miếu, bia mộ của những cung tần mỹ nữ của các vì vua triều Nguyễn. Giữa rừng dương ấy, có một hồ nước nhỏ luôn luôn trong veo. Quanh hồ, chen giữa những thân liễu yểu điệu, có sáu bảy gốc thông già cằn cỗi. Sáng chủ nhật nào tôi cũng đến vừa học bài, vừa để ngắm lá dương liễu, lá thông rụng trôi quanh quẩn trong đó. Mùa hạ hoa súng nở, màu đỏ của hoa và màu vàng của lá cây, cộng thêm với những áng mây màu ngọc bích trên trời cao chiếu xuống, tạo ra một bức tranh rất kỳ ảo, khó tả. Một ngày kia, có người con gái ở cùng xóm, đạp xe đạp đi ngang qua, thấy tôi ngồi trên bãi cỏ xanh, nàng dừng lại. Khi tôi chăm chú nhìn bó lá tràm to tướng cột sau yên xe, nàng lên tiếng: “Ngạc nhiên à, em bứt lá về xông cho bà nội bị cảm, tận chùa Trà Am kia”. Nói xong, nàng cười thật hồn nhiên. Đối với tôi, trong tuổi mới biết yêu đương lãng mạn, nàng quả là một hình bóng ngoài tầm tưởng tượng của tôi. Biết tôi nhà quê lên tỉnh thành, thỉnh thoảng trên đường đi học, chúng tôi gặp nhau, lần nào nàng cũng đá lông nheo hoặc chọc ghẹo vài tiếng, rồi ai đi đường nấy, nàng học trường Bồ Đề Hữu Ngạn, tôi học Nguyễn Tri Phương. Lần này, nàng tựa xe đạp vào gốc thông, đến ngồi gần tôi, nghiêm trang hỏi: “Anh có tập thơ “Lỡ Bước Sang Ngang” của Nguyễn Bính không?” Tôi trả lời không. Nàng hỏi tiếp: “Anh thuộc bài *Bến Xuân* không?, chép cho em với.” Tôi lại nói không thuộc trọn, chỉ thuộc vài câu thôi. Tôi chưa phân trần hết thì nàng đã làm mặt giận, đứng nhanh lên, đến chỗ dựng xe. Trước khi lên yên, nàng còn phóng cho tôi một “lao” cay đắng: “Nghe dâu có chân trong thi văn đoàn Hương Bình. Tưởng ngon, ai dè... cái gì cũng không, không!”

Trên đây, tôi dài dòng nhắc đến một kỷ niệm riêng tư của tôi vì có liên quan tới người vừa quá cố. Nếu ngày ấy, tôi thuộc được bài *Bến Xuân* của ông, đem hết cái tài viết chữ như “phượng múa rồng bay” viết tặng nàng thì không chừng tôi đã có một cuộc tình đẹp, hay ít ra cũng không để lại trong đời một “vết thương lòng” chẳng bao giờ băng bó nổi. Kể từ đó, người con gái kia, gặp tôi làm vẻ lạnh, rồi lờ đi. Sau khi hai đứa học xong Trung học đệ nhất cấp, tôi lên Quốc Học, nàng thi vào Nông Lâm Súc. Rồi xa nhau luôn. Khổ thay, tôi lại tự coi đây là tình đầu. Hình bóng nàng, tôi lại tự chuốc lấy nỗi đau riêng, nâng lên một tầm mức còn lồng lộng hơn cả nàng My Châu hay Giáng Tiên trong huyền thoại cổ tích. Suốt nhiều năm tháng dài dằng dặc, khi đã mất nàng, tôi tự hỏi, tại sao nàng không nhờ tôi chép một bài ca nào khác, để cho tình huống có thể đảo ngược lại mà lại là *Bến Xuân*. Đây là hồ nước, đâu phải là bến nước. Đây là mùa hạ đâu phải mùa xuân. Tháng nào, tuần nào cũng có gặp nhau một vài lần, đâu phải *em đến thăm tôi một lần*. Thế là tôi như quẩn trí, đâm ra trách gần trách xa người sáng tác ra bản nhạc “định mệnh” đó. Mười mấy năm sau, khi tôi đã ở trong quân ngũ, một lần, vào trường Nông Lâm Súc ở Thành Nội để yêu cầu nhà trường kết hợp với các chiến sĩ đang về dưỡng quân, làm một chuyến công tác dân sự vụ là

trồng cây xanh ở các làng mạc ngoại vi thành phố Huế. Người đại diện trường ra bàn luận với tôi hôm đó, lại chính là cô gái trong xóm An Lăng ngày nào. Bây giờ, nàng đã trở thành một góa phụ, xanh xao, già cỗi, thân hình ốm khẳng khiu như cây tre, gương mặt nám nhiều chỗ làm cho hai lưỡng quyền nhô cao lên. Thì ra, chồng nàng đã chết trận mấy năm rồi. Gặp tôi, nàng mừng lắm, câu hỏi đầu tiên là: "Mình dự tính trồng những cây chi đây anh?" Tôi trả lời, những loài cây dễ sống, có bóng mát và gần gũi với dân, như dương liễu, bạc hà, vông đồng chẳng hạn. Khi cây lớn lên, có bóng mát, ai ngồi nghỉ chân dưới đó, cũng nhớ đến người trồng ra nó, là được". Nàng đăm chiêu một lát rồi khẽ nói: "Ừ, còn cây tràm, cây thông thì chỉ chịu đất đồi, đất núi thôi, phải không anh?" Tôi chưa kịp trả lời thì nàng tiếp: "Thôi, nhắc đến chi nữa anh nhỉ, dĩ vãng lúc nào cũng lôi thôi, kỳ cục. Hồi đó, em cũng dại, cứ tìm chuyện dồn anh vào chân tường hoài. Mà anh lại khờ khạo làm sao ấy, nhạc Văn Cao bán chán khối bên các nhà sách đường Trần Hưng Đạo, mà anh không mua nổi một bản để kỷ niệm cho em. À, mà hồi ấy anh cũng nghèo, đi dạy kèm cho người ta mà. Sau này, mỗi lần lên thăm mộ mẹ, cũng có tạt qua cái hồ ấy, nó khác đi lắm. Hoa súng trong hồ rụi đâu hết, không còn một mống". Tôi im lặng; không biết tìm lời nào để nói. Lúc ra về, lòng nặng chĩu bồn chồn, không biết buồn hay vui. Dù sao, tôi cũng cảm ơn Nguyễn Bính, cảm ơn Văn Cao. Thơ nhạc các ông đã tác động tình cảm của tuổi thanh xuân chúng tôi như thế đó.

Cả hai ông, đều đã ra người thiên cổ rồi. Nguyễn Bính chia lìa cuộc đời này trong tình cảnh: "giày cỏ gươm cùn ta đi đây", đã bao nhiêu năm rồi. Nay đến lượt Văn Cao, khi tôi viết những dòng này, chưa đến ngày hạ ông xuống huyệt. Không biết người ta sẽ đưa ông về đâu, bởi vì ông không có quê hương, *nghe đâu như Thái Bình Hà Nam Phủ Lý. Như Nam Định. Ruộng đất mông mênh trong tiếng hát. Quê mẹ quê cha cách một vườn trầu*. Chẳng lo cho ông. Một cuộc sống đơn giản, tâm hồn như cánh cửa luôn mở toang ra để cho mọi người nhìn vào thấy được tất cả. Niềm tim vào tình người, cuộc sống, ông đã phó thác, *từ xa về hạt giống rải qua sông. Mảnh đất nơi đây vùi nông cũng sống*. Biết có ai đến khóc ông? Khi Nguyễn Tuân chết, ông nghẹn ngào: *Mắt anh và mắt tôi. Một lớp tro đang ròng ròng kéo sợi*. Khi Nguyên Hồng chết, ông cũng bùi ngùi: *Riêng anh niềm xúc động của tôi. Nơi anh nơi tôi hai xóm nghèo được sống*. Khi những chiếc xe chở xác người chết đói qua phường Dạ Lạc, ông đứng lặng trông theo: *Ta lả nhìn cửa sổ mắt mờ rồi. Vàng mấy lá thừa dãi thây phủ chiếu*. Nay đến phiên ông. Giữa trời Hà Nội, mùa hạ. Phượng vĩ đỏ úa khắp mọi ngã đường. Ở ngôi nhà cũ kỷ, nghèo trống, trong con đường mang tên Yết Kiêu. Chắc ông nằm yên nghỉ trên cái sạp gỗ đã bao đời tổ tiên để lại, nơi ông vẫn tìm thú lãng quên trần thế bằng chén rượu, điếu thuốc lào, trà móc câu. Nơi ông nhìn thấy rất rõ hình ảnh thùy mị đoan trang của cô gái đất Hà Thành mơn mởn đào tơ ngày nào, nay biến thành người quả phụ đang phủ phục khóc lóc vì phải chia xa cái "nợ" thương yêu ngàn đời.

Ông sống nhân hậu, đơn sơ, mộc mạc, sống vì nghệ thuật tô thắm cuộc

đời. Sống như cây tùng, cây bách, không hề nao núng trước bão táp quyền lực, không hề xu nịnh điếu đóm vinh thân phì gia, thì ông sẽ ra đi nhẹ nhàng, thanh thản, như một cánh chim phượng hoàng vút bay trong những vầng mây ngũ sắc long lanh.

*

Đầu năm 1995, một người bạn của con gái tôi, từ Sàigòn, có gửi tặng cho nó một cuốn băng video. Cuốn băng có đề tựa *Văn Cao - Giấc Mơ Một Đời Người*, do hãng phim Trẻ thực hiện tại Việt Nam vào năm 1994.

Mấy đứa con tôi xúm lại coi một lần rồi thôi. Chúng nó không có ý kiến gì, chỉ phát biểu qua loa chung quanh hình thức bên ngoài của Văn Cao, rằng ông cụ già yếu quá chắc không còn sống được lâu. Rằng, sao ông cứ mặc hoài cái áo len cũ và đội hoài cái mũ xập xệ như thế? Các con tôi mới sinh ra và lớn lên sau này, quả thật chúng nó không biết Văn Cao là ai! Tin ông mất khi chúng đã đi tiểu bang Georgia làm ăn. Tôi có điện thoại qua tin cho đứa con gái, chủ nhân của cuốn băng, biết. Đầu dây bên kia, con tôi chẳng những không tỏ ra kinh ngạc mà còn nói: "Con tưởng ông chết sau khi làm xong cuốn băng ấy, phải kéo dài cuộc sống như thế đến ngày nay, cũng làm cho ông ấy mệt lắm đó, bố". Rồi nó hỏi thêm: "Thế bố có biết ông Tố Hữu chết chưa?". Câu hỏi ấy làm cho tôi suy nghĩ thật nhiều. Thế hệ các con tôi, sau khi miền Nam mất, trong ghế nhà trường chỉ học toàn Nguyễn Đình Thi, Anh Đức, Cù Huy Cận, Tố Hữu... Có thầy cô giáo nào dám dạy cho chúng một Trần Dần, một Phùng Quán hay một Văn Cao. Khoảng gần ba năm trước đây, người ta có tổ chức một đêm nhạc Văn Cao ở Sàigòn, người đến tham dự phần đông là lớp tuổi đã hơn nửa đời người. Còn lại số ít những người trẻ tuổi, đến đây cũng như đến với nhiều nơi khác có tiếng hát, tiếng đàn, vậy thôi. Và khi Trịnh Công Sơn cùng những người mến mộ thiên tài và tấm lòng Văn Cao, bước lên sân khấu tặng cho ông những chai rượu, những bó hoa tươi, ông đưa cả hai tay run rẩy ôm lấy, mắt mờ lệ, đôi môi tái nhợt cử động một hồi lâu, mới thốt lên, như khóc: "*Đời tôi, chỉ có nơi này, chốn này là thương tôi thôi*". Một câu nói như thế làm sao những người trẻ tuổi hiểu được. Nơi và chốn ông đang đứng là đâu? Còn nơi và chốn nào là không thương ông? Với Phùng Quán, "dù ai cầm dao dọa giết, cũng không nói ghét thành yêu", thì sống những ngày tàn thoi thóp trong cái lán lợp lá mía giữa bãi đất hoang vu tận rừng núi Thái Nguyên, có lạ gì! Với Trần Dần, "ta đi không thấy phố thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ", thì nay thành người mất trí, không còn nhìn ra ai là người thân quen, đại tiện tiểu tiện bừa ngay trên sàng nhà mình, có lạ gì! Còn Văn Cao, con người đã làm cho dân tộc một thời khơi dậy lòng yêu nước, lên đường chống ngoại xâm qua *Trường Ca Sông Lô, Tiến Quân Ca, Tiến Về Hà Nội*... sao lại thế, sao ra nông nỗi này? Sao để ông thảng thốt kêu lên: *Tôi rơi vào mạng nhện. Mạng nhện cuốn lấy tôi. Không cách gì gỡ được. Tôi như con sâu tằm. Cuộc đời cứ như thế. Muốn phá cái mạng*

nhện. Tôi không đủ tay. Đến nay, ông đã đủ tay để phá cái mạng nhện ấy rồi!

Biết đâu, chính cái bàn tay đã ra thiên cổ của ông lại phá thêm nhiều "mạng nhện" oan nghiệt khác, cho nhiều người khác.

Cuốn băng Video Văn Cao: *Giấc Mơ Một Đời Người*, tôi xem đi xem lại có đến mấy chục lần. Chỉ quanh quẩn mấy bài *Thiên Thai, Suối Mơ, Buồn Tàn Thu, Bến Xuân, Cung Đàn Xưa, Thu Cô Liêu, Trương Chi, Sông Lô,* do Hồng Nhung, Ánh Tuyết, Lan Ngọc, Tịnh Quyên, Cao Minh hát. Thế mà tôi không hề chán, lần nào tôi cũng có cảm giác như được nghe lần đầu. Một người đàn ông tuổi đã cao, da mồi, tóc bạc, trên vầng trán đầy những vết nhăn, đôi mắt lúc nào cũng như sắp khóc, ngơ ngác nhìn và níu kéo cuộc đời. Một người đàn ông già nua, khua chiếc gậy, lê từng bước chậm chạp qua những hẻm hóc phố xá cũ càng rêu phong, sau lưng ông là lá bàng vàng không ngừng đuổi theo. Một người, tựa hồ nhà Nho trong buổi đạo lý suy tàn, trong buổi chiếu tà, ngồi nhìn mãi vầng thái dương đỏ như máu trên bãi biển, rồi gắng gượng đứng dậy, từng bước còm cỏi trên bãi bùn khô nứt nẻ. Một người, dường như côi cút không nhà cửa, không vợ con bằng hữu lạc loài nơi không phải quê hương của mình, ngã chiếc mũ rộng vành chào thiên nhiên, chào những cái gì không còn nữa. Một người nhờ một người khác (vợ hiền chăng?) dìu đi từng bước khấp khiểng xuống một bến sông, nước sông đục ngầu, trên bờ cỏ, một đàn gà đang đào xới tìm mồi, bờ lau sậy không một ngọn gió lung lay. Người ta đã đưa ông ấy về một dòng sông quá khứ, nhìn lại sông nước ngàn đời vương vấn lòng ông, nhưng không phải là sông Lô hay sông Tương. Người đó là Văn Cao. Đây là hình ảnh tôi được nhìn thấy ông lần cuối cùng, dù trong phim bản, ông không còn sống ngoài đời.

Tôi là một người luôn luôn thất bại về tình yêu. Thất bại, bởi vì tôi luôn luôn không giỏi về cách giao lưu với những người đàn bà. Đối với người đẹp, tôi lại không bao giờ nói được, tôi bèn nói trong thơ thôi..., và ông nói được những lời ông cần nói: *Suối ơi, ôi nguồn yêu mến. Còn ghi khi bóng ai tìm đến. Suối ơi, nghe lòng heo hút. Dòng em đưa lá khô dạt trôi.* Rồi, *tại sao tôi tìm đến Thiên Thai, bởi vì một nơi nào đó, một cõi nào đó, người ta coi như đất hứa, mà đất hứa thì không ai tìm thấy được trên thế gian này. Đi tìm mãi trong hoài niệm của tuổi thanh niên, thì nhớ rằng có lần tìm ra được...* Và ông tìm ra được, chỉ ở chốn bồng lai tiên cảnh, rồi nương náu cái mảnh hồn đơn chiếc ở đó, nơi mà, *âm ba thoáng rung cánh đào tiên, nao nao bầu sương khói phủ quanh trời*. Cho đến nay, thực sự ông mới được bước lên chiếc thuyền, trôi lênh đênh dưới hoa, nước reo vang lời tình tứ dưới mạn thuyền, đưa ông về *nguồn hương duyên, khi quê hương dần xa lấp núi ngàn*. Tiếng nói của Văn Cao trong những ngày cuối đời như tiếng thở dài, có những điều gì nghèn nghẹn ở cổ, không thể nói ra. Tấm thân ông gầy gò lê từng bước nhẹ tênh đi thăm lại những đình miếu cổ, những gốc cây, những mái trường làng, những cánh hoa đào năm trước, những núi rừng Việt Bắc hùng vĩ... Cho đến khi ông chết rồi, tôi mới biết đây là những lời trăn trối lúc ông sắp ra đi. Và mấy lần ngả chiếc mũ cũ càng màu cánh gián kia, mấy lần ông chào vĩnh biệt thế gian,

chào vĩnh biệt chúng ta.

HỒ MINH DŨNG
(Cali, ngày 11,7,1995)

(*) Những chữ in nghiêng trong bài là nhan đề, thơ, lời nhạc và phát biểu của Văn Cao.



VĂN CAO

tôi ở

Một căn nhà bên đầu ngọn suối
Chỗ nước rỉ ra chính nơi tích tụ
Và hình thành con suối

Những mùa thay lá
Những mùa cảm xúc
Rừng vẫn bao dung với bóng lá trên đầu

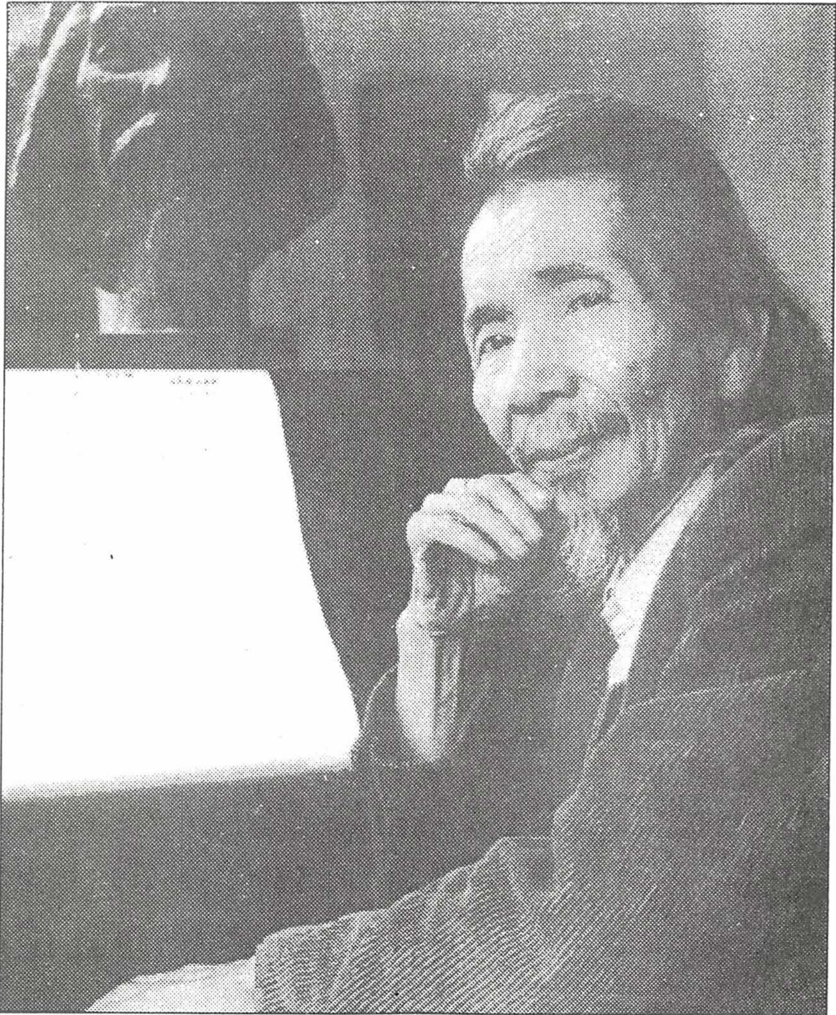
Tôi sống
Nhìn những chiếc lá trôi theo dòng suối

Đến mùa gió Nam thổi
Tôi lại đi theo những chiếc lá
Phiêu du

Tới bao giờ tôi gặp được biển.

VĂN CAO
(Tháng 8, 1994)

PHÂN ƯU



Ban chủ trương, toàn thể văn hữu cộng tác,
và độc giả tạp chí *Hợp Lưu* thành kính chia buồn
cùng gia đình cố nhạc sĩ.
Cầu chúc hương hồn người quá vãng sớm về miền cực lạc.



THẬN NHIÊN

trăng mất, vợ con

• Tặng vợ

Buồn tôi đọa lạc nhân gian
Con trăng bỏ phố về non mất rồi
Khuya. Tôi, khóc hời tôi ơi
Ơn em khổ lụy thằng người mất trăng...

ngày mưa

Đi ngang qua những ngày mưa
Nhớ con phố cũ ngập vừa ống chân
Lắm đêm đào rụng trắng sân
Ngẫu nhiên soi tóc mấy phần bạc theo...

bỏ phố

Những năm cuối thế kỷ buồn
Con trăng bỏ phố ngược đường về non
Khuya trông góc phố chỉ còn
Chơ vơ mấy trụ đèn đường khóc trăng...

kể từ

Kể từ vở tiếng khóc òa
Thì quanh triền mộng đã hoa ngát trời
Ví dù em mặc tôi rơi
Thì không chốn thẳm cũng ngoài ngát xanh..

THẬN NHIÊN.



PHẠM CHI LAN

tranh ấn tượng

Vẽ mãi một giấc mộng
bôi xóa một đường cong
Anh nằm trong nỗi nhớ
vòng tròn khép kín

Em bỏ lên khung một mảnh màu
trắng như mùa mưa
Giọt nước loang trên khung vải
hiện lên hình ảnh một buổi chiều
tóc bay trong gió
sa mạc lung linh hạt cát trở mình
những ngày trăn trở đợi mùa xuân
chỉ có gió hút trong góc núi

Hoang mang một màu xanh
em tô một mảnh trời thao thức
những vì sao đã tắt từ lâu
khi trăng không còn nữa

Ngày xưa, em gọi thầm: ngày mưa
tiếng lửa vỡ trong lò sưởi
thổn thức như tiếng tim đập
chờ đợi câu trả lời từ anh
xanh hoang mang trộn với đỏ nồng nàn
thành màu lửa tuyệt vọng.

Im lặng là gọi thầm tên nhau
tên anh như dòng sông
trôi đi như dòng sông
Tay nào níu giữ được thời gian
và nắm được định mệnh?

Trong tranh em có nhiều câu hỏi
và em trả lời bằng màu sắc em làm ra
không phải do tình cờ

Cũng như ngày xưa
trôi đi nỗi buồn con gái
chỉ còn lại tranh ấn tượng
sống động một mình
trong góc tối bỏ quên
PHẠM CHI LAN



ĐẶNG HIỀN

chốn cũ

Em như cánh đồng hoang cỏ cháy
Chờ mưa về ngày gió mùa khô
Em như sóng buồn lên mắt nhớ
Ngậm ngùi ai tình khẽ mơ hồ

Chiều rất nóng thơm làn môi biển
Ngày quanh co lặng lẽ đi tìm
Theo đóm sáng cuối đường hy vọng
Chạy miên man bên nỗi im lìm

Về chốn cũ trèo lên núi nhớ
Buồn xanh xao hồn nhỏ tơ i bời
Bên chung thủy chừng người thay đổi
Bên cuộc tình, tình sầu chơi vơi

Thôi bãi cát trăng hờn một nữa
Thôi tay người một thuở tìm nhau
Con sông chảy xoi mòn kỷ niệm
Cánh lục bình hồn ngẩn ngơ đau.

ĐẶNG HIỀN



AN PHÚ VANG

chờ ngày

Anh quờ quạng đi tìm gì, không biết
Đêm có bàn tay để nhớ mùi hương
Mai có xa nhau như mây biền biệt
Vẫn là trăng em ẩn hiện vô thường

AN PHÚ VANG



TRẦN DOÃN NHO

cuộc rượu bên sông



LTS: *Bài viết này lẽ ra đã đến với độc giả ở số HL 22 (tháng 4&5, 1995), để tưởng niệm thi sĩ Phùng Quán đã mất. Nhưng do bưu điện chậm trễ, chúng tôi chỉ nhận được bản thảo thời gian gần đây. Vậy xin độc giả hãy xem* "Cuộc Rượu Bên Sông" *như một nén nhang thắp muộn, cho một tài hoa vừa khuất.*

Hợp Lưu

*

Những ngày giáp Tết, thời tiết càng trở nên tệ. Mưa nặng hạt và thường xuyên hơn. Rét càng dậm. Đường ướt át. Người co ro trong những tấm vải mưa, túm trước dán sau. Chợ búa tấp nập với vạn người bán trăm người mua. Cơn chấn động của vụ đổi tiền tháng chín vẫn còn âm ỉ. Người ta mong một ngày nắng ráo vô vọng. Đời sống có vẻ giả. Ngay cả những tất bật cũng như đóng kịch. Anh bạn xe thồ ế khách đạp lang thang trên những đường phố, than thở:

- Mẹ kiếp, xe đạp thồ nhiều hơn khách. Đã thế, tiền lẻ không có. Vác năm mươi đồng đi lang thang không ai thối. Kẹt quá đi đổi lại bị chúng nó chém mất ba đồng. Ôi, tiền lẻ muôn năm!

Tôi rủ anh bạn vào quán cà phê của Nhuận:

- Tụ lại đây kiếm vài xị tiêu sầu tất niên. À, mà ngày ni có kiếm được tiền gạo chưa?

- Có. Hồi sáng sớm kiếm được ít đồng mua gạo rồi.

Nhuận mở quán cà phê trong khu đất trống kế công trường Thương Bạc, gần như đối diện với rạp hát Hưng Đạo. Quán bốn bề trống trải. Tiếng nhạc Việt không lời và nhạc ngoại quốc tan loãng trong không gian đầy gió và tiếng động. Khu Hội Hoa Xuân buồn bã dưới bầu trời nặng trĩu nước. Trên lề đường, đã thấy thấp thoáng những nhánh mai vàng từ các vùng quê đưa

lên. Rạp Hưng Đạo với bảng quảng cáo phim "Trẻ Mãi Không Già". Khán giả lưa thưa. Đám buôn vé chợ đen tụ lại đánh bài ở bậc thềm.

Nhân mùa xuân, Nhuận biến quán cà phê thành một phòng trưng bày tranh nho nhỏ với vài chục bức tranh treo quanh. Chỉ có tranh của hai người: Nhuận và Chỉ. Nghe nói đây là những bức tranh vừa mang từ một cuộc triển lãm chính thức ở Hà Nội. Chỉ vẽ tranh trên vải bố, Nhuận trên vải thường. Hình thức khác nhau, cách diễn đạt cũng khác nhau. Nhuận vẽ theo trực giác và cảm hứng. Chỉ muốn lý giải những gì ẩn giấu đằng sau sự vật.

Quán cà phê thưa khách. Thời buổi này xem tranh cũng là một thú xa xỉ. Vả lại, trời mưa lạnh thế này, ai dại gì chui vào một nơi lộng gió. Chỉ có lũ chúng tôi, mượn nơi này để phơi bớt dăm ba thứ triết lý, văn chương quá vãng vụn rời trong những câu chuyện gẫu. Đứa thì giáo viên bỏ việc, hoặc bị bỏ việc, đứa còn lưu dụng, đứa xe thồ, đứa phụ vợ, đứa chạy quanh mánh mung lặt vặt. Đi đâu đó, thỉnh thoảng tạt vào đây, khi thì gọi một cốc cà phê, khi xin một tách trà, ngồi ngó mông lung ra đường mà ngẫm nghĩ thế sự thăng trầm. Cũng thế, chiều nay, năm cùng tháng tận, mùa Xuân sắp sang mà cuộc sống cứ bước giật lùi. Đứa nào, đứa nấy mặt mày nhão ra như bị tình phụ. Ai cũng cần một chút men cay để còn có chút hào hứng mà sống.

Thế là cuộc rượu bày ra. Tiền góp. Đứa hai đồng, đứa năm đồng... cắt xén bớt từ một ngân sách cạn kiệt nào đó. Một lít rượu trắng, chục gói đậu phụng, vài gói Đà lạt. Thế là, những sầu, những đau, những nuối tiếc vu vơ... nhạt dần theo hơi men. Cung bậc cuộc đời như thăng lên một bực. Một lít. Hai lít. Ba lít. Đêm xuống dần, sâu. Thành phố trống. Thêm một ngày khốn khó qua đi. Cả bọn ngầy ngật. Rượu bắt đầu không cạn nổi. Anh bạn xe thồ từ giã về ngủ lấy sức mai tiếp tục đi thồ trên chiếc xe đạp cà tàng. Tín về vì sợ vợ khoá cửa. Tôi cũng định rủ Ngọc ra về, thì thấy anh Ý đến. Người mới, cuộc rượu mới. Thực ra thì lực bất tòng tâm. Muốn uống, uống mãi, nhưng cơ thể không còn dung nạp nữa. Tôi chạy ra gốc cây ói. Đến khi trở lại bàn, thì thấy từ ngoài đường có hai người dắt xe đạp lững thững đi vào. Tưởng ai, hoá ra anh Tường. Còn người kia lạ hoắc. Tôi nghĩ bụng"lại một Việt cộng thứ thiệt !". Đầu đội chiếc mũ cối rộng vành đan bằng lá, chân đi dép, vai đeo "sắc-cốt". Quần ka ki. Áo kiểu đại cán, bạc màu. Khuôn mặt gần như chìm hẳn dưới bóng chiếc mũ cối, chỉ để lộ ra đôi môi và hàm râu sợi dài, sợi ngắn, sợi đen, sợi bạc không đều. Ngồi xuống rồi, chiếc mũ cối vẫn còn trên đầu. Ông đặt lên bàn một chiếc can nhựa màu trắng nặng, lên tiếng:

- Chào các em.

Anh Tường nói:

- Bọn tôi chi viện cho các ông đấy.

Người đàn ông nói:

- Đủ để kéo dài thêm năm cũ.

Ngọc hỏi:

- Khiếp ! cả can đầy?

Anh Tường cười:

- Có mười lít thôi !

Người đàn ông phụ hoạ:

- Mười lít thì nhiều gì. Rượu gạo thứ thiệt đó.

Rít một hơi thuốc, ông tiếp:

- Rượu phải nhiều để nốc khỏi tiếc. Rượu ít, cứ sợ hết rượu, uống mất ngon.

Ngọc rót cho ông một cốc rượu đầy. Ông nhấp một tí, rồi đặt xuống bàn:

- Nhạt quá. Rượu này pha chế nhiều. Anh chỉ thích rượu nguyên.

Người đàn ông xưng anh một cách ngọt xớt, y như thể chúng tôi đã quen thân nhau từ lâu. Ông mở nắp can, rót đầy một ly khác, nốc một hơi, thong thả, nhẹ nhàng như uống một cốc nước chè. Ông để ly xuống và lại đầy. Ông đẩy chiếc can ra chính giữa bàn, mời:

- Các em uống thử thứ rượu này.

Cả bọn đã ê ẩm với rượu, nên lời mời của người đàn ông không được đáp ứng. Tôi tò mò quan sát ông và cố đoán thử ông ta thuộc loại người nào. Bây giờ, ông đã cất chiếc mũ cối, để lộ ra một khuôn mặt đen sẫm, đầy nét phong trần. Tóc dài phủ gáy. Vầng trán cao. Và đôi môi như lúc nào cũng sẵn sàng để nói một điều gì đó. Tôi hỏi nhỏ Ngọc đoán thử người đàn ông đó là ai, thì anh Tường, nãy giờ đang nói chuyện với Nhuận, quay lại:

- Các ông chắc đã biết anh Quán rồi chứ gì? Nếu chưa biết thì tôi giới thiệu lại: Phùng Quán.

Tôi sửng sốt nhìn lại người đàn ông. Nhân dáng ông ta bỗng như thay đổi hẳn trước mắt tôi. Những chi tiết kỳ cục biến mất. Lấp loáng trước mắt tôi không phải là một con người nữa, mà là một cái tên, một biểu tượng. Như một thôi thúc mãnh liệt nào đó, tôi đứng dậy, ôm choàng lấy người đàn ông trong một nỗi xúc động khó tả:

- Trời, tôi không ngờ có ngày lại được gặp ông! Tôi tưởng ông tiêu đâu rồi chứ !

- Anh cũng đã từng tưởng như vậy.

Tôi buông tay, nhìn ông. Phùng Quán. Cái tên tự nó như có chứa đựng một nội dung. Phùng Quán Trần Dần - Phùng Quán Trần Dần. Âm vang một thời, một giai đoạn lịch sử. Trong tôi, đó là một nỗi ám ảnh. Hơn thế nữa, một nỗi ray rứt. Một mong chờ. Một trông ngóng. Những lời thơ tha thiết như ngân vang mãi, đeo đẳng cả một thời tuổi trẻ bị cuốn hút vào giòng lịch sử cay nghiệt. Bây giờ gặp lại đây, bằng xương bằng thịt, trong một hoàn cảnh lịch sử cũng chưa thôi cay nghiệt. Mơ ước của ông mấy chục năm trước vẫn còn chỉ là ước mơ: *"Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét"*. Dễ thế, sao mà vẫn khó thế! Nhưng dù sao cũng được gặp ông.

Anh Tường đề nghị:

- Trời tạnh rồi. Tôi đề nghị chúng ta nên ra ngoài kia uống rượu.

Mọi người đều tán thành ngay.

Gần mười một giờ giờ đêm. Thành phố chìm sâu vào giấc ngủ. Cơn mưa dai dẳng mấy ngày chợt dứt. Ngọn gió tạt vào lạnh buốt. Nhưng Phùng Quán

và rượu khiến tôi cảm thấy ấm. Bàn rượu bày ra dưới gốc cây cạnh bờ sông. Ghế là những tảng đá lớn. Một cây đèn dầu leo lét. Một số đã rút lui. Chỉ còn có sáu người: Phùng Quán, anh Tường, anh Ý, Nhuận, Ngọc và tôi. Nhìn quanh, chợt thấy lòng mình vô cùng cảm khái: Trong số chúng tôi, có người đã từng là kẻ thù của nhau, có người đã từng là kẻ thù của chế độ, trong Nam cũng như ngoài Bắc. Mọi chuyện chưa có gì khá hơn. Nhưng dù sao, được ngồi uống rượu với nhau cũng là điều lý thú. Nhất là có Phùng Quán. Tôi rót rượu đầy cho ông:

- Anh - tôi đổi cách xưng hô- có biết là thơ anh không những đã được những người chống cộng xử dụng để chống cộng, mà lại còn được những người cộng sản ở miền Nam xử dụng để chống chế độ miền Nam không?

Phùng Quán cười:

- Thơ anh là của mọi người. Nhà thơ thì có cá tính. Nhưng thơ khi ném ra giữa cuộc đời đâu còn có cá tính nữa. Thơ anh là của nhân dân. Chỉ có bọn giả hình mới không nuốt nổi thơ anh

Anh nốc một hớp rượu và ngâm:

Đã đi với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân: máu lệ khôn cùng
Thơ chết: áo đắp mặt

Ngọc hỏi:

- Bài thơ mới nhất của anh?

- "Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe". Thơ làm lâu rồi, nhưng chưa hề công bố nên cũng xem như mới. Anh đọc cả bài cho các em nghe nhé.

Anh bắt đầu đọc. Trong đêm thanh vắng (đã mười hai giờ đêm), giọng đọc thơ của anh vang lên đều dặn mà bồi hồi, bình thản mà chan chứa. Anh đọc như nói. Những lời, những chữ thoát ra từ đôi môi thâm dầy tròn đầy, dứt khoát.

Cây đèn dầu leo lét, gió lạnh từ sông Hương tạt vào, những giọt nước mưa, vài chiếc lá rơi, những ngọn điện vàng nhoè nhoẹt, lấp loá... Tất cả lặng im để nghe những lời thơ như tự xé lòng mà viết, như rạch máu để chảy thành lời. Mọi người đờ dẫn ra mà nghe. Cuộc cãi cọ giữa anh Tường và anh Ý dừng lại. Tôi nhìn quanh, tưởng như tóc tai mình dựng ngược. Thực tình, tôi vừa xúc động, vừa sợ hãi. Thời buổi bất trắc, ngồi nghe Phùng Quán đọc thơ - lại là thơ Phùng Quán - trong khung cảnh như thế này thì thật gan lì.

Nhưng dù gì thì gì, không thể không nghe Phùng Quán đọc thơ.

Ngọc và tôi rót rượu để Phùng Quán tiếp tục. Anh đọc hoài đọc mãi, hết bài này đến bài khác. Âm trầm của Huế, âm cao của Hà Nội pha lẫn một số âm sắc của những địa phương nào đó mà anh đã từng sống, từng đi qua. Anh cứ đọc, ngay cả khi cuộc tranh cãi của anh Tường và anh Ý đến hồi gay gắt. Có lúc, anh ngừng đọc, nhìn và lắng nghe hai người nặng lời kết án lẫn nhau

về một số chuyện vu vơ. Nét mặt anh trông vẫn bình thản. Tôi đứng dậy nói đôi ba lời hoà giải, nhưng anh Quán kéo tôi ngồi xuống:

- Không sao đâu em. Được cãi nhau cũng là điều thú vị. Suốt một đời anh, đã mấy khi được cãi. Họ cứ cãi, bọn mình cứ đọc thơ.

Tôi rót tiếp. Nguồn thơ bất tận. Từng câu lẻ có, từng bài có, dài có, ngắn có. Những chặng đời anh, cay cực, nghiệt ngã như đều biến thành thơ. Can rượu cứ thế mà vơi dần. Ngọc rất yếu rượu. Tôi thì vốn đã "tới chỉ" từ đầu hôm. Thế mà không hiểu sao chúng tôi vẫn còn uống được, vẫn còn tỉnh táo. Nhuận lặng lẽ lắng nghe, lặng lẽ uống. Anh Tường và anh Ý càng to tiếng cãi, lại càng uống hăng. Tôi hỏi Phùng Quán:

- Hôm nay anh uống mấy đợt?

- Đếm không hết em à. Chẳng phải hôm nay đâu, cả những hôm trước nữa. Cứ đi hết tất niên này đến tất niên nọ. Thương nghiệp, Công an, Trường học, Đảng ủy...

- Anh cũng đọc thơ?

- Nơi có, nơi không. Đám người cùng thế hệ với anh hoặc lớn hơn vẫn còn bị ám ảnh nặng nề bởi cụm từ "Bọn Nhân Văn". Số đông muốn anh đọc "Lời Mẹ Dặn". Một chú em ở Thương nghiệp nghe xong "Lời Mẹ Dặn", gặp riêng anh tâm sự: " Cháu nghe nói đến bài thơ, nhưng giờ mới được nghe đọc. Cháu muốn khóc. Đã mấy chục năm mà cháu tưởng như bài thơ mới làm hôm nay".

Tôi nói:

- Em đọc "Lời Mẹ Dặn" hồi năm em mười sáu tuổi. Nói không quá lắm, thế hệ tụi em ở trong Nam lớn lên một phần có âm hưởng của *"yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo rằng ghét"*.

- Lúc đó thì anh đang ở trong tận cùng của đau khổ. Anh còn sống được là nhờ thơ và nhờ rượu. Anh có đọc đâu đó trong báo miền Nam trước năm 1975 câu thơ này: *"Thơ của anh cũng như đời của anh, cứ mỗi ngày buồn thêm một ít"*. Với anh thì: *"Có những phút ngã lòng, tôi vịn câu thơ mà đứng dậy"*. Đại loại, anh sống nhờ thơ.

Ngọc nói:

- Chữ "vịn" hay quá !

Tôi thêm:

- Chữ "vịn" rất là Huế. Em đâu có ngờ Phùng Quán lại là dân Huế.

- Anh rời Huế từ nhỏ. Đến tuổi này mới sống trọn với Huế.

- Anh hiện ở Hà Nội mà?

- Anh chia đôi: một nửa ở Hà Nội, một nửa ở Huế.

Tôi châm rượu cho mọi người. Cuộc tranh cãi giữa anh Tường và anh Ý đã dịu. Phùng Quán lại tiếp tục đọc thơ. Đêm trôi nghe như đã về sáng. Trên đường, có bóng chiếc xích lô chở bạn hàng ra chợ. Bốn giờ ba mươi. Tôi lắc can rượu. Chỉ còn lưng đáy. Tôi rót vào ly Phùng Quán, rồi để xuống. Anh định cầm can rượu rót cho tôi và Ngọc, nhưng tôi ngăn lại. Quả là hết chịu nổi. Ngọc ra bãi cỏ ói, rồi vào, gục đầu xuống bàn. Tôi cố cạn phần còn lại trong cốc, rồi đứng dậy, lảo đảo. Giòng sông Hương, cầu Trường Tiền nhảy

múa trước mắt. Tôi dìu Ngọc dậy. Hai đứa chào bàn, dắt hai chiếc xe đạp, chân cao chân thấp, bước đi trên phố phường lạnh ngắt.

Tiếng đọc thơ dường như vẫn còn vang bên bờ sông !

TRẦN DOÃN NHO

(Đầu tháng 5, 1995.
Tưởng niệm Phùng Quán-Nhớ lần gặp gỡ đầu tiên năm 1985)



NGUYỄN TRỌNG TẠO

ấn tượng huế

Lăng tẩm chùa chiền lẩn khuất dưới bóng thông
khói sương cổ tích
bất chợt hoa
áo dài thiếu nữ
bất chợt lá
chiếc hôn thiên nhiên tươi non

trăng lạnh thượng nguồn tuôn bạc
đèn giăng cuối bến tụ vàng
mãi bí mật những vườn trong phố
rụng tráo đào tiên xuống đất trần

những ngả đường sinh viên
những ngả đường xe lam gồng gánh
hoa trâm vàng dắt ai về chốn xưa

thánh thiện thi ca
dân dã tôm chua cơm hến
người tranh luận
người dựng xây
người vẽ tranh tĩnh vật

sông Hương thăng bằng thành thị với thôn quê

sao cứ nhớ một dáng bò gặm cỏ
trong bài thơ người bạn đã quan trường
sao cứ ước một người yêu ở đó
để suốt đời quê ngoại cũng quê hương...

NGUYỄN TRỌNG TẠO



LÂM CHƯƠNG

những điều trông thấy

bậc thánh nhân ra đời trị nước
ngồi trên đầu thiên hạ mà chăn dân
nuôi chó dữ để xua người áo vá
ban nụ cười cho kẻ đói ăn

những tên nhà giàu thường hay chê thịt
trong túi quần thủ sẵn con dao
đâm chết kẻ đòi chia cơm xẻ áo
miệng nói toàn nhân nghĩa thanh cao

những tên bất tài thường hay khoe bằng cấp
làm bình phong che sự dốt nát của mình
có một điều hắn không bao giờ đái bậy
sợ người ta thấy hắn cũng tầm thường

những tên làm chính trị thường hay tráo trở
gió đổi chiều ngả tới ngả lui
bò dưới gầm bàn lau giày kẻ khác
kiếm chút hư danh khoác lác với đời

những tên cáo già thường hay lên mặt đạo đức
làm những chuyện bán trời không mời thiên lôi
trong miệng ngậm lá dao đầu lưỡi
phun quái chiêu tàn độc hại người

tôi lớn lên
giữa chợ đời tăm tối
đọc thuộc lòng bài học thương yêu
mà sống giữa hận thù cao ngất
cố giữ lòng chân thật
lại gặp kẻ điêu ngoa
nên suốt đời làm tên thua thiệt

đất cằn sinh gỗ quí
trong gian an bật dậy những thiên tài
trong thương đau có thể thành thi sĩ
và những thằng làm thơ hay
thường bị vợ bỏ

LÂM CHƯƠNG



VŨ HỒI NGUYÊN

lạc mùa



1.

Tôi sắp sửa đóng cửa phòng triển lãm thì người thiếu nữ bước vào. Khi nhận thấy chỉ có tôi, ngồi ở chiếc bàn cuối phòng, nàng do dự, định trở ra. Tôi nhanh trí chào lớn, "Bonjour!" Nàng đứng khựng lại, rồi gật đầu chào. Hình như là người Việt. Nhưng không hiểu sao tôi nghĩ nàng không nói tiếng Việt. Tôi tìm thiện cảm, "Vous savez, je n'aurais vraiment aucun moyen de vous retenir" 1 . Nàng không cười, cũng không trả lời. Chỉ đi về phía bức tranh gần nhất, bước chân ngượng ngùng.

Như thường lệ tôi không đứng dậy, để người xem tranh được tự nhiên. Lại phải lấy giấy bút ra vẽ nguệch ngoạc để chờ. Nhưng người thiếu nữ không làm tôi dửng dưng. Nàng đẹp. Còn là người Việt Nam đầu tiên đến triển lãm của tôi. Phải thú thật, cho tới hôm nay chẳng có mấy người đến xem, chưa bán được gì. Tôi kín đáo quan sát cô khách quý. Nàng ăn mặc lạ thường, một áo thêu nhiều màu như của dân tộc thiểu số ở Việt Nam, một quần đen ống thật rộng bó lại ở gót chân, một chiếc khăn quấn vải đen trên mái tóc để dài. Khoảng 30 tuổi, chắc nàng không thuộc loại con gái Việt Nam sinh trưởng ở đây. Nhưng tôi đoán nàng sống ngoài cộng đồng người Việt, có chồng Pháp cũng không đáng ngạc nhiên. Lại một cô trí thức, đến với hội họa như một thứ văn hóa cần có để nói chuyện trong giới của mình. Và chỉ chú ý đến nghệ sĩ đồng hương trước một chuyến du lịch quê hương.

Tôi thấy nàng đi từ bức tranh này qua bức tranh khác khá nhanh. Nàng đang làm cái tối thiểu của phép lịch sự, trước khi chạy. Nhưng tôi không thất vọng lâu vì sau một lúc tốc độ thưởng thức của nàng giảm dần. Và nàng ngừng hẳn trước bức tranh tôi vừa ý nhất trong lần triển lãm này. Cũng được một điểm gặp gỡ. Tôi chỉ biết vẽ trừu tượng, bức tranh không có tựa, ai muốn gửi

gì vào đó cũng được. Nàng đứng lâu trước một sự khắc khoải của tôi, không biết nàng nghĩ gì. Nhờ vậy tôi có thể ngắm nhìn mái tóc đen láy chảy dài xuống quá nửa phần lưng. Ở chỗ đó nàng đã bất ngờ quay lại nhìn tôi. Hình như có chút dao động trên nét mặt. Một cái gì đó làm hai cặp mắt vướng nhau, vừa muốn tránh, vừa không chịu thua. Khoảng khắc đủ dài để nàng trở về kịp sự lạnh lùng. Từ đó tôi chỉ nhìn được lưng nàng trước những bức tranh cuối cùng.

Khi xong, người thiếu nữ gật đầu chào nhanh, tiến thẳng về phía cửa. Tôi rút danh thiếp, nói với theo,"S'il vous playt...2 "

Nàng quay phắt lại, giọng khó chịu, "Ông có thể nói tiếng Việt".

Tôi bị bất ngờ, "... Xin lỗi cô. Vì tôi không chắc cô là người Việt". Tôi đứng dậy, đi về phía nàng. Nàng quay hẳn người lại, nhìn thẳng vào mắt tôi, sẵn sàng.

Tôi chọn một câu hỏi chuyên nghiệp:

"Tôi muốn hỏi, qua tờ báo nào cô đã biết có triển lãm này?

- Tôi đến thăm bạn ở gần đây. Đi qua thấy có tranh của người Việt thì vào.

- Thật là hân hạnh cho bản thân tôi.

- Ông đừng mỉa mai. Ông hỏi thì tôi trả lời. Tôi ít đọc những bài báo phê bình nghệ thuật.

Không có lý do gì tôi để cô này ngổ ngáo như vậy. Nhưng tôi vẫn tạm cười hòa:

- Cô có lý, đọc phê bình nghệ thuật nhiều khi chẳng hiểu gì cả. Tôi chỉ thích đọc những bài nói về tôi. Để coi người ta hiểu được tranh mình đến đâu.

Nàng tưởng cần phải có ý kiến về những tranh mới coi:

- Tranh của anh... hơi lạnh. Nhưng có lẽ vì tôi không đủ trình độ thưởng thức.

- Cái khéo của cô là chê mà người ta không biết. Nhưng như vậy hơi mất công. Đã chê thì phải làm cho người ta đau điếng.

Cái suýt cười của nàng làm không khí chợt hòa giải, ngoài ý muốn của tôi. Đến gần nàng hơn, tôi mất hiếu chiến, thiếu nữ không thể đáng ghét như những câu nói của nàng. Nàng và tôi cùng thiếu lời nói tiếp. Im lặng làm nàng phải nhìn lại một vòng căn phòng.

Tôi nói qua chuyện khác:

- Tôi có cảm tưởng cô ở Pháp đã lâu. Cô đừng trả lời nếu câu hỏi thọc mạch vô duyên.

- Anh nói năng đúng là Bắc kỳ. Em qua Pháp từ năm 10 tuổi... Nhưng sao tôi đi kể đời tôi cho ông nghe?"

Nàng đã lỡ xưng em. Tôi lấy giọng thản nhiên:

- Anh thấy trong trường hợp đó những người ở đây thường quên tiếng Việt, nói tiếng Pháp.

- Em giữ tiếng Việt để thư từ với mẹ em còn ở Việt Nam. Và mấy năm gần đây, em về đó làm việc mỗi năm nhiều lần.

- Anh chưa về lần nào từ khi qua đây. Từ năm 1967. Em làm việc gì ở Việt

Nam? Anh không tưởng tượng em là một bà Việt kiều đi buôn hột xoàn hay đồ cổ.

- Họa sĩ như anh thì có hơn gì. Em làm nghề điện ảnh. Chỉ mới phụ tá đạo diễn được hai phim rẻ tiền ở đây. Nhưng em đang muốn làm phim ở Việt Nam, nên về nhà thường xuyên. Thôi em về.

- Em đã đọc tên họ anh trên cửa vào. Nguyễn văn Khải. Em cầm danh thiếp này, có thêm địa chỉ và điện thoại. Anh thấy cần một hôm khác để chúng mình trao đổi về những gặp gỡ giữa điện ảnh và hội họa.

Nàng lấy trên tay tôi quyển sổ và bút chì, ghi tên và số điện thoại của mình:

- Em ở một mình. Nếu em đi vắng, anh được quyền để lại một vài câu pha trò, đừng quá vô duyên.

- Em tên Mân? Tên lạ.

- Anh muốn nói là quê mùa? Cũng không sai. Gia đình em là nông dân, sống ở Hòa Bình."

Ở thành phố Paris này, tôi chưa từng gặp một người di tản đến từ nông thôn miền bắc Việt Nam. Chuyện người Việt ở đây quả thật có nhiều cuộc đời kỳ lạ. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo Mân, cho đến khi nàng bước xuống trạm métro đầu đường.

2.

Phải đến bốn lần điện thoại tôi mới rủ được Mân đi ăn tối lần đầu. Khi thì nàng đang ở trong một giai đoạn làm việc căng thẳng, khi thì nàng bận chuẩn bị một chuyến về Việt Nam. Lần nào nàng cũng hứa sẽ gọi lại tôi sau. Tôi đã tính sẽ tiếp tục gọi cho đến khi nàng yêu cầu ngừng.

Nhà Mân ở quận 7, một khu nhà giàu của Paris. Nhà xây vào những năm 30 bằng đá mài, thuộc loại immeuble bourgeois3 , một niềm hãnh diện của Paris. Dĩ nhiên tôi thắc mắc làm sao cái nghề phụ tá đạo diễn phim có thể cho phép Mân ở một mình một nơi đắt tiền như vậy. Hoặc bố mẹ nàng có tiền của, hoặc nàng có một ông chồng ly dị hay một nhân tình triệu phú. Khi Mân mở cửa, tôi thấy nàng còn đẹp hơn lần trước. Tối nay Mân là một thiếu nữ sang trọng trong một bộ đồ hoàn toàn đen. Đôi vòng bạc to đeo tai và sợi dây chuyền vàng ở ngực cho thấy nàng đã chuẩn bị xong. Tôi định hôn má nàng. Nàng từ chối với nụ cười nhẹ, "Mình là người Việt Nam mà". Mân đi vào bếp, "Anh ngồi một tí. Em có nụ vối mời anh".

Căn phòng tiếp khách rộng và ít đồ đạc. Thoáng nhìn chỉ thấy một dàn dương cầm, một ghế canapé da dày màu đen, một bàn thấp bằng gỗ orme4 , và vài chiếc gối lớn để dưới đất thay ghế. Tường trắng làm nổi bật một thạch bản của Zao Wou Ki và một bức tranh nhỏ của Bùi Xuân Phái. Tôi nhìn thấy một nón lá thêu miền Trung Việt Nam dùng làm lồng đèn. Sách không đủ kệ, được xếp thành nhiều trồng trong một góc. Một bó hoa rừng to nằm trên sàn gỗ chờ lọ cắm. Bộ máy nhạc đang để nhỏ một bài của Trịnh Công Sơn.

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt...
Trăm năm vô biên chưa từng hội ngộ
Chẳng biết nơi nào là chốn quê nhà...

Khi Mân mang bộ đồ trà ra, tôi đến ngồi sát bên nàng trên canapé. Tôi để tay lên lưng nàng. Mân gỡ nhẹ ra, "Anh uống đi. Nước vối không sợ mất ngủ". Tôi cố chậm rãi hớp một ngụm trà còn nóng. Rồi bàn tay tôi được ở lâu hơn trên đầu gối nàng. Hình như có tiếng tách trà va chạm vào chiếc đĩa nhỏ. "Mình đi ăn đâu hả anh?". Đùi nàng chấp nhận để tôi đi lên một lúc trước khi tay nàng cản lại. "Nước nguội bây giờ anh". Tôi rời vùng vải mỏng lên phần vai ở trần. Đi theo viền cổ đến mân mê gáy nàng. "Anh, mình còn thì giờ". Mân đã quá gần. Đôi môi nàng định khép lại khi tôi đến, nhưng lưỡi nàng ra đón khi tôi vào. Những khuy cài mở dần các con đường dẫn vào cái ấm nóng của da thịt nàng. "Đừng anh". Và tôi bắt đầu nhận thấy cả người nàng run rẩy. Hơi thở nàng càng gần thì sự sợ hãi càng rõ. Tôi cảm thấy nàng căng thẳng tột độ khi những ngón tay tôi tìm được đầu vú nhỏ cứng của nàng. Tôi ngạc nhiên, Mân như thể còn trinh tiết. Ý nghĩ đó làm tôi không kịp cởi bỏ hết quần áo nàng. Đến lúc tôi lo phần mình thì Mân ôm chặt lấy tôi, đôi tay và đôi môi hoảng loạn trên người tôi, như tìm một nơi ẩn trú, gần như muốn cầu cứu. Khi Mân kéo tôi nằm xuống ghế da, tôi định cho nàng tất cả sự trìu mến để xua đi cơn sợ hãi. Nhưng làm sao tôi có thì giờ âu yếm một thân thể mới khám phá, khi nó vừa khiếp hãi vừa khẩn khoản kêu gọi, khi nó đóng mở mỗi lúc thêm dồn dập? Phải đến khi Mân và tôi dịu hẳn, tôi mới cảm thấy một chút thất vọng. Mân đã không chảy máu. Tôi lỡ lời, "Mân đâu có yêu lần đầu mà sao..." Nàng im lặng một hồi lâu mới trả lời, "Anh là người đàn ông Việt Nam đầu tiên trong đời em. Em sợ, có lẽ vì mong chờ sự gặp gỡ này quá lâu ".

Sau đó tôi dẫn Mân đi ăn một tiệm cơm Đại Hàn. Nhìn nàng ăn là cả một sự thích thú. Từ cái mồm rộn rã đến cặp đũa rối rít, tất cả ở nàng như vui hẳn lên khi gặp những món ăn cay. Tôi chăm chú theo dõi Mân chạy nhảy trên những đĩa đồ ăn. Chờ đến khi sự nhộn nhịp trên bàn tàn hẳn, tôi mới nói:

"Anh thấy tình yêu chúng mình tuyệt vời vì là sự gặp gỡ của hai giai cấp. Mân ở một căn hộ rộng rãi gần tháp Eiffel. Anh chỉ có một gác trọ chật chội ở một ngoại ô nghèo.

- Anh bớt cải lương cho em nhờ. Nhà em ở là một trong những nhà của Gérard. Em chưa nói anh, Gérard là bố nuôi của em. Người Pháp, một vợ hai con. Cha em mất từ hồi em còn nhỏ. Lúc đó em có bệnh, Gérard gặp em ở Việt Nam, đưa em qua đây chữa bệnh và gia đình ông ta nuôi em. Gérard giàu lắm, anh biết không. Nhưng thôi. Chuyện đời của em phức tạp, anh đừng hỏi thêm. Em cũng sẽ không hỏi gì về đời anh."

Đêm hôm đó, tôi giật mình tỉnh dậy vì tiếng hét của Mân. Tôi thấy nàng mồ hôi đầm đìa, người run bần bật, mắt hãi hùng, nước dãi chảy ở mép môi.

Tôi không biết cách nào xoa dịu nàng. "Mân, chỉ là ác mộng thôi. Không có thật đâu. Mân tỉnh rồi mà". Mân từ chối cử chỉ dỗ dành của tôi. Nàng ngồi dậy, thu hết người lại ở dưới chân giường. Tôi nhìn nàng ngồi như vậy, thật lâu trong bóng tối, bao nhiêu cảm giác lẫn lộn trong đầu tôi. Tôi liên tưởng đến sự sợ hãi của nàng lúc đầu tối. Có một niềm bất hạnh nào đó làm người phụ nữ này quá mong manh. Đến khi nghe những tiếng nấc nhỏ, tôi mới lại gần đỡ nhặt những giọt nước mắt lã chã trên má nàng. "Anh đừng hỏi gì em, anh Khải. Chắc tại vì tối nay ăn ớt nhiều quá" Trước khi đi tìm lại giấc ngủ, Mân đặt tay tôi ở vùng lông phía dưới của nàng, nhờ tôi dắt về nơi yên tĩnh.

Thỉnh thoảng, những giấc ngủ của Mân tội nghiệp như vậy . Chỉ về sau tôi mới hiểu có một quá khứ đã bám vào Mân từ khi nàng trở về với quê hương.

3.

Thường Mân và tôi chỉ sống với nhau trong những khoảng thời gian ngắn, không quá một hai tuần, cách nhau nhiều tháng. Mân tìm đến tôi mỗi khi ở trong nước qua, hay khi nàng muốn ở cạnh một người đàn ông Việt Nam sau một thời gian ở Pháp. Rồi một ngày nàng lại ra đi, trở về cái thế giới riêng tư của mình, ở Paris hay tận nơi quê hương. Đã có lần Mân điện thoại thức tôi dậy vào lúc 6 giờ sáng, khi nàng mới từ Hà Nội đến phi trường Roissy. Và nàng cũng có thể chia tay tôi ở giữa vườn Montsouris, cho dù là một buổi chiều đầu xuân có nắng mới. Tôi đã ly dị vợ và xa con nên lúc nào cũng có thì giờ cho nàng. Mỗi lần, Mân xuất hiện như một ngọn gió hay một ánh nắng lạc mùa, và biến mất như cái vô thường của mọi niềm hạnh phúc. Nàng không cho tôi biết gì về quá khứ và cuộc sống của nàng. Có lẽ nàng còn một cuộc hành trình để đi một mình, chỉ cần đây đó một vài nơi để nghỉ chân, tìm sự lắng động. Nàng cũng không muốn đi sâu vào cuộc đời của tôi, ngừng lại trước những im lặng tôi muốn giữ. Cuộc trao đổi giữa Mân và tôi chỉ đứng ở hiện tại, không lục lọi quá khứ, cũng không có những dự tính cho tương lai. Nhưng trong phần tình cảm Mân dành cho tôi, nàng cho chân thật và giản dị, không đắn đo, không điều kiện, không chờ đợi được trả đáp. Mân như thế, vừa ích kỷ vừa rộng lượng. Không biết đến bao giờ người thiếu nữ này còn ở trong tôi như một sự thật không đầy đủ, làm tôi cứ để vào đó bao nhiêu tưởng tượng và ước mơ.

Mân có nhiều may mắn. Nhờ sự giàu có của gia đình Gérard, tuổi trẻ của nàng là tuổi trẻ của những cô gái lớn lên trong một môi trường không thiếu thốn, ở xã hội văn minh này. Mân không phải tranh đấu để giành một chỗ đứng trong xã hội. Nàng cũng không gặp những khó khăn hòa nhập của một người đến từ xa. Lối sống ít rằng buộc của nàng cũng là một ưu đãi nằm ngoài tầm tay của phần đông mọi người. Nàng may mắn đến độ không có một ý thức rõ ràng về giá trị của lao động và đồng tiền.

Hồi trẻ, Mân đã tiếp nhận cái giáo dục của những gia đình tư sản lâu đời

ở Pháp, trang bị cho con người một sự hiểu biết rộng về văn hóa và văn học nghệ thuật. Từ sớm, Mân đã làm quen với nhạc cổ điển, chơi dương cầm, thích Brahms, Debussy và những opéras của Rossini. Về ca nhạc, đến bây giờ nàng vẫn không thích những loại nhạc trẻ bằng những bản nhạc của Brassens, Brel và Ferrat. Nàng biết nhiều về các trường phái hội họa, hay đi xem triển lãm, và mê tranh của Klee, Miro. Thế giới văn chương của nàng đi từ Duras đến Garcia Marquez, Kundera, rộng hơn thế giới thơ còn ngừng ở Aragon và René Char. Gérard đã giúp nàng tìm hiểu kịch của Brecht, và nàng thường theo vợ Gérard đi xem những buổi trình diễn múa hiện đại, nhất là những biên đạo của Martha Graham và Pina Baush. Không phải ngẫu nhiên mà Mân đến với ngành điện ảnh, từ lâu nàng đã sống với nghệ thuật của những Bergman,.Antonioni, Tarkovski.

Có lần, nghĩ về những sở thích này, tôi nói với Mân:

"Anh chưa gặp một cô Á châu nào có đầu óc và con tim Tây phương đến như Mân. Mân là một bà đầm da vàng.

- Anh sai lầm to. Có người Pháp nào như em, có thể ngồi xổm hàng giờ, thích ăn đủ loại mắm, không chê thịt chó khi có rượu đế Hưng Yên đi kèm. Em còn có thể kể cho anh biết bao nhiêu tên các loại cây cỏ và hoa dại của rừng núi Việt Nam."

Vấn đề hình như phức tạp hơn tôi tưởng.

Trước khi gặp tôi, Mân không có cơ hội làm quen với những người Việt ở Pháp. Tôi đã dẫn nàng vào các giới khác nhau trong cộng đồng. Khi đó mới nhận thấy hết sự khác biệt giữa nàng và những người Việt tôi quen ở đây. Những thực tập sinh ở trong nước qua nhìn Mân như một người mất gốc. Nàng chẳng biết gì về văn hóa lịch sử Việt Nam. Nói thích văn học mà thơ Kiều không thuộc được một đoạn, ngày nay một tên tuổi như Nguyễn Huy Thiệp cũng còn chưa đọc. Đã vậy, làm nghề điện ảnh mà mù tịt về phim ảnh Việt Nam. Trong giới người di tản đến đây sau này, có người nói Mân có cái kiêu ngạo của một kẻ chưa bao giờ nếm mùi khổ cực. Cô này chơi trò phụ nữ tự giải phóng theo kiểu thiên tả bơ sữa ở bên này. Hay đi về Việt Nam chẳng qua vì thân Việt cộng. Những người ở Pháp đã lâu thì nghi ngờ Mân là một phụ nữ thích sống thác loạn. Gia đình có vẻ giàu có lại không chịu học Dược hay Nha, đi chọn cái lãnh vực điện ảnh đầy tình dục. Không bao giờ thấy cô ta có mặt ở những sinh hoạt lớn của cộng đồng, không khéo lại thuộc về phe chính trị thù nghịch. Lớp trẻ đã Tây hóa hoàn toàn thắc mắc không hiểu Mân còn dây dưa làm gì với cái nước Việt xa lạ. Hay đó là một cách làm dáng, để cho khác người? Nói chung, người ta không nhìn Mân với con mắt thiện cảm. Nàng cũng chẳng biết trao đổi gì với những người đồng hương này.

Có một tối, sau một bữa ăn giữa bạn bè Việt Nam của tôi, ngồi trên xe về nhà Mân nói:

"Anh Khải, lại một lần nữa, tối nay em không biết tham gia vào những câu chuyện của mọi người. Em xin lỗi anh. Em chưa quen. Lần sau em sẽ cố gắng hơn.

- Mân đừng nói vậy. Anh sẵn sàng đổi hết bạn bè của anh hôm nay lấy Mân. Tại sao mình phải ăn nói, đi đứng, vui buồn tùy theo cái nhìn và sự chờ đợi của kẻ khác?

Tôi không thấy rõ mặt Mân trong bóng tối, chỉ nghe nàng nói thêm:

- Ở trong nước đã đành, nhưng ngay trong giới người Việt ở đây cũng vậy... em thấy mình khác mọi người quá. Nhưng này anh, Việt Nam cũng là của em nữa chứ."

4.

Sàigòn, 24 tháng 5, 1993, 1 giờ 12 sáng

Khải của em,

Chắc anh ngạc nhiên lắm. Có bao giờ em viết thư cho anh. Em ghét viết thư vì không biết người nhận thư sẽ đọc trong tâm trạng nào. Một câu nói đùa sẽ vô duyên khi người ta đang bực mình vì một ống nước hỏng trong nhà. Một tâm sự buồn sẽ lẩm cẩm khi người ta đang hồ hởi vì trúng áp phe. Em viết, vì cả ngày hôm nay cô đơn trong thành phố này. Và đêm mất ngủ, muốn ngồi nói chuyện với anh. Em từ Hà Nội vào đây tìm một người để làm việc, phải 2 hôm nữa mới gặp, nên cả ngày chẳng biết làm gì.

Ở đây em không tưởng tượng được anh sống ra sao, đang làm gì. Anh phải từng gia sản xuất tranh, bớt ngồi uống rượu với mấy ông bạn Nam Mỹ của anh. Kỳ tới em về, chúng mình sẽ trở lại cái tiệm ăn đường Tiquetonne. Em chỉ nhớ tên đường vì nó dễ thương. Những tình yêu của anh chắc vẫn rối bời như thường lệ. Con nhỏ Fanny khôn lắm, anh phải coi chừng. Đến khi nào nó mới chịu về New York?

Thôi để em kể cho anh một ngày thừa thãi của em. Sáng sớm em kéo thằng nhỏ con bà chủ mini hôtel đi ăn quà sáng. Anh có biết phòng ở Phạm Ngọc Thạch bây giờ đã 40 đô. Đáng kiếp cho em, kỳ này nổi hứng chọn con đường đã vào nhạc của Phạm Duy, và ở cùng xóm với Trịnh Công Sơn. Mới sáng đã bực mình vì, ở chỗ bánh cuốn, bà bán hàng hỏi Việt kiều có còn biết ăn cà cuống hay không. Em chỉ nguôi giận khi nếm nước mắm bà ta pha. Tại sao anh và em chưa bao giờ cùng ở VN với nhau nhỉ? Nếu ở đây, em sẽ dẫn anh đi uống sữa bò tươi ở Thủ Đức. Buổi tối tụi mình sẽ cùng tập nhảy ở Queen Bee. Ăn xong về nhà, em quyết định hôm nay không gặp bạn bè người quen. Em không thuê xe Cúp, mượn xe đạp để lang thang trong thành phố. Em vừa đi vừa nhìn trời nhìn đất giữa rừng xe gắn máy. Chắc người ta tưởng em hoặc là một du khách, hoặc là một con điên. Đâu có ai ngờ em là cả hai. Một buổi sáng đủ thì giờ đi một vòng trong Chợ Lớn và ngồi lề đường Trần Hưng Đạo uống 2 ly nước mía cam vắt. Chính ở chỗ này em nhớ anh lần đầu trong ngày. Khi nhìn thấy hai chàng thanh niên Pháp thích thú đạp xích lô đi qua. Anh Khải, anh là ông Tây giấy của em. Anh làm em nhớ cả cái thành phố có con sông Seine lẳng lơ khi ẩn khi hiện. Nhớ những con ngõ đường đá của Butte aux cailles, những

quán cà phê tình tứ của Mouffetard, những loại fromages bất hủ của chợ Montorgueil. Vớ vẩn nhất là em nhớ cả cái bừa bộn của nhà anh. Mặc kệ cái cười mỉa mai của anh, em lên xe đi ăn trưa ở nhà hàng cơm Pháp của bà Đại. Ngồi vào bàn ăn, em tưởng tượng anh ngồi trước mặt, chỉ sợ anh sẽ chê chai Bordeaux em gọi là đồ dỏm nội hóa. Ở bàn bên cạnh có một anh chàng, em đoán là Bắc Âu, nhìn em với cái sỗ sàng của người đến từ một nơi văn minh. Vẻ phong trần của anh ta làm em nghĩ tới một phóng viên chiến tranh đến trễ một cuộc chiến. Về ngủ trưa, em mơ thấy chúng mình yêu nhau trên một tấm vải lớn trải dưới đất. Trên vải trắng đã có nhiều lớp sơn dầu đủ màu. Những mảng sơn còn ướt tô điểm sự trần chuồng của chúng mình, làm hai thân thể không còn phân biệt được khi quay cuồng trong màu sắc. Giữa chiều em mới ngủ dậy. Địa điểm du lịch gần nhất là nhà ông Diệm và ông Thiệu, ở Dinh Thống Nhất. Tới nơi, em dụ được một đứa bé mua hộ vé để sau đó hiên ngang dắt xe đạp vào Dinh với vé người trong nước, rẻ hơn vé Việt kiều gần 10 lần. Ở trong, em chẳng cảm thấy gì khi đứng trước những ngai vua và các phòng tiếp quan của triều đình. Chỉ học được thêm một chi tiết lịch sử là bà Nhu hồi đó thích đánh bài mạt chược. Quyền lực chính trị của một thời chỉ còn là những trang trí tìm cảm kích. Đến cuối chiều, em ra bến tàu hứng gió, nhìn những cặp uyên ương thề thốt với nhau dưới chân Khách Sạn Nổi, cung điện mới của những nhà tư bản xã hội chủ nghĩa. Một ngày nào đó những cặp tình nhân này cũng sẽ mua được những chiếc xe hơi Nhật mới tinh. Khi thành phố lên đèn, em chợt nhớ một phụ nữ không thể ngồi buổi tối một mình trong một nhà hàng. Em đến khu cơm bình dân gần chợ Bến Thành. Những bàn ăn trên lề đường phải nhờ ánh sáng của các tiệm phía trong, làm em ngại ngồi vào bàn, đến đứng cạnh xe hàng mì và để đĩa mì xào trên yên xe đạp mà ăn. Ông già bán hàng vừa cắt thịt vừa lẩm bẩm một mình. "Con gái trẻ đẹp như vậy mà mặt như đưa đám. Chắc lại thất tình. Đúng là một thời buổi nhốn nháo". Sau đó em về nhà mượn xe Cúp. Em chạy khắp các con đường, khu xóm của thành phố này. Len lỏi giữa những giòng xe nườm nượp chảy. Đuổi theo những bóng xe thoáng thấy trong đám đông. Chạy đi chạy lại giữa những không gian sặc sỡ đèn màu và những không gian đen đậm bóng đêm. Em chạy mãi, chạy mãi, cho đến khi những ồn ào, bụi bặm và ánh đèn của thành phố thấm đủ vào người

để về tìm giấc ngủ.

Tại sao ở Sàigòn, Paris hay Hà Nội, chẳng có chỗ nào cho em sống?

Bây giờ em kể chuyện cười cho anh nghe. Em đã có khá nhiều chuyện về kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Để trao đổi với những chuyện tục và chuyện người Bỉ của anh. Nhưng thôi em phải ngừng ở đây. Chưa gì đã có chữ bị ướt nhòa. Không lẽ nói dối anh là thư bị hắt mưa. Anh có biết chúng mình xa nhau đến nửa vòng địa cầu?

Mân.

5.

Anh Khải, anh đến em liền đi. Em cần anh. Có chuyện gì vậy Mân? Em mệt quá rồi. Nàng đã bỏ điện thoại xuống.

Tôi không có thì giờ dọn đồ vẽ. Gọi thang máy, nhưng chạy xuống cầu thang. Tôi luýnh quýnh một lúc mới rồ được máy xe. Đã hơn 1 giờ đêm mà sao đường phố chưa vắng xe. Không có cách nào phóng nhanh hơn. Những đèn đỏ nhiều quá, làm điên lên được. Từ gần một tháng nay tôi không gặp Mân. Nàng nói đừng gọi, để nàng làm việc khẩn trương. Đến trước nhà Mân, không có chỗ đậu, tôi bỏ xe giữa đường. Phải làm hai lần mã số mới mở được cửa lớn. Ba tầng cầu thang quay vòng mãi mới hết. Tôi thở dồn dập khi tay đập mạnh vào cửa nhà Mân.

Cửa mở, ánh sáng yếu ớt từ phía trong không đủ để nhìn rõ mặt nàng. Bàn tay tôi nhận thấy má nàng nóng bừng. Người nàng chao đảo khi tôi lách đi vào. Tôi bật thêm đèn. Xót xa khi nhìn thấy Mân, nét mặt rã rượi, đôi mắt không còn hồn, người như đã đến chỗ kiệt sức. Căn phòng làm tôi rùng mình. Đồ đạc thật bừa bộn. Dưới đất ngổn ngang giấy, những trang giấy nằm rời rạc khắp nơi, nhiều trang bị vò nhàu hay xé vụn. Có một vài đĩa đồ ăn còn thừa, vỏ chuối đã đen thâm, những chai nước suối và ly giấy vứt lung tung trên sàn gỗ. Mân, sao vậy? Nàng chỉ còn sức đứng dựa vào tường, mắt nhắm nghiền.

Tôi nhìn Mân, nhìn căn phòng, không biết nói gì, làm gì. Tôi đi lại vô định trên đống giấy. Tính mở cửa sổ nhưng hai cánh cửa đã mở toang. Phải một lúc sau tôi mới quỳ xuống nhặt dọn những trang giấy. Giấy chằng chịt nét chữ của Mân, xóa sửa khắp nơi, chữ to chữ nhỏ, chữ thẳng đều chữ xiêu vẹo, hàng nằm ngang hàng nằm dọc. Ngòi bút có khi tạo những hình vẽ vô nghĩa ở góc trang, hay để lại những nét hằn học trên giấy. Hình như Mân viết truyện hay bút ký.

Tôi giật mình khi Mân hét. Không. Không đụng vào gì cả. Nàng chạy tới giằng mạnh những trang giấy tôi cầm. Vứt chúng ra xa. Đẩy tôi về phía sau. Thoát ra khỏi sự níu kéo của tay tôi. Nhưng vấp phải bộ máy nhạc gần đó. Mân cúi xuống cầm lấy chiếc máy trên cùng, ném nó vào tường. Tiếng vỡ của máy vang chát chúa. Nàng dạp đổ trồng máy còn lại dưới chân. Nàng chạy đến tường. Tay đập loạn xạ vào tường. Tôi phải lấy hết sức kềm hãm sự giãy giụa của nàng, cho đến khi giữ chặt được hai cổ tay nàng. Mặt nàng sát gần. Mắt nàng đầy căm hờn. Buông ra. Tôi bảo buông ra ngay. Nếu không giết tôi đi. Tôi không thèm sống. Tôi muốn chết. Sao tôi không chết được. Mân. Anh van em. Anh yêu em. Tôi không yêu anh. Không yêu ai cả. Không sao Mân. Anh chỉ muốn em thương lấy mình một chút. Tôi không cần anh thương hại. Anh vứt cái thương hại đi chỗ khác. Tôi ghê tởm cái thương hại của anh. Ai cho anh quyền nhìn tôi khổ. Đời tôi ủng thối sao anh còn mò tới. Cái khổ nó thu hút anh phải không. Anh để tôi yên. Ra ngay khỏi nhà tôi. Anh không có chỗ nào cả trong đời tôi. Anh nghe chưa. Không bao giờ anh có chỗ trong đời tôi.

Tôi chóng mặt, như nhìn thấy một hố sâu thăm thẳm trước mắt. Tôi thả Mân ra và lùi dần. Đau nhói và khó thở.

Tôi lết đi về phía cửa sổ tìm không khí. Mắt tôi bị lòa bởi cái đen đặc của đêm khuya ở ngoài. Tôi đứng ở đó không biết bao lâu, cho đến khi cảm thấy ướt ở bờ vai phía sau, và nhận ra những cái giựt rõ dần trên lưng. Tôi quay lại dỡ Mân vào người. Khóc đi Mân. Khóc từ từ. Khóc cho thật nhiều. Khóc cho thật lâu. Khóc cho cạn hẳn tức tưởi trong người. Cần thật nhiều nước mắt cho hai đứa chúng mình. Tôi kéo Mân ngồi xuống đất. Tôi ru nàng khóc.

Anh, làm sao anh chấp nhận em bây giờ. Em làm hỏng tất cả mọi chuyện. Em không biết cách nào tránh làm người khác đau. Có bao giờ em biết yêu đâu. Chỉ sống với người khác, em còn không làm được. Tới khi nào em mới yêu được anh. Mà em có khổ thì phải chịu một mình chứ. Anh đâu có tội gì mà phải nhận cái khổ của em. Không biết ngày hôm nay còn ai có tội với đời em nữa không. Chắc em điên thật. Nhưng không, em không điên đâu, hồi đó nhà thương đã coi kỹ lắm mà. Suốt đời em sợ điên. Làm sao để mình không bao giờ điên hả anh. Anh đừng để em điên nhé anh Khải. Em đã sống xa nơi đó lâu lắm rồi, sao không đủ. Chỉ tại vì em muốn viết cho tới cùng. Em muốn viết để tự chữa khỏi những giấc ngủ có ác mộng. Em dại quá, tự chữa làm sao được. Em hứa với anh, em ngừng viết, em không bao giờ viết nữa. Nhưng anh chờ em, cũng phải có ngày em sẽ không còn thức giấc anh giữa đêm. Anh chờ em đi, ngày nào em khỏi, em sẽ cho anh hết tất cả cái bình thường của em. Anh Khải, em đã dấu mọi người, dấu anh cái thảm họa em gặp hồi nhỏ. Vì sợ từ đó người ta nhận ra cái điên của mình ngày hôm nay. Hình như em còn nhục vì nó, khi nhìn đời sống an lành của người khác chung quanh. Em sống với nó như một tội lỗi phải mang theo suốt đời. Nhưng hôm nay em muốn kể hết cho anh. Ngoài mẹ em và Gérard, em chỉ còn anh để thương.

6.

Năm ấy là năm 1972. Ở Hòa Bình, miền bắc Việt Nam, có một bản Mường nằm sâu trong một khu rừng nhiều hoa ban, trên một sườn núi đâm thẳng xuống con sông Đà. Một đêm, máy bay B52 đã đến oanh tạc. Người ta nghĩ ở đó có một dàn hỏa tiễn Sam. Bản có 7 gia đình, chỉ còn sống sót một bà mẹ và đứa con gái 8 tuổi. Hai ngày sau mới có người tới đó. Trong hai ngày, đứa bé chỉ có một mình để giúp mẹ đi lượm xác và chôn cất bố nó, chị em nó và gần 30 người khác. Từ đó nó có triệu chứng hỏng thần kinh.

Một tháng sau, một đoàn người Pháp đi qua vùng này. Họ thuộc một phong trào đòi hòa bình cho Việt Nam. Trong đoàn có một ông luật sư gặp đứa bé, nảy ý muốn đưa nó qua Pháp chữa bệnh và nuôi. Bà mẹ nhất định không rời làng nhưng chịu xa con.

Những năm sau này, đứa bé hồi xưa thường về thăm mẹ. Người ta kể bây giờ nó đã bình thường, còn là một thiếu nữ đẹp và văn minh.

Ngày hôm nay, gần bản Mường có du khách đến coi đập thủy điện lớn nhất Việt Nam.

Nếu ở đời, mọi người đều có được một phần hạnh phúc, thì người thiếu nữ về sau này còn nhiều may mắn.

VŨ HỒI NGUYÊN
Paris, tháng 6 năm 1995

---

1 Cô biết không, tôi thật sự không có cách nào giữ cô ở lại

2 Thưa cô

3 Nhà căn hộ loại sang

4 Gỗ quý, vì loại cây gần như không còn



DANH BẰNG

mặt trời và vầng lửa nhỏ

đôi khi tôi gặp tôi
như con bò mộng bị bắn gãy xương trong cuộc đào thoát vĩ đại
ảo tưởng là ốc đảo nhỏ bé chật chội còn sót
đại dương xanh mặn chát
tiếp tục nhận chìm
sự thật - những con ốc nhỏ bên bờ bể
ngàn năm giận dữ
tôi trỗi dậy
rồi òa khóc như đứa bé lần đầu xuống biển
mặt trời sáng rõ
khiến những đôi mắt u buồn khuất phục
quanh tôi chậm rãi, tảng lờ
khi ngôn ngữ đắm đuối của đêm
được cất lên bằng muôn ánh màu của sao
rơi xuống nơi sáng rực chân trời
nơi duy nhất khác biệt
với niềm bí ẩn sâu xa
tôi dõi vào bóng dáng
lẳng lặng bay lên như những thiên thần không ngủ
mải miết trôi và tan biến mất

DANH BẰNG



HOÀNG LỘC

ân hận ca

Trong cơn say ta đã lỡ lời
khi tỉnh rượu nghĩ mình nói bậy

em có mắt nhìn giống cô bé ấy
nên hồn ta bật khóc những dây đàn
một đời tình may rủi gian nan
ta sợ ý, bất ngờ em thấy được
bởi mái tóc đã ít nhiều điểm bạc
còn đa mang - sợ nữa, em cười?

trong cơn say ta thử ngỏ lời
khi tỉnh rượu ngẫm ra điều chưa ổn

em có bàn tay dịu dàng mấy ngón
có ngón nào của cô bé ngày xưa
chỉ một lần vuốt nhẹ trái tim thơ
mà vết xước đủ một đời máu ứa
ta nói dóc đã cuối thời phong độ
ba hoa hoài chỉ để bực lòng em

bởi thằng say thường phát những lời điên
em quyền phép thôi xin đừng trách chấp
Khi vắng rượu ta đây còn trật lất
huống chi đời cứ buộc mãi ta say

xin cảm ơn từ ánh mắt bàn tay
và xin lỗi những vội vàng bữa ấy
em con gái, chính em là chiếc bẫy
ta lơ mơ nên phải sập ngang đời

HOÀNG LỘC



NGUYỄN THỊ THU HUỆ

hậu thiên đường



Tôi cứ tưởng là mình đã quên mọi chuyện từ lâu. Bỗng dưng chiều nay, tất cả ùa về. Đầy ắp ứ, như thể có ai đó đã thu gom mọi thứ vào một cái bao tải to tướng, buộc chặt nút lại. Và nay, đem mở òa ra trước tôi. Đầy đủ, nguyên vẹn.

Khi tôi chợt hiểu ra ở đời mọi sự đều có thể xảy ra như thế cả thì cũng quá muộn rồi. Tuổi già sầp sập chạy đuổi sau lưng. Tôi thì quyết giở trò ú tim với nó bằng cách làm sao chạy trốn được nó càng lâu càng tốt.

Hôm nay sinh nhật con gái. Nó tròn mười sáu tuổi. Mặt con gái tôi giống người bố của nó. Nó không bao giờ biết điều đó vì khi nó hiện hữu trên đời này thì người thực sự là bố của nó đã ở một nơi xa tít tắp. Bây giờ, khi tôi bốn mươi tuổi, chợt thấy tại sao lâu nay mình để tuổi thơ của con tôi trôi qua trong nỗi buồn của sự cô đơn và hứng chịu nỗi cay đắng của một người đàn bà bị phụ bạc. Bỗng nhiên, lâu lắm rồi, tôi mới lại thấy tội nghiệp nó. Ngày xưa, đã một lần tôi thấy tội nghiệp nó, khi nó chạy ra đón tôi đi họp về. Nó với tay đỡ lấy bó hoa của tôi, và ngã lăn xuống cầu thang. Máu trên đầu nó loang xuống mặt. Nó không khóc, chỉ mím môi lại và bảo: “Không sao đâu mẹ ạ. Con không đau đâu. Mẹ về, con mừng quá”. Tôi đỡ nó dậy và nói: “Thì đã bao giờ mẹ không về đâu. Chỉ có sớm hay muộn thôi”. Nó hơi cố cười. Dù sao tôi biết lúc ấy, nó rất đau: “Mẹ về sớm, hôm nay lại là sinh nhật con. Mẹ mua hoa cho con, con sung sướng quá nên chạy ra đón”. Tôi cay đắng nhận ra là con nói với tôi bằng tất cả tình cảm và sự mong chờ tình yêu của tôi với nó. Còn tôi. Lúc ấy, tôi không hề nhớ rằng ngày hôm nay là sinh nhật nó. Bó hoa ấy cắm ở hội nghị, tan cuộc họp, hai ba người đàn ông loc xoe lôi nó ra khỏi lọ và kính cẩn tặng tôi. Họ rất biết kết hợp những nhu cầu của bản thân và hoàn cảnh khách quan bên ngoài, làm sao

vừa được lòng những người dàn bà như tôi. Và họ đã chẳng mất mát gì cả. Chỉ có con tôi là khổ thôi. Cũng như cái sự sinh nó ra trên đời này. Ngày ấy, khi sung sướng chúng tôi chỉ nghĩ đến mình, nhưng khi đau khổ tôi lại hay mang nó ra mà so, mà ngắm, và nhìn nó như một chướng ngại vật cản trở tôi trên bước đường đời. Nó chẳng có tội gì. Nó là sản phẩm của nỗi đam mê. Ai sướng. Ai hạnh phúc? Nó không biết. Chỉ được biết và được hưởng sự cô đơn, nỗi dằn vặt mà thôi.

Tôi cho con gái một trăm nghìn để làm sinh nhật. Mặt nó dại đờ đi vì sung sướng trước một hành động đẹp và hiếm hoi của tôi. Tôi nuôi nó tương đối đầy đủ nhưng không mấy khi chăm sóc. Mà con gái lớn thì thích được chăm sóc. Khi ở nhà thì bố mẹ, khi lớn lên thì người tình và sau đó là của chồng. Nó bảo: "Con sẽ được mua những gì mà con thích, phải không mẹ?" Tôi gật: "Phải, con mua gì tùy ý con, chỉ có điều không nên ầm ỉ. Mẹ không thích những gì lộn xộn".

Giọng nó run run: "Vâng, tuyệt lắm mẹ ạ! Chúng con sẽ lên Hồ Tây, thuê thuyền bơi và liên hoan luôn ở đó".

Tôi ậm ừ vì thấy con vui. Lâu lắm rồi nó mới cởi mở với tôi như vậy. Thực ra, tôi và nó ít khi gặp nhau. Tôi đi làm, nó đi học. Buổi chiều, thỉnh thoảng tôi ăn cơm với nó. Buổi tối, tôi thường vắng nhà. Nó có một khuôn mặt đợi chờ. Nó hay nhìn tôi bằng cái vẻ mặt đợi chờ đó. Nếu tôi lạnh lùng thì nó lảng đi. Tôi vui vẻ và tỏ ý muốn gần nó, cái vẻ mặt ấy thoắt biến đi, thay vào bằng khuôn mặt tràn trề hạnh phúc. Bao nhiêu năm tôi nhìn nó để tỉnh táo hơn trước đàn ông và mọi cạm bẫy.

Bỗng dưng hôm nay, mọi sự đó tan biến trong tôi. Con gái tôi lớn quá rồi. Sao lâu nay tôi không biết rằng ngực nó đã dội lên sau lớp vải áo và lưng nó đã nở nang hơn. Khuôn mặt nó đã đầy lên, loáng thoáng có cái trứng cá. Mặt nó vẫn còn trong sáng lắm. Nó đang loay hoay thay cái áo này mặc cái quần kia, hồi hộp như cô dâu sắp về nhà chồng.

- Hôm nay mẹ có đi nhảy không? - Nó hỏi.

- Không. Mẹ mệt mỏi rồi con ạ. - Tôi thở dài. Chợt thấy chán ngắt mọi chuyện. Nhạc dặt dìu. Những ngọn đèn mờ ảo và ngào ngạt trăm nghìn loại nước hoa. Hình như nó không làm tôi đam mê nữa. Thật ra, cũng nhờ nó mà tôi bớt đi những ngày đau khổ. Tôi luôn luôn ở ngoan ngoãn trong tay hết những người đàn ông này đến người đàn ông khác, nhưng của ai cụ thể thì không. Tôi nhìn tôi trong gương. Khuôn mặt đàn bà sang tuổi bốn mươi. Mí mắt bắt đầu sụp xuống. Biết là mình vẫn còn đẹp, nhưng cũng bắt đầu nhàu nhò rồi.

Con gái chào: "Con đi chơi mẹ nhé!"

Tôi gật: "Chúc con vui".

Hai chân nó ríu vào nhau vì quần là áo lượt. Nó đánh tí son môi và ít quầng xanh ở mắt. Hình như nó phải chui vào đâu đó để làm những việc này vì tôi chưa cho phép.

Cánh cửa đóng sập lại. Tôi nằm ngả người ra giường.

Đắng ngắt. Thế nào nhỉ? Bốn mươi tuổi tôi đã có cái gì cho mình? Tiền tài thì vớ vẩn chỉ đủ ăn và sống một cuộc sống đạm bạc. Một vài cái váy, áo để đi dạ hội và nhảy đầm. Công việc diễn ra đều đều, cùng nỗi nghi ngờ đàn ông. Dù thiếu họ nhiều khi cuộc sống của tôi lắm lúc gay gay. Có những kẻ yêu tôi thật, thì tôi không ngửi được họ. Còn một vài người tôi yêu họ thì họ chỉ xuê xoa "chơi" với tôi. Biết làm sao được. Con cá trượt thường là con cá to. Không có cái gì trong tay mình là nhất cả. Bỗng dưng, tôi thấy sập xuống người mình một nỗi trống trải hoang vắng khủng khiếp.

Hàng tối. Khi ông A, ông B đưa tôi về, con gái ra mở cửa và đỡ lấy chiếc xe cho tôi, vác qua phòng khách, nó lau bóng loáng để cất vào bếp, rồi nó pha một chậu nước ấm và đưa hộp sữa rửa mặt cho tôi rửa sạch những thứ đã bôi lên mặt. Rồi hai mẹ con đi ngủ. Thi thoảng, có đêm tôi ôm con gái, bàn tay sục vào gáy nó. Đến khi lùa tay vào mớ tóc dài và dày của nó tôi mới chợt thảng thốt tỉnh ra đấy là con gái mình, chứ không phải người đàn ông hồi tối.

Lâu lắm rồi. Tối nay, tôi là người ở nhà và con gái thì đi chơi. Người bạn nhảy của tôi cũng không đến. Anh ấy là người luôn rạch ròi mọi chuyện. Vợ con anh ấy là một cái lô cốt chắc chắn mà hàng ngày, hàng giờ anh ta cẩn mẫn nhặt nhạnh tí vôi, tí xi măng xây xây, trát trát. Và cái lô cốt của anh ngày càng to béo, vững chắc. Thi thoảng, để xả hơi và để nạp nhiên liệu cho công việc xây dựng của mình, anh đi nhảy đầm. Rất gallant với phụ nữ và lúc nào cũng mang một vẻ mặt thành kính, tác phong giống như thể anh đang gù gù hệt con chim câu, tha những cọng rơm đi dệt tổ ấm, chỉ thiếu con chim cái thôi. Có những lúc tôi bỗng thấy cần anh ta một cách ghê gớm. Tôi đạp xe đến cổng nhà anh, và nhìn vào. Anh đang ăn cơm. Xúc cho con một thìa, gắp cho vợ một miếng. Say sưa và sung sướng như thể họ là tất cả cuộc đời anh, không như anh phàn nàn với tôi. Anh hỏi tôi: "Đố em, con gì ăn lắm nói nhiều, chóng già lâu chết?" Tôi nghĩ mãi không ra lắc đầu chịu thua. Anh bảo: "Đấy là con vợ!". Rồi thỉnh thoảng có việc cần gặp anh buổi tối. Tôi nhờ trẻ con gọi và đợi anh ở đầu đường. Một lúc, anh hiện ra. Chiếc quần đùi vải lõng thõng, anh cởi trần, lê đôi dép rách và tay xách một thùng rác. Chớp nhoáng vài câu rồi anh quả quả bước về, sau khi đã hoàn tất một trong nhiều nghĩa vụ với gia đình.

Tôi lại bàn học của con gái. Nét chữ nó tròn xoe nắn nón và hàng lối rất nghiêm chỉnh. Con người nó chắc là cũng như những dòng chữ nó viết. Một là một, hai là hai, chứ không hai cộng hai bằng năm như tôi. Nó đã yêu hay ghét, chỉ là thế chứ không bao giờ thay đổi. Một quyển sổ con ở góc bàn. Ngoài bìa là mấy câu thơ. Sổ nhật ký. Hóa ra con gái tôi lớn hơn tôi tưởng rất nhiều. Trong sổ, nó ghi lung tung nhiều chuyện, chẳng đâu vào đâu. Cãi nhau với đứa này, khen đứa kia có đôi mắt đẹp. Nó ước những cái con con, vặt vãnh: "Ngày - Hôm nay đang ngồi trong lớp đợi mưa tạnh, chợt thấy cuối đường có một chị che cái ô đỏ. Đẹp thế không biết. Trong mưa, màu đỏ là màu đẹp nhất. Giá mình có một chiếc nhỉ?". "Ngày - Có một người đàn ông cởi trần, mặc quần đùi mang một chậu tã lót đầy phân ra máy nước giặt. Mình thì thấy

kinh kinh, thế mà ông ta vừa giật vừa cười một mình, lắm lúc môi nhọn ra như trêu ai, lại huýt sáo nữa. Chắc ông ta yêu vợ con lắm". "Ngày - Sao mẹ hay về khuya thế? Mình mà như mẹ, mình sẽ lấy chồng. Chọn người nào hiền lành và hơi ngu một tí để lấy và không cần đi làm nhà nước, chỉ cần biết một nghề gia công gì đó như ông Chiu hàn nhôm đằng trước. Mẹ sẽ sướng hơn là ở thế này. Mình thích những người thông minh nhưng ở với họ thì sợ lắm. Những buổi chiều chủ nhật, vợ chồng người ta đi chơi, mẹ thì ở nhà, còn đi chơi như mẹ, mình chẳng thích". "Ngày - Anh T. ở trường bên cạnh, là giáo viên sang dạy hộ văn nghệ, thể dục cho lớp mình, hôm qua rủ mình đi xem phim. Mình cũng muốn đi nhưng chưa xin phép mẹ. Hai người đi cả nhỡ hai con mèo con chạy mất thì sao. Nó chưa quen nhà mà. Mình thích anh ấy vì mắt anh ấy rất đẹp. mặt thì lúc nào cũng buồn, buồn như ngẫm ngợi điều gì. Những người đàn ông mặt lúc nào cũng hơn hớn lên mình cũng thích nhưng lại ngại. Họ hớn hở với mọi người như với mình, tin làm sao được. Không biết từ bao giờ mà mình có thói quen cứ gặp anh ấy là cả ngày mình vui lắm. Hôm nào không nhìn thấy anh ấy, mình cứ thấy văng vắng thế nào..."

Tôi thẫn người. Lâu nay, tôi trượt trên những cái dốc nào. Sao tôi không bao giờ hỏi đến cuộc sống nội tâm của con. Lâu lắm rồi, hình như tôi chưa dừng lại ngoảnh đầu về đằng sau để xem, chỉ tiến thôi.

Tôi đọc tiếp:

"Ngày - Tự nhiên hôm qua anh ấy đi ngang lớp mình, vẫy mình ra rồi bảo: "Triệu người quen có mấy người thân, khi lìa trần có mấy người đưa?" Mình nóng bừng cả mặt. Anh ấy bỏ đi, mặt buồn rũ rượi. Cả ngày, chả vào đầu mình được chữ nào".

"Ngày - con Cúc "xoe" thì thầm: Tao hôn rồi đấy. Mình hỏi: Nó thế nào? Cúc bảo: Lúc ấy, tao cảm giác như mình rơi tõm xuống ao, chìm nghỉm đi. - Vừa nói, nó vừa nhắm nghiền mắt lại. Xuôi hai tay và lăn huỵch xuống sàn nhà. Rồi nó lại vùng phắt dậy, mắt tít lên: - Hôn hay lắm mày ạ. Thử đi. Không chết đâu mà sợ, chỉ sợ rồi nghiện thôi.

Thử đi.

Mình cười ngượng: thử thì thử với ai? Tự nhiên đang yên lành bổng đè người ta mà bảo ông làm ơn cho tôi hôn thử ông một cái xem hôn nó mồm ngang mũi dọc thế nào? Họ lại chả tát cho vào mặt ấy và bảo rằng: Đấy, hôn nó thế đấy.

Rồi mình và Cúc cười lăn ra. Kể ra, nếu biết hôn nó thế nào cũng hay."

Con tôi lớn thật rồi. Sao đến bây giờ tôi mới biết điều đó nhỉ? Những người đàn ông đi qua đời tôi như thể bất chợt họ gặp cơn mưa rào, mà họ thì không mang vải nhựa để che. Tôi là một cái hiên rộng để họ chạy vào đó, yên tâm, tưng tửng chờ cho qua cơn mưa, rồi về nhà. Hóa ra lâu nay, tôi đi đường tôi, còn con gái tôi thì tự tìm một đường mà đi. Liệu nó có đi lại con đường của tôi không?

"Ngày - Mình nhớ anh ấy quá. Hai ngày tôi không thấy anh ấy đâu. Hay anh ấy ốm rồi. Đi học về, mình cứ thấy ngơ ngác thế nào ấy. Bỗng anh hiện

ra ở đầu đường: "Bé con, mấy ngày vừa rồi anh phải có phi vụ làm ăn, nhớ em quá, phải đón em tại đây". Ôi giời ơi, sao mình sung sướng thế. Mình yêu anh ấy mất rồi. Lúc ấy, mình không còn thấy cái gì ở trên đời này quan trọng bằng anh ấy. Thế là mình và anh ấy đi chơi với nhau. Bây giờ, mình thấy việc mẹ cứ suốt ngày đi vắng là rất hay. Nếu mẹ ở nhà, có lẽ chẳng bao giờ mình đi chơi với anh ấy được như thế. Mẹ mắng chết. Vì mẹ bảo cái bọn đàn ông rặt một loại đểu cả, đừng nên tin ai. Mình thì thấy ai cũng đáng tin hết. Nhất là anh".

"Ngày - Cái Cúc "xoe" bảo: Anh chàng của cậu được đấy. Trông giống chàng Lúit lắm. Tớ thích đàn ông phải như Hoanmannuen, vừa bàn nhau tống tiền người ta xong, lại mê cái đàn pianô ngay. Đàn ông phải có hai bộ mặt, vừa tử tế, vừa đểu giả, thế mới quyến rũ. Chàng Lúit của cậu tớ thấy gian gian. Mình chẳng nói gì. Gian, đểu hay tốt, mình cũng không quan tâm nữa, chỉ biết rằng anh ấy là người tuyệt nhất trần gian".

Tôi lặng người. Đầu bỗng đau buốt. Bỏ cuốn nhật ký của con ở đó, tôi đi ra sân. Mùa đông năm nay lạ lắm. Ban ngày thì nắng hoe hoe vàng, tối đến thì gió lồng lộng như mùa hè. Tôi cảm giác như mình đang bắt đầu đứng ở cuối con đường, nhìn thấy con mình đang dẫm chân lên những nơi mà tôi đã đi qua, nhưng không ngăn nó dừng lại được.

Thời gian trôi đi nhanh thật. Thoáng cái. Con gái đã biết yêu. Mới ngày nào nó còn lẫm chẫm chạy di chạy lại bằng đôi giày đỏ. Ra khỏi bệnh viện khi con bị viêm ruột thừa, bà kế toán cùng phòng bảo tôi: "Thương lấy nó một tí em ạ. Dù sao nó cũng là con mình. Bây giờ thì em chưa thấy cần nó đâu. Nhưng sau này, lúc nào đó, nó sẽ là cái gậy cho em chống đấy".

Lúc ấy, tôi cười nhạt và không buồn tranh cãi với bà ta. Hóa ra bây giờ, cái sự đó cũng gần gần đến rồi.

Mười một giờ. Đồng hồ nhà hàng xóm đong đưa thả nhịp. Con gái vẫn chưa về. Thì ra lâu nay nó đã đi và thường xuyên về muộn. Tôi lại không hề biết vì tôi cũng thường về muộn sau nó. Lòng tôi nóng như lửa đốt. Chẳng có lý do gì để có thể về khuya đến như vậy được. Sinh nhật từ chiều cơ mà. Xung quanh, hàng xóm ngủ im thin thít. Đường vắng hoe hoắt. Tôi quay vào nhà. Đến gần bàn học của con gái, định ngồi xuống nhưng tự nhiên cảm thấy hãi hãi trước những gì con ghi trong đó. Thôi, thà không đọc nữa còn hơn là phải biết những gì khủng khiếp đang xảy ra với con mình. Tôi hồi hộp đợi nó về gần như hồi hộp chờ người tình hò hẹn.

Mười một giờ ba mươi. Con về. Mặt nó nhợt nhạt phấn son, tóc nó bông lên sau vai chứng tỏ có bàn tay xới vào đó. Nó cụp mắt xuống, tránh ánh mắt tôi. Thôi, xong rồi con ơi. Mẹ đã qua những gì mà con đang đến. Không có bao giờ chỉ nói chuyện và đùa cười lại nhạt cả phấn ở má và quầng xanh ở mí mắt. Tóc lại rối lên thế kia. Tôi cay đắng nghĩ và nhìn con. Sao tôi thương nó thế không biết. Vội vã thế con. Cuộc đời dài lắm. Mà những hoan lạc con người ai cũng phải trải qua thì ngắn vô cùng. Vội mà làm gì. Hai mươi tư tuổi mẹ mới biết thế nào là hạnh phúc thì lập tức một chuỗi dài đau khổ kéo theo.

Thế mới hay, ai cũng nhem nhẻm nói rằng mọi thứ ở đời đều có giá của nó. Hoặc trồng cây gì ăn quả đấy. Nhưng tôi, tôi có gieo gì đâu mà đời tôi gặt toàn cỏ dại. Chẳng lẽ, một phút xiêu lòng mà lại khốn khổ đến thế này sao?

- Con xin lỗi mẹ, con đã để mẹ phải chờ! - Nó lúng búng trong mồm.

- Vui không con? - Tôi hỏi và chỉ muốn ôm nó vào lòng. Bỗng nhiên, nước mắt dâng ngập ứ trên mắt tôi.

- Cũng vui mẹ ạ! - Nó trèo lên giường và chui vào chăn quay mặt vào tường.

- Sao lại cũng vui? Phải rất vui chứ?

Im lặng. Rồi tôi hỏi thêm vài câu nữa, nó đều không trả lời. Tôi lại giường, đập tay vào vai nó. Nó quay phắt ra, ngơ ngác. Chứng tỏ từ nảy đến giờ nó không hề nghe câu hỏi của tôi.

- Gì thế mẹ? - Nó hỏi, mắt tròn xoe.

Tôi lặng người nhìn nó. Xong thật rồi. Con gái tôi thành đàn bà mất rồi. Cái mặt nó ngây dại vì hạnh phúc, và ánh mắt nó như người có lỗi. Ngượng ngùng và đờ dẫn. Đấy là ánh mắt của tôi mấy mươi năm về trước. Lúc ấy, tôi như đi trên chín tầng mây mười tầng gió. Tôi không nhìn ai hết, không biết gì hết ngoài việc là tôi đang hạnh phúc. Tôi vừa bước vào thiên đường của đời người mà anh - người đàn ông đầu tiên trong đời - đã mở cho tôi và dìu tôi vào đó. Người đàn ông ấy vừa mở cửa cho tôi kịp nhìn thấy những vòng hào quang của nỗi đam mê thì lập tức, sau đó sáu tháng, anh ta dẫn tôi đến một cái hang sâu hun hút và đẩy tôi vào đó. Đến tận bây giờ.

Đứa nào nhỉ, đứa nào mang mất khuôn mặt đợi chờ của con gái tôi đi mất và trả cho nó khuôn mặt đàn bà, vừa đằm thắm vừa non nớt của cô bé tuổi mười sáu? Nó đã đến tuổi thành niên đâu cơ chứ. Tôi đau đớn nhìn con và nước mắt tôi chảy dài xuống má.

- Mẹ làm sao thế? - Nó hốt hoảng, khuôn mặt đã trở lại bình thường.

- Không sao cả con ạ! - Tôi quay đi, không muốn con gái nhìn thấy mình khóc trước mặt nó. Đấy là một hành động hiếm hoi của tôi.

Tôi lặng lẽ ra sân. Trong mùa đông lạnh lẽo hắt ánh sáng từ đâu đó. Người tôi thoắt lạnh, thoắt nóng. Rồi bắt đầu run. Con gái đứng sau lưng.

- Vào nhà đi mẹ. Con xin lỗi đã làm mẹ buồn.

- Con yêu người con trai ấy lắm phải không? - Tôi hỏi.

Im lặng. Rồi một lúc, nó khe khẽ trả lời:

- Vâng ạ!

- Con nhớ anh ấy lắm phải không?

- Vâng ạ!

- Lâu chưa?

- Gần bốn tháng! - Nó có vẻ đỡ sợ hãi hơn.

- Và hai người đã gắn bó với nhau?

Im lặng. Kể ra khi bắt đầu hỏi đến câu đó, tôi cũng nghĩ là con gái không trả lời được. Không một người đàn bà nào trả lời câu đó cả.

- Con năm nay mười sáu tuổi. Sao vội vàng thế? - Tôi cay đắng hỏi nó.

- Hai năm nữa, chúng con sẽ lấy nhau. Khi ấy con đủ tuổi để lấy chồng rồi! - Nó hớn hở dần lên.

- Đấy chẳng lẽ là tất cả cuộc sống của con hay sao? - Tôi hỏi, tim buốt nhói vì một lần nữa, tôi lại chậm.

- Đấy là thiên đường, mẹ ạ! - Nó ngẩng nhìn tôi, mắt lóc sáng - Chúng con sẽ đi làm, sẽ chỉ có nhau và những đứa con. Con sẽ không bao giờ phải buồn như mẹ.

Tôi im lặng, người lạnh ngắt. Con tôi bước vào cái gọi là thiên đường của tôi, cách đây mười sáu năm. Lại vẫn những vòng hào quang như tôi đã gặp. Đến lúc nào, sẽ là một cái hang sâu hun hút?

- Chúng con sẽ ở cùng mẹ. Mẹ sẽ không phải buồn vì được làm bà ngoại của một lũ cháu - Nó vẫn say sưa.

Tôi có cảm giác như mình bỗng hóa thành đá. Thiên đường. Hình như ai trong đời cũng đã từng đặt chân đến đó. Chỉ khác nhau là thiên đường của họ là cái gì, và đem lại hạnh phúc cho họ ra sao. Có người thì chạy hết thiên đường này tới thiên đường khác, có khi vừa lao vào rồi lại chạy tọc ra ngay vì kinh hãi. Tôi đã từng gặp một người đàn bà và người đàn ông từ thiên đường về. Anh ta ngồi trước mặt tôi, bên cạnh là người đàn bà. Người đàn ông mặt bạc phếch, tóc tai dựng tứ phía, môi nhạt thếch và đang ngấu nghiến nhai. Ông ta ăn như thể bị chết đói hàng thế kỷ. Hai mắt còn đang đờ dại sinh động dần lên. Những sợi phở xào thun thút chui vào miệng ông ta, kèm rau sống, cà chua, như thể trong bụng ông ta một tảng nam châm và các đồ ăn là vụn sắt hút nhau vậy. Chui từ từ, chui dần dần, ngon lành. Người đàn bà thì ngược lại. Mỏi mệt, ngơ ngác và không đói. Bà ta chỉ ngồi ngáp vặt. Tôi hỏi, hai người đi đâu về mà mệt mỏi thế?

Người đàn bà hơi cười, nụ cười nhệch nhạt như mếu. Người đàn tiếp tục nhai nốt miếng dở, nuốt đánh ực rồi tớp một ngụm rượu, khà một cái và bảo: *Vừa từ thiên đường về!* Rồi ông ta tiếp tục ăn như thể cái thiên đường nó vặt trụi hết mọi sinh lực của ông ta vậy.

Tôi cười: Vừa lên thiên đường về, và bây giờ thì ở đâu?

- Địa ngục! - Anh ta lẩm bẩm, mồm vẫn nhai. Đôi môi dày bóng mỡ, những vụn mì bám li ti ở hàng râu con kiến.

Sau này tôi có gặp ông ta và người đàn bà ấy (Họ ở cùng một cơ quan với nhau, và tôi thì làm bên cạnh). Họ lấy nhau. Hai bên đều bỏ vợ bỏ chồng vì cái gọi là hậu thiên đường nó to dần lên trong bụng người đàn bà. Người đàn ông trông nhàu nhò hơn, giống như nắm giẻ lau. Và người đàn bà thì nhăn nhúm như quả táo tầu. Rồi họ đẻ ra một đứa con quặt quẹo, vì bố mẹ chúng cũng mệt mỏi lắm rồi.

- Vào ngủ đi mẹ! - Con gái nói.

- Mẹ không ngủ được.

Con gái im lặng và quay vào.

Xa xa, có tiếng gà te te gáy. Gần sáng rồi.

*

Tôi trở thành một người khác. Hình như cái sự già nó sập xuống với tôi rồi. Tôi không còn chơi trò ú tim với nó nữa. Mọi tâm trí, nghị lực và sức chịu đựng, tôi dành cho con gái. Tôi sợ. Tôi không thể yên tâm ở cơ quan đến chiều và đi thông tầm đến tối như trước nữa. Lúc nào tôi cũng tưởng tượng ra cảnh con gái tôi, mười sáu tuổi, nước mắt nhòe nhoẹt trên mi "Anh ấy bỏ con rồi" hoặc "Con sắp chết rồi mẹ ơi". Lúc nào tôi cũng chỉ thấy nó, đang bò từ bờ vực này đến bờ vực khác. Những vũ trường, những ánh đèn, làm tôi kinh hãi khi nghĩ rằng con mình sẽ ở trong đó. Tôi thường về nhà sớm, tối thì không đi đâu nữa.

Con gái hỏi: Sao dạo này mẹ không đi nhảy?

Tôi trả lời: Mẹ mệt.

Nó lạ lắm và hơi khó chịu nhìn tôi. Đã đến lúc nó không cần sự có mặt của tôi nữa rồi. Nó tưởng rằng đôi chân của nó đã cứng cáp lắm rồi. Tôi đau đớn nghĩ.

"Ngày - Hôm qua mình và anh ấy đi chơi. Mình phải nói dối mẹ là đi mua xà phòng thơm. Vào cửa hàng, toàn những bánh xà phòng sáu bảy nghìn. Mình mua một bánh ZET, mùi nó hăng hắc nhưng lại dễ chịu. Anh ấy trả lại chị bán hàng và chọn cho mình cái bánh xà phòng gì ấy. Nó to hơn cả ZET, cứng đanh và không có mùi thơm. Mình chưa dùng loại đó bao giờ. Bánh xà phòng anh ấy lấy chỉ có 2.500 đồng thôi. Anh bảo: "Nó vừa to, vừa bền lại rẻ". Chiều anh ấy, mình cũng đồng ý mua. Lúc mình đưa tờ 10.000 đồng, chị bán hàng trả lại 7.500 đồng anh ấy giơ tay cầm lấy và đút ngay vào túi. Mình hơi ngại nhưng không dám hỏi vì có thể anh ấy quên. Chỉ sợ nếu mẹ hỏi thì không biết trả lời thế nào. Rồi hai đứa ra bờ hồ ngồi. Mình thèm ăn bánh chuối rán. Anh ấy bảo: "Ăn vặt làm gì, chua mồm!" Anh ấy ôm lấy mình. Mình chẳng thấy chuyện gì quan trọng nữa".

"Ngày - Anh ấy biến đi đâu hai ngày rồi bảo mình: Anh cố gắng thu xếp xong công việc gia đình càng sớm càng tốt. Anh sẽ nuôi một đứa, còn mụ vợ nuôi một đứa. Anh sẽ đấu tranh với mụ vợ để chiến thắng. Mụ ta sẽ phải bật xới khỏi nhà tay trắng. Rồi anh ấy sẽ lấy mình. Sao anh ấy khổ thế nhỉ? Ước gì mình có thể chia sẻ cho anh ấy được".

"Ngày - Sáng nay hai đứa đi ăn xôi. Bà bán xôi bảo: Hai bố con ngồi đây ăn xôi đi! Anh ấy cáu lắm, mắng bà ấy là mắt chó giấy. Mình cố gắng lắm chỉ ăn được năm trăm. Mình thích ăn bún riêu cua. Anh ấy thì dứt khoát không ăn. Anh ấy bảo cái giống ấy nó õng bụng và chóng đói, ăn xôi chắc dạ hơn. Mình đưa 5.000 trả tiền xôi, hai đứa ăn hết 2.500 đồng, anh ấy bảo bà hàng xôi cứ giữ lấy mai ăn tiếp. Mình thì thế nào cũng được, miễn anh ấy vui vẻ thôi".

Tôi run rẩy đứng lên. Chống chếch và quay cuồng. Sao lại thế hả con? Con lú lẩn mất rồi. Tôi phải làm gì bây giờ hở trời? Không phải con đang chập chững ở miệng vực nữa mà con đang ở trong vực rồi. Bao giờ thì chìm

xuống dáy?

Giống như người điên. Lại giống như kẻ bị mất của. Cũng như người đánh xổ số, chỉ trệch một giải cuối cùng của giải độc đắc. Cuồng điên, tiếc nuối và bất lực. Tôi lao ra đường. Những khuôn mặt chạy ngược lại tôi, nhạt nhòa. Ai cũng mang khuôn mặt con gái. Chỉ có điều, đấy không phải là khuôn mặt đợi chờ mà là khuôn mặt đàn bà. Người đàn bà mười sáu tuổi.

Những hàng cây, những nẻo phố và người đông đúc. Con tôi ở đâu? Bên những người đàn ông một vợ hai con, chỉ thích ăn xôi cho chắc bụng lại còn bòn rút từng đồng một. Ấy vậy mà con tôi, ngỡ rằng, nó đang ở thiên đường?

*

... Mẹ ơi, mẹ đừng đi guốc cao thế, ngã thì sao? Không, mẹ không ngã đâu. Mẹ ơi, mẹ làm thế nào mà xinh thế? Mẹ chẳng làm gì cả con ạ. Mẹ ơi, mẹ đi chơi với con nhé. Không, mẹ bận rồi.

Con tôi ở đâu, giữa phố đông mịt mùng người và xe. Mạnh ai nấy sống bởi gánh nặng của kiếp người đè ụp trên vai. Có một phải có hai, có hai phải có bốn. Hôm nọ. Nó về, thay quần áo, tôi lấy đi giặt. Chợt sững người vì mớ quần áo đầy mùi khai của nước giải trẻ con. Tôi hỏi nó tại sao, nó bảo: "Con anh ấy ốm, con phải đến trông đỡ vì anh ấy không thể nghỉ làm". Nó còn hãnh diện, mắt sáng lên bảo rằng thằng nhóc quấn nó lắm, và con gái cảm thấy đứa trẻ như con trai của mình. Tôi cảm thấy tôi nhìn thấy nó, ngồi bên người đàn ông. Hắn nhếch nhác trong bộ quần áo màu gạch, bẩn thỉu và hôi hám. Hắn đang ôm hôn con gái tôi, hai bàn tay lùng sục trong áo nó. Con gái như mê đi trong vòng tay hắn. Chiếc cặp sách rơi dưới đất. Trên bàn là hai cốc cà phê loãng toét, họ vào quán đâu phải để uống nước.

Tôi cảm giác con gái đang âu yếm vuốt ve hắn, xoa lên khuôn mặt nhăn nhúm vì tuổi tác của hắn với vẻ trìu mến và trải đời lắm. Hóa ra, đàn bà, ai cũng có những khả năng giống nhau: yêu đương, ghen tuông và cuồng si.

... Mẹ ơi, ngày sau con có phải khổ như mẹ không? Mẹ có khổ đâu? Có, mẹ có khổ, đêm nào con cũng thấy mẹ khóc. Ừ, mẹ buồn mẹ khóc. Bố làm mẹ buồn à? Con đừng nhắc đến người đàn ông khốn nạn ấy nữa. Không, đấy là bố con, lúc nào con cũng đợi bố con về...

Con ơi, con ở đâu. Sao khổ thế hả con, ai cứu con tôi bây giờ, ai giúp tôi lôi nó ra khỏi cái thiên đường địa ngục đó bây giờ?

Mắt tôi bỗng đập vào một rừng hoa. À không, pháo hoa chứ. Còn nhớ, năm hai mươi bốn tuổi, tôi và người tình đầu tiên lách chiếc xe đạp, từng tí một, giữa dòng người, chân chôn chặt dưới đất nhưng ai cũng ngửa mặt lên trời để xem pháo hoa. Từng chùm hoa lắc rắc trên bầu trời tím ngắt. Tôi ôm lấy anh, như nuốt từng vì sao rơi rụng, như muốn hét lên hạnh phúc. Bây giờ, những chùm hoa đó lại trở về. Chỉ có điều, nó không rụng từ bầu trời tím nữa mà ùa thẳng vào mặt tôi.

Tôi không biết gì nữa ngoài cảm giác tất cả tan biến hết. Con gái. Người

đàn ông thích ăn xôi buổi sáng cho chắc dạ và uống cà phê trong lúc yêu đương, lúc nào cũng chỉ cà phê. Những chùm pháo hoa... Thiên đường tuổi mười sáu!...

Chẳng còn gì. Ngoài sự hư vô. Bầu trời pháo hoa vụt tắt và mở ra hun hút một vực sâu...

*

Cô gái ngẩng mặt lên, khẽ rùng mình:

- Anh, em tắt thở rồi. Gì mà thơm!

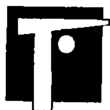
Người đàn ông, giọng khẽ khàn đi:

- Anh yêu em, lúc nào cũng thèm em, không thể vắng em được trong những năm cuối cuộc đời anh.

Có tiếng vang từ tivi của nhà chủ: "*Mời nhận dạng... Công an quận... thông báo... vào hồi 6h34' ngày... có một vụ tai nạn xe cộ xảy ra trên đường... nạn nhân là một phụ nữ khoảng trên bốn mươi tuổi, mặc áo màu... xe đạp mini... chân đi giầy... không mang giấy tờ tùy thân... Ai là người nhà, mời đến đồn công an... nhận diện và làm thủ tục*".

Cô gái vội đặt tách cà phê xuống, nhưng người đàn ông cũng vừa tợp xong cốc cà phê của mình và choàng tay ôm lấy cô gái. Cô lại nhắm nghiền mắt, say lịm đi, không kịp nhìn lên màn hình. Phải chăng đó là may mắn cuối cùng của cô trước khi bước vào... hậu thiên đường?

NGUYỄN THỊ THU HUỆ



NGUYỄN THỤY KHA

vắng cách

Những con đường ngòn ngọt vị đường
Tà áo bay dáng em nhè nhẹ
Bao ô vườn hoàng hôn của Huế
Núi Ngự Bình tôi từng căng sợi dây

Bao năm rồi lòng tôi gãy cùng cây
Nỗi vắng cách cũng là cơn bão lớn
Có còn đôi khi chỉ là mùi cơm hến
Một tinh sương văng vẳng dốc Phú Cam

NGUYỄN THỤY KHA

TRẦN MỘNG TÚ

hạt thóc

Tình yêu như hạt thóc
em ủ trong lòng đất
Hạt thóc nẩy mầm thành cây mạ non
Anh đến
Em tặng anh bông lúa đầu mùa nặng trĩu
Bây giờ trên cánh đồng loáng nước
hồn em
chỉ còn lại những cọng rạ,
ngậm ngùi

phấn thông vàng

Anh như ngọn gió
làm rung động những cành thông
đang lặng thinh
trong trái tim em
Em mở cánh cửa thanh xuân
bấy lâu đã bỏ quên
phấn thông vàng bám đầy ngực áo

TRẦN MỘNG TÚ



TRẦN SA

ngày nhặt cỏ

Một ngày không yêu đời
giờ rảnh ghé siêu thị mua thuốc lá
ngồi trong xe ở bãi đậu
hút mấy điếu thuốc
hai con mắt ráo hoảnh

Chán rồi những danh từ
Depression. Manic depression
Bệnh hoạn gì
Chỉ chán đời
Một kẻ nhìn thấy định mệnh hắn
Không thể không chán đời

Người chung quanh đang lần lượt qua đời
Rồi sẽ đến lượt hắn
Ngày mai, vài chục năm sau
thì cũng chẳng mấy khác
Thân xác hắn sẽ ung thối tan rữa
hay bị đốt thành tro

Vậy mà những ngày còn sống này
Vẫn đầy những âu lo
tiếp tục đầy âu lo?

Trời sinh voi sinh cỏ
Cỏ ngày héo ngày tươi
ngày ít ngày nhiều
Cha mẹ gần tám mươi
Hai mươi năm con vẫn lang thang ngoài đồng
đi kiếm cỏ

Một ngày đi kiếm cỏ

nhặt ra bao nỗi chán đời
Một đời đi kiếm cỏ
tìm được mấy ngày vui

Một ngày không yêu đời
đem về dăm cọng cỏ nằm gặm nhấm với bạn đời
vị cỏ chua chua chát chát
giọt nước mắt nhớ nhà mằn mặn

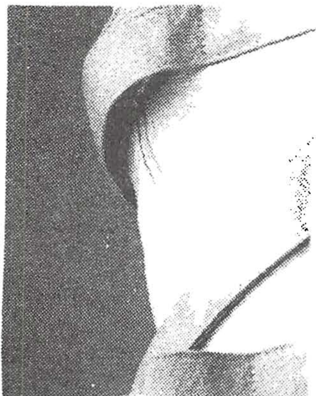
May còn có chiếc hôn

TRÂN SA



HOÀI MỸ

cây sau nhà



Về Việt Nam lần đầu tiên này tôi chỉ có mục đích gặp lại cha mẹ già, sau đó thăm vợ chồng Hoàng.

Bởi vậy sau ba ngày ở Sàigòn, tôi tìm phương tiện ra miền Trung. Chiếc xe đò cũ kỹ ì ạch chạy hơn mười tiếng đồng hồ mới tới nơi. Tôi hỏi thăm đường. Người tài xế xe ôm bảo đảm sẽ đưa tôi đến địa điểm mong muốn.

Đường hẹp, lồi lõm. Chiếc xe gắn máy nhảy lên, chồm xuống. Anh tài xế nhiều lúc phải lê chân xuống để giữ thăng bằng. Tôi thấy tội nghiệp cả xe lẫn người.

Khi anh tài xế hất hàm chỉ nhà kia rồi, tôi bảo dừng lại để đi bộ tới cũng được. Tôi trả công anh bằng đô la nhiều hơn số đã mặc cả. Người và xe đã mất hút sau rừng cây mà tôi vẫn nghe tiếng máy nổ ròn, như reo vui.

Ngôi nhà khá lớn, cao ráo. Mái lợp nửa tôn, nửa lá. Vách được lắp bằng những tấm ván gỗ không đều kích thước. Tôi đứng bên ngoài cổng lên tiếng gọi. Con chó từ trong nhà xổ ra sủa ầm ĩ. Một người đàn ông xuất hiện giữa khung cửa. Hoàng. Cả hai chúng tôi sững lại, đứng bất động. Chắc Hoàng không thể ngờ bỗng thấy tôi ở đây. Chúng tôi nắm tay nhau, xiết mạnh. Tôi cố dằn cảm xúc; giọng vẫn cứ lạc đi:

- Chị với các cháu đâu?

- Dù hết về thành phố rồi. Bà xã ngoài vườn.

Tôi để chiếc xắc quần áo xuống hiên nhà rồi bước theo Hoàng. Phía sau nhà đất trải thoai thoải. Tôi nghe trong gió có mùi biển. Hoàng bảo đúng vậy, chỗ này gần một eo biển nhỏ. Tôi chợt bắt gặp trên một thân cây cổ thụ có gắn một trang thờ đỏ chói, trên đó bày đĩa trái cây, bình hoa và bát nhang. Tôi ngạc

nhiên. Ngày xưa Hoàng vẫn tuyên bố chẳng tin Chúa, Phật nào cả. Không lý bây giờ lại sùng bái thứ tín ngưỡng thời thượng của làng xã Việt Nam vốn tin có quỷ thần ngự trị ở các gốc đa, cây đề? Tôi quay nhìn Hoàng, nhưng Hoàng không để ý, thao thao kể các đặc tính của thảo mộc ở đây. Hoàng chỉ tay:

- Kia, giang sơn của bọn này đấy.

Một người đàn bà đội nón lá đang khom mình trên những luống rau. Hoàng gọi. Vợ Hoàng ngẩng lên, lộ vẻ ngạc nhiên cao độ. Cũng như chồng, chị Hoàng thay đổi nhiều. Những dấu vết cơ cực và thời gian đã hằn sâu trong ánh mắt, trên khuôn mặt và tay chân. Tôi lấy giọng tự nhiên khen chị Hoàng mát tay nên rau cỏ mới xanh tươi thế này. Sau những phút bối rối, chị Hoàng cũng trách tôi về mà không hề báo trước rồi hỏi thăm gia cảnh và cuộc sống của chúng tôi ở nước ngoài:

- Bên ấy nhộn nhịp, giờ anh thấy đây chỉ núi với rừng chắc... buồn lắm nhỉ?

Tôi cười:

- Hiện tôi có cảm giác mình rũ được mọi ô uế của thành phố, chị ạ.

rồi hỏi:

- Sao anh chị biết nơi đây mà... mò về lập nghiệp?

Chị Hoàng mau mắn:

- Ấy cũng tại nhà tôi đi học tập lâu quá không chịu về. Mẹ con tôi ở nhà quá cơ cực, may có người mách nhà với vườn này bán rẻ, bèn vét túi lấy đại.

Hoàng tiếp lời:

- Khi được thả về, tôi thấy ở đây có thể... vui thú điền viên được nên cũng chẳng thiết toan tính gì khác nữa.

Chị Hoàng xin phép rảo chân về trước, chắc để lo liệu bữa cơm. Hoàng dẫn tôi vòng qua một con đường khác và chỉ cho tôi những căn nhà đứng rải rác trong các lùm cây. Có những đám người làm việc trên các thửa ruộng hoặc gồng gánh bên ven đồi. Hoàng bảo trước đây khu vực này đúng là nơi khỉ ho cò gáy, nhưng từ mấy năm nay dân chúng kéo về khai phá ngày một đông.

Khi chúng tôi trở lại phía sau ngôi nhà của vợ chồng Hoàng, mắt tôi lại bị cái trang thờ đỏ chói trên thân cây cổ thụ quấn hút. Tôi đành nửa đùa nửa thật hỏi:

- Anh chị thờ Thành Hoàng hay Thổ Thần đây?

Giọng anh trang nghiêm:

- À, đó là mộ của một... oan hồn.

khiến tôi bật cười lớn tiếng:

Cơm nước xong xuôi trời cũng đã tối mịt. Tuy ngồi nói chuyện với vợ chồng Hoàng, nhưng không hiểu sao cứ thỉnh thoảng mắt tôi lại vô tình đảo ra bên ngoài khung cửa sổ để rồi lại thấy gốc cây cổ thụ đứng ở góc vườn, cạnh hàng rào. Cành lá xum xuê mà lúc này đã trở thành một khối đen chuyển dịch. Tôi nghe như có tiếng gió rít liên hồi. Nếu không có cái trang thờ trên thân cây chắc tôi đã nghĩ tới hình ảnh con quái vật khổng lồ đang giang tay chụp xuống ngôi nhà này. Những ngọn nhang hồi chập tối chị Hoàng đã kính cẩn thắp lên vẫn còn cháy đỏ leo lắt. Vẻ vừa liêu tịch vừa huyền bí.

Khi Hoàng mở chai rượu mới (rượu này Hoàng tự nấu lấy) thì hình như *đêm đã qua hơn nửa. Chị Hoàng kiếu từ đi ngủ trước. Hoàng nói với theo:*

- Nhà tôi hôm nay vui lắm mới thức được tới giờ này. Mọi tối cứ thu dọn chén bát xong là mắt đã díu lại.

Hoàng tiếp rượu vào ly tôi, ly Hoàng. Tôi rút một điếu thuốc rồi đẩy bao thuốc về phía Hoàng. Không gian chìm sâu trong thinh lặng. Tiếng Hoàng bỗng nổi lên, nghe vang:

- Ông biết vì sao vợ chồng tôi lại đặt cái trang thờ trên cây cổ thụ sau nhà không?

Tôi cười, trả đũa:

- Thì đó là mộ của một oan hồn.

Nhưng Hoàng nhẹ lắc đầu:

- Ông tưởng tôi đùa?

Rồi Hoàng cạn ly rượu; mắt hướng nhanh ra ngoài cửa sổ. Ngọn đèn dầu không tỏa ánh sáng nổi khắp gian nhà.

- Ngày mới về tôi đã định cưa cây ấy xẻ lấy gỗ bán, nhưng vì cây lớn quá, tôi tính hôm nào phải thuê thợ. Cũng bởi không gấp nên tôi dành thời giờ sửa sang trong nhà trước đã. Cũng may, không thì...

Hoàng ngừng lại, dụi điếu thuốc xuống chiếc gạt tàn. Sau phút đăm chiêu, Hoàng tiếp:

- Sự việc xảy ra thật bất ngờ, đúng vào thời gian vợ chồng tôi đang bàn tính bán nhà, bán vườn để về thành phố vì các cháu đã ở cả trên đấy. Nhưng... Âu cũng là định mệnh xếp đặt.

Tôi nhìn Hoàng. Giọng anh chùng xuống:

- Một buổi chiều cuối tháng mười, ngoài trời cũng đã tối. Hôm đó chỉ có tôi và nhà tôi ở nhà, các cháu đều công tác ở các tỉnh đoàn, thành đoàn cả. Chúng tôi vừa cơm nước xong thì nghe tiếng gõ cửa. Con chó nhà này sủa inh lên. Lạ. Ai lại có thể đến chúng tôi vào giờ này? Kinh nghiệm những năm học tập khiến tôi sợ. Sợ thật sự. Tuy nhiên tiếng gõ cửa có vẻ từ tốn, rụt rè, rõ ràng không phải kiểu của công an. Chần chừ một lúc lâu tôi mới đánh bạo ra mở cửa. Nhà tôi cầm đèn theo sau. Trước mắt chúng tôi là một người đàn ông mà đầu tóc, râu ria làm khó đoán ngay ra được tuổi tác. Dưới ánh đèn đôi mắt ông ta lộ vẻ mệt nhọc, nhưng không có nét gì dữ dằn, trái lại hiền từ. Trống ngực tôi bớt đập mạnh. Đoán biết chúng tôi ngạc nhiên, ông ta vội giới thiệu tên Việt và nhận mình là người đầu tiên đã ở đây. Nghe vậy tôi hỏi:

- Thế... ông cần chúng tôi giúp gì?

Thay vì trả lời, ông ta chép miệng:

- Cảnh vật thay đổi nhiều quá, tôi phải tìm đường mãi mới lên tới đây được. Mười mấy năm rồi còn gì!... Nếu ông bà không ngại, xin cho phép tôi được vào nhà. Câu chuyện tôi muốn thưa với ông bà hơi dài...

Tôi đưa mắt nhìn nhà tôi, thầm hỏi ý kiến. Thấy chúng tôi do dự, ông ta từ tốn nói tiếp:

- Tôi không dám ép. Trường hợp bất tiện, tôi xin trở lại dưới phố vậy.

Nhà tôi vội vàng:

- Không sao ạ. Mời ông vào nhà. Chúng tôi chỉ...

Không để nhà tôi chấm dứt câu, ông ta nói cám ơn bà, cám ơn ông bà.

Nhà tôi ngỏ ý dọn ít thức ăn, nhưng ông ta lắc đầu nói không đói. Tôi pha trà mời. Ông ta cầm tách nhấp từng ngụm nhỏ. Lúc này tôi mới nhìn kỹ. Đó là khuôn mặt của một người khắc khổ, từng trải. Tóc đã bạc nhiều. Thân hình khá vạm vỡ và các ngón tay sần sùi chứng tỏ ông ta hẳn đã một thời lao động vất vả. Tuy nhiên, đừng để ý đến bộ râu rậm, chỉ nhìn vào ánh mắt, người ta có thể nhận ra ông ta hẳn chưa... già nhiều đâu, cao lắm cũng chỉ hơn tụi mình độ vài tuổi là cùng. Khi nghe ông ta nói mới từ hải ngoại về, tôi suýt đánh đổ ly nước. Sau những câu thăm hỏi xã giao, ông trở nên trầm ngâm và nét mặt nghiêm trọng lạ lùng. Giọng ông ta ngậm ngùi, nhưng âm sắc vẫn rõ ràng.

*

... Vào cuối năm 75 vùng này rất hoang vu. Rừng núi rậm rạp cây cối. Ngoài nai, hoẵng, còn nhiều thú dữ khác như cọp, gấu vẫn thường về tận đây tìm mồi. Dân chúng vắng vẻ. Họ đều thuộc diện mà chế độ mới gọi là ngụy quân, ngụy quyền hoặc ăn bám xã hội. Gia đình tôi thuộc loại thứ hai vì cha tôi tử trận từ mùa hè đỏ lửa, mẹ tôi buôn thúng bán bưng nuôi con. Tất cả bị chính quyền cưỡng bách về đây theo cái gọi là phát triển kinh tế mới. Mọi người phải tự lực khai phá rừng hoang. Ban đầu có chừng chục nóc nhà nằm lác đác trên lưng đồi và dưới thung lũng. Chỉ gia đình tôi và nhà bác Bường ở gần nhau. Nói gần nhưng cũng cách non nửa cây số, vào những ngày xấu trời bên này không nhìn rõ bên kia.

Lúc đó tôi gần mười lăm tuổi. Khu đất này, căn nhà đây khởi đầu do mẹ con tôi tạo dựng. Cơ cực lắm. Không sao tả xiết. Mẹ tôi suy yếu dần, thỉnh thoảng lại ôm ngực ho rũ rượi. Đó là hậu quả của lo âu, lao lực và khí lạnh. Hầu hết công việc nặng nhọc tôi cáng đáng lấy. Hai em tôi còn nhỏ, chỉ mới giúp được việc xuống suối xách nước lên và nhặt cành cây khô về đun nấu. Mẹ luôn nhắc nhở anh em tôi sớm tối phải cầu xin linh hồn cha phù hộ để không bị chết đói. Gần một năm sau chúng tôi mới được ăn những hoa màu đầu tiên, nhưng chẳng biết đến bao giờ mới dư dật để có thể mang xuống chợ bán. Cũng may, nơi đây vốn bị coi là là nơi đi đầy biệt xứ nên không ai thèm để mắt tới, kể cả chính quyền mới.

Bên tôi với gia đình bác Bường thân nhau lắm. Không hẳn vì hai nhà là hàng xóm, nhưng chính yếu do mối liên hệ giữa tôi và Duyên, con gái lớn của bác Bường.

Ngay từ hồi mới đến đây, tôi và Duyên đã mến nhau. Khi chớm 17 tuổi, tôi không còn che đậy nổi những rung động của mình. Ngược lại, Duyên cũng không giấu diếm con tim của nàng. Gia đình đôi bên đều đoán biết dễ dàng tình ý của chúng tôi. Mấy thanh niên vùng này tha hồ ghen tức hoặc muốn tán tỉnh nàng. Nhưng Duyên đã là của tôi và tôi là của nàng.

Trong những người ruột thịt Duyên tôi quí mến nhất ba của nàng. Vốn ít nói, bác Bường trai chỉ cặm cụi làm việc suốt ngày. Bác cao lớn, khỏe mạnh. Chính bác đã truyền cho tôi nhiều kinh nghiệm trồng trọt và cách thức chống bệnh ngã nước và sốt rét rừng. Thời Cộng Hòa bác Bường đã từng giữ chức vụ Đại đội trưởng Pháo binh. Tôi vừa ngạc nhiên, thích thú, vừa cảm phục khi một hôm bác tiết lộ với tôi rằng sau "ngày giải phóng" bác vẫn cất giấu được hai khẩu các-bin và chục băng đạn. Bác còn chỉ tôi cách sử dụng vũ khí này. Sau khi bác bắt tôi lấy danh dự hứa giữ bí mật tuyệt đối, bác tặng tôi một cây súng, hai băng đạn. Bác căn dặn chỉ khi nào đối đế lắm hãy dùng. Tính tình bác trai hợp với tôi hơn với người con trai cả tên Hinh. Anh này vui vẻ, nhưng thích phiêu lưu. Bác Bường gái linh hoạt và giỏi nội trợ. Ba đứa em của Duyên cũng như em tôi, chưa giúp gì được ra hồn. Điều đau xót nhất là thấy các đứa nhỏ này bị thất học và mất tương lai.

Cảnh mẹ góa con côi của gia đình tôi khiến bác Bường thương cảm. Mẹ tôi chưa kịp lên tiếng nhờ vả, bác đã nhiều lần đưa vai gánh vác cho những việc nặng, chuyện khó. Bác vẫn bảo tôi, mình đã mất tất cả rồi, giờ phải đùm bọc nhau mà sống. Thường ngày bác vẫn đảo qua nhà tôi, đôi khi chỉ đứng nhìn những luống rau mẹ con tôi mới xới hoặc dựng lại hộ chỗ hàng rào không chắc chắn, hoặc chẳng để làm gì, chẳng nói câu nào. Hình bóng bác Bường đã trở thành như một thực thể che chở, vỗ về và truyền lực của gia đình tôi.

Cuộc sống ngày một trở nên khó khăn. Không phải chỉ ở chốn đèo heo hút gió này mà cả nước. Kinh tế đã ngặt nghèo, chính trị lại bế tắc. Người Việt tìm đường trốn ra ngoại quốc. Từ năm 79 trở đi, các chính quyền địa phương công khai cho đăng ký vượt biên để thu vàng. Khắp nơi dường như lên cơn sốt. Trong khi đó những lá thư ở hải ngoại gửi về khoe khoang sự vinh hoa vật chất lại càng gây giao động trong dư luận.

Một hôm Hinh, anh của Duyên gặp tôi đang ngồi nghỉ mệt bên gốc cây sau nhà. Anh ta tiến lại, nhìn quanh quẩn đề phòng, hỏi nhỏ tôi:

- Vượt biên không? Tao mới bắt được một đường dây, đi bộ qua ngã Kampuchia.

Tôi không ngạc nhiên vì đã rõ tính tình của Hinh:

- Đừng xạo, mày ơi!

Hinh vội ngồi xuống cạnh tôi, chìa ra làm bằng một mảnh giấy có ghi ngày, giờ và điểm hẹn. Tôi hiểu lần này Hinh không đùa:

- Hai bác có chịu cho mày đi không?

Hinh vừa nhét mảnh giấy vào túi quần vừa cười nói:

- Quyết định là của tao. Không lý cứ gặm mãi đất này để mà chết đói nhăn răng à? Đi không?

Tôi lắc đầu, trả lời cho qua chuyện:

- Rồi ai lo cho bà già với hai em tao đây?

Hinh bĩu môi:

- Làm như không có mày họ nằm chờ chết chắc. Sao mày không tính xa là

ra ngoại quốc, kiếm được tiền mày gửi về cho mẹ mày xài thỏa thích? Mày không thấy bọn thằng Phách, thằng Hạnh xóm Chợ đấy à? Hồi còn ở nhà bị gái chê cù lần lửa mà giờ đứa nào cũng có xe hơi, nhà lầu.

Rồi Hinh vẽ vời theo trí tưởng tượng những viễn ảnh sáng lạn của cuộc sống nơi xứ người. Những điều Hinh diễn tả cũng không khác lạ với những dư luận vẫn đồn thổi. Riêng tôi, không hẳn tôi nguội lạnh trước những sôi động của thời cuộc. Tôi cũng mơ ước một sự thay đổi toàn diện cuộc đời tôi. Đang tuổi thanh niên, tôi cũng thèm khát bay nhảy. Nhưng mỗi lần nghĩ đến cánh buồm lênh đênh trên đại dương, một cuộc hành trình ra ngoài biên giới, tôi lại bị thực tế ghìm lại, đánh tan nghị lực: Mẹ tôi yếu, em tôi nhỏ. Và nhất là hình ảnh Duyên.

Thấy tôi im lặng, Hinh phủi mông đứng dậy, nhún vai:

- Đồ chết nhát! Tao không hiểu sao con Duyên lại chịu mày.

Tôi không giận câu nói khích bác của Hinh. Tôi cao giọng nói vọng theo:

- Chúc mày may mắn!

Chiều hôm sau Duyên tưởng tôi không biết chuyện, nhắn tôi xuống suối sau công việc trên vườn. Con suối này là địa điểm hẹn hò của chúng tôi. Nơi đây thơ mộng và tình tứ. Nước trong róc rách độc điệu. Hoa dại vàng, trắng, tím nở đầy ven bờ. Chim ríu rít trên cành cây. Tôi đã hôn Duyên lần đầu cũng ở suối này. Lúc đó tôi vừa 16 và Duyên 15. Bởi thế nơi này trở thành đất thánh của chúng tôi. Trên một vài thân cây lớn tôi lấy dao khắc chữ V và D lồng vào nhau. Duyên thích lắm, bảo ước gì tất cả cây rừng dù già hay non đều mang tên của hai đứa.

- Anh biết không, Duyên nói với vẻ hốt hoảng khi vừa thấy tôi, anh Hinh đi rồi. Mới hồi tối qua.

Chúng tôi ngồi sát bên nhau trên tảng đá quen thuộc. Tôi kể lại cho Duyên nghe việc Hinh rủ tôi cùng đi. Duyên tròn xoe cặp mắt, kêu trời ơi, anh đừng đi nhé. Tôi cười xiết nhẹ tay nàng:

- Anh còn đây tức là anh đã không đi. Làm sao anh xa em được!

Duyên chớp chớp đôi hàng mi dài; giọng nũng nịu:

- Khỏi thèm đi đâu cả, anh nhé. Hứa đi anh!

Tôi hứa với nàng bằng một nụ hôn dài và tham lam.

Khoảng đâu bốn hay năm tháng sau, gia đình Duyên nhận được thư Hinh gửi về qua địa chỉ của một người dưới phố. Bác Bường gái đon đả qua nhà tôi đọc cho mẹ tôi nghe những gì thằng con đã viết. Hinh khoe đã tới Thái Lan và trong khi chờ đợi hoàn tất thủ tục sang Mỹ, anh ta đi làm ngày kiếm được năm trăm Bạt. Mẹ tôi, một người đàn bà chất phác chia xẻ chân tình với bác Bường gái niềm vui và hãnh diện đó. Tôi biết bên nhà giờ này không còn ai, ngoài Duyên. Nàng đang làm gì đó ở trong buồng. Tôi vào, ngồi với Duyên ngay trên giường ngủ của nàng. Duyên vẫn bị ám ảnh bởi nỗi sợ tôi cũng vượt biên. Nàng lập đi lập lại câu anh Hinh chỉ xạo, tính thì lười như hủi, sức mấy ngon lành như vậy. Tôi không biết nói gì hơn là lấy tình yêu để trấn an nàng. Chúng tôi hôn nhau đắm đuối. Nhà vắng. Tâm thần và thể xác

chúng tôi bốc cháy trong ngọn lửa tình cảm. Cả tôi, cả nàng đã không trấn giữ nổi những cơn rung động đầu đời. Và chúng tôi đã đi đến ngọn nguồn tình yêu. Trong phút đắm đuối tôi gọi Duyên là vợ và thề chỉ có chết mới làm tôi xa nàng...

Đêm hôm đó trời bỗng mưa to gió lớn. Tôi trằn trọc không sao chợp mắt được. Niềm ngất ngây tận cùng hồi chiều còn râm ran trên da thịt. Tôi cố ôn lại những gì đã xảy ra giữa tôi và Duyên, nhưng chỉ mường tượng được rằng tôi đã vụng về, luống cuống và hấp tấp quá. Nằm đây mà tôi nhớ Duyên da diết. Không biết giờ này nàng đang ngon giấc hay cũng trăn trở như tôi? Bất giác tôi gọi thầm Duyên ơi, Duyên ơi... Tôi trông trời mau sáng để qua nói với nàng, hai đứa mình sẽ làm đám cưới vào cuối năm nay thay vì chờ thêm mùa hè nữa. Tôi thâm cảm rằng chúng tôi đã hòa hợp không chỉ tâm hồn mà thật sự đã trở nên một xương một thịt.

Không sao dỗ nổi giấc ngủ, tôi quấn chăn ngồi dậy, ngó mông lung vào bóng đêm. Tôi hơi lo khi chợt nghĩ những đêm mưa kiểu này bọn nai, hoẵng và heo rừng thường tìm về đây mò rau trái. Sáng ra thể nào hàng rào vườn tôi cũng gãy đổ và những nương rẫy bị cày lên. Mẹ tôi xót xa tiếc của. Tôi lại giận sôi gan khi thấy công sức mình bị phá hủy.

Lo nghĩ khiến tôi bồn chồn. Không thể ngồi yên lâu được, tôi lấy chiếc áo mưa rộng phủ tới bắp chân mặc vào và đội thêm cái mũ tai bèo. Các em tôi đang ngủ say. Có lẽ mẹ cũng vậy. Không nghe tiếng húng hắng ho của mẹ. Tôi xách theo khẩu cạc-bin vẫn giấu dưới đáy rương quần áo. Súng này bác Bường đã cho tôi năm ngoái. Bác chế biến lại cả súng lẫn đạn để - theo lời bác - vẫn bắn mạnh, chính xác lại hãm thanh. Ngoài trời mưa gió dữ dội. Khối âm thanh rừng núi ầm ầm chuyển động. Hàng ngàn tia nước quất vào mặt tôi rát buốt. Bước chân tôi xiêu vẹo trên nền đất lồi lõm và nhão bùn. Tôi vòng ra sau nhà. Đột nhiên trong ánh sáng mờ mờ của tia chớp vừa lóe, mắt tôi chợt bắt gặp một bóng đen cao lớn bên ngoài hàng rào. Đúng rồi, gấu! Tay phải gườm súng, tay trái tôi không ngừng vuốt nước mưa xối xả trên mặt. Tôi tiến thêm ít bước nữa rồi nấp sau đống củi. Lúc ẩn, lúc hiện, con gấu quanh quẩn dưới gốc cây. Tôi nín thở, kéo nhẹ cơ bẩm. Nỗi giận loài thú phá hoại căng đầy mạch máu. Chờ đúng lúc một tia chớp nữa lóe lên, tôi bóp cò. Tiếng đạn loãng trong tiếng gầm cuồng nộ của mưa gió. Cái bóng đen kềnh càng đổ xuống. Khi biết chắc con vật không còn động đậy, tôi mới cẩn thận dò từng bước tới. Mưa như đổ thêm nước. Gió rít tăng độ dữ dằn. Mắt tôi cay dặm. Xác gấu co quắp như một ụ đất. Tôi vừa đặt tay xuống tưởng sẽ chạm phải đám lông bờm xờm thì đụng ngay lớp vải nilông trơn lạnh. Một luồng điện chạy dọc sống lưng. Tim tôi bật lên như muốn phá lồng ngực. Tôi đánh bạo lật ngửa xác chết. Đúng lúc tia chớp lóe lên: Khuôn mặt nhợt nhạt của bác Bường hiện ra. Đôi mắt mở trừng, miệng méo xệch, há hốc, lòi đầu lưỡi. Tôi điếng người, khuỵu xuống. Khẩu súng lăn khỏi tay. Cổ họng tôi cháy khô. Toàn thân tôi run bật. Mãi sau tôi mới lập bập trời ơi, mẹ ơi... Tôi lết mình vào được tới gian bếp, dựa lưng vào vách gỗ. Hơi thở dồn dập, tắt nghẹn. Tôi

muốn đứng lên mà không nổi. Tôi lại kêu mẹ ơi và van vái mãi vong hồn cha tôi cứu giúp... Tôi không biết đã ngồi bất động như vậy bao lâu. Sau, có thể do bản năng thúc đẩy, tôi bám vào chân vách gượng dậy, mò tìm cái xẻng. Tôi lao mình ra bão tố. Tôi đào, xới. Đất nhão dễ bung ra, bật lên. Khi thấy lỗ huyệt đã khá sâu, tôi kéo xác bác Bường đẩy xuống. Nước kêu lõm bõm. Tôi chôn theo cả cây súng của bác Bường và của tôi. Mưa xóa đi mọi vết mới, hài hòa mặt đất. Tôi nhìn đăm đăm hồi lâu nơi giấu xác bác Bường. Dưới gốc cây sau nhà. Bên bụi rậm. Sau đó, vẫn do nỗi khiếp đảm điều khiển, tôi bỏ chạy vào rừng. Hoàn toàn tôi không ý thức mình sẽ trốn đi đâu. Chỉ khi ngã sóng soài trên đụn cát tôi mới hay mình đã ra tới bờ biển. Người tôi không lúc nào ngớt run lạnh. Phần vì mưa gió, phần do sự sợ hãi hành hạ. Cuối cùng mệt quá, không còn sức lết đi nổi nữa, tôi đành nằm co quắp giữa hai tảng đá. Mưa tiếp tục rơi, sấm chớp vẫn không ngừng thịnh nộ...

Một hồi sau, tôi không rõ thời gian bao lâu, chợt nghe văng vẳng có tiếng nói thì thầm. Tôi lại run bắn người. Công an đã khám phá ra án mạng và đang lùng bắt thủ phạm. Tôi nghĩ vậy nên càng khiếp hãi. Qua khe đá, tôi nhìn thấy nhiều bóng đen lố nhố sau những đụn cát cao dọc theo bờ biển. Tôi lại bỗng nghe tiếng động cơ. Từ phía ngoài khơi. Khi cái khối đen sừng sững đó vừa cặp vào bờ, tức thì các bóng người đổ tuôn ra. Tiếng la, tiếng gọi nhau, tiếng khóc nổi lên inh ỏi. Tôi thoáng hiểu. Thế là tôi phóng mình ra khỏi chỗ nấp, chạy theo. Trong cảnh hỗn loạn tôi đã leo lên được mạn ghe.

Khi trời sáng tỏ, một gã lực lưỡng vừa thấy tôi, hét lên:

- Đù mẹ, thằng này căn mẹ!

Tôi co rúm người lại, miệng ú ớ. Gã đá mạnh vào sườn tôi. Chủ ghe biết chuyện, chửi thề và đòi quăng tôi xuống biển. Tôi lạy van. Mấy người đàn bà nói tha lấy phúc để trời Phật cho gặp tàu ngoại quốc vớt. Gã lực lưỡng dạp tôi thêm lần nữa, dọa khi lên bờ sẽ thanh toán.

Nằm bẹp trong một xó dưới hầm ghe, tôi như con chuột cống già bệnh hoạn. Trong nỗi đớn đau dằn vật, tôi oán hận tôi, oán hận định mệnh. Tôi giận cả bác Bường. Trời mưa bão như vậy mà bác mò đi đâu để nên tội. Cho cả bác, cả tôi. Oan nghiệt! Tôi nhớ thương mẹ, các em, nhất là Duyên. Nhưng tôi đã đánh mất họ, vĩnh viễn.

Chiếc ghe lầm lũi lướt trên mặt nước. Những ngày đầu nặng nề trôi. Trời yên, biển lặng. Không mưa rơi. Không cả tiếng sóng quen thuộc. Tôi lại cầu sao dông bão nổi lên, hất tung tôi xuống biển. Để tôi đền tội!

Dĩ nhiên chủ ghe không chia cho tôi phần ăn hay giọt nước. Lương thực và thức uống chỉ để phân phát cho những người đã nộp vàng.

Sau ba ngày, bốn đêm tôi đuối sức dần. Không ai để ý đến tôi nữa. Phần đông, nhất là phụ nữ và trẻ con, đều xác xơ, tiều tụy vì say sóng. Mùi nước tiểu, ói mửa xông lên nồng mặc. Nhiều người đã tỏ ra tuyệt vọng. Tôi sống sót nhờ vào thức ăn bỏ mửa của những kẻ mất sinh lực này.

Vào một buổi trưa bỗng không biết từ đâu có những con chim hải âu xuất hiện. Mấy người ngư phủ bảo như vậy là dấu hiệu sắp tới bờ. Thế là ghe đột

nhiên nhốn nháo. Già trẻ lớn bé như được truyền sức, ngồi cả dậy; các khuôn mặt như được đũa thần hóa phép, rạng rỡ lên. Trừ tôi.

Ghe cập bến sau gần bảy ngày vượt đại dương. Hai ba người cảnh sát Mã Lai đeo súng tới khám xét. Chủ ghe bị hạch hỏi. Nhưng hai bên dàn xếp sao đó, ông ta được thả và mọi người được phép lên bờ. Tôi đi sau cùng, lê những bước chân nặng chĩu. Những người đồng hương đã tới đảo trước ùa ra đón rước nhóm vượt biên mới này để biểu lộ niềm vui đã cùng đạt được tự do và giờ đây có cùng một tương lai. Trừ tôi.

Tôi thay tên, đổi họ và khai man lý lịch. Tôi che dấu bộ mặt sát nhân của tôi dưới lớp tóc bù xù để dài. Như một chiếc bóng âm thầm, tôi tránh mọi người, chẳng trò chuyện với bất cứ ai. Tôi đã không đủ can đảm đâm đầu xuống biển chết hầu rửa cái tội đã giết hại một kẻ vô tội, gây thương đau cho bao người thân, đã phản bội người tình của mình, tôi đành phải tạm sống tiếp. Nhưng tôi thầm hứa sẽ tự tử sau.

Mỗi lần có ghe vượt biên tới đảo, người trong trại lại ùa ra đón rước, hỏi chuyện ríu rít. Tôi cũng đến, nhưng lại lẩn mặt sau những đống gỗ hay sau một thân cây dừa. Tôi sợ bị nhận diện.

Sau cùng tôi được cơ quan từ thiện bảo trợ qua Mỹ. Tôi xin về định cư ở địa phương nào không có người Việt. Chỉ tưởng tượng ngày nào đó bỗng dụng mặt Hinh hay một người cùng quê, tôi cũng đủ mất ăn, mất ngủ.

Tôi không biết những gì đã xảy ra cho mẹ và các em tôi cùng gia đình của Duyên ở Việt Nam. Bao đớn đau tiếp tục dày vò thân xác tôi. Bao khắc khoải cấu xé tâm hồn tôi. Các cộng đồng người Việt bên Mỹ xuất bản báo chí nhằm đăng tải tin tức quê nhà. Tôi đặt mua tất cả và đọc không bỏ một chữ, những mong tìm được điều gì đó liên quan đến người thân của mình. Lần nào lật các trang báo tay tôi cũng run lên. Như thể có hàng chữ đậm nét hiển hiện: Án mạng bí mật vừa được phát giác. Tử thi nạn nhân bị vùi dưới gốc cây sau nhà. Hung thủ đã bỏ trốn. Nhà chức trách đang ráo riết lùng bắt tên sát nhân... Nhưng rồi đã không xảy đến những gì tôi tìm kiếm hay trông đợi. Ngày qua ngày tôi ngập sâu trong tuyệt vọng, kéo lê số kiếp dở sống dở chết.

Thiên hạ sung sướng viết thư về làng nước rồi hân hoan nhận hồi âm. Bao lần tôi đã cầm bút, nhưng rồi lại hạ xuống. Bao lá thư đã được viết về rồi lại xé đi. Cuối cùng tôi chỉ biết nuốt nghẹn trong lồng ngực. Tôi hèn nhát. Tôi không can đảm nổi để kết liễu đời mình như hằng toan tính. Tôi không đủ gan để ra đầu thú. Tôi không ý thức trọn trách nhiệm đối với những người thân thương của mình...

Không đêm nào mà những cơn ác mộng không trở lại. Đến độ tôi sợ mình chợp mắt được. Chẳng thà mở mắt thao láo còn hơn thiếp đi để rồi mình phải tái diễn tội ác của mình. Tôi lại bắn bác Bường. Đầu bác vỡ toang. Óc và máu bác văng bừa bãi trên mặt đất bùn. Tôi quấn xác bác vào một chiếc poncho rồi đẩy xuống hố. Nước mưa ào theo. Xác bác nổi lên. Tôi lấy mũi súng ấn xuống lại. Sấm sét gầm thét liên hồi. Chớp xé bầu trời đêm, soi rõ khuôn mặt bác Bường trắng bạch. Nhất là đôi mắt bác mở trừng trừng nhìn tôi. Căm

hận. Đột nhiên tấm vải nhựa bật tung; tay bác vươn lên, nắm được chân tôi kéo xuống. Tôi thét lên... ngồi bật dậy. Mồ hôi nhớp nháp khắp người.

Mặc cảm tội lỗi ngày một lớn, một mạnh. Tôi tìm mọi cách lẩn trốn vào công việc. Nhưng chỉ được ít phút đầu tôi lại mất khả năng tập trung tâm trí. Hình ảnh bác Bường, rồi chuyện của Duyên, của mẹ và các em tôi đồng loạt trở lại, sôi sục chiếm đoạt toàn diện con người tôi. Những nhức nhối trộn lẫn tình cảm sợ hãi, ân hận khiến tôi đờ đẫn. Bởi vậy nhiều lần tôi đã làm hỏng việc, đánh vỡ ly tách, chén đĩa hoặc quên cái nọ, vật kia. Chủ lại tống cổ tôi ra khỏi sở làm.

Tôi nghiền ngẫm tội lỗi mình trong khói thuốc và chất đặc cà phê. Ngày qua ngày. Đêm thâu đêm. Đã mấy lần hàng xóm lâu không thấy tôi ra khỏi nhà, tưởng tôi chết, tìm cách tông cửa vào... để rồi phải lùi lại ngay, vì sự hôi hám trong căn phòng và thân xác gớm giếc của tôi. Cảnh sát được gọi tới với xe cứu thương. Người ta đưa tôi vào bệnh viện tâm trí.

Tôi nhớ hình như mình đã cố gắng kể cho bác sĩ phân tâm rằng tôi đã giết người, vùi thây nạn nhân dưới một gốc cây sau nhà. Không biết ông ta có hiểu thứ tiếng Anh nghèo nàn, nhát gừng của tôi không mà thỉnh thoảng ông lại gật gù hoặc khẽ nhếch môi như muốn cười. Mặc kệ, tôi cứ kể, cứ kể. Nhưng cuối cùng tôi vẫn thấy mình dẫy dụa trong đám bùn sình, trong bóng đêm dày đặc. Ít ngày sau ông bác sĩ vỗ vai tôi bảo xứ mày chiến tranh triền miên nên chúng mày dễ bị ám ảnh chết chóc. Đất Mỹ thiếu gì thứ giúp mày quên dĩ vãng. Tôi xuất viện với một mớ thuốc an thần.

Cái khốn nạn nhất của tôi ấy là tôi hèn nhát quá. Thèm chết mà lại không thực hiện nổi hành động tự giết mình. Mấy lần thuốc ngủ đã ngậm đầy miệng đến khi khởi sự uống nước cho trôi xuống cổ họng thì lại ọc ra, mửa thốc tháo. Tôi định thắt cổ, chỉ cần một sợi dây thừng và một cái ghế. Là xong! Tôi lại đổi ý. Một họng súng đặt ngang màng tang hoặc lên cao ốc gieo mình xuống. Là xong! Là đền được tội ác của mình. Vậy mà tôi vẫn kéo dài những ngày sống dở chết dở của mình. Hay là bác Bường bắt tôi sống tiếp như thế để trừng phạt tôi?

Nỗi ray rức lương tâm này dày dọa tôi, hành hạ tôi đêm ngày, suốt gần hai chục năm nay. Đây là thứ hình phạt khủng khiếp dành cho tội ác mà tôi đã phạm.

Ngoài ra tôi cũng xin thú nhận rằng hình ảnh Duyên vẫn hằng sinh động trong tôi, vừa nồng nàn ân ái, vừa giận dữ khinh bỉ. Dĩ nhiên tôi vẫn yêu Duyên, nhưng đồng thời cũng mặc cảm đã phản bội nàng một cách đốn mạt...

Tôi thất thểu ngoài lề đường, bên cống rãnh, đống rác. Tôi mất ý thức thời gian, kể cả bản thân. Nhưng xác bác Bường với đôi mắt mở trừng thì vẫn sống động trong tôi, điều khiển tâm trí tôi. Rất mãnh liệt. Tôi tiếp tục chạy trốn. Tôi nhập với bọn da đen vô gia cư, vô nghề nghiệp. Lúc đầu chúng nó đập tôi tàn bạo vì lạ mặt. Những cú đấm, cú đá không làm tôi đau, nhưng không hiểu sao lại khiến nhẹ đi cái khối u uất dằn vặt trong tôi. Tôi cảm thấy như mình được đền tội. Tôi cười sặc sụa, càng lăn xả vào cho bọn đen đấm đá

nữa. Máu phun đầm đìa mặt mũi. Tôi cầm một hòn đá dập thêm vào đầu mình. Tôi cười. Tôi khóc. Bọn đen trợn mắt nhìn, tưởng thấy một quái vật. Thế là chúng nhận tôi, nhét cần sa vào miệng. Từ đó tôi nghiền xì ke. Những lúc ngất ngây trong cơn say ma túy tôi quả quên được tội ác mình, nhưng chỉ ít phút sau tôi lại quằn quại hơn nữa. Bác Bường không chỉ là nỗi ám ảnh mà đã trở thành một hiện thực hành quyết trong tôi.

Một lần tôi theo bọn đen vào tiệm rượu chỉ định bụng cướp hai ba chai. Nhưng khi chạy ra, chuông báo động reo, một thằng trong bọn hoảng hốt, rút súng bắn chết cả hai vợ chồng chủ tiệm. Cảnh sát bố ráp, bắt trọn ổ. Ra tòa, tôi lãnh sáu năm tù về tội đồng lõa sát nhân, cướp của và lạm dụng xì ke. Tên chánh phạm bị tử hình. Khi ấy tôi ước gì được đổi án cho thằng này.

Nhà tù giam tội nhân đại hình nằm ở một hòn đảo, biệt lập với đất liền, với xã hội loài người. Nơi đây cũng có đủ sắc dân. Như một thứ hiệp chủng quốc. Thế giới tù thì đâu cũng vậy. Ngoài quyền sinh sát của chúa ngục, quản trại cũng không thiếu những vụ tương tàn vì đủ mọi lý do giữa các tù nhân. Tôi cố gắng biến mình đi trước mắt mọi người, chẳng phải vì ham sống còn hoặc sợ sệt bạo lực, nhưng trong tôi hiện hữu một thứ nhà tù khác khủng khiếp và ác liệt gấp triệu lần nhà tù hiện tại. Bởi vậy tôi chỉ còn là một cái xác không hồn. Ngày, tôi cử động như một cái máy theo lệnh của cai tù. Đêm, tôi tiếp tục sống với những cơn ác mộng, với thao thức và trăn trở, dằn vặt.

Trên đảo có một khu đất dành để chôn xác tù nhân vô thừa nhận. Việc chôn cất các tù nhân tự lo cho nhau. Một điều lạ: Bình thường tù nhân có thể giết nhau dễ dàng để tranh một mẩu bánh mì hay một mảnh vải, nhưng khi có thằng chết, đứa nào cũng khó dấu nổi ít nhất một vài nét xao động. Cuộc tiễn đưa ra nghĩa địa bao giờ cũng đông. Đặc biệt huyệt được đào cẩn thận, và sau khi lấp được trang hoàng bằng những hòn đá đẽo vuông vức, bằng những cây hoa dại và tấm bảng gỗ chữ thập ghi tên tuổi người chết với dòng chữ *Requiem in pace*. Hãy an nghỉ trong sự bình an.

Các sự kiện trên nung nấu khiến tôi trong một đêm thao thức chợt nhớ đến một nhân sinh quan tín ngưỡng của người Việt mình: Vong hồn của những người chết oan ức sẽ không thể siêu thoát nếu không được mồ yên mả đẹp. Các tù nhân qua đời ở đây, lúc sống thì thê thảm, khi chết lại không được ai thừa nhận, nhưng ít nữa cũng được hưởng một nghĩa cử sau cùng của những người đồng cảnh ngộ. Hồn họ hẳn đã được siêu thoát hay ít nhất cũng không thành ma đói lang thang... Nghĩ đến vong hồn bác Bường mà tôi là kẻ đã gây nên nghiệp chướng, tôi càng cảm thấy trọng tội của mình nặng nề cùng cực.

Mãn hạn tù, tôi được trả về với xã hội. Tôi hoàn toàn lạc lõng, xa lạ với loài người. Sáu năm biết bao thay đổi. Tôi càng mịt mờ về Việt Nam. Tôi có cảm tưởng mình đã bị chặt đứt mọi gốc rễ khỏi nơi chôn nhau cắt rốn. Trong tôi còn lại vẫn chỉ là những quằn quại về tội ác của mình, cộng thêm những nhức buốt về nỗi ám ảnh oan hồn bác Bường tất tưởi vô định vì xác bác đã bị vùi dập ở nơi hoang lạnh.

Không nhà không cửa, không người thân quen, tôi lại lang thang đầu đường xó chợ. Một hôm đói quá tôi liều vào xin ăn một giáo xứ Tin Lành. Ông mục sư không những cho tôi súp và bánh mì mà còn hỏi tôi có muốn vào giúp việc nhà thờ không. Tôi chịu, kể cả việc theo đạo của ông dù chẳng có một niềm tin nào. Nhà chứa đồ đạc phế thải được sửa lại làm chỗ cho tôi ở. Ông mục sư tỏ ra thương hại hoàn cảnh tôi cô đơn vì khắp vùng này không có người đồng hương nào để tôi giao thiệp (ông đâu biết rằng đó là điều tôi vẫn tìm mọi cách để tránh). Ông bảo sẽ gửi mua sách báo Việt ngữ từ Cali về cho tôi đọc "để không quên quê hương của mình". Ông đúng là một vị thánh sống. Khi nhận được những tờ nguyệt san đầu tiên tôi đã đọc ngấu nghiến. Đã hơn mười năm trời giờ tôi mới lại đọc quốc ngữ. Tuy nhiên những xúc cảm ấy chợt ào tới trong tôi không phải phát xuất từ tình tự dân tộc, mà bởi tôi nôn nóng như thể mình sẽ tìm bới được dưới những dòng chữ này dấu tích nào đó về chỗ giấu xác bác Bường thuở nào, hoặc của quê cũ, hoặc Duyên hay của các người ruột thịt. Dĩ nhiên tôi thất vọng. Nhưng rồi vô tình tôi đọc thấy ở trang bìa sau của một tờ báo mẩu quảng cáo các chuyến bay khứ hồi Hoa Kỳ-Việt Nam. Tim tôi bỗng đập mạnh. Xác bác Bường đột nhiên ngồi bật dậy. Mắt bác mở trừng trừng. Văng vẳng tiếng rên la thảm thiết của oan hồn bác. Đồng thời tiếng nguyền rủa của bác gái, của Duyên; tiếng nức nở của mẹ và tiếng khóc thất thanh của các con bác Bường, của các em tôi... cùng lúc vang dội, xoáy vào xương tủy, óc não của tôi. Tôi kinh hãi. Mồ hôi đổ tháo trên da thịt. Toàn thân tôi quặn đau. Tôi gập người xuống, rã rời.

Một lúc lâu sau các sợi thần kinh trong cơ thể tôi mới khởi sự chùng xuống. Tôi như kẻ vừa trải qua cơn hấp hối. Màn ảnh ký ức rọi chiếu toàn diện khúc phim dĩ vãng. Dần dần tôi tỉnh lại. Trong niềm ân hận tận cùng tôi thầm thề nguyền với bất cứ giá nào cũng sẽ trở về Việt Nam. Để đền tội với bác Bường. Ít nhất bác phải được mồ yên mả đẹp hầu vong hồn bác không còn vất vưởng.

Bởi lý do chính yếu này mà hôm nay, sau nhiều năm đương đầu với các vấn đề trở ngại thực tế, tôi lặn lội trở lại đây để xin ông bà vì từ tâm thương giúp tôi thực hiện một việc làm... sám hối tối thiểu, trước khi nhắm mắt lìa đời. Trong tận đáy thâm tâm, tôi nghĩ rằng bác Bường... vẫn chờ tôi. Lúc tìm lên đây, thấy cái cây sau nhà vẫn còn đó, tuy đã trở thành cổ thụ theo thời gian, tôi càng xác tín điều mình đã tin: bác Bường vẫn chờ tôi!

*

- Rồi anh chị có giúp không?

Hoàng cạn nốt ly rượu; giọng vẫn chậm rãi:

- Phần thấy hoàn cảnh tội nghiệp của ông Việt, phần do niềm tin vào sự liên hệ giữa cõi siêu hình và thế giới hiện hữu, chúng tôi đã làm theo ý muốn của ông ta. Riêng nhà tôi thì nói rằng như vậy mình cứ ở đây chắc hẳn... may mắn, đã có quí nhân phù trợ. Chúng tôi tự hứa ngày nào còn cư ngụ trên đất

này sẽ không hạ cái cây cổ thụ sau nhà đó và sẽ không quên việc nhang đèn để cúng kính oan hồn.

- Khi anh chị mua nhà này không gặp bà mẹ của ông Việt à? Và hàng xóm...

- Trước chúng tôi, nghe nói đã có ba chủ. Mỗi thời, nhà lại được sửa sang như anh thấy hiện nay. Còn những gia đình sinh sống ban đầu ở đây nay chẳng còn ai; người bỏ về thành phố, kẻ lập nghiệp nơi khác.

- Phần ông Việt, ông ta có kể thêm gì không việc... đi tìm thân nhân và cô Duyên?

- Lúc đó chúng tôi cũng muốn hỏi, nhưng nhìn ông ta, lại không nỡ, định để mai mốt. Tôi có cảm tưởng mỗi lời ông Việt kể là một mũi kim nhọn đâm vào tim ông. Nét đau đớn thấy rõ. Da mặt ông nhão ra, trùng xuống như thể chỉ bám hờ trên xương sọ. Nhợt nhạt nhìn dễ sợ. Ông Việt như một tội nhân đang thọ hình.

- Và rồi...

- Buổi tối ngày cải táng cho người quá cố, ông Việt vẫn ở đây. Sáng ra tôi vào phòng tính mời ông ta dùng điểm tâm thì không thấy đâu. Khi nhìn cửa nhà không còn cài then, tôi chợt hiểu. Tôi trông ra ngoài: Trời cuối thu xám đục và sương mù còn dày đặc. Chỉ có tiếng rì rào của rừng núi...

HOÀI MỸ
(01/8/1994)

TƯỞNG NIỆM

Nhân ngày giỗ thứ tư cố thi sĩ

NGUYỄN TẤT NHIÊN

(Từ trần ngày 3 tháng 8 năm 1992)

Ban chủ trương, văn hữu cộng tác và độc giả *Hợp Lưu*
chân thành thắp nén tâm hương thay lời cảm ơn
gã-sứ-giả-của-tình-yêu, tài hoa nhưng mệnh bạc,
đã để lại cho đời những vần thơ thơm hương,
góp phần làm phong phú gia tài thi ca Việt Nam.



HỒ ÔNG

cõi đời tang thương

*ta quay quắt đến hụt hơi
tìm bông hoa đẹp giữa đời tang thương
trượt chân ngã xuống bên đường
cúi nhìn thấy đóa vô thường trên tay
ngước lên lồng lộng trời mây
hóa thân di điểu xõa bay về ngàn
dáng bay chấp chới xa đàn
dấu trong đôi cánh vô vàn nỗi đau
không gian đổi sắc thay màu
thật ra cũng một nỗi sầu thay tên*

đôi bờ cách xa

*kìa em ảm đạm xanh xao
lỡ quên em ở góc nào trái tim
ta quên ngay cả chính mình
ngờ đâu còn một chút tình chưa tan
mắt em hồ lệ chứa chan
còn ta một cõi hoang tàn ngẩn ngơ
gặp nhau như thể trong mơ
gặp nhau chết đứng đôi bờ cách xa
lá thu thấp thoáng bay qua
nhuộm vàng thêm ánh chiều tà đang rơi*

khi không

*xuân vừa hé lộ cành mai
thu phong đã vội thở dài nhiễu nhương
ta đi lá rắc bên đường
đếm xem bao nỗi đoạn trường đã qua
vàng cây từ độ thu xa
gió xưa lay động cành hoa bên vườn
bay bay sợi tóc mây buồn
vang vang câu hát nửa hồn thương đau
tình xa mỗi đứa một đầu
khi không cùng gánh nỗi sầu thiên thu*

HỒ ÔNG



NGUYỄN KHẢI

người vợ



Ra Hà Nội lần này tôi đã định bụng thế nào cũng tới thăm anh Trần Dần. Anh tuổi Dần, hơn tôi bốn tuổi, năm nay đã sáu mươi chín, nghe nói lại đau yếu nhiều. Lần cuối tôi lại thăm anh vào cuối năm 87, đi cùng với Nguyễn Minh Châu. Lúc này Châu còn khỏe, chưa biết mình có bệnh. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau cũng lâu. Chỉ có tôi hỏi, ông Dần nói, còn Châu không bắt chuyện mấy, chỉ ừ ào có ý không thích. Vì ông Dần có tính hay dạy đời, nói chủ thuyết này trường phái nọ. Thế là Châu không thích. Nhưng tôi thì chịu được. Tôi vốn không thích văn anh, không thích từ ngày đọc *Người Người Lớp Lớp*. Còn thơ anh nhiều người cho là rất hay nhưng lại không thuộc cái tạng của tôi. Nhưng tôi luôn luôn nể anh, trọng anh vì cái số sao mà vất vả. Cũng là vất vả vì nghề. Anh luôn luôn xem tôi là thằng em, hệt như hồi chúng tôi mới biết nhau, cách đây đã 38 năm. Sau này tôi muốn làm gì ở Hội cũng mặc, anh không cần biết, với anh tôi chỉ là thằng K., à, thằng K. nó viết cũng được được. Có một lần tôi đạp xe đến Hội, qua hồ Thiền Quang, nghe một tiếng gọi: "K.!". Tôi dừng xe ngơ ngác, ông Dần đã ngồi ở một hàng nước đưa tay vẫy. Tôi quay xe lại, ngồi xuống cạnh anh. Anh hỏi: "Cậu có tiền không?" - Có" - Gọi cho mình chén rượu". Tôi uống nước trà còn anh nhấm rượu với lạc rang. Được hai chén, đã hơi ngà ngà, anh nhìn tôi bảo: "Này, cậu cố gắng lên, bọn mình hy vọng rồi ra cậu sẽ thành một tác giả". Tôi nóng mặt vì sung sướng. Được Trần Dần khen có dễ đâu.

Về anh Trần Dần tôi nghĩ thế cũng là xong, là đã hoàn tất một sự nghiệp, có ưu có khuyết, có thành có bại như mọi kiếp người. Anh chả còn gì để tôi phải thắc mắc. Nhưng vợ anh vẫn làm tôi thắc mắc vì đã nhiều chục năm tôi lại muốn ứa nước mắt vì thương cảm. Vì cái ông Trần Dần vẫn thường kêu

rên rằng nhà nước làm khó ông nhưng ông còn làm khó cho vợ gấp trăm lần. Nhiều người nói ông hay chửi vợ. Con em họ tôi được mắt thấy, tai nghe ông đập bàn, chỉ tay vào mặt vợ và quát: "Con ác phụ!". Lê Đạt kể chuyện có dạo Trần Dần bị liệt, chạy chữa mãi mới tập tễnh đi lại được, nhưng lười, không chịu tập đi hàng ngày, chỉ thích ngồi co ró một chỗ hút thuốc lào. Lê Đạt bảo vợ Trần Dần: "Bà phải bắt ông ấy tập đi chứ!". Chị cười nói vui: "Ông ấy là cường hào ác bá. Đảng và chính phủ còn chả bắt buộc được huống là tôi".

Tôi đến thăm anh chị Trần Dần vào một buổi sáng. Tôi gõ cửa phải đợi đến mươi phút mới thấy chị Khuê, vợ anh Dần ra mở. Hình như chị vừa lau rửa cho anh, thấy ông một tay ôm quần, cúi lom khom bước ra chỗ ngồi quen thuộc. Cách nhau 5, 6 năm cũng là một thời gian dài với người đã lớn tuổi, râu tóc xù lên trắng như bông, thoạt nhìn không nhận được ra nhưng đôi mắt thì vẫn như cũ, con mắt hiếp đáp thiên hạ. Chị Khuê đứng cạnh chồng, trỏ tay vào tôi nói rất to, chả lẽ ông này cũng đã nặng tai:

- Ông còn nhớ ông này là ai không?

Chán mớ đời, đến thăm ông anh nhưng ông ta lại không nhận ra mình! Đúng là không nhận ra thật. Con mắt nhìn tôi một thoáng, không biểu lộ ngạc nhiên hay vui mừng, con mắt vô hồn: "Ờ, ờ...". Vợ anh lại hét lên: "Ờ, ờ cái gì, là ai thì ông nói đi". Lại liếc nhìn một lần nữa rồi anh lê người ngồi vào ghế, đầu vẫn cúi, loay hoay cầm cái điếu cày. Tôi đưa bao thuốc mời anh, anh rút một điếu, cũng chả nói chả rằng, vừa hút vừa cúi mặt đọc một tờ tạp chí gì đó. Đã lâu tôi có hỏi anh Lê Đạt; "Dạo này ông Trần Dần có viết gì không?" Lê Đạt cười: "Viết cái con khỉ. Có còn biết mình là ai mà viết". Thôi, một đời viết được thế cũng là nhiều. Nghỉ cũng được. Giả thử bây giờ có còn viết thì duyên sắc chắc cũng không được như xưa, một thời đã qua rồi, những tài năng của một thời cũng qua rồi.

Suốt buổi anh vừa hút thuốc, vừa đọc báo, coi như không có tôi, coi như không có ai, coi như không có cả chính mình. Còn tôi thì ngồi nói chuyện với chị Khuê. Chị đã già nhiều, mập ra nhưng vẫn còn những nét đẹp của ngày xưa. Chị bảo: "Cái nhà này cả ngày chỉ có tôi với ông ấy thôi. Đi đâu thì khóa cửa, nhưng cũng chỉ dám đi một chốc lát, không dám ở ngoài lâu. Như nuôi con mọn, con mọn còn gửi được nhà trẻ, chồng già lại bệnh thì biết gửi ai được!" Tôi hỏi: "Mấy năm nay nhà mình đã dễ chịu chưa?" Chị cười: "Bây giờ tôi ngủ được cả đêm. Chả phải lo gì cả. Nhất là không phải lo tiền. Bây giờ thằng Trần Trọng Vũ - thằng con út của anh chị - đang học vẽ ở Pháp do nhà nước cử đi. Nó đã có tranh triển lãm được bạn bè khen, lại vẽ thêm quảng cáo nên cũng có tiền gửi về mua thuốc cho bố. Chỉ tiếc tới ngày dư đủ, mọi sự cởi mở, dễ dãi để ông Dần yên tâm ngồi viết thì ông ấy lại ra thế kia. Thế gian ít có chuyện gì hoàn toàn được anh nhỉ? Được cái này thì mất cái nọ. Nhưng vẫn là có được. Chứ như mấy chục năm qua..." Mấy chục năm qua với chị có bao nhiêu là chuyện hãi hùng. Nhưng chị sợ nhất, bây giờ nghĩ lại vẫn còn sợ, là vào một buổi tối, thằng con trai lớn của chị đang học lớp trung cấp giấy ảnh Bình Minh, đột dột chạy về, mặt mũi lợt lạt, kéo mẹ ra một góc

vắng, hỏi như khóc: "Mẹ, bố làm phản động hả mẹ?" Chị lạnh hết cả người, tay chân bỗng dưng run lẩy bẩy nhưng chị cố trấn tĩnh, hỏi lại: "Ai bảo với con thế?" - "Thầy hiệu trưởng". Chị nắm lấy hai bàn tay con giảng giải điềm đạm, rằng bố nó vẫn là người của Cách Mạng, chỉ bị kỷ luật thôi. Bị kỷ luật từ năm nó còn chưa đẻ kia. Đã lâu lắm rồi. Nó lại hỏi vì sao bố không đi làm như mọi người. À, bố đã yếu lắm rồi nên nhận việc về nhà làm, con không thấy bố vẫn dịch sách đó sao? Chuyện hiển nhiên, nếu bố là phản động, làm sao cả ba con đều được đi học, phải không nào? Rồi chị thề với nó chị không hề nói dối nó, lớn lên rồi nó sẽ biết hết. Bố nó vẫn xứng đáng với các con, với gia đình. Còn nó phải cố học cho thật giỏi. Nhà nghèo phải học giỏi thì mới thoát khỏi cảnh nghèo. Chị vốn là cô giáo nên rất biết cái tuổi nguy hiểm, cái tuổi khủng hoảng của lứa tuổi con chị. Căm thù bố mẹ sẽ thành đứa con hư. Căm thù xã hội sẽ thành kẻ đối nghịch. Đằng nào cũng là mất con. Ngày ấy chị đã nghĩ, kỷ luật của anh Dần rồi cũng có ngày được trên xét lại, còn mất đứa con là mất vĩnh viễn. Chẳng những mất nó mà còn liên lụy đến cha mẹ, ảnh hưởng xấu đến hai em.

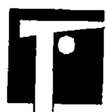
Trong nhà này suốt mấy chục năm không một ai cất lời nói xấu chính phủ, nói xấu xã hội hoặc nói xấu bạn bè của bố. Ông Dần muốn nói gì thì nói, nhưng là nói ở nơi khác, còn đã về nhà là phải theo luật của nhà. Chẳng phải sợ ai, chỉ sợ các con hư. Chị có thể nhân nhượng, nín nhịn chồng đủ mọi chuyện, nhưng dạy con là quyền của chị, chị là nhà độc tài trong lãnh vực này. Người mẹ nhận xét, thằng lớn tuy là đứa con ngoan nhưng chỉ ngoan với mẹ còn vẫn ghét bố. Nó nhẫn nại vươn lên với lòng oán hận, oán bố, hận bố. Vì nó chỉ là đứa trẻ tầm thường với cách nghĩ tầm thường, không thể có sự thông cảm với những tai ách khó tránh của người sáng tạo. Nhưng em trai nó thì khác. Nó là một nghệ sĩ bẩm sinh. Nó thương bố và trọng bố. Giữ được sự ổn định về tinh thần trong một gia đình gặp tai nạn là khó lắm, người mẹ phải tỉnh táo, nhẫn nại từng giờ. Buổi sáng đứa trẻ nghĩ khác, tối đến có thể nó nghĩ khác. Trẻ con mà. Lại còn phải giữ cả sự ổn định trong cuộc sống vật chất hàng ngày nữa. Khi chồng bị mất việc, chị lập tức xin đi dạy mẫu giáo ngay, do ban đại diện khu phố bảo lãnh. Rồi làm hiệu phó, rồi dạy cấp I. Được mấy năm chị phải nghỉ vì một bên phổi đã nám đen. Chị bán hết phiếu vải của một năm được 600 đồng mua dép nhựa bày trên cái mẹt cắp đi bán. Mới ra hàng, còn ngú ngớ, ngày nào cũng bị bắt phạt, ngồi tại chỗ xin xỏ cũng bị phạt. Có người bắt phạt, lại có người che chở. Có một anh công an trẻ thỉnh thoảng đạp xe qua, lúc thì bảo: "Cô giáo cứ ngồi bán, không phải chạy". Có lúc anh kêu từ xa: Cô giáo chạy đi, họ đến đấy!" Nước mắt dài nước mắt ngắn, mếu máo suốt ngày. Về đến nhà vẫn phải tươi tỉnh, vẫn phải nói với các con: "Hôm nay mẹ bán được". Dẫu thiếu cơm, nhưng mỗi bữa vẫn phải để dành lại một bát để bữa sau ghế. Cơm nguội để một bát nở ra thành mấy bát. Những mẹo vặt của người nội trợ một gia đình luôn luôn đói. Thừa cân gạo nào lại bán đi mua mắm, muối, rau và mỡ rán. Bữa nào có cá và đậu kho mặn là bữa ăn sang. Ba đứa con đi học, suốt năm học chỉ mặc có một bộ quần áo.

Về học là cởi ra ngay để mặc quần áo rách làm việc nhà. Quần áo của chị cũng không còn được mấy cái lành vì phiếu vải đã bán lấy tiền đong gạo rồi. Chị sống lầm lũi, nhẫn nại với một niềm tin dai dẳng: “Sông có khúc, người có lúc, không ai sướng được mãi, cũng không ai khổ mãi”. Điều an ủi đối với chị là các con đều học rất giỏi. Thằng lớn lẽ ra được đi Đức để học tiếp nghề ảnh nhưng bố nó như thế nên phải ở lại. Đứa con gái đầu ba lần thi học sinh giỏi toàn miền Bắc, lần nào cũng chỉ thiếu có nửa điểm. Nó hỏi mẹ “Tại sao thế, hả mẹ?”. Bà mẹ chỉ nuốt nước mắt, an ủi con: “Tức là con còn phải học giỏi hơn nữa”. Thằng Vũ là con út, có khiếu vẽ từ nhỏ, mười ba tuổi xin vào trường trung cấp mỹ thuật, học năm năm. Nhưng nó phải khai thêm hai tuổi, tăng thêm chiều cao và thêm cả cân. Mười lăm tuổi mà nhỏ quá, gầy quá, như đứa trẻ lên mười. Vũ học năm năm trung cấp, tốt nghiệp thủ khoa, đã có tranh triển lãm được huy chương đồng. Thi tiếp vào đại học mỹ thuật. Lại học thêm năm năm. Lúc thi ra trường cũng đỗ đầu. Bài luận văn của Vũ về Chagall rất xuất sắc. Ban giám khảo ngờ rằng nó được bố gà vì nó đâu đọc được sách Pháp viết về Chagall. Lúc ấy thằng Vũ mới thưa, là nó nói, đọc và viết được tiếng Pháp. Nó học tiếng Pháp đã trên mười năm, thầy dạy là ông Nguyễn Mạnh Tường. Dạy không công vì quí mến một đứa trẻ có chí và có tài chứ tiền ăn còn chả đủ lấy tiền đâu ra học ông Tường. Lúc ấy nhà trường đang giảm biên chế nhưng vẫn giữ Vũ lại làm trợ giáo. Một tổ chức từ thiện của Pháp cho trường mỹ thuật một suất học tại Pháp. Hiệu trưởng dành luôn suất học đó cho Vũ rồi mới báo lên Bộ. Chị Khuê thở một hơi dài, nước mắt rân rấn: “"Ở đời có bao nhiêu là người tốt, đến đâu cũng có những người tốt, không có họ thì chúng tôi sống sao nổi, hả anh?” Đến cái bận đi Pháp của Vũ cũng có bao nhiêu là rắc rối. Bốn giờ sáng hôm sau lên máy bay, bảy giờ tối hôm trước lại có tin thằng bé chưa đi được. Bà mẹ lại chạy, đến khắp nơi để van vỉ, xin cầu. Chị không nghĩ đến đồng tiền nó sẽ kiếm được nay mai mà chỉ nghĩ đến một cái tài đã được ấp ủ từ nhỏ sẽ có cơ hội bung nở. Bị ngắt cụt nó sẽ trở thành người khác, có khi còn thành tội nhân vì thất vọng, vì tuyệt vọng. Một người thường thất vọng thì sẽ lụi tàn dần, chết dần, họ tự tiêu hủy bằng cái mòn dần. Nhưng một người tài năng thất vọng thì rất nguy hiểm, nó sẽ tự đốt trong một bùng cháy. Một tháng con chờ đợi, người mẹ hầu như không ăn không ngủ, chỉ đi thôi, chỉ nói thôi, vì đây là cả đời của một đứa con, chị đã hy sinh tất cả để nó như hôm nay.

Tôi vẫn nghe chị nói chuyện, thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn sang ông già, trước kia là Trần Dần, ngồi bất động bên cạnh. Anh vẫn cắm cúi đọc tờ tạp chí, nhưng đọc gì mà không thấy giở trang. Hay lại ngủ rồi? Chợt chị dừng nói, nhìn xuống chân chồng, chỗ mặt đá bông loang loáng như có nước. Đấy, ông ấy lại tiểu tiện ướt đẫm ra rồi kìa. Cả ngày thay quần, cả ngày giặt giũ, phải những ngày trời mưa hay nồm quần phơi giăng khắp nhà. Vẫn cười mà nói thế, mặt vẫn tươi mà nói thế, chả thấy khổ một tí nào. Chị đã quen với nhọc nhằn đến thế sao? Chả rõ văn thơ của ông bố, vẽ vời của ông con rồi ra sẽ có lợi ích gì cho đời, chuyện đó còn phải đợi. Nhưng hiển nhiên nếu không

có những người vợ, những bà mẹ một đời nhẫn nhục gánh chịu mọi tai họa vì những người thân yêu thì thế giới này sẽ buồn thảm lắm, sẽ lạnh lẽo lắm.

NGUYỄN KHẢI



HOÀNG XUÂN SƠN

bóng

Nhắm mắt
điện, nến tắt
ngầm
trạc em mười sáu
đi nhầm hướng quê
buổi thì
quần áo rách toe
gió tươm tướp bổ
hai bè nhũ
thâm
thuyền trôi
một lá khô bầm
ngất ngơ bọ mạ
hình trăm năm dài
cháy vèo
nhang khói
tuổi mai
đèn tắt
nến lụi
lay hoài bóng
âm.

chiều

Về đây trời nhạt xanh chiều
chuyến xe sinh tử còi xiêu lạc hồn
bãi bờ lau sậy buồn hơn
sông rồi cũng biệt trăng hờn tuổi quyên
vàng mênh mông một lá thuyền
chim bay đòi đoạn thu phiền vãn sinh

HOÀNG XUÂN SƠN



TRẦN HOÀI THƯ

nha trang



Trở về và ra đi. Trở về để nhìn lại một phần đời dưới Rộc. Những vườn rau muống xanh um, những đường ruộng trải dài mấp mô, những tiếng gáy nho nhỏ của chú dế mèn từ trong hang kẽ kì bí nào. Trở về để dừng lại trên đầu con dốc từ phía Trường Tầu ôm tim ôm ngực. Hôm nay có kẻ trở về. Sao sỏi đá lại ngậm ngùi. Sao cái bóng chơi vơi dưới một mặt trời nắng lửa. Bước thêm một bước. Bước thêm cùng làng cùng xóm, cùng bao nhiêu kỷ niệm của ấu thơ. Ấu thơ gì. Con dốc qua nhà Sâm. Sâm nhìn theo Sâm khóc. Ấu thơ gì. Một căn nhà nào ở phía dưới. Cái sân nền đất cao. Cây khế, cây chùm ruột và hàng rào kẽm gai. Bao nhiêu ngày và bao nhiêu đêm. Lưng người đàn bà vẫn tiếp tục còm xuống trên từng thúng rổ hột gà, chuối bồ hương, chuối cau, chuối xiêm. Và thằng nhỏ vẫn nằm yên trên chiếc phản gụ. Gỗ quá lạnh làm lạnh thêm nước mắt tủi thân của thằng nhỏ. Thưa mẹ, thưa má, hôm nay con trở về. Bởi ít ra con vẫn là thằng con trai của má. Ít ra đời đã quá mệt, mà con thì cần một chỗ tạm dừng. Ít ra con còn cho má biết là con vẫn còn sống khi chiến tranh quá chừng khốc liệt. Nhưng cớ sao tôi lại không dám bước thêm một bước. Tôi sợ gì đây? Quê nhà tôi, làng xóm tôi đây mà. Hay tôi sợ phải nhìn tấm lưng của bà càng còm thêm dưới cái gánh đời định mệnh từ trong cái thế giới mà ngày xưa tôi đã bỏ chạy. Hay tôi không can đảm nhìn một người đàn bà đang làm tôi mọi mà tôi không thể cứu thoát bà ra nổi. Bởi bây giờ tôi thì hoang mang quá đỗi, phản nghịch quá đỗi, mất dạy quá đỗi. Bởi tôi bị guồng máy kết án là đào ngũ hèn nhát sợ chết không xứng đáng là trai thời loạn. Tôi là một con thú tật nguyền cũng nên.

Nhưng còn Sâm. Còn con dốc qua nhà Sâm, Sâm nhìn theo Sâm khóc.

Sâm với đôi mắt như đôi hòn bi đen lay láy. Sâm với nũng nịu giận hờn. Sâm với đêm trăng u mọi dạp lon, với ngày mưa dông tắm truồng chung trên nền đất thịt. Sâm với những lần ôm siết tôi thật chặt khi trời nổi dông sấm sét và khi ánh đèn pha như con mắt của loài ác thú từ đồn binh Tây ở hướng Sinh Trung dọi xuống xóm. Rồi Sâm với những đêm trên bờ biển Nha Trang khi tôi theo xe lửa âm thầm trở lại thành phố cũ để chấm thi Trung học. Tôi đã thề với lòng tôi chẳng bao giờ bước về con dốc cũ nữa. Mẹ thì đành coi... Coi gì. Bà đã dập tôi quá đau. Bà đã trợn đôi mắt đỏ ngầu đầy những sợi gân xanh. Bà đã tát mạnh vào mặt mũi tôi. Máu cam chảy hòa cùng nước mắt. May mà còn có Sâm. Mái tóc bông bê rồi đến mái tóc chớm vai dậy thì. Vú ngực cũng vậy. Cũng phập phồng như hồi Sâm nhảy dây hay đóng vai người nữ cứu thương tuổi nhỏ. Hơi thở thì ấm. Như da thịt của nàng. Lần chấm thi ấy tôi dấu Nha Trang trong khi trở lại cùng Nha Trang. Nhưng tôi không thể dấu được Sâm. Bởi vì Sâm ngồi nhìn tôi chết sững trong phòng thi. Tôi nhận ra vai nàng run rẩy. Mắt tôi mờ đi. Chỉ có tiếng thốt lên, òa vỡ cả niềm nhớ thương chất ngất. Chỉ có bàn tay là quờ quạng khi trao tờ giấy thi trắng. Chỉ có đôi mắt là si điếng dại khờ. Tội nghiệp cho Sâm. Bài toán đâu có khó sao Sâm lại không nghĩ ra lời giải. Sâm cứ cắn viết. Sâm cứ nhìn tôi. Tội tình hơn bất cứ cái gì. Tội tình như trang giấy trắng. Tội tình dùm mấy ngón tay. Tội tình dùm người em nhỏ. Thương em sao chỉ dùm em...

Và cũng vì quá tội tình cho nên tôi đã phạm tội. Chiều hôm ấy tôi gặp Sâm và bảo nàng đưa tất cả bản nháp và dặn nàng làm những dấu đặc biệt trên bài thi. Sâm và tôi xuống biển lúc trời vào tối. Bầu trời trên cao đầy sao. Đằng sau chúng tôi là những lùm dương thấp mờ ẩn dưới ánh điện vàng. Phía phải là Cầu Đá, mập mờ những dãy đèn lung linh. Ngoài khơi xa là muôn ngàn ngọn đèn câu đêm như thể một dãy kim cương. Đó là Nha Trang của tôi. Một Nha Trang mà tôi bỏ đi thề không trở lại. Một Nha Trang mà tôi đã lớn lên bằng mặt trời và sóng biển, cùng những chú còng nhỏ bé nhưng lại đầy tinh khôn. Bao nhiêu dấu chân tôi đã bỏ lại trên bờ. Bao nhiêu vì sao trên kia đã thấy những đêm tôi trốn căn nhà địa ngục để tìm về biển, để ước mơ, thầm thì, tủi thân. Bao nhiêu ngọn gió đã thấy thân thể tôi se lạnh trên lòng cát. Và còn nữa. Những trái bàng bên đường, những con chó berger hung dữ từ các biệt thự Tây, những bao Cotab, Lạc Đà, những nắp ken xanh xanh đỏ đỏ. Rồi nhà lao công an, nơi tôi nghe tiếng khóc hãi hùng của mẹ tôi khi bà liều lĩnh lao vào cái nghề mua thuốc Tây để bán cho kháng chiến.

Đó là Nha Trang của tôi. Tôi yêu nó quá đỗi, nhưng cũng chịu những bi kịch quá đỗi. May mà có Sâm. Sâm ơi. Tại sao định mệnh lại cho anh trở về thành phố để gặp em thêm một lần nữa. Và hơi hướm của em. Và da thịt của em. Sâm trách tôi tại sao không trở về Rộc. Sâm nói hôm anh xách chiếc va li đi, em khóc ngất. Mẹ em quở con nhỏ này kỳ lạ thật, mày phải mừng dùm

nó vì nó đi tìm ba. Em biết điều đó. Sâm ngừng nói. Còn tôi thì yên lặng. Tôi phải giải thích làm sao về bóng tối của căn nhà. Về chiếc phản gụ rộng mênh mông và mặt gỗ lạnh những đêm tôi khóc. Sâm lại kể về căn nhà. Vẫn không có gì thay đổi. Bác uống rượu đêm ngày. Chiếc xe không còn chạy nữa, nằm liệt trên sân. Còn bác gái thì tiếp tục đẻ con, tiếp tục đánh lộn đêm ngày. Riết rồi hàng xóm láng giềng cũng quen. Còn bác Cả thì vẫn tiếp tục đồng bóng...

Rõ ràng tôi khóc rồi. Tôi bây giờ có một chức phận khiêm nhường, đủ để cứu bà ra khỏi địa ngục, nhưng làm sao tôi có thể tháo gỡ cái cùm gông của định mệnh. Bà đã chọn và bà đã chấp nhận.

Sâm biết rõ tâm trạng của tôi. Nàng xin lỗi đã làm tôi buồn. Tôi kéo Sâm sát vào. Mái tóc nàng chạm vào mũi vào mắt tôi. Mùi hương của tóc và mùi hương của da thịt con gái bắt tôi phải nhắm mắt. Tôi nâng mặt nàng lên, và dịu dàng hôn lên vầng trán, đôi mắt, và môi của nàng. Nàng siết chặt vai tôi và hôn lại cuồng nhiệt.

Như vậy tôi vẫn còn chỗ trở về nơi một thành phố có biển và mặt trời. Sâm đã dạy tôi sự dịu dàng của hạnh phúc và chiến tranh đã dạy tôi về một định mệnh khắc nghiệt dành cho mỗi cá nhân. Không ai có thể cưỡng chống lại định mệnh. Như mẹ tôi. Bởi vì nếu không có những chiếc cầu bị phá sập, những chặn đường rầy xe lửa bị đứt đoạn để núi chẳng về cùng sông, để cao nguyên không gặp đồng bằng, thì có lẽ bà có một cuộc đời khác. Cũng như tuổi trẻ của thế hệ tôi. Nam và Bắc. Chúng tôi chưa bao giờ hận thù nhưng rồi chúng tôi phải tìm giết nhau, mổ mật moi tim xẻ thịt nhau. Có ai ngờ gã thầy giáo ở một quận lỵ xa xôi lại trở thành một gã cầm súng ở hàng ngũ bên này, và những người học trò đệ tam lại là kẻ thù ở hàng ngũ bên kia. Những con sáo rừng mỗi chiều trở về quận lỵ để tôi còn phải viết về Sâm, về những cơn mơ tuyệt vời. Một mái nhà nhỏ dưới giàn hoa thiên lý cùng những hoàng hôn rộn ràng tiếng chim núi chim rừng. Và cuộc đời giản dị, chân thật cùng đám học trò. Nhưng cuối cùng những con chim lạ bay đi tứ tán. Tôi đi. Rồi những người học trò của tôi. Tôi đi lên đồi lên núi. Tôi đi coi chiến tranh như một cuộc chơi quá buồn. Quá buồn nên làm bài thơ cũng quá buồn. *Cô hàng cho xin ly cà phê nhỏ. Tôi uống cho đầy đôi mắt trong. Một mai tôi chết bên trời Bắc. Em làm sao được khóc bên song.* Tôi đã vùng vẫy. Tôi đã thét gào. Tôi mang kính cận dày, cột dây thun sau gáy nhảy trực thăng, nhảy diều hâu trong khi con cái những kẻ quyền lực đi du học nước ngoài. Xin các ngài đừng lên mặt dạy đời trong khi các ngài chưa biết thế nào là máu thấm vào áo trận. Cũng xin các ngài bên kia đừng chửi tôi là lính đánh thuê, đánh giặc mướn trong khi tôi mời các ngài từng điếu Pall Mall. Tôi là tôi. Tôi làm chủ lấy tôi. Tôi quyết định lấy đời tôi.

Và tôi quyết định bỏ ngũ. Đại bàng Hạnh khuyên tôi nên suy nghĩ lại. Tôi nói tôi dứt khoát rồi. Đại bàng nói rồi mày ở đâu, trước sau cũng bị bắt trở lại. Tôi cảm ơn ông. Tôi nói tôi yêu đại đội như yêu gia đình bởi vì tôi đã trải

qua bao nhiêu vui buồn trong suốt năm năm trời. Máu tôi cũng đã đổ ba lần. Đủ rồi. Đại bàng dùng xe jeep chở tôi qua khỏi đèo. Hôm ấy trời mưa bụi. Tôi chào tay ông khi bước xuống xe. Ông quay xe trở lại cùng với mấy người lính hộ tống. Còn lại một mình tôi ở giữa đồng không mông quạnh. Sâu trong kia là rừng dừa. Ngoài bên này là đồi núi. Một chiếc phản lực từ đâu bay sà xuống thả những quả bom xăng xuống bìa làng. Những tiếng nổ dội ầm ầm như thể sấm dậy.

Tự nhiên tôi sợ. Giả dụ đám du kích xuất hiện, liệu họ có thể tin tôi và chấp nhận cho một kẻ đứng bên lề như tôi hay không. Miệng tôi khô. Tôi thèm được trở về đại đội. Ít ra tôi vẫn còn được che chở.

Cuối cùng đất trời vô lượng đã cho tôi trở về cùng thành phố cũ. Về như một tên ngoài lề xã hội, trốn tránh loài người. Về để dấu mặt khi ra ngoài phố và sợ hãi ánh sáng mặt trời. Tôi về Nha Trang bởi vì tôi yêu biển và yêu Sâm nhưng tôi lại không dám về biển và Sâm. Bao nhiêu núi chận từ nơi tôi tạm trú dẫn đến biển và tôi sợ phải nhìn nỗi lo âu của người con gái tôi yêu. Tôi chong đèn đọc trang Thánh kinh. Tôi nhìn những con chim bồ câu dưới mái hiên âu yếm rỉa lông cho nhau mà cõi lòng bật khóc. Tuổi trẻ Việt Nam buồn như thế này ư? May mà đời tôi còn có thêm những bạn hữu như Nguyễn Sa Mạc hay Nguyễn Văn Nhàn. Mạc đưa tôi về nhà hắn bằng con đường tắt. Chúng tôi ngồi trên đường rầy xe lửa hút thuốc. Tôi lại nhớ đến những đoạn đường rầy cũ. Những đoạn đường rầy nằm trơ vơ dưới triền núi đầy cỏ dại. Con tàu chẳng bao giờ qua nữa. Mẹ tôi cũng chẳng bao giờ trở lại đây nữa.

Mạc đã âm thầm báo tin cho Sâm. Buổi chiều hôm ấy cả Nha Trang bị động kinh vì những tín hiệu bi thảm từ cao nguyên hoặc miền Trung đánh về. Đài Hà Nội tiếp tục ăn mừng từ chiến công này đến chiến công khác. Và Sâm xuất hiện. Vẫn cái áo màu tím ngày xưa. Sâm ôm tôi không cần gìn giữ. Sâm nói trong tiếng khóc tại sao anh lại tệ với em như vậy. Anh không biết là em lo cho anh từng giây từng phút sao. Tôi ôm bờ vai mềm. Tôi hôn nàng như cố đền bù những ngày những đêm mất mát. Ngoài song cửa là một con tàu sắp sửa chuyển bánh với rừng người bu đầy trên nóc toa và cả cửa sổ. Sâm cũng ôm siết tôi. Chúng tôi quên hết tất cả. Rồi Sâm van lơn tôi. Anh ơi, yêu em đi. Nàng chủ động và mãnh liệt. Tôi cũng vậy. Cuồng bạo. Bởi vì chúng tôi đều hiểu cái ngắn ngủi của tình yêu, và bóng tối ngoài kia. Bởi vì chúng tôi đều sợ thời gian.

Sau những giây phút cuồng nhiệt ấy Sâm nói ngày mai cả gia đình nàng sẽ xuống tàu vào Sài Gòn. Sâm muốn tôi cùng đi, nhưng tôi từ chối. Tôi không muốn cả gia đình Sâm thấy một tên tha phương cầu thực. Tôi cũng không muốn Sâm phải vì tôi mà bị khổ nhục. Tôi nói với Sâm: Anh nghĩ rồi đây chiến tranh sẽ chấm dứt. Miền Nam và miền Bắc sẽ sum họp. Mọi người sẽ

ngồi lại và tha thứ lẫn nhau. Rồi em về Nha Trang. Anh cũng trở lại cùng Nha Trang. Anh sẽ xin dạy trở lại. Rồi anh sẽ xin cưới em...

Nhưng Sâm vẫn còn nhòa nhạt nước mắt. Anh ơi, em sợ. Em không biết ngày mai như thế nào. Giữa lúc đó những hồi còi báo động từ nhà máy đèn. Chúng như những lời thất thanh gào rú báo trước một trận động đất.

Và người con gái ấy đã tiên đoán được sự thật. Sâm linh cảm những gì sẽ xảy ra sau ngày chúng tôi chia tay. Tôi thì bị lùa vào trại tập trung. Không có kẻ đứng bên lề. Đứng bên lề là quay lưng lại với nhân dân. Ai buộc tội tôi như thế. Thì thôi, họ không chấp nhận kẻ bên lề thì mình ở trong lề. Có nghĩa là cùng một hàng ngũ. Hàng ngũ kẻ ngụy. Để biết thêm sự thật. Để rõ thêm về lịch sử. Để rút thêm bài học cho con cháu. Đó là bài học đau nhất, để mà nhớ đời.

Bây giờ tôi đang có mặt tại xứ người. Bây giờ tôi thương yêu cuộc đời của tôi nên phải đứng giữa phòng để nghe tên cai nói về công việc sắp sửa. Công việc của ông là làm vệ sinh tầng ba. Ông phải cẩn thận đừng để mấy con mẹ thư ký complaint... Nói xong hắn giao tôi cho thằng Xì Colombia dạy việc. gã vui tính cởi mở, dẫn tôi đi từng phòng, chỉ tôi lau mặt bàn mặt kính, đổ thùng rác. Mày nhớ là không được lau cái bảng khi có chữ Do not erase. Mày nhớ đừng đụng gì đến cái computer.

Khi chúng tôi đến phòng cuối cùng, gã Xì chợt hỏi tôi: Mày từ đâu đến? Tôi trả lời: VietNam. Gã reo lên: Tao biết một người đồng hương với mày làm việc ở đây. Đấy cái phòng này đấy. Gã mau mắn chỉ vào phòng cuối. Tôi nhìn lên tấm bảng gắn ngoài cửa. Sam Pham. Tên quen một người. Gã Xì bỏ đi. Tôi đẩy xe vào phòng. Tấm ảnh để trên kệ. Rõ ràng là Sâm. Nàng bồng đứa con bên cạnh người chồng Mỹ. Sau chiếc ghế dựa là chiếc áo ấm màu tím hoa cà. Tự nhiên tôi ôm lấy áo và ấp vào ngực.

TRẦN HOÀI THƯ

Tháng 6, 1995.



HOELDERLIN

PHẠM CÔNG THIỆN *dịch*

hoài tưởng

(ANDENKEN)

Gió Đông Bắc thổi,
Luồng gió được tôi yêu thương nhất trong các luồng gió
Vì nó hứa hẹn thần trí nẩy lửa
Và chuyến hải hành tốt đẹp cho những thủy thủ.
Thôi, bây giờ hãy lên đường và đón chào
Dòng sông Garonne kiều diễm,
và những khu vườn ở Bordeaux
Mà nơi đó trên bờ sông dốc lệch
Lối đi tuột xuống, nơi đó con suối nhỏ
Chảy đổ rớt sâu vào dòng sông, nhưng ở trên kia
Một cặp giai ngẫu quí phái,
Những cây sồi và những cây bạch dương bạc trắng,
đang đứng nhìn ngó xa vời.

Vẫn còn tơ tưởng dịu dàng trong tôi và còn thấy lại bao nhiêu
Những chóp cây rộng lớn của rừng cây du
Nghiêng cúi trên nhà máy xay lúa,
Nhưng trong sân vườn có một cây sung mọc lên
Mà nơi đó vào những ngày lễ
Những người đàn bà da nâu rám nắng rảo bước
Trên mặt đất mền mượt như tơ lụa,
vào thời tiết tháng ba
Khi ngày và đêm đều dài bằng nhau
Khi trên con đường nhỏ chậm rãi thong dong
Nặng trĩu những hoàng mộng
Lướt nhẹ ngọn gió hiu hiu ru ngủ,

Thôi, hãy trao cho tôi
Một chén rượu thơm ngát
Tràn trề ánh sáng đen sẫm
Để tôi được an nghỉ và rồi

Được ngủ ngon lành dưới bóng mát rậm.
Không nên
là không hồn trống vắng
Những suy tưởng tử sinh. Tuy nhiên cũng nên
Nói chuyện thì thầm với nhau và nói lên
Những gì trái tim muốn nói, nên nghe nhiều điều kể lể
về những ngày yêu dương,
và về những sự nghiệp đã thành tựu.

Nhưng những bạn hữu của tôi bây giờ ở đâu? Bạn Bellarmin
Với kẻ đồng hành của anh ấy? Nhiều người
Lưỡng lự rụt rè lên đường trở về suối nguồn;
Thực thế, niềm sung mãn tràn trề bắt đầu ở
Trong biển cả - Họ, những kẻ ấy,
Giống như những họa sĩ phối hợp
Sắc đẹp của mặt đất và không tránh né rẻ rúng
Chiến tranh vẫy cánh và sống trọn
Cả năm dài cô độc, dưới
cột buồm không lá, nơi chốn mà đêm tới không bị
xuyên chiếu rực ngời
Bởi những ngày lễ lớn của thị trấn
Bởi nhạc và nhảy múa của dân cư địa phương.

Thôi, bây giờ quay mặt hướng về dân đất Ấn Độ
Họ đã lên đường,
nơi đó, nơi mà đỉnh chóp lộng gió
Nơi những đồi núi trồng nho mà từ đó
Sông Dordogne chảy xuống,
Cùng với dòng sông Garonne xinh đẹp rạng rỡ
Và cùng nhau dòng nước chảy tuông ra xa khơi,
thênh thang như biển cả
Những biển cả cưu mang chấp nhận và ban bố cho trí nhớ, và
Tình yêu, cũng thế, vẫn còn đôi mắt nhìn ngắm trừng trừng,
Song, chỉ có những thi nhân mới phôi dựng lại
những gì còn tồn tại...

HOELDERLIN
(Xuân 1803)

Phạm Công Thiện dịch từ nguyên tác chữ Đức, Andenken, định bản trong Hoelderlin, Werke und Briefe, cuốn I, trang 194-196.



TRẦN THÙY MAI

trò chơi cấm



Rượu đã hết, nhưng cuộc vui vẫn còn. Lúc này ai nấy đều nhìn nhau như qua màn sương mờ ảo. Riêng ông Thanh, chủ nhân bữa tiệc vẫn tỉnh táo, dù phải tiếp khách từ chín giờ sáng cho đến bây giờ, khi trời đã sẫm chiều.

Như mọi năm, đúng vào ngày một tháng Giêng, ông Thanh tổ chức sinh nhật của mình trong ngôi nhà vườn ở làng quê. Khu vườn bên kia sông Bao Vinh, đầy những lá nhãn xanh um. Không bao giờ ông gởi thiệp mời cho ai. Nhưng như một tập tục, bạn bè ông cứ đúng ngày là đến. Ngày ông còn tại chức, có năm cả trăm người đến mừng sinh nhật. Từ lúc về hưu, mỗi năm người đến một thưa vắng, nhưng vẫn còn vài chục người. Đó là những người thật sự thân tình: ông biết, ông sẽ không bao giờ mất họ. Trong số đó, có cả ông Phi ở cạnh nhà: một ông già hiền lành, chuyên làm cai gian trong các đám tang. Ông Thanh giới thiệu với mọi người:"Đây, ông cai gian của tôi, chẳng bao lâu nữa sẽ là người chôn tôi đấy". Đáp lời ông, ông Phi chỉ cười. Nụ cười móm mém chân chất của ông làm người ta nghĩ đến hình ảnh hiền hậu nhất của cái chết.

Hôm nay ông Thanh vừa đúng bảy mươi tuổi. Vào buổi tiệc ban trưa, ông đã ký những giấy tờ phân chia gia tài cho bốn đứa con trai trưởng thành. Ông có một gia sản không lớn nhưng cũng cần phải thu xếp ổn thỏa. Nhìn về phía vợ, ông hỏi: "Nào, mình có đồng ý với tôi không hở mình?" Vợ ông rơm rớm nước mắt vì xúc động. "Ông ơi, sao ông lại hỏi thế, có bao giờ tôi không nghe lời ông?" Đúng, bốn mươi năm qua, lúc nào bà cũng mãn nguyện làm một cái bóng của ông. Suốt đời, ông đã làm lụng, đã đem lại danh giá cho bà. Bốn

đứa con, đó là kết quả cuộc chung sống lâu dài và êm ấm giữa hai người. Bây giờ, chúng đã lớn, được ăn học, thành đạt, đã kiếm được những người vợ tốt; tất cả đang ngồi kia, nhìn về hai ông bà, cảm động và yêu thương. "Ba, ba vội quá, ba còn sống với chúng con rất lâu, vậy mà..." Ông Thanh đẩy hết bút giấy ra xa, như vừa dứt khoát làm xong một công việc nặng nề. Ông nói mà không nhìn ai cả:

- Từ giờ phút này, ba đã xong hết mọi công nợ với cuộc đời, ba có thể thanh thản yên nghỉ được rồi. Nhưng trong khi chờ đợi, ta cứ vui phải không các bạn?

Nói xong, ông cao hứng uống cạn ly, hát một bài hát vui. Ai nấy đều hát theo ông, tiếng hát tưng bừng xoá tan ngay không khí có phần ngậm ngùi của mấy phút trước.

Còn bây giờ, trời đã tối. Ông Thanh tự cho phép uống nhiều hơn, vì vậy men rượu bắt đầu giăng một màn sương trước mắt ông. Thật kỳ lạ, vào giờ phút ấy, ông chợt thấy cuối bàn một người phụ nữ, không biết ngồi đấy từ lúc nào. Hình như người ấy vừa đến, và cả bàn tiệc không ai ngạc nhiên vì mọi năm cũng thế rất nhiều người đến vào phút chót. Chỉ có ông Thanh bỡ ngỡ, không thể nhớ ra người ấy là ai. Tay cầm ly rượu, ông đến gần người khách lạ. Dù ai đi nữa, đó cũng là một người đã nhớ đến ông trong ngày này. Hơi rượu chếnh choáng làm ông không nhận ra người phụ nữ này bao nhiêu tuổi, xưng hô thế nào cho phải. Vì thế, đáp lại nụ cười của nàng, ông chỉ biết nắm lấy bàn tay, siết chặt.

- Thưa ông - người khách mới đến giọng hơi ngập ngừng - Hôm nay là ngày sinh nhật của ông, tôi muốn đem đến cho ông một món quà.

Nói xong nàng đưa mắt nhìn quanh. Thấy chiếc đàn ghita trên vách, nàng ra hiệu nhờ lấy giúp. Rồi nàng so giây, và bắt đầu khúc nhạc của mình.

Tiếng đàn buông từng nốt nhạc rời, chậm, lãng đãng tiếp theo nhau; một thứ giai điệu kỳ lạ. Bỗng nhiên, giữa đêm đẹp trời, ông Thanh tưởng mình nghe tiếng mưa. Mưa mùa thu, dìu dặt và nhẹ nhàng như không buồn dậu xuống đất mềm.

Bất chợt, ông kêu lên một tiếng. Men rượu tan biến trước mắt ông. Ông đã nhớ ra ! Khuôn mặt này, nụ cười này. Và tiếng đàn này. Tất cả đã từ lâu ngủ yên trong ký ức ông. Nhưng còn nàng, nàng từ đâu hiện về?

Khi gặp ông, nàng cũng như thế này. Tóc nàng dài, phủ kín hai vai. Lần đầu nàng ngước lên nhìn ông, trong đôi mắt nâu hiện lên một vầng sáng dịu. Quán cà phê Mimosa khuất sau dốc đồi. Vào thời ấy, người ta xem việc uống cà phê buổi sáng là một thứ xa xỉ phẩm. Dưới vầng cây xanh và những vầng sương mù dày đặc, cái quán nhỏ âm thầm giấu mình như một thứ tội phạm dễ thương. Và nàng cũng thế.

Thành phố cao nguyên đẹp nhưng quá buồn, nhất là với một người đàn ông xa gia đình. Những bực bội phiền toái trong mỗi ngày làm việc khiến buổi

chiều biến thành khoảng thời gian tự do và vô vị. Một tuần hai lần, ông đến quán Mimosa để giải khuây. Thiếu phụ áo tím ngồi sau quầy, những bông Muguet cũng màu tím. Và rất nhiều âm nhạc. Ở đó, lần đầu ông đã nghe bản giao hưởng số 5 của Beethoven - Bản giao hưởng định mệnh.

Thiếu phụ người Huế. Chồng đang ở Mỹ, đang làm thủ tục bảo lãnh cho nàng. Giấy tờ quá phức tạp, rắc rối. Trong khi chờ đợi, nàng giết thời giờ bằng quán Mimosa. Nàng nói với ông nàng nhớ Huế, nhớ mùi rau diếp xanh trong vườn mẹ. Một lần, ông Thanh về phép. Khi trở lại, ông mang cho nàng một chậu nhỏ trồng đầy rau diếp xanh. Rau diếp mới ăn rất hăng nồng, nhưng lâu ngày thành nghiện. Dần dần, có lúc buồn bực, ông ra khỏi cơ quan, đầu óc căng thẳng, bước đi không định hướng. Mãi đến khi trước mắt hiện ra giàn hoa lấm tấm vàng, cái nhà gỗ thu mình sau hoa lá, ông mới biết đã đi đến chốn về của mình. Nàng đón ông ở cửa, nụ cười lặn sâu trong mắt. Lúc ấy ông Thanh đã nghĩ cả nhân gian là quán trọ, chỉ có nơi này là nhà của mình.

Tối hôm ấy, ông ở lại. Đêm cao nguyên lạnh dịu dàng. Đến lúc đó, ông mới hiểu nàng thuộc vào loại đàn bà mà người đời vẫn bảo là có bùa mê. Thật ra, đó là một năng lực kỳ bí mà trời phú cho tất cả phụ nữ từ thuở cổ sơ. Nhưng dần dà, người ta dấu diếm nó đi, và quên mất nó. Còn nàng, nàng không quên, không mất, vẫn mãi như thế: một giòng suối hồn nhiên mê đắm.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, ông Thanh nghe những âm thanh dìu dặt, lãng đãng rơi dần từng giọt, từng giọt quanh gường. Cựa mình, ông nói khẽ, như người nói mê:

- Trời mưa, em ạ.

Nàng xoay mình, áp đầu xuống vai ông:

- Không đâu anh... Đó là tiếng nhạc. Bài *Jeu Interdit*, nghĩa là *Trò Chơi Cấm.*

Ông Thanh tỉnh hẳn. Ông nhìn thấy dĩa nhạc đang quay, những tiếng đàn êm ái như mưa. Và bàn tay nàng dậu trên vai ông, cũng mềm như tiếng nhạc.

Trò chơi cấm kéo dài bao lâu, ông không còn nhớ. Trong thời gian ấy, ông chỉ nghĩ đến một người, là nàng. Một người duy nhất, có người ấy thế giới này chợt rộng lớn và vang ngân. Mọi điều ta trải qua, ta thấy, ta nghe đều day dứt, ngọt ngào vô kể.

Rồi đến một ngày, ông quyết định ra đi. Con người thật kỳ lạ, luôn muốn phiêu lưu nhưng không dám vượt ra khỏi những rào cản của cuộc sống bầy đàn. Vả lại, ông nhớ ra, rồi sẽ đến lúc nàng đi xa. Bởi đau lòng hoặc bởi hiếu thắng, ông chọn đi trước để khỏi bị nàng bỏ lại.

Nàng có một trực giác kỳ lạ, hiểu ngay những dự định của ông. Ngày trở về Huế, ông đến chia tay với nàng, như mọi lần về phép. Khi ông hôn nàng, nàng thì thầm:

- Em biết, đây là lần cuối.

Không! Ông kêu lên, siết chặt lấy nàng. Bao giờ cũng thế, mỗi lúc giữ trong vòng tay thân thể dịu mềm của nàng, bản đàn *Jeu Interdit* lại vang lên

bên tai ông. Ông đã không nói dối: đó không phải là lần cuối. Rất nhiều năm sau, thỉnh thoảng ông vẫn được gặp và hôn nàng như thế - Trong giấc mơ.

Bây giờ nàng lại ở đây, bên ông. Năm tháng qua, nhưng sao nàng quá trẻ. Nàng còn trẻ hơn thuở gặp ông, như một thiếu nữ mới lớn. Ông Thanh run chân, chăm chăm nhìn. Nàng vẫn đàn. Ngày xưa, ông không thấy nàng chơi đàn. Nhưng cũng những âm thanh thế này: chậm, rời, dìu dặt tiếng mưa.

"Trò chơi cấm". Ông Thanh nói rất khẽ, nhưng người đàn bà vẫn nghe. Dường như nàng chỉ chờ có vậy. Bản nhạc viết về một trò chơi, một trò đùa thần tiên đến nao lòng. "Vâng, vậy là ông đã nhớ ra".

Ông Thanh thốt lên:

- Em tưởng là tôi có thể quên sao?

Cả bàn tiệc dồn mắt về phía hai người.

Người khách nữ treo đàn lên vách, rồi trở lại, đứng trước ông Thanh. Ánh đèn toả sáng trên người nàng. Nhưng không... Đây thực sự là một cô bé. Một cô bé giống nàng như tạc.

- Mẹ cháu bảo cháu đến đây, và đàn cho ông nghe khúc nhạc này.

- Mẹ cháu... vừa từ nước ngoài trở về? Ông Thanh hỏi, môi run run.

- Không. Mẹ cháu không đi. Vì có cháu.

Cô bé vừa trả lời vừa nhìn ông Thanh như chế riễu sự chậm hiểu của ông. Trên khuôn mặt trẻ thơ đó là đôi mắt của ông. Cô bé giống nàng, và cũng giống ông, giống hơn tất cả những đứa con ông đã có.

Sững sờ, ông Thanh ngồi lặng trên ghế.

Cô bé ngồi cạnh ông. Cả hai người, không ai nói gì nữa. Hình như tiếng nói đã trở thành vô nghĩa, lúc này.

Cũng như mọi năm, bữa tiệc dứt lúc trăng lên đầu ngọn cau cuối vườn. Nhưng lần này người ta không nghe tiếng cười nói xôn xao trên đường tiễn khách ra bến đò để qua sông về thành phố. Cả đoàn người lặng im theo sau ông Thanh và cô gái, như trong một đám rước kỳ dị, bởi ai cũng linh cảm thấy điều bí ẩn nào đó đang đè nặng tâm hồn mình.

Con thuyền đến. Cô gái quay đi. Chợt ông Thanh giữ lấy cô bé:

- Con!

Cô bé quay lại, mắt lóng lánh nước:

- Ba?...

Hai cha con ôm nhau. Mọi người đứng quanh cúi đầu, như trước một cuộc hành lễ. Điều bí ẩn đã rõ. Cuối cùng, ông Thanh đã thừa nhận mình - một thứ mà ông đã chối bỏ từ lâu.

"Hãy ở lại với ba. Ba chưa làm được điều gì cho con cả. Ba không còn gì

cả, nhưng ba vẫn còn sống, ba sẽ làm mọi điều ba có thể, vì con..."

Ông Thanh nói dồn dập. Rất nhiều năm rồi, ông mới nghe tim mình dập như thế.

"Không, con không đến để đòi nợ ba đâu. Con đến để nhìn lại cội nguồn của mình. Và cũng để làm đúng ý nguyện của mẹ con, gửi cho ba món quà sinh nhật".

Khuôn mặt trẻ thơ đang lóng lánh nước mắt, chợt rạng rỡ một nụ cười...Rồi cô bé cương quyết xuống thuyền. Bên kia bờ, trong bóng đen sâu thẳm là những ngọn đèn của thành phố Bao Vinh lung linh trên nước. Giữa sông, trên con thuyền chông chênh dưới trăng, ông Thanh vẫn nhìn thấy con gái mình, rạng rỡ, sáng láng: một món quà sinh nhật quá tuyệt vời.

Ông khóc, im lặng. Nó đã đến, và đã đi. Con của ông. Một đứa trẻ cô đơn, nhưng không bao giờ buồn thảm. Ông không còn gì cho nó, ngoài những lời nguyện cầu. Cầu cho nó cứ mãi đi trên đời như thế, cầu sông cạn dưới chân nó, gió dữ tan trên đầu nó. Cầu Thượng Đế hãy phù hộ cho nó, như vẫn phù hộ cho những đứa con sinh ra từ tình yêu.

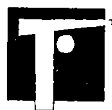
Trở về nhà, không ai, kể cả vợ con ông Thanh dám hỏi han gì ông, vì thấy ông trong trạng thái như đi giữa mây mù. Lúc bấy giờ ông không nghĩ đến ai cả, không nhớ điều gì cả, ông đã thanh thoả với cuộc đời ở đây. Bấy giờ trong tâm trí ông chỉ có hình ảnh một túp nhà ở nơi rất xa, ẩn sau khóm mimosa hoa vàng. Nơi đó có một người đàn bà lặng lẽ sống, cưu mang và hoài niệm. Sự im lặng ấy phải chăng là chịu dựng hi sinh, hay cũng là một trò chơi ngông cuồng của nàng?

Ông phải gặp nàng, phải hỏi nàng điều đó, và nàng sẽ phải trả lời ông, với nụ cười bí ẩn lặn sâu trong mắt. Ngay trong đêm, ông thu dọn chiếc vali nhỏ. Ông sẽ đi, ngay ngày mai. Đã mười tám năm, nhưng ông cứ tin rằng nàng vẫn thế, ngôi nhà ấy vẫn thế, nho nhỏ, ngậm ngùi dưới những cơn mưa mù sương. Đó vốn là nơi trở về của ông. Đã đến lúc ông phải quay về. Ông phải còn sống, sống rất dài lâu, vì ông chưa hết nợ với thế gian này.

Sáng hôm sau, lúc mở cửa phòng, người ta thấy ông nằm, mắt mở. Tim ông đã ngừng đập vào lúc còn say sưa nghĩ đến chuyến đi. Có lẽ vào giây phút ấy, bên tai ông vẫn vang lên những nốt nhạc lãng đãng, dịu dàng đến mê người, những ảo thanh của một cơn mưa không dứt.

TRẦN THÙY MAI

(Huế)



LÂM THỊ MỸ DẠ

mưa

Mưa
Qua đêm
Qua tối
Qua cánh đồng trời
mù khơi
vồi vội...

Mưa xóa đi chính mình
Như một gã điên
Không trí nhớ
Rối tung
Xiên và thẳng!

Mưa xóa đi chính mình
Khỏa thân trắng
Vóc dáng thiếu nữ
Mịn màng trong suốt...
Mưa xóa đi chính mình
Mà đâu nào hay biết!

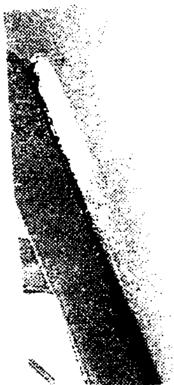
Và ta
Cũng như mưa
Xóa đi chính mình
Từng vết
Từng mảng
Cho đến khi
Chỉ còn - một giọt
Một giọt
ngơ ngác
Trên lá xanh
Đợi mặt trời
Phập phồng
Tan biến...

LÂM THỊ MỸ DẠ
(Huế,



ĐỖ QUANG NGHĨA

"mộ"



Ông biết rõ gia đình tôi lục dục thế nào. Tự tôi khai ra. Khi đó tôi còn chưa quen ông; chỉ mới biết mặt ông qua những giờ chôn móng ở thư viện. Tôi ở đó tối ngày. Ông cũng thế. Có lần, lúc sâm sẩm tối, từ thư viện bước ra, ông bảo tôi : "Cậu có vẻ bị vợ chê hả?", ông nói đầy vẻ tự tin. Mà đúng quá. mà không ra dáng thầy bói. Từ đó, tôi thường qua lại nhà ông. Cái cõi đi về của tôi, hay cái gọi là nhà ông lúc đó mới thê thảm làm sao. Nó chỉ là một cái chái, vẩy ra từ một cái chái khác, rộng "đúng sáu mét, tớ đo rồi", ông bảo thế. Chái bên kia hình như nhỉnh hơn, thông sang phố bên; thuộc sở hữu của vợ cũ và con trai ông. Hai chái được ngăn cách bởi một tấm liếp thủng, cao hơn đầu người. Sát liếp trước ông kê một cái giát giường, kề bên với giường chị vợ cũ. Sau ông bỏ, "cho nó rộng". Nhà ông như thế chỉ có hai bức tường, tự xây trát nên lồi lõm khiếp được, nhất là vào lúc bật đèn. Ông rải trên nền nhà mấy mảnh chiếu, cắt ra từ một cái chiếu rách nào đó, nhưng vuông vắn, sạch sẽ và có cạp vải quanh mép cẩn thận. Đấy là thảm của chúng tôi. Chúng tôi có thể đến nhà ông bất cứ lúc nào, vì cửa chỉ buông cái mành mành. Ngại mỗi nỗi là vào đó thì phải đi qua hai căn phòng: một của các cụ thân sinh ra ông; một của gia đình anh trai ông. Song vượt qua đó và mảnh sân chung có máy nước là chúng tôi tự do.

Hồi đó vợ chồng tôi hay cãi nhau lắm, song không đứa nào nghĩ đến chuyện ly dị. Gì thì chúng tôi cũng đã từng rất yêu nhau. Một lần, đêm trước vợ chồng hục hặc, trưa sau gặp ông, ông rủ tôi về ăn cơm. Ông dặn tôi đứng ngoài trông xe, vào chợ mua hai lạng thịt bò, một mớ rau muống. Nhìn ông nách cắp mấy cuốn sách, tay cầm mớ rau như cầm bó hoa khi chen trong chợ hoa ngày Tết, tôi buồn cười. Nghĩ mình chưa khổ. Lại ngạc nhiên không biết ông nấu nướng thế nào. Về nhà, ông gọi chõ sang chái nhà bên :

- Dũng! Thằng Dũng đâu rồi ! Xem mẹ có tỏi mang cho bố mấy nhánh, nước mắm nữa nhá ! À, mà cả dầu nữa, dầu hoả ấy. Chiết cho bố chai dầu. Bếp bố cạn dầu rồi.

Tôi phì cười. Ông cũng cười, bảo :

- Mẹ cu Dũng nhà mình dễ tính lắm. Bỏ nhau rồi mình lại thấy cô ấy đáng yêu. Cậu không tin sao? Nhưng bảo mình cưới lại chính cô ấy thì mình chịu.

Rồi ông hỏi, và tự trả lời :

- Này! Vợ cậu là người yêu dời thứ mấy của cậu? Đời đầu à ! Cũng hay ! Cơ mà giờ chắc cậu thất vọng lắm hả? Đúng không? Tại cậu huyễn hoặc cô ấy lên đấy thôi ! Mình trước cũng thế. Với mẹ thằng Dũng ấy. Chán chê mê mỏi rồi mới lấy được nhau. Bà nhạc nhà mình ghét bọn văn sĩ. "Rởm đời !", cụ nhiếc thế ! Nhưng mà hồi ấy thì mình còn chưa thành được cái của cụ ghét cơ. Mình nghe xúi dại. Tại cha Bùi Minh Quốc cả. *"Cái tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy, dù xa xôi mấy cũng lên đường"*. Nó viết thế dấy. Hay ghê! Thế là bò lên tận Nghĩa Lộ làm đường. Đến lúc về được thì thành thằng vô tích sự. Không điên, cũng không liệt giường liệt chiếu để nhà phải nuôi. Mình khoẻ chân, mạnh tay, ăn nhiều, nhưng lại không được ăn. Trót ra đi, cắt hộ khẩu Hà nội. Về, mãi không nhập lại được. Không hộ khẩu thì không xin được việc, không có tem, phiếu mua bán, kể cả loại tem phiếu nhân dân tháng bánh xà phòng, hai lạng đường ướt cũng không ! Vậy mà mẹ cu Dũng cứ nhất định lấy mình; chấp hết. Tất nhiên khi va chạm thực tế, chán nhau, rồi bỏ nhau, cũng đúng thôi! Mà cô ấy không phải là người yêu đầu tiên của mình đâu nhé. Nhưng dù đầu hay cuối thì kết cục chắc cũng vậy. Mình biết có tay biên tập viên chỗ mình, có bà người yêu. Yêu cứ gọi là đắm là chìm. Chẳng rõ vì sao không lấy nhau. Bà ấy có gia đình; rồi chồng chết; con cái giờ cũng ra đầu ra đũa cả. Năm ngoái lại gặp nhau. Cưới. Năm nay sắp bỏ đấy. Hà, giá cứ xa nhau mãi thì vẫn đẹp, đời đỡ phiền toái, đỡ nghĩ ba lăng nhăng.

Ông cứ nói toang toang. Phần vì tính ông vậy, phần vì quan hệ của ông với người vợ cũ. Hồi đầu nghe ông nói, nghĩ chị ấy cũng đang nghe, tôi ngại lắm. Giờ thì hiểu. Từ hồi bỏ nhau, chị không ghen, có vẻ lại có khả năng cảm thông nhất với ông; cả trong những chuyện tình ái vụn của ông với những cô chỉ đáng cho cu Dũng gọi là chị. Chị chăm nom cả việc nhà cho ông, quất lác từ việc giặt chiếu tới rửa bát. Như là bạn, như là em. Thực ra chị nghĩ gì, tôi không biết. Nhưng tôi thích kiểu quan hệ này.

Bữa cơm của chúng tôi ngoài món thịt bò xào rau muống, còn có bát canh chua và mấy miếng cà muối xổi. Cũng của mẹ cu Dũng cho, đưa qua lỗ liếp thủng. Vừa ăn, ông vừa bảo tôi:

- Thấy cậu đang chán đời mình mới khao đấy. Chứ nghề mình cứ no cơm tức cật là tịt không viết được. Cậu cười a? Cụ Tú Xương tổng kết từ lâu rồi ấy chứ. Ăn cho lắm vào thì con tự không có chỗ mà thòi ra. Qui luật muôn đời đấy. Hì !

Tôi ăn. Không cãi. Tôi là dân ngoại đạo đối với giới ông. Còn ông thì im lặng ngay sau đó. Ông có tin lắm điều ông vừa nói? Tôi không dám hỏi. Song

thực lòng, đôi khi nhìn ông và bạn bè tụ hội phét lác, tôi bùi ngùi. Có tay ngồi trên một mảnh chiếu, một mảnh khác kê sau lưng, áp lên bức tường trốc lở, luôn luôn ẩm vào trời nồm. Lúc ông ta cúi đầu về phía trước say sưa nói, mảnh chiếu rũ xuống ngay trên đầu, rung rung, trông kỳ cục không chịu nổi. Cái giới nghệ sỹ buồn cười thật. Chả hiểu họ muốn gì trong đời. Vợ ơi ! Em mà gặp họ trong nửa buổi thôi, chồng em sẽ thành "Người trong cõi mộng của em ngay".

Chả hiểu ông nghĩ gì về quan hệ kỳ cục của ông và tôi nữa. Chúng tôi biết rất rõ về nhau. Lại hình như chẳng biết gì. Mà cũng chả định tìm biết thêm gì. Hồi đầu, tôi nghĩ ông lấy tôi làm mẫu nghiên cứu tâm trạng gì đó. Tưởng bở ! Đôi khi có những người ngẫu nhiên quen nhau, biết chắc không bao giờ gặp lại hoặc biết chắc không có một người quen nào khác, người ta có thể dốc ruột dốc gan mà không sợ. Không sợ bị hiểu đúng. Tôi và ông hình như là những người như thế. Đúng hơn là tôi thôi; trong sự hiểu biết nhau này.

Từ hồi quen ông tôi mở rộng phạm vi đọc. Tôi có một cái thú riêng khi xem sách của ông và mấy ông nhà văn bạn ông. Ngoài đời họ hình như gàn dở, còn hơi tầm thường nữa. Họ khác hẳn trong sách của họ. Khác chứ không hẳn là hay. Kể cả truyện của ông. Nghe đâu hồi tôi còn học phổ thông ông đã ăn cái giải nhất trong cuộc thi sáng tác đề tài công nhân trí thức gì đó. Truyện ấy tôi xem thấy nhạt lắm. Ông hỏi, tôi thú thật. Tưởng ông cáu. Nhưng ông cười :

- Có thế mình mới được giải. Cậu tưởng! Quan trọng lắm! Sau đận ấy mình được mời đi nhà nghỉ sáng tác, ăn không mất tiền, chẳng phải ơn ai. Mấy tháng chứ đâu phải bỡn. Về, lại được vào nhà xuất bản. Thế mới có hộ khẩu, mới được làm dân Hà Nội lại. Đâu có như cậu, mang tiếng dân Hà Nội chẳng qua vì được phân công công tác ở đây. Cậu ấy à, có lột ba lần da thì nhà quê vẫn hoàn nhà quê. Này ! Có lần mình bảo thế với bọn Phạm Tiến Duật, bọn Nguyễn Đình Ánh, chúng nó cũng chịu đấy. Mà chúng nó giờ y như ma xó ở đất này, chứ đâu có ù lỳ như cậu.

Có vẻ như ông không muốn nhìn lại tác phẩm ăn giải đó của mình. Nhưng tôi cứ "chì":

- Chả nhẽ anh định viết thế mãi?

Hỏi. Rồi tự trả lời :

- Thế thì cũng như bọn em. Là kỹ sư mà không có đề tài, không có công trình, không tiền. Mà lại làm ở viện, "viện sĩ" chứ không phải chơi đâu. Nhưng bọn em thì chẳng ai biết đấy vào đâu, chẳng dối ai, ngoài ông nhà nước. Như thế có khi còn tử tế hơn.

- Này ! Đọc đi, và khép miệng lại, đừng nhiếc nữa.

Ông nhét vào tay tôi một tập giấy đánh máy, rồi bỏ đi. Chắc ông quên không cúi người, đầu va đánh cộp vào khung trên cửa. Nhưng ông cứ thế đi thẳng.

Tôi đọc. Rồi tôi để cẩn thận lên mảnh ván kê trên mấy viên gạch ông dùng làm chỗ viết, ra về. Tôi không nói gì lại với ông. Ông cũng không hỏi tôi.

Dễ tới gần mười lăm năm...

Từ lâu, ông đã rời căn phố nhỏ luôn âm vang tiếng chuông nhà thờ. Ông vào Sài gòn, làm báo, lấy thêm hai ba đời vợ. Tôi thì đã ly dị vợ cũ và cưới vợ lần hai. Vợ tôi giờ cũng chẳng khác người vợ trước. Cũng tần tảo, bẩn gắt, có bằng đại học song không nhớ gì chuyên môn; vì đã ghi trong đơn xin việc: "Sẵn sàng làm bất cứ công việc gì tổ chức phân công". Song tôi đã thôi không thất vọng nữa về đàn bà. Tôi còn thấy mừng: đương kim vợ cũng giống cựu vợ. Không có các cô ấy dễ là tôi cũng như ông hồi còn qua lại nhà ông. Mà tôi thì chỉ thích đứng ngoài nhìn dân nghệ sĩ sống thôi. Bảo sống như họ, tôi vái. Mấy thằng như tôi chỉ thích đủ sống bằng lương, đi thư viện, xin được kinh phí làm đề tài, đề tài được ứng dụng. Đấy là ban ngày, còn tối thì được về nhà, với vợ. Vợ tôi thích đọc lắm. Có rất nhiều thứ hợp tạng cô ấy. Cũng không đắt. Báo nào cũng ra phụ trương, chữ loè nhoè, mù mịt, nhưng bán lại chạy, nhà tôi đầy loại đó: "Hạnh Phúc Gia Đình", "Công An Hà Nội", "Công An Thành Phố Hồ Chí Minh", "Tuổi Xuân"...Tôi cũng nhiễm thói ham đọc những sách báo mang tính phổ cập toàn dân này của vợ. Đọc chúng để còn nói chuyện với nhau.

Buổi tối, trước khi ngồi xuống mở máy chữ - công cụ lao động chính và phụ - vợ tôi bảo:

- Có bài "Làm thế nào để giữ gìn hạnh phúc gia đình khi các con đã lớn ". Anh phải đọc đi.

Tôi đọc. Bài ấy. Xong. Giở trang : "Mộ - Đặng Hoàng - Truyện ngắn".

Đấy là cái truyện dạo nào tôi đã đọc. Tập giấy đánh máy ấy còn nhiều chữ viết tay khác: "In ngay" - Thế Hải - Biên tập viên - Tác giả "Đi Bước Nữa". "Hay" - Tô Ngọc. "Đưa in rồi chuồn"... Một chữ ký loằng ngoằng.

Đại loại là những câu nửa nghiêm túc nửa cười cợt. Người viết là bè bạn cùng giới với với ông, có nhiều người dân "ngoại đạo" chúng tôi cũng biết tên. Đọc truyện, tôi nổi da gà. Bạo liệt. Và buồn quá. Chẳng giống gì những cái tôi đã học suốt thời phổ thông hay những cái in ra hàng ngày. Tôi không nói gì lại với ông. Tôi đủ hiểu rằng truyện ngắn ấy không thể in được. Bạn văn cảm thông với ông, mừng với ông vì những dòng ông viết được. Nhưng lòng can đảm của họ, và của ông chỉ đến thế, ông không dám đưa in. Mà cũng chẳng ai dám cho in một truyện như vậy : Người cha - Đứa con bị chối bỏ - Sự vô nghĩa của những lời kêu gọi - Sự phản trắc và đạo đức giả - Cái chết của đứa con và nỗi kinh hoàng của người cha khi nhận ra con mình - Sám hối - Nấm mồ và ký ức về tội lỗi - Không thể quên vì quên có nghĩa là tự tha thứ...

...Giá mà ngày ấy truyện ông được in ra. Chắc sẽ lắm ồn ào. Những tác phẩm như thế, tôi tin là các ông vẫn âm thầm viết, âm thầm giữ cho mình. Ai? Trong số những nhà văn tôi đã gặp ở nhà ông? Ai? Trong số những người nghệ sĩ tôi chưa gặp?

Tôi hiểu vì sao giờ "Mộ" của ông được in ra. Nhưng tôi không hiểu vì sao ông lại đưa in. Muối mặn để lâu tan thành nước chỉ còn vị chát. Mà sao ông lại cho in ở một tập san lá cải đến như vậy ?

Có lần vào Sài gòn tôi gặp ông. Công ty tôi tổ chức tổng kết cuối năm, mời cả nhà báo, ông cũng tới. Hỏi ông chuyện nghề, ông không cười, bảo :

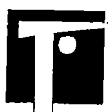
- Giờ mình dừng viết truyện, làm báo linh tinh thôi. Cậu nhớ có lần mình bảo thà đừng gặp lại người yêu dấu dời không? Thiết tha lắm mà đến lúc được sống chung thấy nhạt hoét, dâm bực mình. Chỉ tại mình đuối rồi. Mình viết truyện ngày trước cũng thế; viết, viết mãi, cuối cùng chỉ để đôi ba thằng đọc với nhau, khen rồi muốn khóc với nhau. Giữ bản thảo mãi tới lúc được in thì chả muốn nữa. Đọc lại, rồi đọc bọn trẻ bây giờ, thấy họ tinh, sắc hơn mình, cũng dũng cảm hơn lũ chúng mình, cả lúc này, cả với thời trẻ như họ. Vậy là "dụt" luôn cho xong.

Tôi rụt rè hỏi ông về truyện "Mộ". Mặt ông méo di :

- Vợ mình nó gửi. Nó bảo hết tiền chợ.

Rồi ông cười.

ĐỖ QUANG NGHĨA
(Hà Nội)



PHAN NHIÊN HẠO

tín ngưỡng

Hạt thóc mọc trên đầu
Tín ngưỡng cũ
Một tháng ba lần đi cắt tóc
Đeo kính lên hai đầu gối và quỳ lạy mặt trời
Nỗi đau sáng lòa hai mắt
Đội mũ suốt ngày
Cho sọ khỏi mở ra
Những con mắt rình mò trên máng nước

thơ ca

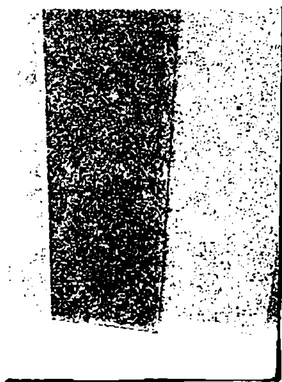
Gần hết mùa xuân
Những sợi lông trên tay mọc thành cỏ
Người thiếu phụ đánh răng thật trắng
Nàng sắp sửa trèo lên tổ ong
Bấy giờ là ngày thứ sáu
Không có mối liên hệ nào giữa nàng và Chúa Kitô
Thơ ca làm bằng mật và nắng
Cái nhìn lấp lánh giữa hai môi

PHAN NHIÊN HẠO



MIÊNG

hy sinh



Trời Sài gòn oi nồng, tức tưởi không mưa. Bầu không khí chỗ bán vé xe đò ngột ngạt nặng nề với tiếng ồn ào và bụi bặm xông lên từ mọi phía. Một bà già gầy gò tất bật chen lấn với mọi người không bằng sức mạnh mà bằng mớ tuổi đời phô ra bởi những đường rãnh cày xới trên khuôn mặt võ vàng nặng trĩu buồn phiền.

- Bà già muốn mua vé đi đâu ?

- Tui đi thăm con tui.

Chữ "tui" hơi kéo như bày tỏ một quyền sở hữu thiêng liêng khó ai chiếm đoạt.

- Ơ thì bà đi thăm con hay thăm bồ gì cũng được, hễ còn chỗ thì tui bán. Con bà ở đâu ?

- Ở La cu La gì đó.

Người bán vé nháy mắt:

- La cu La dái.

Nhiều tiếng cười nổi lên. Bà cụ có vẻ quýnh, nhếch mép ngô nghê:

- Được, La dái để lần sau. Lần này tui bán cho bà đi La cu. Mấy người ?

- Tui đi mình ên.

Trời hất nước ào ạt xuống trạm xe đò Pleiku. Bầu trời như sụp thấp xuống gần mặt đất. Từng cơn gió dạt dào rên rỉ trên mái tôn mấy sạp hàng bày lèo tèo vài món bánh trái rẻ tiền. Bà già ngơ ngác ôm chặt giỏ quà bánh che cho khỏi ướt. Đất đỏ cao nguyên nhầy nhụa bám vào đôi chân thương nhớ tìm con. Không ai bận tâm đến nét mặt lo âu buồn phiền muôn thuở của bà. Đôi mắt có vẻ sợ sệt bối rối cùng cực cũng không giúp bà nhắc nhở mọi người về sự hiện diện của mình. Bà hỏi thăm nhiều người với giọng hổn hển, kêu cứu. Cuối cùng một viên sĩ quan cũng đi đón thân nhân cho bà quá giang xe jeep về trại bộ binh.

Tại bộ tham mưu, người ngồi ở bàn có mang cái hoa mai màu vàng trên cổ áo lật tìm hồ sơ và cho biết là con bà đang đi hành quân. Bà thất vọng hỏi

nhẹ như hơi thở :

- Chừng nào nó dià hả ông ?

Tránh nhìn ánh mắt của bà, người ấy ngần ngừ :

- Có thể... một tuần. Có thể lâu hơn.

Bà kêu lên :

- Một *từng*? Làm sao tui ngồi dây chờ nó dược ?

Người ấy nói giọng vỗ về :

- Tốt nhất là bác nên về nhà, đừng chờ. Khi nào cậu ấy có phép thì sẽ về thăm bác.

Bà thở ra :

- Ừa thì phải dià thôi chớ có *luen* biết ai ở đây dâu mà ở. Ông làm ơn biểu nó *xinh* phép dià thăm tui một *chiếng*. Lâu *hoá* hổng gặp, tui nhớ nó *hoá* chừng.

Hơn nửa năm sau, con bà về thăm. Nó chạy ào vào nhà như cơn lốc trong khi bà dang ngất ngư vì cơn sốt :

- Má ơi, má, con được lên lon. Con dem dià cho má nè !

Bà lụp chụp ôm chầm lấy con, ngỡ ngàng hỏi :

- Lon gì con ?

Dụi mắt nhìn tờ giấy con chìa ra trước mặt, bà ngạc nhiên :

- Cái gì dậy ? Lon mà sao...

Thằng con cười :

- Lon là... là cũng như lên chức đó má, chớ hổng phải như cái lon đong gạo dầu.

- Ừa ừa... lên chức. Chức gì ? Lớn hông con ?

Thằng con vẻ kiêu hãnh :

- Chức hạ sĩ *nhức* má à. Lớn lắm.

Bà cười, đôi môi nhăn nhúm giãn ra úp tròn lên lợi:

- *Nhức lặng* ? Con của má giỏi *thiệc* !

Sờ vào vai áo bạc màu sờn rách của con, bà chép miệng :

- Chèn ơi, áo xống gì mà rách bươm. Má có dành dụm chút *tiềng*, con di may áo mới di.

Nhưng thằng con không chịu, nó bảo quần áo lính là của quân đội cho, không phải may. Còn tiền thì phải để dành lúc má ốm dau cho có mà chạy thuốc.

Cơn sốt bịnh trở thành cơn sốt hạnh phúc làm biến dạng bà. Suốt một tuần lễ có con ở nhà, bà như trẻ ra chục tuổi. Bà cười nói huyên thiên, nhìn mọi người với ánh mắt lúc nào cũng long lanh âu yếm. Bà quấn quít bên con không rời, trừ những lúc hiếm hoi lê la chốc lát bên hàng xóm cốt chỉ để nói về cái tốt của con. Con bà xách nước, nấu cơm, giặt giũ cho bà. Bà mắng yêu con :

- Con hy xinh cho má *hoá chời*.

Rồi thằng con lại ra di. Bà lại buồn, lại thơ thẩn vào ra một mình ít cười ít nói. Có mấy củ tỏi củ hành ngày ngày bưng đi từng nhà chào bán. Bữa được

bữa không. Bà sống hẩm hiu âm thầm như một bóng ma cho tới khi nhận được thư con gởi về. Bà hớn hở nhờ con bé hàng xóm qua dọc giúp. Hai mái tóc hai màu chụm vào nhau dưới ánh đèn tù mù không đủ sáng.

- Cái gì có chữ ku hả bà ?

- La cu. Chú ở La cu. Đọc tiếp di con, lẹ lên !

"La cu ơ ngày bảy tháng hai, má ơi, má có khoẻ ơ mạnh không, có ăn ngủ đều ơ không má, hôm qua con được thượng ơ cấp khen là anh ơ dũng, ổng hứa sẽ xin cho con cái ơ huân chương bội ơ tinh...". Con bé ngừng đọc, hỏi là cái gì vậy bà ? Bà cười sung sướng :

- Là cái lon cái lá gì đó như kỳ trước chú dem dià cho bà dó mà. Chú đứng *nhức* hoài à. Đọc nữa đi con. Còn dài hông ?

Khi con bé đọc xong thư, bà kéo vạt áo lên chặm mắt :

- Tội nghiệp thằng nhỏ. Ai cũng nói đi lính cực khổ lắm mà hổng bao giờ nghe nó *thang*. Chắc chú mày xợ bà *buồng*.

Rồi bà lấy trên bàn thờ thường được bà kính cẩn thắp nhang van vái mỗi chiều, một quyển vở bụi bám mà bà cầm nó trang trọng như cầm nắm một sinh linh :

- Con *biêng* dùm bà *ích* chữ gởi cho chú.

Con bé tròn mắt chờ đợi, bà chậm rãi nói :

- Con *biêng* là má là Được...

- Chấm xuống hàng không bà ?

- Lên xuống gì tì con. Rồi chưa ? gởi cho con là Của...

- Để chấm thương ôi không bà ?

- Con muốn để chấm gì thì để. Má nhớ con lắm. Rồi chưa ? ráng dià thăm má. Rồi chưa ? *chiếng* này má phải lo *chiệng* dợ con cho con... Cái gì ? *chiệng* dợ con cho con. Rồi chưa ? chớ má đơn chiếc... sống nay chết mai. Rồi chưa ? má chờ ông *chời* kêu biểu đi. Rồi chưa ? là đi. Rồi ai lo cho con. Rồi chưa ? con hy xinh cho má nhiều rồi. Rồi chưa ? hun con. Nhớ dià thăm má.

Bà chỉ cái thư con trai gửi về :

- Con *biêng* như dầy. Chú thường *dặng* là mình cứ *biêng như chú biêng* chỗ người gởi, gởi cho chú thì chú thành người nhận.

Con bé đọc bao thư, kêu lên :

- Bà ơi, chắc chú Của viết lộn rồi. Con nghe ba con thường nói K.G.B. chớ sao chú lại đề K.B.C. hở bà ?

Bà hấp háy mắt xoay ngược xoay xuôi bao thư :

- Ừa thì ba con chữ nghĩa hơn chú chắc ba con nói phải. Con *muống biêng* sao thì *biêng*.

- Bà ơi, ai ở K.G.B. là giỏi lắm đó bà. Con nghe ba con nói vậy.

Bà cười tươi tắn :

- Ừa, chú cứ đứng *nhức* hoài à.

Gần ba tháng sau, một người đàn ông và một người đàn bà cùng bận đồ nhà binh tới tìm bà. Lúc đó bà đi bán tỏi vừa về. Từ xa, bà vội quăng rổ tỏi, cuống quít chạy với đôi chân khẳng khiu về nhà. Nhưng không ai hớn hở gọi

bà bằng má. Họ nói một cánh nghiêm trang là con bà đã hy sinh, và đưa cho bà cái ba lô nói là di vật của con bà, kèm theo một số tiền.

Bà cười rạng rỡ, mắt sáng như trẻ thơ :

- Tui *biếc* mà. Thằng con tui bao giờ cũng hy xinh lắm. *Tiềng nữa ? Đó, hễ có tiềng* là nó cho tui *liềng* hà.

Hai người khách ái ngại ra về. Trời bỗng như sụp tối. Vài cơn gió trái mùa rung cây cho lá ngập ngừng rơi. Tiếng trẻ con trong xóm vẫn đùa nghịch mỗi ngày bỗng như có cái gì sắc gọn hơn, đau nhức hơn. Mấy củ tỏi khi nãy bà vất rổ vội vàng, đã âm thầm để gió lùa trôi xuống cống. Và nước muôn thuở đen ngòm dưới cống như chừng quánh lại, ngừng trôi. Nhưng những cái đó không ảnh hưởng mảy may tới niềm vui bao la trong vắt của bà cụ. Bà tất bật ra đầu hẽm mua cái bánh rán và gọi con bé hàng xóm lại :

- Nè, chú Của gởi *tiềng* cho bà nhiều lắm, bà đãi con cái bánh ngon. Có giấy tờ gì cả xấp, tờ nào cũng có hình cái cờ. Chắc là chú Của lại được thưởng cái gì đó. Con dià nhờ ba *hoa* coi giấy tờ dùm bà.

- Ai tới thăm bà vậy ?

- Họ nói gì bà *luên*, mà chắc là *bạng* chú Của. Có là *bạng thì chú mới dám gởi tiềng* dià cho bà chớ. Cô đó người *Ang Nam*. Ngộ ghê, con gái mà cũng đi lính. Còn cái ông đó thì nói giọng trọ trẹ như ông Tư, bà nghe hổng hiểu mấy.

Bố con bé hàng xóm gật đầu mỗi câu bà cụ hoan hỉ khen con. Mắt anh nhìn bà dịu dàng bao bọc như cái nhìn người mẹ. Khi đọc xong giấy tờ, anh xếp để vào quyển vở trên bàn thờ, cẩn thận ngăn nắp như sắp một linh hồn. Anh kính cẩn đốt ba cây nhang cắm vào bình rồi nói mà không nhìn bà :

- Mọi *diệc* tốt đẹp hết bác à. Thôi cháu dià. Cần gì thì bác cứ kêu cháu *hoa*.

Và anh về dặn con :

- Từ nay nếu bà biểu *biêng* thơ cho chú Của, con đưa ba nghe.

- Chi vậy ba ?

- Ơ thì... ba coi...

- Ba thường nói coi thơ lén của người khác là xấu lắm mà ?

- Không phải ba coi lén. Nhưng ba *biêng* địa chỉ... cho đúng để thơ không bị trả lại dà... biên thêm ít chữ *dặng* dò chú *biêng*... cái này cái nọ cho bà dui. Tội nghiệp, bà già *hoá* rồi !

MIÊNG

Paris, 7 Mars 1995.



TRẦN VĂN TUẤN

tám năm - hai người đàn bà - một đứa con



Dân Ấp Lài bảo trời có sập Ấp Lài vẫn còn bởi cái thế "tiền thị, hậu cận giang". Đàn ông trong ấp đi làm thợ trong thành phố, còn đàn bà con gái ở nhà chăm sóc vườn trại. Bao năm rồi, cuộc sống ở đây luôn tĩnh lặng với mùi hoa lài ngan ngát và những tiếng chim gù. Chỉ có nếp sống nhà Hai Cánh là khác với mọi nhà. Hai Cánh bị mù, suốt ngày tha thẩn ngoài sân, rờ rẩm mấy chậu kiểng. Vợ Hai Cánh, chị Phụng, lo bữa ăn sáng và trưa cho chồng xong, đưa thằng Hiếu đi học bán trú rồi đi làm luôn, chiều tối mới đón con về, nấu ăn bữa tối. Nhà ấy sống lặng lẽ, chỉ nghe tiếng xe nổ rì rì hai lần trong ngày và bóng chị Phụng cao lớn thấp thoáng sau hàng dâm bụt rực rỡ bông đỏ.

Tuy là đất quê, nhưng dân Ấp Lài sống theo lối sống chung cư đô thị lớn, nhà ai biết nhà nấy. Gia đình Hai Cánh đến đây cũng như cây ngô đồng cuối ấp tự nhiên mọc lên, xòe lá. Chả ai để ý tới họ, mà họ cũng không có ý định làm cho mọi người chú ý. Thậm chí chị Phụng dường như không muốn cho ai biết đến sự có mặt của mình.

Song, người ta thường nói càng muốn làm cho mình nổi lên, lại không nổi, càng muốn giấu kín mình đi thì lại càng làm cho nó lộ ra. Dầu đã thành thói quen không cần biết chuyện người khác, nhưng dân Ấp Lài cũng vẫn là những con người bình thường. Họ không thể không có tâm lý tò mò và nhu cầu thỏa mãn sự hiếu kỳ. Nhà Hai Cánh ở cuối ấp, sát mé rạch, ngay lối ngõ, kế bên chợ chiều, gần cầu gỗ qua rạch đi vào thành phố. Bởi vậy, có thể nói đấy là vị trí trung tâm sinh hoạt của ấp. Những người đàn bà sồn sồn, con cái đã lớn, thôi không đẻ nữa, thường rảnh rỗi đi chợ chiều là những người tò

mò nhất và cũng chính họ khám phá ra cái sự lạ ở nhà Hai Cánh. Đầu tiên là vẻ đẹp trai trắng trẻo bụ bẫm với cằm chẻ, môi chẻ và rất còn trẻ của Hai Cánh. Cứ khoảng 4 giờ chiều, người ta thấy Hai Cánh mặc đồ dẹp, lịch sự như đi dự tiệc cưới, tóc chải cẩn thận chống gậy đứng ở gần cổng chờ đón vợ con. Các bà trong Ấp Lài cảm động lắm, cất giọng ca ngợi: "Thế mới là đàn ông! Đàn ông phải thế!". Rồi các bà lớn tiếng mắng mỏ các ông chồng thợ xây của mình là đồ thô lỗ, thiếu văn hóa, không biết lịch sự, ga lăng... Các ông chồng của họ suốt ngày phơi nắng dầm mưa, mệt nhọc rã rời, cộc lốc bảo: "Thì bà đi làm nuôi tôi đi"... Nhưng có một điều lạ do ông thợ điện nghỉ phép một năm, ở nhà kế bên phát hiện ra làm cho các bà ngưỡng mộ Hai Cánh phải thất vọng buồn phiền. Ông cười hể hả, đắc thắng: "Anh ta đợi bồ. Chính tai tôi nghe thấy anh ta thì thầm, sao em không về với anh!". Các bà sồn sồn mới đầu không tin, bỏ công sức ra theo dõi. Họ thấy Hai Cánh thẫn thờ đứng bên cổng nhưng khi nghe tiếng xe máy của vợ thì vội vã đi vô nhà, miệng lắp bắp thì thầm "Sao em không về!"

Sự hiếu kỳ như lửa thêm dầu, lại ngùn ngụt tăng lên ở các bà, các cô khi phát hiện ra một điều cực kỳ hệ trọng. Ấy là khuôn mặt của chị Phụng, một khuôn mặt lẽ ra rất đẹp với những đường nét giống như mặt Đức Mẹ, đã bị bom Napan đốt cháy một nửa. Thêm nữa, với nỗi ưu tư sầu muộn tích tụ lâu ngày đã đông đặc, đã chai lì, đã vô hồn vô cảm nên khuôn mặt ấy giống như mặt nạ, nửa trái là Đức Mẹ, nửa phải là quỷ dữ. Người Ấp Lài tỏ ra ái ngại thương cảm cho vợ chồng Hai Cánh. Các bà nói "Chỉ người mù mới dám ăn nằm với người có bộ mặt như vậy". Các ông nói "Chỉ có người như thế mới lấy chồng mù".

Vậy là họ xứng đôi, là hợp lẽ rồi. Và, họ sống với nhau hòa thuận. Tuy nhiên trong sự hòa thuận ít lời này, có điều gì đó không bình thường khiến người Ấp Lài phải bỏ thông lệ "đèn nhà ai nấy sáng". Người ta thường đến thăm hỏi, tìm hiểu ngọn nguồn. Hai Cánh, chị Phụng, cả thằng Hiếu nữa luôn tỏ ra thành thực, không giấu diếm úp mở gì hết.

Chị Phụng kể:

Tôi bị dính bom Napan năm 1972 ở Bình Long. Anh Hai vượt qua lửa đạn cứu tôi thoát chết. Vì tôi, ảnh bị mảnh bom phá nát hai tròng mắt. Năm ấy chúng tôi mới 17 tuổi. Gia đình tôi thuộc loại giàu, có 4 xưởng cưa gỗ ở Bình Long và 2 xưởng ở Sàigòn. Ba má tôi thương anh Hai, tận tình cứu chữa cho anh nhưng không được. Anh bị mù vĩnh viễn. Tôi thương anh, nhất quyết không theo gia đình di tản sang Hoa Kỳ, ở lại chăm sóc ảnh. Tôi và ảnh tổ chức đám cưới ngày 29-4-1975. Sau đó tôi đưa ảnh về Sàigòn sống. Tôi bán hết tài sản ở Bình Long và ở Sàigòn chỉ giữ lại một xưởng làm đồ mộc. Chính vì thế, trong những năm khốn khó sau hòa bình, đời sống vật chất gia đình tôi vẫn dư dả, không đến nỗi nào. Từ năm 80, ba má tôi ở bên Mỹ bắt đầu gửi đồ về thêm. Thế nhưng, sự ổn định giàu có về vật chất chẳng làm tôi vui vẻ, hạnh phúc. Các bác sĩ chuyên khoa khẳng định rằng, tôi không thể có con. Anh Hai buồn lắm. Sống trong vàng lá, vàng mười và đầy đủ tiện nghi nhưng vẫn

giá lạnh hoang vắng như trên sa mạc.

Rằm tháng 7 năm ấy, mưa rả rích suốt từ chiều. Cho tới tối, mưa vẫn thao thác xa gần, lúc nặng, lúc nhẹ. Gió lạnh lào xào trên mái nhà, trong lùm cây mận và dưa đẩy tấm màn gió nơi cửa sổ. Lại đúng ngày cắt điện. Buổi tối phải thắp đèn dầu. Bóng của Hai Cánh đổ dài qua hiên nhà gãy gục ngoài sân, không có đầu, giống như một thân cây xù xì vì năm tháng. Hai Cánh ngồi trên chiếc ghế nhỏ ở đó suốt từ lúc chập tối. Mâm cơm cũng đã nguội ngắt từ lâu. Chị Phụng lim dim nửa nằm nửa ngồi trên bộ ván gỗ đánh vẹt ni, đăm đăm nhìn vào lưng chồng. Chị Hiểu vì sao Hai Cánh ngồi đó, trông ra sân. Buổi chiều, một người bạn của chị dẫn đứa con nhỏ bốn tuổi đến chơi, cũng là để nhờ chị dẫn vô tổ hợp làm. Chồng chị vượt biên, hai mẹ con không nơi nương tựa. Bé gái xinh đẹp dễ thương, líu lo ca hát cho bác Hai nghe. Hai Cánh vui lắm, mặt mày rạng rỡ. Bé gái không chịu ăn cơm nhà lạ, cứ nằng nặc đòi về. Mẹ nó phải đội mưa đưa con đi khi mâm cơm đã dọn ra. Đứa bé được về, mừng lắm, líu ríu "bái bai". Hai Cánh như bị hút theo. và, anh trở nên ngây ngô, đờ đẫn nơi hiên nhà... Chị Phụng thổn thức, đau đớn. Chị không thể khóc được. Chị đã khóc nhiều rồi... Rồi chị cũng đứng lên được, đi tới bên chồng, bình tĩnh nói nhỏ: "Anh tha lỗi cho em. Em phải cưới vợ khác cho anh".

Hai Cánh im lặng. Đây là lần thứ ba trong năm vợ anh nói câu này. Hai lần trước anh phản ứng gay gắt, nhất quyết không cho vợ làm điều xằng bậy đó. Lần này, nỗi khao khát có một đứa con dường như đã làm tê liệt ý chí phản kháng của anh. Chị Phụng vỗ về chồng: "Ăn cơm đi anh. Nhất định anh sẽ có con".

Gần sáng, Hai Cánh bảo: "Em làm sao thì làm. Anh muốn có con và không muốn xa em". Chị Phụng nghẹn ngào gục đầu vào ngực chồng: "Cám ơn anh, vậy là em mãn nguyện lắm rồi"... Sau một tháng tìm kiếm, chị Phụng đã chọn được người ưng ý. Đó là một cô gái quê ở Nha Trang. Cô ta tên Mây, dân buôn chuyến nhưng lãng mạn, tôn thờ vẻ đẹp hình thức bên ngoài.

Nhà nghèo, Mây phải vay vốn với lãi suất cao để đi buôn xuôi ngược. Cô ta gần như một thứ nô lệ cho một ông chủ 25 tuổi, một gã "điếm đực" chuyên sống bám vào đàn bà bất hạnh vì tình duyên, khao khát tình yêu. Gã này có bộ mặt đẹp trai kiểu tài tử điện ảnh và gã luôn tận dụng tối đa hình thức ấy, ỏn thót ngọt ngào với các bà, các cô rằng, trước sau gì gã cũng trở thành đại siêu sao trên màn ảnh. Mây đắm đuối, chìm nổi vì gã. Để vui lòng thần tượng, Mây đã dốc hết vốn liếng mua cho gã chiếc xe cúp giá hai cây vàng. Có xe cúp, gã đạp thẳng vào mặt Mây chửi: "Đồ con chó, mày không đáng rửa chân cho tao". Gã biệt tích từ đó. "Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí", Mây bị thua lỗ nặng trong hai chuyến buôn. Số tiền vay lãi trị giá 2 cây vàng cũng biệt tích giang hồ. Chủ nợ đến xiết. Mây phải trốn vào Sàigòn, lang thang vật vã. Nếu không gặp Phụng, chắc Mây phải dấn thân vào con đường làm điếm. Chị Phụng cho Mây ba cây vàng để trả nợ và làm vốn cho bà già ngoài Nha Trang sinh sống.

Mây nghẹn ngào xúc động: "Đội ơn chị". Mây đến nhà Hai Cánh như một người vợ nhỏ, không phải làm gì hết ngoài việc chăm sóc cho Hai Cánh. Trong thời gian Mây làm vợ Hai Cánh, chị Phụng ở luôn trong tổ hợp sản xuất đồ gỗ, chỉ về nhà vào lúc chiều, đưa tiền chợ và các thứ tiêu pha như điện, nước, may sắm cho Mây...

Hơn chín tháng sau, một bé trai nặng hai ký tám ra đời. Trong nhà vang lên tiếng khóc của trẻ và tiếng cười của Hai Cánh. Chị Phụng bảo "Đặt tên cho nó là Hiếu". Hai Cánh và Mây tán thành ngay. Ai cũng muốn đứa trẻ này là con người hiếu thảo. Ngày đầy tháng thằng Hiếu cũng là ngày hợp đồng làm vợ, làm mẹ của Mây chấm dứt. Mây phải để con lại cho chị Phụng và ra đi với số tiền hai cây vàng... Mây khóc xin ở lại với con. Chị Phụng đanh thép: "Xin cô hãy nhớ cho, đây là công việc làm ăn". Lát sau, chị thở dài bảo: "Trước sau gì cũng phải đi. Cô ra đi khi thằng nhỏ chưa biết gì vẫn tốt hơn. Kéo dài cái thứ không thể dài được, chỉ làm khổ nhau thêm". Mây ôm chặt lấy con, khóc như mưa dông. Hai Cánh lặng cứng trên ghế, mặt trắng bệch như chết rồi. Ngay mấy ngày sau, chị Phụng bán nhà chuyển về Ấp Lài. Chị không muốn Mây quay trở lại. Ý là thế, nhưng chị lại nói với chồng "Anh và con cần một nơi yên tĩnh và mát mẻ. Ở đây ồn ào quá".

Phụng nuôi thằng Hiếu bằng loại sữa hộp cho trẻ em tốt nhất hồi đó. Chị chăm sóc nó kỹ lưỡng, chu đáo và chân tình như chăm lo cho Hai Cánh vậy. Thằng bé lớn lên và Hai Cánh cũng lần lần xa cách vợ.

Tâm sự một

Tôi không thể nào quên, không có cách nào quên Mây được. Em đã mang đến hạnh phúc cho tôi. Chỉ với em, tôi mới biết thế nào là hạnh phúc. Hóa ra hạnh phúc không rườm rà, cao siêu hoặc phải thế này, phải thế kia... như người ta thường nói. Bản chất của hạnh phúc là giản dị, hồn nhiên. Mây đã mang đến cho tôi sự hồn nhiên, giản dị trong nếp nghĩ, trong sinh hoạt. Với Mây, tôi không phải kiềm chế cái này, cố gắng cái khác, không phải giả tạo, giấu diếm... Em đã làm tôi quên đi sự mù lòa. Tôi thấy mình như vẫn sáng mắt, nhìn thấy hoa nở lúc sớm mai, mây vàng lãng đãng lúc chiều tà. Hạnh phúc là một màu xanh dịu tươi mát. Em nói: "Ai cũng bất hạnh cả, nhưng người bất hạnh nhất là người tự xiềng xích mình vào nỗi bất hạnh đó. Anh đang có mặc cảm về chuyện anh không nhìn thấy. Anh cứ mở to mắt ra, anh sẽ nhìn thấy em. Da em trắng, tóc em rất đen và mượt. Môi em đầy dặn và hồng. Ngực em tròn căng..." Em cứ thủ thỉ dịu dàng như vậy. Và tôi thấy tất cả, bắt đầu từ em. Một người đàn bà tuyệt vời. Đúng là thế. Mái tóc em dày đen và óng ả. Vuốt tóc em như vuốt một đám mây nõn nà trên tầng cao xanh thẳm. Em là trời xanh, trong vắt và sáng ngời. Em say đắm dịu dàng và cuồng nhiệt, tôi xiết chặt thân hình em, kêu lên: "Anh là người sung sướng nhất trần gian này".

Tất cả mọi thứ diễn ra thật tự nhiên, lúc bập bềnh xôn xao, lúc róc rách

êm đềm, lúc ào ạt cuộn sóng. Tôi nói: "Anh yêu em". Em nói: "Em yêu anh". Tự nhiên như hơi thở.

Tôi cũng đã từng gào lên với Phụng trên giường ngủ: "Anh yêu em". Và Phụng cũng rít lên: "Em yêu anh". Nhưng đó chỉ là một phản ứng cơ học hoặc là sự lên gân giả tạo, thiếu tự nhiên. Tôi và Phụng chưa hề yêu nhau. Chúng tôi sống với nhau vì ân nghĩa. Chăm sóc cho nhau vì ân nghĩa. Ăn ân nghĩa, ngủ ân nghĩa. Phụng hôn đôi mắt mù lòa của tôi vì ân nghĩa. Tôi hôn những vết sẹo sần sùi, thô nhám của Phụng vì ân nghĩa... Và, cội nguồn của đời sống chung nhà, chung giường giữa tôi và Phụng cũng do ân nghĩa.

Tôi là người làm công cho gia đình Phụng. Một đứa trẻ mồ côi, lang thang kiếm ăn nơi bến xe bến tàu, được đưa về làm người phụ việc cho bà quản gia rồi làm tài xế cho ông chủ. Mọi người trong nhà đều gọi tôi là bồi xế. Chỉ có cô Phụng coi tôi như bạn, gọi tôi là anh Hai Cánh. Phụng hiếu thắng, hiếu động, thích gây gổ với người khác và trong mọi trường hợp tôi luôn là người bảo vệ cô. Ngược lại, cô cũng sẵn sàng bảo vệ tôi trong những trường hợp bị ông bà già hay các cô cậu chủ khác hắt hủi lăng nhục. Tôi kính trọng Phụng. Phụng nể trọng tôi. Đấy là nghĩa. Vì nghĩa, tôi đã xông qua lửa đạn cứu Phụng. Và cũng vì nghĩa, Phụng đã xa gia đình ở lại chăm sóc tôi, làm vợ tôi. Ân nghĩa của Phụng dành cho tôi còn sâu nặng hơn cả ơn cứu mạng. Tôi không biết cha mẹ tôi nuôi dưỡng tôi ra sao nhưng tôi biết chắc rằng Phụng nuôi dưỡng tôi không thua gì những bậc cha mẹ yêu quí con quí tử độc nhất. Tôi an phận, thảnh thơi trong mù lòa, trong sự dịu dàng hôn lên những tật nguyền bất hạnh. Tôi chỉ còn thiếu một đứa con. Tôi nghĩ, nếu tôi có một đứa con, tôi sẽ là người sung sướng nhất trên đời. Tôi cầu xin Phụng cho tôi một đứa con. Chỉ cần một đứa thôi, trai gái, xấu đẹp gì cũng được. Tôi thèm một tiếng gọi "ba ơi". Người mù thường tai rất thính, rất tinh tế, thẩm âm rất chính xác. Tôi cho rằng âm thanh của tiếng gọi "ba ơi" là âm thanh dịu dàng tinh khiết và thiết tha nhất trong mọi thứ thanh âm...

Nhưng rồi khi tôi có một đứa con trai khỏe mạnh xinh đẹp thì bi kịch lại xảy ra. Tôi mất người yêu. Tôi yêu Mây sâu nặng như yêu con, như niềm biết ơn đối với Phụng. Ba thứ sâu nặng ấy, tôi chỉ có hai. Hạnh phúc như một cái ghế, muốn đứng vững trên mặt đất, ít nhất phải có ba chân. Chỉ có hai chân thôi, cái ghế ấy sẽ đổ. Thiếu một cái là thiếu tất cả. Tật nguyền là thứ ung thư. Đau nhất là cái đau tái phát trở lại. Lúc ấy cái sự chết đã lập lờ xuất hiện. Từ ngày Mây đi, tôi thấy mình như mù trở lại. Tôi không thể trách Mây, cũng không thể trách Phụng được. Tôi tự trách mình. Tôi biết Phụng đau buồn nhiều lắm. Ở bên cô ấy, tôi cứ gọi tên Mây nên phải nằm riêng. Nhiều tháng trời tôi không gần gũi ái ân với cô ấy. Suốt ngày đêm tôi ngong ngóng chờ đợi Mây... Em ở đâu, sao không về với anh. Tôi khóc! Ngày nào cũng khóc...

Tâm sự hai

Mọi sự chịu đựng đều có giới hạn. Tôi chạy ra ngoài sân, lôi chồng vô nhà

dè xuống giường. Tôi rít lên: "Anh là đồ súc vật vô lương tâm. Anh còn muốn đày dọa, nhục mạ tôi đến bao giờ nữa. Trên thế gian này có người vợ nào hy sinh cho chồng nhiều như tôi hay không? Tôi biết anh không yêu tôi và tôi cũng chẳng yêu anh. Nhưng cái ân nghĩa của chúng ta nặng dày quá, nó đủ sức thay thế cho tình yêu. Chúng ta phải yêu nhau. Anh hiểu không? Anh phải yêu tôi và tôi phải yêu anh. Anh phải quên cái cô Mây ấy đi. Đó chỉ là mây khói trong đời anh, đời tôi. Cuộc sống mù lòa buộc anh không thể đòi hỏi hơn được. Khi anh không làm chủ được cuộc sống của mình, phải lệ thuộc vào người khác thì không có quyền lựa chọn. Anh hiểu điều đó chứ. Anh phải chấp nhận cuộc sống yên ổn trong vòng tay của tôi. Anh không được phép làm nhục tôi. Anh phải ngủ với tôi..."

Tôi hiểu rằng, trong cuộc sống vợ chồng nếu không làm tình với nhau cũng giống như hai gã hàng xóm câm, điếc. Nếu mỗi người cứ ôm khư khư trong lòng nỗi cô đơn phiền muộn hoặc đau khổ day dứt thì cái nhà kín đáo ấm áp này chẳng khác gì nấm nhà mồ. Những rối ren trong tinh thần có thể được tháo gỡ giải tỏa trong tính dục. Tôi là người đàn bà nhiều suy tư, lắm khổ đau và đầy bất hạnh. Tôi sống trong cõi đời này là vì chồng tôi. Anh ấy đã cứu tôi thoát chết. Mạng sống của tôi là của anh ấy. Tôi đã làm tất cả mọi thứ vì anh ấy. Tôi đã mang về cho anh ấy một đứa con thật sự. Tôi đã phải ngậm đắng nuốt cay hơn một năm trời khi phải nhường lại căn nhà và anh ấy cho một người đàn bà khác. Tôi đâu phải là Đức Bồ Tát đại từ đại bi. Tôi cũng chỉ là một người đàn bà có đầy đủ tố chất đàn bàn, đầy đủ thói xấu và sự khốc liệt của đàn bà. Có ai hiểu cho tôi không? Có ai thương xót cho một con đàn bà nằm cô quạnh một mình nghe mưa rơi tí tách, ôm chặt chiếc gối ướt đẫm nước mắt của mình, cố sức quên đi cảnh chồng mình đang ân ái với một người đàn bà khác ở trên chiếc giường của mình, trong nhà mình? Có ai hiểu tôi không? Có ai thương xót cho tôi không? Cái đêm ấy! Tôi ngậm đắng nuốt cay để Hai Cánh rên rỉ gọi tên Mây khi hôn hít tôi ở phần dưới cơ thể. Rồi đến khi chạm tay vào má của tôi, nơi có những vết sẹo ngổn ngang của bom Napan thì anh giật mình, ngồi phắt dậy. Tôi cầu xin anh ôm chặt lấy tôi. Anh hất tay tôi và lẳng lặng bò ra khỏi giường để mặc tôi trần truồng lăn lộn trên giường. Chưa bao giờ tôi bị sỉ nhục đau đớn như vậy. Tôi đã nhấc bổng chiếc đôn sứ đặt cây đèn ngủ ở đầu giường lên và chuẩn bị giáng xuống đầu anh một nhát chết tươi. Nếu không có tiếng khóc thét do cơn mơ dữ của thằng Hiếu, chắc chắn anh sẽ chết và tôi sẽ phạm tội giết chồng. Tiếng khóc của thằng Hiếu đẩy tôi ngã lăn xuống đất. Cái đôn sứ vỡ tan tành. Hai Cánh bò lổm ngổm trên mặt đất, quờ quạng tìm tôi, miệng lắp bắp: "Giết tôi đi! Tôi không đáng sống! Tôi sống mà làm gì!"...

Tôi bước qua đầu anh vô phòng trong với thằng Hiếu. Dầu sao tôi vẫn thương anh, không muốn mất anh. Tôi thương anh vì tôi thương tôi. Không chỉ là chuyện ân nghĩa nữa. Tôi và anh là một. Anh là của tôi. Tôi chưa muốn rời khỏi cuộc sống này. Tôi còn là tôi. Nhất thiết, anh phải là của tôi. Tôi là người đàn bà đậm đặc chất đàn bà. Những gì thuộc sở hữu của tôi thì không

ai có quyền chia xẻ. Tự trọng đẩy tới mức cao quá khuôn khổ của chính mình biến thành tự ái. Trong nỗi nhục nhã bị bỏ rơi, bị ruồng rẫy, nỗi tự ái của tôi trở nên khốc liệt.

Tôi rít giọng điên loạn: "Anh phải làm tình với tôi, hiểu chưa?" Hai Cánh như một xác chết, xuội lơ, nhão nhoẹt. Tôi tìm mua các loại thuốc tăng lực cho anh uống. Tôi kiên trì, nhẫn nại khôi phục tính dục của anh đối với tôi... Rồi anh cũng làm được tuy chẳng ra làm sao. Như một cái máy, chạy ào một hồi, hết xăng, khặc khừ vài tiếng rồi tắt lịm.

Tôi đau đớn thao thức suốt đêm. Trời cao đất dày có thấu hiểu cho nỗi khốn khổ chua xót của tôi không? Kiếp trước tôi đã phạm tội gì mà kiếp này bị dày đọa dày vò đến thế... Ngày lại ngày qua đi. Tôi sống bằng hy vọng. Hy vọng thời gian sẽ giúp tôi... Hy vọng chồng tôi sẽ quên người đàn bà ấy. Tôi biết chiều nào anh cũng ra cổng đón cô Mây nhưng nghe tiếng xe của tôi anh vội vã quay vào, lột đồ đi tắm.

Tôi vẫn ép anh ba ngày một ngủ chung với tôi. Tôi hy vọng thói quen này sẽ thay thế thói quen kia... Tám năm đã qua đi... Thói quen mới vẫn không thay thế cho thói quen cũ. Chồng tôi là kẻ khốn nạn nhất, cũng là người đáng thương nhất... Tôi biết làm sao bây giờ, hở trời?

*

Người dân Ấp Lài chia làm hai phe tranh cãi nhau kịch liệt. Một phe cảm thương, nể trọng chị Phụng, oán trách anh Hai bạc tình bạc nghĩa. Phe kia lên án chị Phụng là độc tài, xảo quyệt, ác độc, chia rẽ tình yêu và bày tỏ nỗi xót thương cho số phận Hai Cánh. Cuộc tranh cãi đi vào chiều sâu của từng gia đình trong Ấp Lài. Thường thì đàn bà con gái bênh chị Phụng. Đàn ông con trai ủng hộ Hai Cánh. Có cặp vợ chồng trẻ đánh lộn nhau vì chuyện này.

Thế rồi các cuộc tranh cãi đột ngột im hơn lặng tiếng. Dân Ấp Lài nín thở chờ đợi những sự cố mới. Hồi tháng tám năm ngoái, giáp Tết Trung Thu có một người đàn bà ốm yếu nhếch nhác giống như người ăn xin tìm đến nhà Hai Cánh. Người đàn bà ấy là Mây. Mây bế trên tay đứa con gái nhỏ hơn một tuổi bị suy dinh dưỡng, mắt to, tóc thưa, dáng vẻ ốm yếu lờ đờ.

Hai Cánh ôm chặt Mây, khóc lóc rên rỉ gần hai tiếng đồng hồ.

Mây bảo: "Em nhớ con quá, chỉ thăm con chút xíu rồi đi ngay".

Hai Cánh gào lên: "Không, em không được đi đâu cả. Nếu đi, em phải dẫn anh theo. Anh không thể thiếu em".

Mây chua xót nói: "Để ăn xin ngoài đường hay sao?"

Hai Cánh gằn giọng nói: "Ăn xin ăn nhặt gì cũng được, miễn là được ở gần em. Anh đã mỏi mòn chờ đợi suốt tám năm rồi".

Thằng Hiếu kêu to: "Con không đi ăn xin đâu. Ăn xin nhục lắm, bẩn lắm, thà chết còn hơn".

Thằng Hiếu ôm chặt lấy Phụng. Suốt từ lúc gặp Mây, Phụng im lặng, để mặc cho chồng và Mây khóc than tâm sự.

Hai Cánh gầm gừ như con thú hoang bị xích chân: "Vậy thì chết. Chúng ta ôm nhau lăn xuống sông chết cho rồi! Sống khổ sống sở, sống đau đớn thì sống làm gì?"

Đến lúc này chị Phụng mới bình tĩnh hỏi Mây: "Cô nói thật lòng đi, cô cần tôi giúp đỡ tiền hay chỉ đến thăm thằng Hiếu?"

Mây gục khóc nức nở: "Chị đã nói vậy, em xin khai thật. Em khổ quá. Thằng chồng khốn nạn của em cờ bạc suốt ngày, bắt em phải đi làm điếm mang tiền về cho nó. Em không chịu, nó đánh đập em tàn nhẫn. Nó vin cớ em có con riêng, lừa dối nó, không chung thủy với nó. Ở nhà quê, lệ làng cao hơn pháp luật. Gái dối chồng là một trọng tội. Cả họ nhà nó đánh đập em. Em phải bỏ làng ôm con ra đi. Em cũng nhớ thằng Hiếu lắm. Dù sao em cũng mang nặng đẻ đau ra nó. Em tìm nó, tìm chị, xin chị giúp đỡ... Em kiệt sức rồi. Chuyện tình duyên giữa em và anh Hai đây, em không dám mơ tưởng tới. Thề có trời cao, nếu em nói gian sét đánh chẻ đôi người em..."

Con nhỏ khóc, đòi ăn. Theo thói quen, Mây vạch áo cho con bú. Bầu vú căng tròn của Mây ngày nào, bây giờ nhão nhoẹt, thỏng thượt xanh tái, không còn sữa. Con nhỏ càng khóc dữ. Chị Phụng pha cho nó một ly sữa. Hai Cánh ôm chặt chân Mây không cho Mây đứng lên.

Chị Phụng dựng Hai Cánh dậy, thong thả bảo: "Anh không cần phải ôm chân cô ấy. Không ai phải chết cả, cũng chẳng phải đi đâu hết".

Hai Cánh mừng rỡ ôm vội lấy chân Phụng, hổn hển nói: "Em không đuổi Mây đi ư? Em chịu giúp cho anh và cô ấy ư? Em tốt quá, anh mang ơn em suốt đời..."

Phụng nghiến răng rút chân nhẹ nhàng. Một công việc quá sức chịu đựng của chị. Phụng nghẹn giọng: "Không phải làm thế! Đủ rồi!"

Người Ấp Lài ngơ ngác hỏi nhau: "Tại sao lại như vậy?". "Tại sao không có đánh lộn?". "Tại sao bà ấy chẳng đuổi cô ta đi?". "Tại sao cô ta lại cười đùa vui vẻ với Hai Cánh đến thế?". "Tại sao chị Phụng lại chấp nhận một cách vô điều kiện như vậy?"

Tâm sự hai (tiếp)

Làm sao tôi có thể đuổi mẹ con cô ấy đi được. Người đàn bà khốn khổ kia đã nói thật. Nếu cô ta dối trá vờ vĩnh đòi tống tiền tôi sẽ xử sự gọn gàng đơn giản hơn. Cô ta đẩy tôi vào cái thế phải làm người tốt. Lý trí tôi đòi phải đuổi cổ cả hai con người yếu hèn nhu nhược kia ra khỏi nhà. Một người đàn bà chỉ biết sống dựa vào người khác, hết bị người này lừa đến kẻ kia gạt, không yếu hèn là gì? Một người đàn ông chỉ biết bấu víu vào sự dịu dàng hôn hít không lo toan đến tương lai của con, của vợ, sẵn sàng ôm nhau chết, không yếu hèn là gì?

Dầu nghĩ thế, trong lòng tôi vẫn day dứt khôn nguôi nỗi thương cảm họ. Tôi không lấy làm tủi nhục đau xót nữa. Trên dường làm điều thiện tôi đã làm điều ác với chồng tôi, với Mây. Nếu tôi muốn cùng Hai Cánh trọn đời

trọn kiếp bên nhau dù sống trong mù lòa bất hạnh thì không thể có người thứ ba xen vào. Biến động này sinh ra biến động khác. Thay đổi này kéo theo thay đổi khác. Mặt nước đang phẳng lặng, một vật nhỏ rớt xuống chẳng bao giờ dừng lại ở một con sóng... Cơn bão hình thành từ một làn gió nhẹ. Gió lớn dần, mạnh dần, tám năm qua, gió bão vần vũ trong lòng tôi. Rồi bão cũng tan. Cơn giật cuối cùng của nó là lúc tôi kéo Hai Cánh ra khỏi đôi chân gầy guộc lem luốc của Mây. Và bão tan khi tôi không đạp vào mặt anh, mà nhẹ nhàng rút chân ra khỏi đôi tay trắng xanh múp míp của anh.

Tình cảm và lý trí của tôi thôi không giằng kéo nhau nữa. Mọi cái đã trở nên tĩnh lặng. Tôi chỉ còn thương xót họ. Hai Cánh không còn là chồng tôi, mà chỉ là một người đàn ông tật nguyền đáng thương. Mây chẳng còn là tình địch của tôi, cô ta thật đáng thương. Hai đứa trẻ kia thật đáng thương. Tôi không thể ngoảnh mặt làm ngơ. Tôi dịu dàng với họ. Như người chị nuôi dưỡng đàn em.

Tôi đưa Mây ít vốn, bày cho cô ta cách làm ăn, buôn bán. Tôi buộc Hai Cánh phải tập đan cần xé. Tôi bảo: "Không có ăn thánh thần cũng chết chứ đừng nói đến tình yêu".

Khi Hai Cánh đã đan được cần xé. Mây đã quen việc buôn bán ngoài chợ, con nhỏ Thanh đã hồng hào bi bô nói cười và thằng Hiếu đã đi học được một mình, tôi bảo với Mây: "Tôi đã làm hộ khẩu cho cô ở đây và giấy hôn thú giữa cô và Hai Cánh. Tôi đã ly dị với anh ấy. Giờ đây nhà này là của cô. Cô ráng mà giữ lấy, đừng để nó tan nát nữa..."

Tôi đi vào lúc nửa đêm...

*

Việc chị Phụng nhường chồng, nhường nhà lại cho người vợ nhỏ, bỏ nhà đi không mang theo thứ gì khiến dân Ấp Lài kinh ngạc hoang mang không biết phải bình luận ra sao. Người thì bảo thật đáng phục, người thì nói: "Âu cũng là chuyện thường, chán rồi sẽ bỏ đi..." Và cho dù còn nghi ngại ngờ vực gì gì đi nữa, ai cũng phải công nhận chị Phụng đã xử sự như một người tốt bụng. Dân Ấp Lài có cảm tình với chị. Họ bắt đầu không ưa Hai Cánh.

Tâm sự một (tiếp)

Khi Mây trở lại sau tám năm trời, tôi tưởng như mình sáng mắt trở lại. Than ôi, điều đó lại không xảy ra. Tôi còn bị mù thêm, mù thêm đến hai lần. Xung quanh tôi không còn một màu xám bảng lảng nữa, mà là một màu đen sánh đặc thô nhám và lạnh lẽo. Mây không mang lại cho tôi sự hồn nhiên trẻ trung như xưa nữa. Cô ấy nhạt nhẽo ơ hờ và xót xa khi hôn tôi, khi vuốt ve tôi. Tất cả dường như đã lụn tàn, đã rệu rã và mệt mỏi... Tình dục của tôi với Mây leo lét chập chờn như ngọn đèn trước gió. Dường như Mây không còn yêu tôi như xưa nữa. Có điều gì đó ngăn cản cô ấy? Tôi hỏi, Mây gay gắt nói:

"Không có gì hết". Chẳng lẽ tình yêu cũng nguội lạnh, cũng già đi, cũng mòn theo năm tháng hay sao?

Rồi Phụng bỏ nhà đi, không nói với tôi một lời. Trái tim tôi đau thắt đến ngạt thở. Tuần nào cũng bị đau như vậy. Suốt ngày thằng Hiếu hỏi: "Mẹ Phụng đâu, sao mẹ Phụng không về?" Thằng Hiếu gọi Phụng bằng mẹ, gọi Mây bằng má. Tôi cầm con dao suốt đêm trong tay. Tiếng ếch nhái ngoài rạch kêu buồn thảm làm sao. Bóng đêm siết chặt lấy tôi. Phụng đi rồi, tôi mới biết cuộc đời này giống như vót nan tre, vót mãi vót mãi rồi sẽ cắt vào tay mình. Tôi tham lam quá độ. Cũng có thể có loại đàn ông hai vợ. Nhưng quyết không phải là tôi. Một kẻ ăn bám bất hạnh.

Tôi thương Phụng vô cùng. Cái gì đã mất người ta mới thấy rõ diện mạo nó. Trời hỡi! Khi tôi yêu Phụng thực sự, thì em đã bỏ đi. Phụng, hãy chờ anh, hãy mang anh theo... Gương mặt Phụng lại đột nhiên hiện ra, đau nhói tim tôi. Cơn đau buốt từ ngực lan tới cổ và đi thẳng lên đầu. Bóng đen nứt ra một lối đi nhỏ. Tôi nhìn thấy Phụng đang đi phía trước. Vẫn là một cô nữ sinh thông minh, hiếu thắng và thích gây gổ... Tôi nhào theo.

Đoạn kết

Dân Ấp Lài làm ma cho Hai Cánh thật to. Có phường bát âm, có sư sải đến tụng kinh siêu độ. Người thì bảo hai Cánh tuyệt vọng tự tử. Người thì nói anh bị trúng gió độc chết tươi. Bác sĩ bảo anh ta bị nhồi máu cơ tim. Chị Phụng không thấy đến. Không ai biết chị ở đâu để báo tin cả. Người ta nghe đồn chị đã vào chùa qui y cửa Phật.

TRẦN VĂN TUẤN



NGUYỄN NHƯ MÂY
độc thoại trăng

Khi tôi hiểu được chính mình
thì vầng trăng đã khuyết thêm rất nhiều

khi tôi hiểu được tình yêu
thì vầng trăng mới vừa chiều đã lên

Tôi dành về lại với mình
chong đèn tâm tưởng ngồi nhìn vầng trăng

NGUYỄN NHƯ MÂY



ĐOÀN NHẬT
để đến chiều cong...

Thất thần nghe lá gọi mời mọc
rỡn đời tụm ngày thở râm ran
U phiền vạt trời quơ vồ vập
Cợt tình mắt gió nhiều cơ man

Vớt vát tuổi ngây ngất lầm lạc
Truy tầm sớm cốt cách lá sương
Đè nén cớ cơn chiều tượng đá
Sa chân mưa rách rưới vô thường

Chia tay buông bãi mắt gió chướng
Bờ bãi tay tóc cỏ vượt vồng
Chia chác chiều thơm nuốt nghẹn cổ
Lên thuyền khua khoăng ở ngàn sông

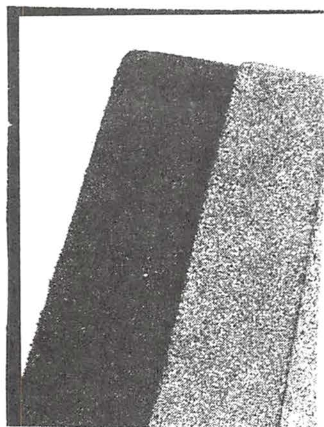
Rụng bóng chìm đơn ngày xạm mặt
Quay về gốc gác tụm hoa ngâu
Ta hát day diết sông làng mạc
Để đến chiều cong chân vũng sâu...

ĐOÀN NHẬT



ĐỖ KH.

tuyết và người hùng



"Anh lo đi tìm trang sử
Em đi gieo kiếp lạnh lùng"
(Bài hát)

1

Hùng bừng mắt ra, thao láo.

Ngoài tiếng đài đâu đó đang ỏn ẻn như thường lệ và cái quạt máy ở một đầu từng chu kỳ tiếp tục phì phà, tất cả chung quanh chỗ hắn nằm, căn buồng, mái nhà, con phố, vào ngay cái khắc Hùng vừa mở mắt, vào ngay cái khắc đó, bỗng im phăng phắc. Đứng thẳng người lên.

Nghiêm.

Hùng nhìn trần, lù mù đảo tai một vòng. Lên căn gác trên lầu, ra sân bếp đằng sau, đảo về hiên trước nhà, qua những hàng hiên bên cạnh, những căn lầu kế cận, đi theo những ngóc ngách của con xóm vào buổi trưa nặng chình chịch.

Trẻ con nghịch bên rãnh bên mương ngừng ăn đất.

Bà lão bệt trên sàn bếp bẩn ngừng thái rau chặt thịt.

Khách chơi trên tấm phản kẽo kẹt ngừng nhấp đít.

Bước chân đang lò cò ngưng lại, lửng trên những ô gạch-phấn mũi sụt sịt đang lòng thòng cũng ngưng thôi hít - ngưng những tiếng hổn hển.

Tai Hùng, tai bằng ấy người cùng đưa ra phía mặt đường cái, nơi có tiếng súng vừa lốp đốp bốp một ngắn một tràng.

Chết ! Tiếng động vỡ òa một lượt, có người la rất lớn, con nít cười nắc nẻ, rồi tiếng gọi, cái gì, cái đó ồn ào, mày ơi, ra coi bắn nhau.

Hùng ngồi bật dậy, những giọt mồ hôi khắp người lem nhem chạy. Hắn

đưa tay quờ quạng chung quanh giường, dưới gối. Hùng đưa chân xuống đất. Đù mẹ, con đĩ lại giấu đâu cặp kính.

2

Tuyết đứng ở cạnh cửa vào nhà trong, hai mắt nhìn chếch xuống đôi chân mình trên guốc son. Nàng rất nghiêm, hai tay chéo đằng trước bụng, Tuyết ưỡn mông dựa nhẹ vào bờ tường. Nàng đợi ba người đàn ông mặc quần áo thương bệnh binh đang ở trong căn phòng tiếp khách chật.

Má Minh lơ đãng theo chương trình truyền hình trên cái National Direct Vision 17 phân anh. Tiếng ngoại quốc rè rè không có phụ đề, ông Tây vương tôn công tử đội nón cao dắt dìu bà đầm bá tước tóc búi ra xe ngựa. Ông già chồng của Má, khẳng khiu mai ô quần đùi trên ghế đẩu im lặng nhìn ra đêm ngoài hè. Trên tấm phản hai đứa cháu nội mím môi sõng soài ra làm bài tập tối. Ba người đàn ông nép vào nhau. Đứa đeo kính ghé một góc đít vào cái bàn bày ấm trà.

- Đù mẹ, tiếng Tây tiếng U này ai mà hiểu.

Một thằng nói. Hắn lắc cái đầu tóc quăn từng lọn hoe, sợi dây chuyền vàng lấp lánh dưới cái áo pijama không cổ.

- Thứ năm mới có cải lương.

Tên mập đứng giữa trả lời, ngực mồ hôi bóng loáng.

Tuyết nhúc nhích, lướt thướt quần Mỹ a ống rộng.

- Thì ở đây chơi, tới thứ năm coi cải lương luôn, thằng kính cười.

- Tao qua chỗ khác, Tóc quăn quay người, sợi dây chuyền tiếp tục sóng sánh.

- Tao về trại. Mập yếu ớt nói.

- Giờ này về trại phải chui rào. Sao không đợi sớm mai vào, khỏi bị An ninh khó dễ, Tóc quăn bảo.

- Thôi tao về...

Mập nhăn nhở cái cười của người hết tiền. Tuyết dịch đít của nàng ra khỏi tường.

- Vậy để mai tao vô, Bốn mắt lên tiếng.

- Trước năm giờ sáng, Quăn thành thạo. Đụ mẹ, không có vấn đề, đàng hoàng mà về. Cổng ngang có một thằng gác, hơi sức đâu mà nó kiếm chuyện. Lịch sự thì mày mời nó điếu thuốc...

- Ờ. Má ơi, Bốn mắt đứng dậy, tôi đi cô này.

Tuyết quay thoắt người lại. Nàng không nhìn ai, đi bước vào trong.

- Em tên Tuyết, nàng nói.

- Anh tên Hùng.

"Em mang tên loài băng giá
Anh mang danh kiếp người hùng"

Người hùng ngồi xếp bằng trên giường nhìn Băng giá cởi đồ. Căn phòng được phên ra bởi những tấm ván ép xiêu vẹo cao ngang đầu. Cái bóng điện duy nhất mắc đâu đó ngoài hành lang hắt vào từ bên trên. Tuyết đứng ở trong

góc, người lốm đốm sáng từ những lỗ nhỏ ai khoét trên vách. Nàng gỡ đôi guốc, đặt ngay ngắn cạnh cái chậu đựng nước bằng lát-tích màu đỏ rực, cẩn thận máng áo vào cái đinh đóng trên cánh cửa. Hai vú nàng bần bật, Tuyết không son phấn, nàng xếp lại thật kỹ cái quần lòa xòa ống loa. Rất cao trên ngực nàng cặp vú nhỏ sừng, Tuyết leo vào trong mùng.

Hai vú sừng dâu dẩu, Tuyết mười sáu.

- Em quê ở Vĩnh Long.

Hùng ậm ừ. Vĩnh Long hắn không rõ chỗ nào, xa cảng Miền Tây ở bên kia Chợ Lớn, những chuyến xe đò Lục tỉnh ì ạch vùng ngoại thành. Tuyết mới lên Sài Gòn được hơn năm. Hùng phì phạch cái quạt giấy về phía nàng lịch sự.

- Em bán trinh được bốn chỉ, nàng xoè bàn tay đeo nhẫn.

Mấy tháng đầu đi khách một ngàn, giờ hãy còn tươi mát, Tuyết vẫn hạng đĩ sáu trăm. Đợi đến mười tám tuổi, Tuyết mới sẽ trở thành đĩ ba trăm căn bản. Đĩ hạng trung bình, nàng mím miệng cười rất duyên, mắt đen nhánh và quần lót sa tanh thùng thình. Hùng vẫn tiếp tục quạt về hướng nàng chậm dần, hắn phẩy nhe nhẹ, Hùng chưa biết phải làm gì, Hùng ngồi nguyên.

Tuyết đề nghị:

- Mình ngủ nhe anh.

Nàng nằm xuống, quay người lại, cái lưng trần lấm chấm những nốt muỗi. Hùng suy nghĩ, hắn đánh cuộc trong đầu, Tuyết nhiều lông, *un peu, beacoup, passionément*. Một tay quạt, một tay bật dây thung quần nàng. Tuyết cựa mình thở mạnh. Con gái mười sáu mà, Tuyết ngủ thật. Hùng không lật ngửa nàng ra, hắn không kéo tuột sì-líp nàng xuống chân.

Nửa đêm, tôi ngồi trong mùng trên một tấm phản trải chiếu sờn ở một động đĩ bình dân hẻm kế Quân Y Viện Cộng Hòa quạt cho một cô gái Vĩnh Long mười sáu tuổi và một năm nghề chỉ mới truồng có nửa người. Hùng kéo bàn tay lên, thòng qua bờ vai, áp vào cái vú chắc nịch.

- Anh ơi...

Nàng gọi nhỏ.

- Ờ.

- Anh...

- Gì em?

Hùng vẫn để bàn tay lóng ngóng.

- Mình gãi lưng cho em.

Hùng bật cười trong bụng. Nửa đêm, hắn một tay quạt, một tay gãi, mắt đảo trên manh chiếu nhìn những con rệp li ti chạy. Những nốt sần sù trên lưng Tuyết thì ra nốt rệp. Nàng lông nhiều hay ít Hùng không biết và sau cái đêm tân hôn này, họ mới chính thức thành vợ chồng.

3

Hùng trở lại động tối hôm sau, cũng chỉ định tìm một cô nào chơi một cái

cho đỡ uể oải.

Lần thứ nhì đến, chưa hẳn là khách quen nhưng hắn thêm tự nhiên. Hùng uống trà đọc báo. Linh mục Trần Hữu Thanh tố cáo Tổng thống Thiệu. Cô ông ta bán gạo, vợ ông ta buôn lậu có còi hụ, con gái ông làm đám cưới một trăm triệu. Trời, một trăm triệu, ở đây chơi đĩ được tới một trăm ngàn cú. Cứ mỗi ngày một lần cũng gần ba trăm năm, bằng cái thời gian để người đọc Kiều khóc Thanh Tâm tài tử. Thật là kinh khủng. Nhưng Hùng không nói gì, canh chừng hai cô đĩ đương có mặt bằng một mắt. Còn sớm, Hùng chưa buồn quyết định thì một người khách ra và Tuyết theo sau. Nàng xà xuống nép người sau lưng Má. Hùng ngửng đầu xã giao.

- Má ơi má.

Hai tay nàng nắm lấy bà.

- Má cho con... lấy... anh này làm chồng.

Hùng đang nhoẻn miệng cười lịch sự. Hắn chưa biết rõ chuyện gì. Hai cô đĩ kia khúc khích. Người khách mới ra quay lại ngơ ngẩn *chiều nay ra khơi* trong bộ đồ lính thủy áo xanh quần pat. Má Minh thở dài đánh thượt.

- Mày có chắc mày nuôi được thì hãy lấy.

Tuyết bật dậy. Nàng đến trước mặt Hùng thật tươi. "Cái gì nuôi?". Hùng còn đang nghĩ.

- Má chịu rồi. Giờ mình tới ở với em luôn ngoài này, Tuyết nhún nhẩy.

- Anh... đâu có được... Hùng ấp úng, anh phải ở... trong Viện...

Hắn chỉ vào bộ quần áo trên người.

- Thì mỗi tối, anh ra đây, Tuyết nói. Nàng nhìn má Minh nghiêm trang, con không có tiếp khách ngủ đêm nữa, tối mình ngủ với em, sáng vào trại trở lại.

Hùng chưa định thần được để trả lời. Hắn muốn nói: "Anh thuộc quyền điều động của quân đội". Người lính thủy quay gót đi, hai cô đồng nghiệp vẫn trợn trừng theo dõi.

- Anh có đói bụng không? Tuyết hỏi.

- Hơi hơi, Hùng thành thật.

- Mình đi ăn đi anh, Tuyết đưa tay cho hắn khoác. Anh muốn ăn gì? Nàng nguýt ngầm về phía hai cô bạn.

- Anh ăn mì, Hùng buộc miệng.

Thì ra đây là "nuôi". Dễ thôi, mì, làm gì mà không nổi. Hắn theo Tuyết, ngoảnh nhìn hai cô gái kia tiếc nuối.

4

Trước đó, Tuyết đã có một đời chồng (tuy là nàng chưa đi tu lần nào, Tuyết mới có mười sáu).

- Ảnh làm Trung úy.

Tuyết khoe. Nàng đưa ra tấm hình hãnh diện. Chàng trai thời chiến mặc quân phục đứng trước một doanh trại nào mù mờ, lô cốt, dây kẽm gai, bao

cát. Hùng nhìn kỹ, không thấy hoa mai ở chỗ nào trên người. Hắn lật tấm hình lại, nhìn dòng chữ phía sau *lưu niệm*: "Ngày tốt nghiệp Trường Sĩ Quan Võ Bị Đồng Đế". Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, anh này Trung sĩ chứ Võ Bị đâu mà lắm thế, nếu ở Đà Lạt ra, ắt đã là bạn nhà văn Phan Nhật Nam. Hùng không nói gì.

- Giờ ảnh đâu rồi? Trung úy hay là *cố* Trung úy vinh thăng, Bảo Quốc Huân Chương Đệ Ngũ Đẳng... kèm Anh Dũng Bội Tinh với nhành dương liễu.

- Ảnh còn sống mà, anh độc miệng quá, mà đâu có hoa liễu hồi nào. Ảnh ra ngoài Bình Định...

- Bình Định thì nay sống mai chết, ở ngoải đầy Việt Cộng...

Tuyết thụi vào người Hùng

- Tháng rồi ảnh còn thư cho em.

- Vậy sao em nỡ bỏ y vậy?

- Tại em gặp anh, nàng dúi đầu vào ngực hắn.

- Anh mới có Chuẩn úy...

Hùng láo. Hắn vừa mới hơi tự thăng tám cấp đặc cách trong động đĩ. Hùng binh nhì. Binh nhì thì cũng thua Trung sĩ nhưng mặc quần áo viện, không ai đeo lon.

- Chuẩn úy nhỏ hơn Trung úy hả anh?

- Nhỏ hơn hai lon.

- Em đâu cần biết anh lon gì, Tuyết thỏ thẻ, tại em thấy anh hiền nên em thương.

- Em lựa chồng hiền, chứ không phải anh đẹp và oai?

- Sắc đẹp ở đời thì cũng cần... Nhưng thiệt ra tại em thấy anh dễ thương.

- Anh dễ thương làm sao? Hùng tìm hiểu.

- Anh dễ thương như là... em bé vậy.

5

Hùng búng mẩu Ruby Queen vào vũng nước bẩn trước mặt đánh xèo.

- Tôi đang học dở Văn khoa thì đi lính.

Vũng nước lăn tăn ánh đèn nê-ông từ những nhà gần bên.

- Đúng ra thì em cũng nên học Văn khoa, cái này thích hợp với em hơn là Luật.

Hùng liếc sang Mạnh. Với cái áo sơ-mi hoa cổ bẻ và phù hiệu "Peace" lủng lẳng trên ngực ở đầu sợi dây da coi thằng ma cô này giống một tay đờn thế trong một ban nhạc hạng ba hơn là thời sinh viên của một ông tòa. Nhưng biết đâu, nó chẳng học Luật thật. Đâu ai cấm sinh viên trường Luật để tóc uốn che tai và có đào làm đĩ.

- Em mê Triết học lắm, Mạnh bảo. Văn khoa anh học môn nào?

- Văn chương Pháp. Hùng đọc: "*Va, je ne te hais point / Tu le dois / Je ne puis*". Hắn đứng dậy: "*Crains tu si peu le blâme et si peu les faux bruits?*"

- Anh giỏi thật. Mạnh phục. Anh còn biết tiếng gì nữa?
- Chút chút tiếng Anh, Hùng ngồi xuống.
- Tiếng Đức? Mạnh hỏi.

Sao mà nhiều vậy. Ở đây Trung Tâm Tuyết Huyết hay Trung Tâm Ngoại Ngữ Dziên Hồng.

- Không. Hùng trả lời.
- Tiếng Đức là sinh ngữ của Triết học.
- *Weltanschauung / Sturmgewehr / Gotterdammerung*, Hùng nói.
- Anh biết hả? Mạnh giật mình.
- Ba cái chữ tôi vừa đọc. Tôi đang muốn học, *Ein, svei, drai.*
- Em cũng muốn học. Đọc Nietzsche, "Lời Tiên Tri của Zarathutra". Phạm Công Thiện đã có giới thiệu nhưng em muốn đọc nguyên bản. Heidegger, "Thời Gian Và Bản Ngã". Nhân sinh quan mới này cực kỳ quan trọng cho tuổi trẻ của thời đại chúng ta. Thảo ơi? Mạnh gọi vối vào bên trong nhà. Ra mua cho anh hai ly cà phê đá.

Tuyết cạnh bên chân Hùng đứng dậy nhanh nhẩu

- Để em đi mua cho mình, nàng không nhìn Mạnh. Anh còn hút thuốc không?
- Ba điếu được rồi, Hùng nói.
- Với lại, em cũng đang nghiên cứu nhiều về Thiền, Mạnh bảo.

6

"Sải tôi, trước khi học Thiền, chỉ thấy sông là sông, núi là núi.

Khi học Thiền biết sông không phải chỉ là sông và núi không phải chỉ là núi.

Nhưng ngộ Thiền rồi mới thấy sông chỉ là sông và núi chỉ là núi".

Hùng vừa lẩm nhẩm trong đầu câu cách ngôn Mạnh vừa mới chỉ hồi chiều. Hắn xối nước, ra khỏi nhà cầu, không nhớ tác giả "Sải tôi..." vừa rồi là Không Lộ Thiền Sư, Đạt La Lạt Ma, Đạt Ma sư tổ hay là trong Thập Bát La Hán, lẫn lộn ông đưa tay chỉ mặt trăng với ông thét vang đầu núi. Trước cửa nhà cầu, Thảo đứng tồng ngồng cạnh bể nước.

- Em làm gì đây? Hùng giật mình.
- Em đang tính tắm, Thảo chỉ vào người.

Hùng nhìn

- Công nhận, ờ... em ở truồng.

Thảo cười tít mắt

- Em tắm ở truồng chứ không lẽ tắm mặc quần áo!
- Mạnh đâu rồi?
- Anh ngủ.
- Tưởng nó còn đang học ngoại ngữ, Hùng liếc khéo thân hình nàng.
- Anh dang ra, coi chừng ướt. Thảo múc một gầu nước. Hay là anh tắm luôn.

- Thôi... Hùng thận trọng, Hắn liếc nhanh về phía sau lưng mình. Anh đứng đây chơi được rồi, Hùng lui ra một bước.

Hắn làm ra lơ đãng, nhìn hai mông nàng lấp loáng nước, đèn. Tối, sáng, nàng luồn một tay vào dưới háng, khuỳnh hai đùi ra kỳ cọ. Nước tạt vào chân Hùng, lem nhem ướt đầu ống quần. Hắn thắt lại sợi dây rút, săn lên cái cạp ở bụng.

- Anh cởi ra luôn cho rồi. Thảo tít mắt thật là tươi.

Hùng kiểm lại hai cái ống lủng lẳng trên bắp vế.

- Nhà thương phát cho có một bộ, một tuần mới được thay một lần, mà không có lần nào bận vừa, hắn ấp úng.

- Anh không có bộ nào khác hả?

- Bộ đồ trận. Vào Viện thì bị tịch thu mất, nó đâu có cho mình giữ, sợ trốn ra ngoài đi chơi hay không chừng đào ngũ. Đụ mẹ, ở nhà thương gì như ở tù.

- Đồ Mạnh bận là em may không, Thảo đưa tay lật bật xoa hai vú. Em đưa ảnh tới tiệm, em lựa kiểu. Tuyết nó cũng phải lo cho anh chứ, để anh vầy hoài coi kỳ.

- Anh đâu phải sinh viên, kỳ cái gì. Nằm Viện thì mặc đồ bệnh, ra đơn vị thì mặc đồ trận, Hùng trả lời. *Lính mà em!* Đâu phải tại Tuyết, tại anh không thấy có gì cần thiết.

"Tướng anh vầy, để tóc dài, mặc đồ trắng muốt từ trên xuống dưới chắc coi vô cùng lịch sự. Áo sơ mi trắng, quần xếp li trắng, đi giày trắng, như là đồ dạ hội" Tuyết rủ rê. "Cà vạt trắng và vớ trắng, anh đi ăn cưới con gái Tổng thống" Hùng cười. "Anh là lính bộ binh chứ đâu phải là Hải quân Chuẩn úy, *vượt trùng dương mang áo trắng trinh nguyên.* Anh đeo súng chứ không đeo kiếm". Tuyết ỏn ẻn: "Anh đẹp thì mới mát mặt em".

- Tuyết đòi may hoài đó chứ, Hùng bênh nàng.

"Con Thảo vô duyên hết sức" Tuyết có lần thủ thỉ, "Lúc nào cũng cười". Thảo mười bảy tuổi, nàng rất cao và chắc, đầy cái đẹp lộ liễu. "Ở nhà ngoài nó cũng cười, tiếp khách trong buồng nó cũng cười, khách người ta coi thường mình hết. Con gái mà thiếu đứng đắn, người ta chê đâu phải mình nó đâu, chê cả động, tai tiếng hết chị em". Tuyết bĩu môi "Nó ham gì em không biết, có chồng rồi vẫn tiếp khách qua đêm, để chồng ra ngoài hàng hiên ngủ một mình". Ham cái gì, chẳng lẽ lại ham bề, Hùng nghĩ. Chồng nó ra ngoài hàng hiên đọc "Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học" của Phạm Công Thiện, tội nghiệp.

Hắn nhìn xuống chân mình. Nước trên sàn chảy rẽ chung quanh chiếc dép, ướt vào nhem nhép gan bàn chân. Thảo ngồi chồm hổm trước mặt, một tay banh đùi, tay kia tạt nước từ cái gáo đặt dưới đất vào cửa mình. "Con này hay cười thật, toét cả miệng trên miệng dưới".

- Thôi, anh đi ngủ.

Hùng chào.

Hắn chửi thầm mấy con rệp vừa loáng thoáng trên chiếu ẩn hiện. Tuyết nằm im. Hùng nghiêng đầu xuống phía chân giường, nhìn cái quần lót co quắp giữa hai đùi nàng một lúc. Hắn đưa tay thọc vào trong cạp.

- Mình hả mình? Tuyến nhích người.

Hùng ừ.

Nàng quay hẳn mặt vào bên trong

- Mình gãi lưng cho em.

7

- Mày đã thiệt, đêm nào cũng ngủ động, Tâm mập nhăn nhở.

Hắn đứng choán hết lối vào của căn phòng dùng làm quán của chị Năm Trung sĩ. Nằm trong khu gia binh của Bệnh Viện, gian khách độ hai thước trên bốn của căn nhà được biến thành quán nhạc bất hợp pháp với một máy ca-sét, hai cái bàn, mấy ghế đẩu và cái tủ đựng linh tinh thuốc lá và bánh kẹo.

- Mày ngồi xuống đi, Hùng bảo.

- Đụ mẹ, bữa cơm phát được một cục thịt. Vậy mà cũng dám trừ lương đi một phần ăn 180 đồng, Tâm tóp tép như vẫn nhai cục thịt hồi chiều.

- Được hai cục lận, đây là Bệnh Viện mà mày. Mấy con mẹ đẩy xe cơm lấy một cục, chia cho mấy thằng đẩy phụ chút nước sốt chứ thượng cấp chúng ta đâu bao giờ ăn bớt. Mày còn đói bụng, kêu mì gói ăn đi, ghi sổ tao, Hùng mời. Chị Năm ơi, hắn gọi.

- Nhất mày rồi, Tâm lí nhí. Hắn nhỏ giọng lại, bữa tao xin thiếu năm mươi đồng thuốc bả không chịu.

- Tao còn cầm ở đây bộ đồ ci-vin với cặp kiếng Ray Ban. Nói là bả giấu giùm tao nhưng tao ăn giựt thì cũng có thế chân. Với lại mỗi tuần thăm nuôi tao đều trả sòng phẳng. Em còn thiếu chị nhiều không? Hùng hỏi lớn át tiếng Nhật Trường đang yêu *em xinh em tên Mộng Thường.*

- Chị cũng hổng nhớ nữa, chị Năm cười thương mãi. Em thiếu bao nhiêu mà không được.

"Ít ra cũng được 15 ngàn bằng cặp kiếng" Hùng lẩm bẩm. Hắn hứng chí lên hào hoa:

- Tâm đây ăn gì, muốn ghi sổ em chị làm ơn cứ ghi, Hùng sang trọng. Ở đây hơi chật, chứ không vừa nói hắn đã định ngã người ra, gác chân lên.

Người ta mở bàn thường trực ở Maxim's, Arc En Ciel, thì mình cũng mở bàn ở quán chị Năm Trung sĩ trong khu gia binh Tổng Y Viện. Tới đó hỏi ai cũng biết thằng Hùng mắt kiếng. Nhờ vậy, mỗi tối chị Năm mới cho hắn ra sau nhà, leo lên mái cầu tiêu đu tường trốn ra đi chơi đĩ. Khách sộp mà. Hắn nhìn Tâm xoa xoa hai tay trước tô mì gói chỉ vỏn vẹn có một lá sà-lách lềnh bềnh mà niềm vui bề thế.

- Đụ chùa, ăn chịu, cuộc sống mày lý tưởng, Tâm nhất định trả cho thật xứng đáng cái bát mì lõm bõm.

- Ăn chịu thì có, nhưng đụ chùa thì không chắc, thằng Kim ở sau lưng

Hùng nhếch mép.

Hùng không buồn quay lại. Đụ má mày tóc quăn. Thằng này có tiền, ăn thì trả tiền, và đụ thì cũng vậy.

- Chẳng lẽ con vợ đĩ của nó bắt nó đụ phải trả tiền? Tâm xì.

Ăn cây nào rào cây nấy. Tâm mập lo rào cây mì ăn liền cho thật kỹ.

- Nó không phải trả tiền nhưng nó không được đụ, Kim khoái trá. Con Tuyết kể với tao, anh Hùng bạn anh, ảnh thương em thật tình, tối ngủ với em chưa một lần nào ảnh làm tình.

Hùng đỏ mặt lên đến đỉnh đầu, hắn nén khó chịu, nói giọng làm như bâng quơ

- Tao không đụ thì không trả, mày đụ thì mày trả, có gì là lạ.

Xác thân em mặc tụi bay dày vò, còn trái tim nàng đã thuộc về mình. Hùng tự chọc cho buồn cười nhưng vẫn không khỏi bực mình. Hắc bực Tuyết nhiều hơn bực thằng tóc quăn. Hùng cảm thấy như vừa bị phản bội, con đĩ này, mày đi khách việc gì mà mày phải î ôi tâm sự. Nhưng có lẽ là Tuyết hãnh diện về đạo đức và phong cách đầy hào hiệp của hắn nên Hùng có tức lại có thương. Cũng như, hắn vừa muốn quơ thằng Kim một quả vừa thật tình muốn hỏi, cho biết, cho đỡ bấy lâu nay thắc mắc, sao, mày kể coi, con vợ tao lồn bao nhiêu lông?

8

- Anh Hùng đây là chồng Tuyết nhà Má Minh.

Mạnh trân trọng giới thiệu với gã đàn ông méo một bên miệng.

- Ảnh Chuẩn úy bộ binh, hắn nhăn nhở - còn anh Tứ đây ở xóm mình lo hết an ninh mọi chuyện, Mạnh tiếp.

Gã đàn ông ngoài ba mươi xếch một mắt gật đầu.

- Chào chuẩn úy.

Hùng chột dạ nhìn Tứ cười xã giao. Thằng này chào mình, còn gọi đàng hoàng bằng cái chức hiệu giả mạo. Kiểu tướng nó, bảo Hùng "mày quỳ xuống tao tha chết cho" chắc Hùng cũng phải chịu. Tứ lờ đờ dò xét hắn thêm một khắc rồi thân thiện nửa vời:

- Ở đây Chuẩn úy có cần gì tôi cứ nói.

- Vâng... ờ... anh quân nhân hả? Hùng nhanh nhẩu.

- Tôi tù binh Việt Cộng, 73 hồi ngưng bắn được thả về chính phủ cho giải ngũ.

- Trước đó anh lính gì?

- Tôi mấy sắc lính lận. Tứ cười nhạt, lần chót lúc bị bắt làm tù binh là Biệt Động Quân Biên Phòng. Chuẩn úy đơn vị nào?

- Sư đoàn 25.

- "Sấm sét miền Tây" hả?

- Không, "Tia chớp nhiệt đới".

Tây nào, Tây Ninh, ""Sấm sét miền Tây" là danh hiệu của Sư Đoàn 21 ở

Vùng IV. Quân đội này đặt số theo thứ tự nào không ai hiểu, chỉ có 10 Sư Đoàn Bộ Binh mà từ 1 đến 25. Có 21, 22, 23 nhưng không có 24. Sư Đoàn tân lập sau chót lại là Sư Đoàn 3! Riêng Sư Đoàn 25 "Tia chớp nhiệt đới" cả danh lẫn số và doanh trại đều thừa tự của Sư Đoàn 25 Hoa Kỳ. Sư Đoàn này trở về Hạ Uy Di, để lại căn cứ Đồng Dù với đầy đủ quân trang, quân dụng, nhà tiền chế quân sự, máy phát điện, máy lạnh, máy bơm, máy nước nóng và nồi niêu soong chảo cho ông tư lịnh Lê Văn Tư, một trong những tướng hiếm hoi của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ có mỗi tội tham nhũng thôi mà cũng phải ngồi tù. Ông này theo kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh nghĩa là mấy thứ trên bán được thứ nào thì bán, giữ lại nguyên con cái phù hiệu sấm sét đánh ngang mặt trời. "Tia chớp nhiệt đới" là bản dịch tiếng Việt của "Tropic Lightning". 25. Sư Đoàn này oai hùng. "*Sư Đoàn 25, bao lần đoạt bao chiến thắng...*" Nhưng Tứ ra vẻ coi thường. Tứ đã nhiều sắc lính và đã từng bị Việt Cộng bắt làm tù binh.

- Chuẩn úy bị thương?

- Nội thương, Hùng chữa vội. Nội thương khác với bị thương như là nội tướng khác với tướng. Nhưng hết bịnh, về đơn vị chắc cũng được vinh thăng một lon, Hùng pha trò, giương cái mắt kính học thức nhưng Tứ hình như không hiểu.

Có lẽ, đối với Tứ hắn không cần dùng đến ngôn ngữ của Corneille để dọa, giờ dưới mắt Tứ Hùng là Chuẩn úy thực thụ sắp sửa lên lon.

- Em bị miểng pháo hư hết một con mắt, vừa đủ phân loại giải ngũ vĩnh viễn, Tứ cười khì khì. Nhiều người, chết mới được giải ngũ vĩnh viễn.

Chắc Tứ tưởng nội thương cũng là một thứ thương tích nào đó. Hùng không cải chính. Chưa lên Thiếu úy mà đã được Tứ xưng em. Đây là uy quyền của sĩ quan. Hùng hắn giọng:

- Anh em uống gì. Mạnh vô kêu giùm Tuyết đi mua.

Người đàn ông đứng tuổi dựng cái xe đạp xuống, nói vói vào bên trong thật lớn

- Tôi chỉ có hai trăm, không đi thì thôi! Y làu bàu cái gì sau đó nghe không rõ.

- Thằng già này, đi chơi đĩ ba trăm mà còn trả giá, Mạnh liếc xéo về phía cửa động nhưng vẫn ngồi yên.

Người đàn ông lạch cạch đẩy xe, áo sơ mi tiều tụy công chức hay là nhà giáo hạng bét, nét mặt khó đăm đăm. Có lẽ chàng chưa đi chơi đĩ từ thời Nguyễn Khánh và Hiến Chương Vũng Tàu chứ bây giờ làm gì có đĩ hai trăm một cối. Bao Bastos Quân Tiếp Vụ đã chín chục, chai Coca một trăm rưỡi, vừa phải thôi, cho chị em sống với. Chắc đêm nay vợ vắng nhà, thăm con trai đi lính ngoài xa và Truyền Hình Việt Nam không có chương trình nào hấp dẫn. Tứ bỗng bật người dậy.

- Ê. Hắn gọi.

Tứ đi về phía ông lão.

- Thằng kia. Hai trăm của mày đâu?

Ông già ngừng lại, đổi ngay thái độ, thọc tay vào túi quần líu ríu.

- Còn bao nhiêu đưa hết đây, không thì bỏ lại cái xe đạp.

Ông ta khóm nóm, mất cái vẻ mặt giám thị hành lang hay tùy phái bàn giấy anh-phải-qua-tôi anh mới vào được cửa quan.

- Tôi... xin cậu. Tôi lớn tuổi rồi, chỉ có mỗi cái xe để đi làm...

- Đụ mẹ, lớn tuổi rồi mà còn đòi chơi đĩ. Tứ cầm lấy nắm tiền. Thôi đi đi.

Hùng thở phào trong bụng, cụ này mà cưỡng nó thì có mà mất mạng. Giờ thì chỉ mới mất tiền đong gạo, không biết phải phân trần với vợ con ra sao. Tứ coi dữ dằn nhưng vẫn còn nhân đạo, còn để lại cho chàng cái xe đạp làm mình đỡ phải can vào.

- Thằng già dịch này đòi trả hai trăm mà có tới ba bốn ngàn. Tứ hớn hở vừa đi vừa đếm. Chuẩn úy ơi, chầu nước này em bao.

9

Hùng nhảy ra khỏi chiếc xe lam đang rà rà chậm lại bên vệ đường lồi lõm.

Hắn đứng vuốt lại cái áo trận bốn túi bằng vải nội hóa, chặc lưỡi. Hôm nào có tiền, chắc cũng phải may một bộ bằng vải mỹ sắm thêm đôi giày Máp cho xứng đáng. Đời trai *chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh / Áo bào thay chiếu anh về đất* cũng được nhưng phải là một áo bào bảnh, tropical worsted, loại vải ny-lông xanh lá cây nhưng nổi những đường gân bạc bạc phong trần. Nhưng thời buổi kiệm ước, chỉ đôi giày *saut* đã một tháng lương, thà để tiền chơi đĩ chẳng sướng hơn chắc.

Hùng thọc tay vào quần nắm cọc tiền cộm trong túi trước. Hắn vừa được về phép thăm nhà trong ngày thứ bảy, nắm tiền này là bà ngoại dúi vào tay khi ra cửa, còn nải chuối đang cặp nách là bà theo ra đến cổng nhất định bắt hắn phải cầm đi. Hùng xốc lại dây lưng, nhìn quanh. Hắn gài vào rất nhanh cái lon Chuẩn úy bằng đồng đen lên ngực, dưới cái khuy áo thứ nhì một chút.

Một lon thôi, vừa dễ che bằng tay, lại dễ gỡ ra liệng đi, chứ hai lon bằng vải, lại khâu trên cổ áo thì sức mấy. Kĩ thuật này, không phải do các sĩ quan giả như Hùng đặt ra để phòng khi Quân cảnh xét giấy mà mượn từ các vị sĩ quan thực thụ và thú thiệt vẫn áp dụng trong trường hợp lôi thôi gặp Việt Cộng khi sa cơ ngoài mặt trận để kết hợp cùng với kỹ thuật mặc thêm quần ci-vin ở dưới quần lính. Muốn dấu thì như vậy đã dễ, còn nếu cần khoe, thì cũng lại rất tiện.

Hùng ưỡn ngực ra, đi vào phía xóm.

10

Cái nải chuối đặt ở đầu giường lật bật. Người con gái nhìn trần rồi nàng nhìn móng tay mình. Nàng bỗng hỏi:

- Anh ở bên nhà Má Minh phải không?

Đang gò người trên cái bụng nàng, Hùng giật nẩy mình. Hắn phì phò

- Ờ... sao em biết...

- Ở đây chỉ có mấy cái động quanh quẩn...

Mãi ở đầu này, mình đã kín đáo, Hùng rủa thầm. Hắn cũng chỉ mới quen Tuyết có được một tuần, việc gì mà đã đồn đến đây. Hùng hơi hơi khó chịu, hắn tiếp tục nhấp trong người cô gái mấy cái mạnh và thật vội.

- Anh là... chồng... Tuyết chứ... gì...

Hùng hự hự bắn khí.

- Ừ... anh qua bên này chơi...

Hắn thở hắt ra một cái. Cái nải chuối trước mắt từ từ đứng lại, ngưng thôi còn rùng rình. Hùng rút ra khỏi người nàng, ậm ừ,

- Chơi... cho thay đổi...

Người con gái vẫn nằm tênh hênh chưa kịp khép lại đùi. Nàng bắt đầu khe khẽ hát một mình bài "Rước tình về với quê hương" của Hoàng Thi Thơ.

11

Tuyết đứng đợi sẵn Hùng ở giữa lối. Nàng cười xum xoe thật là tươi, mất hẳn cái vẻ nghiêm túc của thường ngày.

- Anh mới đi con Dung bên bà Tám. Tuyết hăm hở nói.

Làm sao nàng đã biết. Chắc có ai học lại lúc hắn vừa lên phòng.

- Anh qua bển chơi gái, đâu biết chơi ai, tên gì, cô Dung nào.

Hùng làm vẻ tự nhiên. Đụ mẹ, chơi đĩ chứ bộ nhân tình gì đâu, chẳng lẽ đánh ghen.

- Anh muốn chơi bời, trong nhà cũng có, cần chi qua tới bà Tám.

Tuyết khoác tay hắn. Nàng kéo Hùng về phía động nhà.

- Nói vậy chứ chơi ai bây giờ, Hùng bắt đầu yên tâm, trong nhà, không lẽ trả tiền, cũng kì, không trả thì sợ hiểu lầm. Anh nói ví dụ, nếu anh đi Thảo, Mạnh nó nghĩ anh tính chuyện giựt đào...

- Bộ anh muốn đi con Thảo lắm hả?

- Đó, thấy chưa, mà em cũng không bằng lòng nữa. Chơi Ly, chơi Mai thì em lại nghĩ là tụi nó muốt giựt chồng... Chơi bời, anh qua động khác là phải rồi...

- Anh xách nải chuối này đi đâu làm gì vậy? Tuyết hỏi.

Không lẽ đi hỏi vợ bên bà Tám. Hùng ngưng lại.

- Bà ngoại anh bắt mang vô trại. Thôi để anh cho mấy đứa con nít...

Tuyết rướn người lên, giật nhanh cặp kính trên mắt Hùng, bỏ chạy vào bên trong.

12

Em không được dỡn như vậy, Hùng vẫn còn bực mình.

Hắn thở dài, vắt tay lên trán, nhìn nóc mùng.
- Em muốn mình tối ở nhà với em, đừng đi đâu, Tuyết phụng phịu.
- Muốn thì em nói, Hùng dằn tiếng, không được giấu kiếng của anh!
- Thôi mà mình... Mình ơi, em xin lỗi.
Tuyết ôm hắn vào người. Nàng thỏ thẻ
- Em cũng muốn... chìu mình vậy, để anh khỏi phải đi người ngoài. Nhưng mà em đang... bịnh.
- Bịnh gì vậy?
Hùng nhổm người dậy.
- Thì... bịnh, Tuyết bẽn lẽn. Cả tuần nay em phải chích trụ sinh.
Hùng nằm xuống lại. Hắn cảm động. Thì ra Tuyết cũng lo cho hắn.
- Em bảo vệ sức khỏe cho mình...
Hắn chợt nhớ đến thằng Kim tóc quăn. Ờ, đáng đời mày, chừng nào đái ra máu thì mới thấy. Nàng tiếp:
- Bề nào vợ chồng, em cũng đâu muốn để anh thiếu thốn.
Hùng đã bớt tức phần nào. Hắn nghĩ đến Kim, cười thầm thích thú.
- Rồi, em bịnh thì anh không chơi, đợi chừng nào em khỏi.
Hắn quay người hẳn sang phía nàng
- Giờ em cởi quần ra cho anh coi.

13

Hùng lần mò ra đến mặt đường giữa những đứa trẻ đang hùa nhau đuổi chạy "ra coi bắn lộn, ra coi bắn lộn tụi bay ơi".

Hắn dừng lại trước thành người đang tụ tập, nhìn cảnh vật lờ mờ chung quanh, dùng tay dọ dẫm. "Ba thằng nhảy dù" "Hai thằng chạy được là lính" "Thằng này Thiếu úy ra chót cầm súng đoạn hậu". Hùng leo lên những hàng đầu "Hai thằng kia rồ máy, một xe chở ba, thằng Thiếu úy nhảy lên sau chót", Hùng dừng lại.

Giữa lộ, trước mặt hắn một đống nằm lù mù. Hùng nheo mắt. Hắn đoán ra được hơn là hắn thấy, một đống mặc đồ rằn. Hắn quay sang người đứng cạnh. Ông già chồng má Minh cởi trần hai tay chống nạnh.
- Nhảy dù vô chơi giật rồi chạy.
Ông khạc xuống đất đánh bẹt. Mấy cọng thuốc rê dính lại ở khóe mép.
- Động nào vậy nội?
- Con mẹ Tám.
- Trời, coi tôi nè, Hùng nói, chơi đĩ trả tiền thì đâu có sao.
- Mấy thằng Nhảy Dù tưởng muốn làm gì cũng không ai dám cản...
- Nhảy dù mà, *Cố gắng...*
Cái đống nằm im không động đậy.
- Chết rồi hả? Hùng hỏi.
- Thì chết tươi, mày lại mà coi, ông già hất hàm.
- Chết rồi, thôi khỏi, Hùng nói.

Hùng đứng nguyên tại chỗ, nhìn không rõ mặt mũi tay chân người xấu số. *Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh*, giờ nằm co quắp bên nách Tổng Y Viện Cộng Hòa mà ra máu.

- Ai bắn vậy? Hùng nhìn ông nội.

- Thằng Tứ. Ra-phan một, Em-mờ 16, thằng kia cầm có cây Côn Đui Côn Điếc, ông già cười chẳng răng trên dưới.

Côn Đui, danh từ thời Pháp thuộc. Súng colt mĩ ca-líp .45 phân anh, tức là 11,43 ly, lính Tây đời trước rộng rãi chẵn thành 12. Giờ Hùng mới để ý, hắn ghé đầu lại gần cái ngực lõm của ông ta nhìn. Một bên là hình xâm nắm tay cầm kiếm với hàng chữ "Commandos de Marine", bên kia là một con tàu kiểu ca-ra-ven lướt sóng, có đầu lâu xương chéo giữa cánh buồm. À, hồi đó lính Tây, hắn định hỏi ông ta một câu hồi-đó-ông-lính-tây thừa thãi nhưng thôi. "Biết nói tiếng Pháp không" lỡ lại bị ông đọc cho nghe bài thơ của Sully Prudhomme mà cụ Tổng thống Trần Văn Hương thuộc nằm lòng. Ủy, mông át duy đằng.

- Nó trốn đâu rồi, Hùng chỉ hỏi.

Ông già quay người

- Phía vòng đai phi trường, ai vô đó mà kiếm nổi.

Hùng thụt vào đám đông trở lại. Ở đầu đường một anh cảnh sát đến giờ mới lấp ló với vài ba tên An Ninh Cộng Hòa súng ống vừa từ Viện đi ra nhòm ngó. Chưa ai tỏ vẻ gì muốn lại gần tìm hiểu cả. Có gì gấp đâu, đứng nguyên ở đó mà đợi cho nguồi nguội, Hùng nghĩ. Mình thì cũng lại không thấy đường, lát Quân Cảnh tới chạy dám không kịp. Hùng nóng bừng người. Hắn bỗng thấy giận Tuyết vô cùng, lần này đòi lại xong cặp kiếng là *em đường em tôi đường tôi.*

14

Giờ, đêm, Tuyết phải tự gãi lưng lấy.

ĐỖ KH.



KHẾ IÊM

lời

như chim chóc sống từ đọt
mây ngủ nơi khe hở của bầu
trời và chiến tranh với hư không

tiếng nói đang rửa
cáu bẩn
tự nở sinh hoa
rơi đau
        thương trên tàn cây để
        bếp lửa làm chảy máu những con đường

cầm bằng là một khoang chiều chết
      dẫm giữa mênh
mông
      đến và đi
      đi mà không đến

còn có điều chưa xong

cột bình minh vào cọc nhọn
châm điếu thuốc nhả ra
                              từng mùa đông cóng những con chữ thay

răng
lật ngửa
lời

mai kia một nọ

xiêu dạt

đành rằng thời gian như bóng câu

chữ
là vết chém bật máu

gợi ra
hiện thực

nhưng ở giữa những hình ảnh bị đứt đoạn của kiếp người
(có dính líu tới đất đai)
là
    chỗ
        trơn trượt

làm suýt tắt mồi lửa xiêu
dạt

về tổ

chối biến
thoảng nghe có tiếng chim trời kêu

lạnh cóng
về tổ

gầy lửa ấm ức và bay ra
tức lả

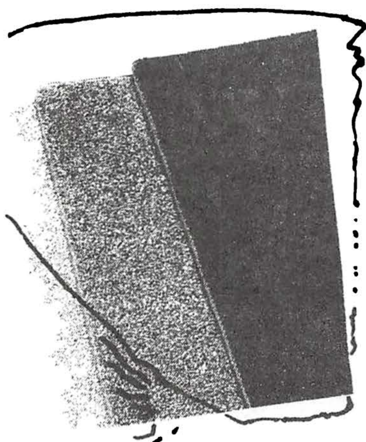
nhìn đâu cũng thấy là đã sơn cùng thủy tận

KHẾ IÊM



LÊ THỊ THẤM VÂN

tôi ôm hạnh phúc(*)



Anh! Tại sao giây phút nào em cũng nghĩ đến anh. Hình ảnh anh luẩn quẩn trong em với giọng vỗ về yêu đương, ánh mắt đắm đuối si mê, vòng tay quấn quít bao quàng thân thể em. Ôi anh yêu! em đắm chìm theo ngọn sóng hạnh phúc. Hạnh phúc tỏa hương nồng ấp ủ thân xác em. Hạnh phúc bao bọc khối óc em. Bình minh ló dạng, lòng em tưng bừng reo vui.

Cuộc đời em được thăng hoa từ ngày có anh. Em thiết tha ôm trọn cuộc đời trong vòng tay, như em ôm anh.

Buổi sáng tung mền thức dậy, thời gian là ý nghĩa. Em tận hưởng từng giờ, từng phút, từng tiếng tích tắc của thời gian. Mạch sống ồn ào tuôn chảy lan tràn trong cơ thể em. Anh yêu ơi!

Nghĩ tới anh trong lúc làm việc, trong giờ ăn trưa, em thấy người mình run lên. Mười ngón tay dâm thừa thãi... Mong sao chiều đến thật nhanh, để đến bên anh, ôm chặt anh trong tay, hít sâu mùi da thịt đã làm em ghiền. Ôi! hương thơm của tình yêu, dịu dàng, rạo rực, khát khao... Không bao giờ thỏa mãn, như nước biển, càng uống càng khát.

Bên anh, em nói cười như tiếng sóng biển vỗ rì rào. Nhiều lúc em muốn dang tay hét to, vang vọng khắp bốn phương, rằng em đang hạnh phúc biết bao.

Ôi! Sao em thèm anh đến thế. Mỗi tối đi ngủ, bao giờ em cũng bận chiếc T-shirt rộng thùng thình của anh. Nghĩ rằng, ngay trong giấc mơ, em cũng mơ thân xác mình được ấp ủ trong vòng tay yêu thương của anh.

Em yêu anh, bởi anh đã mở ra nhiều ngõ ngách mới lạ trong con người em. Giúp em cảm nhận từng tế bào, mạch máu trong cơ thể mình bừng bừng chuyển động.

"Tại sao vậy anh nhỉ? Tại sao?" Em lại muốn hét to cùng trời đất quanh em...

*

Ông Đằng,

Bao nhiêu năm tôi đi tìm kiếm phần đời mình mất mát. Nay gặp ông, tôi đã tìm thấy.

Ông khỏa lấp sự thiếu vắng tưởng ngàn đời tôi không thể có. Ôi! một người bố. Tiếng bố chưa bao giờ tôi gọi ra từ môi mình. Một chữ. Bố. Đơn giản, mà làm người, ai cũng gọi đến hàng triệu lần trong đời. Nhưng riêng tôi, vĩnh viễn là không.

Thế nào là có bố? Tôi không thể mường tượng ra được; không hề dám nghĩ tới, là niềm ước mơ thầm kín từ khi bắt đầu biết suy nghĩ, và buồn tủi khi nhìn thấy sự may mắn của những đứa bạn chung quanh.

Bào thai tượng hình trong bụng mẹ, Thu Nguyệt ngàn đời đã là đứa bé bất hạnh không bao giờ thấy mặt bố.

Ông Đằng,

Phải chăng vòng tay ông quá đỗi ấm áp, ông bao bọc, chở che được tôi?

Từ hơi thở nằng nặng đến mái tóc râm râm bạc hai bên thái dương sao tôi thấy gần gũi, yêu thương chúng đến thế. Giọng nói ầm ừ suy nghĩ, nụ cười thoáng chút băn khoăn, dáng đi không che được sự mỏi mệt phảng phất, đến cái vói tay tìm cặp kiếng khi lật tờ báo, trang sách. Hết thảy đều rất đẹp, hấp dẫn với riêng tôi. Tôi vuốt ve, trân trọng sự từ tốn, chầm chậm ở ông, mà nhiều lần, chính ông bực tức cạnh con sóc lém lỉnh, nhanh nhẹn là tôi.

Tôi yêu thích những buổi sáng cuối tuần. Trong phòng bếp nhỏ nhà ông, cái bàn ăn tròn kê cạnh cửa sổ, có nắng ấm ban mai chiếu rọi. Tôi ngồi chống cằm, đong đưa hai chân, nghiêng người ngắm từng cử chỉ của ông... lấy khăn lau cặp kiếng, nhấc tách cà phê nhấp ngụm đầu ngày, thở ra khoan khoái, lật từng trang báo, đọc và đọc, thỉnh thoảng không quên đưa tay sang vỗ vỗ xoa xoa đầu tóc tôi. Tội tự nghĩ sao mình... vô duyên tệ. Ai lại ngồi ngắm đàn ông một cách sỗ sàng như thế bao giờ? Thỉnh thoảng ngừng đọc báo, ông vói tay sang, hôn lên mắt tôi, cười gượng, "bé con, uống cà phê đi kẻo nguội!" Hoặc thẩy sang tờ báo, "em đọc đi, cái tin này lạ lắm!" Tôi đưa chân hất mạnh tờ báo xuống sàn. "anh kể nghe đi, em khỏi đọc". Nói vậy, nhưng do bản tính tò mò cố hữu, tôi lượm nhanh tờ báo, đọc, để sau đó, cả hai bàn cãi. Ông kiên nhẫn "giảng dạy" đứa học trò bướng bỉnh, ưa nói ngang như cua, là tôi.

Rồi những buổi chiều. Hai đứa đi lòng vòng trong công viên gần nhà, cứ một lát, tôi dừng chân, buộc ông phải hôn. Tôi víu cổ ông tậm hưởng nụ hôn ngọt ngào, say đắm trong ánh nắng chiều đang tắt dần trên cao. Giữa trời đất chỉ có ông và tôi.

Và đêm về, tôi bị dòng sông đêm nuốt trôi.

Tôi mất hút chìm sâu dưới thân thể ông.

Nụ cười hạnh phúc vỡ òa như ngọn thủy triều dâng cao, cuốn cao, cuốn cao, tỏa muôn ngàn triệu mảnh.

Tôi bơi trong bể hạnh phúc. Hạnh phúc làm tôi chới với. Hạnh phúc làm tôi thỏa thuê. Hạnh phúc làm bầu ngực tôi bể tung.

Tôi ôm hạnh phúc mình trong tay. Hôn tràn ngập trên từng phần da thịt, lòng thành khẩn, si mê, nghĩ là của mình, và chỉ riêng mình. Tôi trườn người như rắn. Da thịt gắn liền da thịt.

"Em hạnh phúc là anh hạnh phúc". Ông nói nhỏ, đặt ngón tay trên môi tôi.

LÊ THỊ THẤM VÂN
(Trích truyện dài "Mùa Trăng")

(*) Nhan đề tòa soạn tạm đặt.

SỬ MẶC

mặt xanh

Chuyến xe mấp mé hồn chiều
Đường hoang tái đẵng hút kiều lộ, mưa
chốn nhà chày gậy đong đưa
hồng xô xát trận lục
bừa bãi tung
hốc lề mặt bụi đỏ nung
mùi trầmn oan nghiệt ngãi rừng cừu, sinh
cánh hoa vô cảm tư tình
xuống chân liệp hộ lên hình thuí xanh

tuệ sỹ

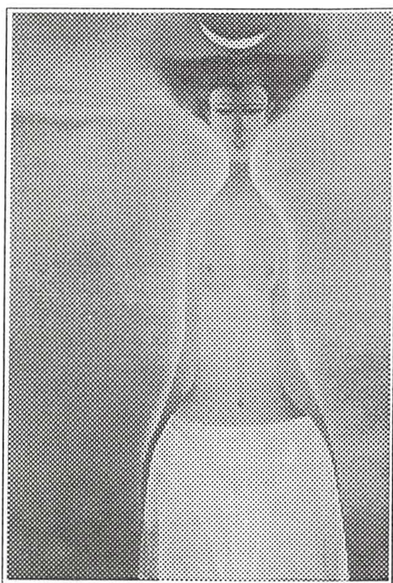
Cách song ngục thất vô ảnh
mắt hiển sâu
tàng y ẩn mật thần thần
phất phớ
chơn mày hoành tráng hoa niêm
trái tim mai hậu
định ngàn sao buổi về phật
không tánh

SỬ MẶC



VÕ ĐÌNH

"những nụ hoa này đang bắt đầu nở rộ"



Người Thánh Thiện, *sơn dầu 80cmX120cm*, Trịnh Thanh Tùng

Gần đây tôi tình cờ được đọc một bài viết về mỹ thuật Việt Nam hiện đại (ở Việt Nam) bằng Anh ngữ của một phụ nữ trẻ tuổi không quen. Thấy cô có nhiều điều hay hay trong bài viết, tôi tìm địa chỉ, viết thư liên lạc, xin phép cô cho tôi được dùng bài cô viết, một cách nào đó, để chia xẻ với đồng bào và những đồng nghiệp (trong nghề họa) của tôi.

Xin thưa ngay rằng tôi cố ý giới thiệu bài viết này một cách hết sức khách quan, nghĩa là tôi sẽ trích dẫn từ bài viết mà thôi, chứ không bình luận hay phê phán những đoạn được trích dẫn, cũng như không nhận định hay đánh giá đối tượng đề cập đến trong những đoạn ấy. Tôi không bàn về mỹ thuật hiện đại Việt Nam (trong nước). Mục đích của tôi là giới thiệu bài viết để người đọc có dịp được biết đến nền mỹ thuật ấy là như thế nào, dưới mắt một người trẻ ngoại quốc yêu mỹ thuật và có một số kiến thức về mỹ thuật.

*

Dựa theo bài viết mà đoán thì cô Sarah L. Chilgren (cô C.) năm nay

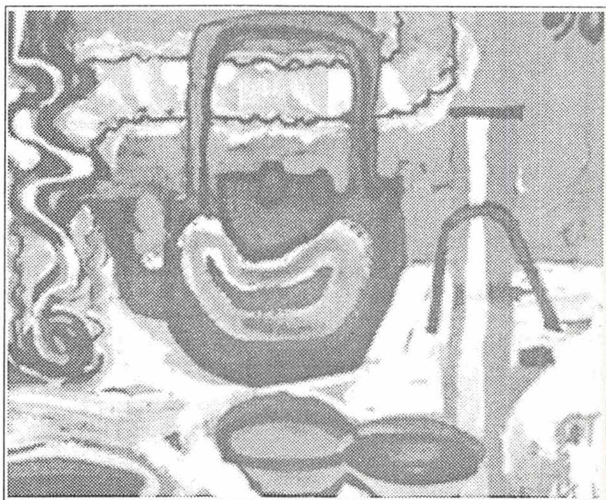
khoảng hai mươi lăm. Cô từng theo học ngành Đông Á Học (East Asitan Studies) và Mỹ Thuật Sáng Tác (Studio Arts). Năm 1994, cô C. sang thăm Việt Nam. Cũng nhờ vốn liếng ngành học của cô mà khi tò mò tìm hiểu về hội họa Việt Nam hiện đại cô không gặp phải khó khăn gì đáng kể. Cô kể ngay ở những đoạn nhập đề là lần đầu tiên, cùng hai cô bạn Mỹ nữa, bước chân vào một "*gallery*"(1) ở đường Đồng Khởi (Tự Do cũ) cô thấy một đám đông ngồi dọc phía tường nhậu la de 33. Một lúc khá lâu sau, mấy ông gạ chuyện làm quen mấy cô, thì té ra các ông là... họa sĩ. Các ông mời các cô uống bia , lôi giấy bút ra... phác họa các cô! Cô C. viết, các nghệ sĩ rất thân thiện, "*perhaps too friendly*"! Các cô ra về, mỗi cô cầm trong tay 5 bức chân dung phác họa do năm họa sĩ tặng, và bụng đầy la de 33. Tìm hiểu hội họa Việt Nam bắt đầu với những nét thật "dzui dzẻ"!

Trước khi đọc tiếp, xin độc giả lưu ý đôi điều:

1. Cô C. viết bài này bằng Anh ngữ sau khi nói chuyện dài dài với các họa sĩ Việt Nam, qua sự thông dịch của một người Việt Nam ở Sài Gòn. Người Việt ở ngoài nước nên đọc những câu cô C. viết với nhiều thông cảm. Diễn tả về nghệ thuật tạo hình vốn đã là một điều chật vật, Ngôn ngữ bất đồng lại càng làm cho vất vả hơn.

2. Cô C. dùng từ *art* và *artists* nhiều lần trong bài viết. Tiếng Anh, nói hay viết, ở Mỹ (American English) *art* có nghĩa chung là nghệ thuật, nhưng thường thường để chỉ riêng hội họa. Và *artists* nghĩa chung là nghệ sĩ, nhưng thường thường là để chỉ riêng họa sĩ. Tùy từng trường hợp, khi thì tôi dịch theo nghĩa chung, khi thì tôi dịch theo nghĩa riêng. Bạn đọc chỉ cần nhớ rằng bài của cô C. nói về hội họa và các họa sĩ Việt Nam, đặc biệt ở Sài Gòn.

3. Cô C. là một phụ nữ Mỹ rất trẻ. Ngày Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ cô chuẩn bị đi học... mẫu giáo. Cô đi Việt Nam vì Việt Nam nằm trong khu vực ngành học của cô, Đông Á Học. Cô không có thành kiến chính trị, không có mặc cảm chủng tộc. Chúng ta nên xét những điều cô viết trong khuôn khổ cái nhìn khách quan của một người trẻ đến từ một nước phú cường bậc nhất thế



Ấm Nước Vối, *Sơn dầu*, Bùi Ngọc Tú

giới.

4. Những từ "truyền thống" (*tradition, traditional*) và "bảo thủ", "thủ cựu" (*conservative*) có thể gây nên hiểu lầm. Trong giới nghệ thuật Âu Mỹ (trong đó có cô C.), bảo rằng tác phẩm này có "truyền thống" hay "thủ cựu", chắc chắn *không phải* là... một lời khen. Với bạn đọc người Việt, những từ đó lại có thể gợi lên ý niệm những gì tốt đẹp cần được duy trì như trong "gìn vàng giữ ngọc", "giấy rách giữ lấy lề", v.v... Không nên lẫn lộn hai lãnh vực tập tục, đạo đức và văn học nghệ thuật.

*

Cô C. viết trong phần dẫn nhập:

"Mấy tuần lễ đầu ở Sài Gòn, tôi bỏ ra thật nhiều thì giờ đi lang thang dưới phố, thường thường là để tìm ra chỗ tôi gửi xe (đạp)! Thấy đâu cũng có tiệm bán tranh, tôi nảy ra ý định coi cho biết. Cũng bởi vì môn học chính của tôi là Đông Á Học và Mỹ Thuật Sáng Tác, tôi tò mò muốn biết họa sĩ Việt Nam vẽ cái gì, vẽ ra làm sao. Rất nhiều tranh ở những cửa tiệm(1) trông như được lôi đâu từ "lầu xép" (2) nhà ai ra, phủi bụi, đem bán. Có tranh tưởng như bản sao lại từ một cuốn lịch sử Ấn tượng họa, có tranh trông như thằng em tôi vẽ hồi còn ở tiểu học. Có vẻ như các tiệm tranh cố tình trưng hàng ra được nhiều chừng nào hay chừng ấy, la liệt khắp mặt tường. Chưa gì tôi đã thấy chán. Hiếm hoi lắm tôi mới thấy được một bức tranh mà tôi cho là khá nhét vào cạnh những tranh tồi khác. Tôi mới tự hỏi thế thì những tranh có giá trị, những tranh "thật" ở đâu cả. Với tôi, tranh "thật" nghĩa là tranh người nghệ sĩ vẽ ra để biểu hiện, để diễn tả hoặc tư tưởng, hoặc tâm tình của mình, không phải sản xuất chỉ rặt để bán cho khách du lịch, hay nói đúng hơn, thỏa mãn cái khiếu thiếu thẩm mỹ (bad tastes) của khách du lịch".

Cô C. thất vọng, cô C. bực mình, cô C. tự hỏi:

"Họa sĩ hiện đại, họa sĩ tiến bộ của Sài Gòn, mấy ông mấy bà đâu cả rồi? Quí vị đang làm gì thế? Có chăng một nền hội họa Việt Nam đằng sau những gì tôi thấy nhan nhản ở đường Đồng Khởi? Tôi lo sợ nhất là ngoài những gì tôi thấy, Việt Nam không còn gì khác hơn nữa cho tôi xem".

Nỗi lo sợ của cô C. có lý do. Cô chỉ thấy được *"Mấy cửa tiệm đường Đồng Khởi bán bất cứ cái gì khách du lịch muốn mua để giữ làm kỷ niệm chuyến viếng thăm Việt Nam. Đồ vật vảnh linh kỉnh, tẩu thuốc phiện, áo sơ mi T, đồ nữ trang ngọc giả*". Cô mỉa mai chua chát về đồ nghệ phẩm sơn mài: *"khách du lịch người Pháp có thể mua những tấm sơn mài vẽ phỏng lại theo bìa sách Tintin, một loại sách thiếu nhi rất được ưa chuộng ở Pháp. Những tấm sơn mài mang hình dáng phụ nữ mặc áo dài đội nón, trẻ em cỡi trâu, đền chùa, v.v... Những tấm sơn mài chồng chất trên sàn nhà, giống nhau như đúc. Cái thật ngộ là người ta bảo đấy là tranh sơn mài Việt Nam. Ôi, đúng quá đi rồi! Sơn mài! Ừ thì đó là sơn mài chứ gì nữa. Làm ở Việt Nam? Chứ còn làm ở đâu? Nhưng thôi, xin miễn nói chuyện nghệ thuật" (...)*

"Các cửa tiệm chuyên bán họa phẩm cũng vậy. Tôi thấy những tiệm người ta treo tranh chật cứng đến nỗi tôi ngạc nhiên tại sao họ không treo trên trần nhà luôn! Có nơi người ta sẵn sàng làm bản sao (copy) y hệt các tác phẩm Picasso, Matisse, Monet hay Van Gogh cho bạn, hay nếu bạn muốn, người ta cũng "sao" luôn một "tác phẩm' có sẵn trong tiệm rồi. Người ta cũng sẵn sàng vẽ chân dung cho bạn, bạn cũng có thể mướn vẽ bất cứ gì, lớn nhỏ màu sắc tùy ý, một cái gì đó đem về treo bên trên sofa chẳng hạn."

Cô C. sang Sài Gòn với lòng yêu mến văn hóa Đông Nam Á và thiện chí tìm hiểu. Cô băn khoăn, thắc mắc:

"Tôi không chờ đợi gì nhiều ở hội họa hiện đại Sài Gòn, Những tranh tôi đã thấy cái thì trông như Ấn tượng Pháp, cái thì giống tranh Thủy mặc Tàu. Có khi lại trông như hai thứ xào nấu lẫn nhau."



Trên Nước Dưới Trăng, *sơn mài, 60cmX100cm,* Hồ Hữu Thủ

Cô C. đặt ra nhiều câu hỏi, những câu hỏi khó trả lời cho thỏa đáng. Cô muốn biết:

"Có chăng một phong cách sáng tạo, một bút pháp cá biệt, đặc thù Việt Nam đang manh nha, đang đâm chồi kết nụ? Lịch sử hội họa Nhật Bản và Trung Quốc là những nền lịch sử lâu dài và có cá tính. Ở hai nước này không thấy có ảnh hưởng Tây phương quá mạnh mẽ như ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh Việt Nam, vai trò của nghệ thuật (tạo hình) là gì? Hiện tại, nghệ thuật đó có đang phát triển theo con đường riêng nào không? So sánh với năm châu bốn biển thì sao? Gần đây, chính quyền đã làm được những gì? (cho nghệ thuật tạo hình)? Chính sách Đổi Mới có thay đổi được gì không?"

Băn khoăn với những câu hỏi như thế, cô C. bèn lặn lội đi tìm các chủ tiệm tranh, các tác giả. Người ta bảo cô muốn tìm hiểu thì phải đi Hà Nội. Ở Hà

Nội, có họa phẩm ở một trình độ cao hơn, cả người ngoại quốc lẫn người Việt bảo với cô rằng ở ngoài Bắc người ta chân thật hơn, văn hóa hơn, cái gì cũng "Việt Nam" hơn. Nghe sao thì biết vậy chứ cô C. vẫn nghĩ rằng:

"Với tôi, Sài Gòn là Việt Nam. Con người ở đây cũng chân thật. Ở đây cũng có văn hóa. Bắc Nam mỗi nơi một khác, thế thôi. Đây là cái xứ Việt Nam tôi biết, và sẽ mãi mãi là Việt Nam nhất đối với tôi. Vì thế khi người ta cứ bảo tôi đi Hà Nội, tôi lại càng quyết tâm mò cho ra xem thử những nghệ sĩ ở Sài Gòn đang làm những cái gì?"

Nghĩ thế nên là cô C. thấy khai mạc triển lãm nào cũng chui vào. Dần dà, người ta quen mặt cô. Các nghệ sĩ đến nói chuyện với cô. Nhưng khổ nỗi:

"Đa số những nghệ sĩ đó đều ở một lứa tuổi khá cao" (...) "Tác phẩm của họ, tôi coi như thủ cựu hay truyền thống. Có vị là nghệ sĩ thương gia (businessmen artists). Họ vẽ vội vẽ vàng cốt để bán lấy tiền. Với họ, sản xuất *art* là một thương vụ. Tên tuổi các vị này khá quen thuộc nên họ bán tranh dễ dàng, nhanh chóng. Còn tôi thì muốn tìm gặp những họa sĩ trẻ hơn, những người đang thử nghiệm và khai phá con đường hội họa".

Qua Bảo Đạt (Bao Dat trong bài viết của cô), người làm thông dịch viên cho cô), cô C. được gặp và trò chuyện với nhóm "Mười nghệ sĩ" (*10 Artists Group*: Hứa Thanh Bình, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Tấn Cường, Vũ Hà Nam, Trần Văn Thảo, Ca Lê Thắng, Nguyễn Trung Tín, Đào Minh Trí, Nguyễn Trung và Đỗ Hoàng Tường.

Nguyễn Thanh Bình nói với tôi rằng hội họa Việt Nam không có một con đường chính, toàn là những con hẻm cả. Tôi phác giác ra rằng tôi đi lòng vòng quanh quẩn mãi mới tìm ra được con hẻm "mười nghệ sĩ" này". Cô nhận thấy *"tác phẩm của họ khêu gợi sự tò mò mà thích thú nơi tôi. Tôi cảm thấy rằng họ có thể là những người một ngày đưa hội họa Việt Nam hiện đại vào thế giới nghệ thuật quốc tế" (...) "Kiến thức của tôi về Nghệ Thuật Sáng Tác và Đông Á Học khiến người ta thấy rằng họ có thể tin cậy được ở công trình nghiên cứu của tôi, tôi làm việc có cơ sở"*. Cô C. chỉ khổ tâm về hai vấn đề, văn hòa và ngôn ngữ:

"Tôi là một cô gái Mỹ, lớn lên trong một gia đình tiến bộ. Tôi vẫn được coi như là một đứa có tinh thần độc lập, cương quyết, phóng túng, tự do. Tôi quên bẵng đi rằng ở Việt Nam, cũng như ở nhiều nơi khác trên thế giới, người ta chỉ được "cho phép" suy nghĩ tự do gần đây thôi, và nói chung người ta còn thủ cựu lắm. Ở trường tôi bên Mỹ, chương trình học rất tiến bộ: sinh viên được khuyến khích thử nghiệm với những ý kiến mới mẻ, và tranh luận cãi vả thả dàn. Sau một thời gian, tôi cố hết sức mới khỏi quên là tôi không nên chờ đợi những ý kiến cá biệt, mạnh mẽ ở đây. Đó là khó khăn về tập tục. Còn về khó khăn ngôn ngữ thì nghệ thuật tạo hình vốn là một nghệ thuật để mà nhìn, mà xem... Tôi vẽ, tôi diễn tả dễ dàng nhưng nếu phải giải thích những gì tôi vẽ như khi giáo sư tôi chất vấn thì tôi chịu. Và giờ đây, ở Sài Gòn, tôi lại là người đặt câu hỏi, tôi có cảm tưởng cầm kềm mà bẻ răng mới moi ra được câu trả lời".

*

Ấy thế mà cô C. cũng “moi ra” được khá câu trả lời để hoàn tất bài viết. Cô nghiệm ra rằng cần phải biết đôi chút về quá khứ:

"*Hội họa ở Việt Nam chỉ bắt đầu phát triển từ sự hiện diện của người Pháp cuối thế kỷ thứ 19 và sự thành lập trường Mỹ Thuật Đông Dương ở Hà Nội năm 1925". Sau năm 1954, theo họa sĩ Nguyễn Xuân Việt, miền Bắc co mình lại trong truyền thống của mình, với ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Quốc, từ chính quyền, trong khi miền Nam còn giữ nhiều liên hệ với và ảnh hưởng từ Âu Châu".*

Cô nói chuyện với họa sĩ Đỗ Quang Em về hội họa ở miền Nam trước 1975, Hotel Continental. Quán xá v.v... Nhưng sau 1975, "*bút pháp trừu tượng không được sử dụng nữa, bị coi như quá Tây phương, nghĩa là phản cách mạng. Tranh lõa thể bị coi như khiêu dâm, cho nên cấm vẽ" (...) "Đời sống khó khăn đến nỗi một họa sĩ tài danh như Bùi Xuân Phái (1921-1988) phải đem tranh vẽ trên các-tông đi đổi lấy cà phê mà uống" (...) "Năm 1986, nhà nước bắt đầu đổi mới một số chính sách" (...) Họa sĩ Trần Thanh Lâm lưu ý tôi là trong hội nghị thứ 4 của Hội Nghệ Thuật Tạo Hình (4th Conference of the Plastic Arts Association) chính phủ công nhận rằng cấm đoán hội họa trừu tượng là một sai lầm (...) Ngày nay họa sĩ chỉ có vấn đề với Bộ Văn Hóa khi tác phẩm rõ ràng là có tính cách chống chính phủ. Tuy nhiên, cũng theo họa sĩ Trần Thanh Lâm, "mặc dù nhà nước dẹp bỏ những giới hạn cấm đán cũ, nhiều họa sĩ lớn tuổi vẫn tiếp tục đi trên con đường mòn quen thuộc."*



Màu nước, Nguyễn Trung

Sau khi nói qua về khung cảnh lịch sử. Cô C. đi sâu vào thế giới suy tưởng của các họa sĩ cô đã được gặp. Cô rào đón: "*Trước khi đi vào chi tiết chúng ta cũng nên nhớ lại rằng nghệ thuật hội họa Việt Nam như ta biết hiện nay chỉ hiện hữu chừng 60 năm nay trong khi hội họa ở Âu châu đã kéo dài từ mấy trăm năm. Hội họa hiện đại đang bước những bước chập chững ở Việt Nam. Nghệ sĩ Việt Nam khai triển ý tưởng và kỹ thuật và phối nhập - chứ không phải sao chép -*

những gì họ đã học được từ Tây phương."

Theo họa sĩ Đào Minh Trí: "*Họa sĩ Việt Nam đang trở về nguồn. Cố tạo nên được một tính cách Á châu. Họ đã thu nhận ảnh hưởng Tây phương rồi, bây giờ họ muốn trở về*". *Họa sĩ Đỗ Hoàng Tường thì nói rằng khi còn non trẻ hơn ông chịu ảnh hưởng Tây phương rất nặng, nhưng bây giờ ông muốn thoát ra*". Cô C. viết: "*Như đa số những họa sĩ khác tôi đã phỏng vấn, ông Tường cũng yêu thích những hình ảnh cổ truyền Việt Nam như các ngôi đình, chùa, v.v... nhưng không có những hình ấy trong tranh ông. Tôi nghĩ rằng chúng tiềm ẩn trong tim não người nghệ sị. Khi tôi hỏi ông là ông có coi tác phẩm ông là Việt Nam không, ông trả lời rằng: "Tôi ăn cơm Việt Nam, uống nước Việt Nam, nói tiếng Việt Nam, tôi sống lối Việt Nam, tôi là một người Việt Nam*".

Cô C. viết tiếp rằng đa số tranh của nhóm "10 nghệ sĩ" này rất trừu tượng. Rằng nếu thấy tranh này treo trong một phòng trưng bày, "không ai nhận biết gốc gác chúng là từ đâu". Những nghệ sĩ này, cô C. khám phá ra, "không quan tâm đến việc tác phẩm của họ trông có vẻ Việt Nam". Và cô đồng ý là "*cố tình làm cho ra Việt Nam chỉ đem lại những hậu quả tai hại*". Cô viết: "*Họa sĩ Nguyễn Trung nhận thấy rằng họa sĩ Tây phương đã biết sử dụng con đường trừu tượng để biểu hiện được những điều muốn diễn tả một cách hùng hậu và nhanh chóng. Vì thế ông đã phối nhập con đường trừu tượng đó, như một dụng cụ, một phương tiện*".

Hiện tượng thị trường nghệ phẩm lên cơn sốt những năm sau này cũng được cô C. lưu tâm. Cô nhắc lại lời Nora Taylor, một thí sinh chương trình tiến sĩ tại đại học Cornell danh tiếng, viết trong *Asian Art News:*

(...) *"Có người lo rằng mọi chuyện xảy ra quá nhanh, biến tác phẩm nghệ thuật thành những món hàng dễ dãi (...) nhưng sự cạnh trang gây ra bởi thị trường cũng tạo nên được những tác phẩm mang nhiều khai phá gan góc hơn, nhiều triển vọng hơn trước kia".*

Cô C. chia sẻ "*nỗi lo sợ của những người đa nghi ấy*", nhưng cô cũng nhận thấy "*các nghệ sĩ bán được tranh nhiều hơn thì cống hiến thì giờ cho phòng vẽ nhiều hơn. Trong tất cả các nghệ sĩ tôi phỏng vấn, chỉ có Nguyễn Trung, Nguyễn Quân, Bùi Suối Hoa và Đỗ Quang Em là bán đủ tranh để có thể sống với cây cọ toàn thời gian. Tất cả các vị khác đều có "jobs" bên ngoài. Trần Văn Thảo nói với tôi vì phải đi làm kiếm sống, ông không thể trầm mình hoàn toàn vào nghệ thuật được. Nguyễn Thanh Bình cũng ở trong hoàn cảnh ấy tuy rằng "job" của ông ngay tại nhà, ông làm đồ họa (graphic design).*

Cô C. nhận xét nếu bán được khá cả hai ông Thảo và Bình sẽ có phương tiện để khai triển nghệ thuật hơn, nhưng cô viết thêm:

"*Nhưng cái thị trường (họa phẩm) này cũng có thể rất tai hại như có người đã lo xa. Họa phẩm có trình độ cao được người ta tìm mua, đặc biệt là những tiệm tranh ở Hồng Kông. Tôi được ông Bình cho xem một lá thư của một bà chủ tiệm tranh nào đó gửi ông. Bà ta đặt mua năm bức tranh, nói rõ là mỗi bức phải được bố trí ra làm sao, (chẳng hạn, một lõa thể, một xoay lưng, mặt ngoảnh sang một bên, profile* thôi, chẳng hạn một cô gái mặc áo cưới...) và

dặn dò là ngày 15 tới tranh phải vẽ xong, hoàn toàn khô và không được bán cho ai khác. Đặt mua họa phẩm số lượng như vậy người ta có thể không ý thức được rằng người ta hạ thấp phẩm chất".

Cô C. đồng ý với các nghệ sĩ tin rằng *"nếu sáng tác với tất cả trung thực, nghệ thuật sẽ tiếp tục được khai triển một cách mỹ mãn"*, nhưng cô cũng thấy rằng *"thật khó mà bỏ qua 100 đô hàng đặt khi làm việc cả tháng bên ngoài mới được hai trăm!"*

*

Cô C. nói qua về đời sống có tính cách cộng đồng hơn của các họa sĩ cô đã gặp:

"Đa số họa sĩ ở Sài Gòn là thành viên của Hội Mỹ Thuật (Fine Arts Association) trụ sở tại 218 đường Pasteur. Hội này có liên hệ với nhà nước nhưng không ảnh hưởng gì lên công việc sáng tạo của các nghệ sĩ" (...) Hội được tài trợ phần lớn bởi các hội viên, hoa hồng tiền bán tranh và quảng cáo đăng trên tạp chí của Hội, tờ Mỹ Thuật*" (...) "Trụ sở hội cũng là nơi gặp gỡ cho các nghệ sĩ. Sáng trưa đến nơi ta thấy ngay các vị ngồi chơi uống nước đánh bài..."* Nhóm họa sĩ mà cô C. cho là hiện đại nhất đa số vẽ trừu tượng tìm tòi, khai phá. Ngoài ra, cũng có nhiều vị khác vẫn khư khư ôm lấy truyền thống. *"Tác phẩm của họ thường thường là có một cảnh "thơ mộng" rất Việt Nam, một tà áo dài chẳng hạn..."* Cô nhận định: *"Có một số nghệ sĩ vẫn trung thành với trường phái tả chân. Lý do chính có thể là các vị ấy vẽ như vậy đã từ lâu dưới chính thể xã Hội Chủ Nghĩa, quá quen đường cũ rồi, bây giờ khó mà thay đổi được.*

Về lãnh vực phê bình, cô C. bảo rằng đáng tiếc là các nghệ sĩ không phê bình hay chỉ trích tác phẩm của nhau một cách công khai. Cô viết:

"Quí vị ấy có những quan điểm, những ý kiến rất cứng rắn, nhưng họ không đem ra bàn cãi với nhau. Cứ lấy trường hợp mâu thuẫn giữa Nguyễn Trung và Nguyễn Việt. Ông Trung tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Gia Định. Từ 1965 - 1970 ông vẽ trừu tượng (vô thể), rồi quay lại hội họa hữu hình (figurative art) cho đến 1980. Sau đó ông lại trở về với hội họa trừu tượng" (...) Ông Trung bảo rằng những họa sĩ vẽ theo đường lối truyền thống o ép tranh của họ quá, quí vị ấy vẽ không tự nhiên, và cố tình ghép vào tranh những (gì họ cho là) yếu tố truyền thống. Như thế cho nên tác phẩm của họ rốt cục giống nhau cả" (...) "Ông Nguyễn Việt tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Hà Nội. Ông từng làm đệ tử của nhà danh họa sơn mài Nguyễn Gia Trí" (...) Trong tác phẩm, ông phối nhập những nét truyền thống vào kỹ thuật tân thời. Ông cho rằng họa sĩ được đào tạo ở miền Nam không giỏi, vẽ không hay. Thật mỉa mai, vì ông Trung cũng nghĩ như vậy về những họa sĩ được đào tạo ở miền Bắc. Câu chuyện cũng vẫn vậy khi nói đến quan niệm của ông Việt về hội họa trừu tượng. Ông cho rằng các họa sĩ trừu tượng không biết vẽ và chọn cách vẽ trừu tượng vì nó dễ hơn. Các họa sĩ trừu tượng khỏi phải suy nghĩ chi về đề tài, vì vậy cho nên nghệ thuật của họ nông cạn, hời hợt".

Về tương lai nghệ thuật tạo hình Việt Nam, cô C. cũng thấy rằng quan điểm của hai ông Việt và Trung ở hai thái cực. Cô viết: "*Ông Việt không hy vọng gì cho lắm ở một tương lai sáng sủa của các nghệ sĩ trẻ Việt Nam. Có chính sách Mở Cửa đó nhưng ông không thấy có tiếp xúc gì đáng kể với nghệ sĩ nước ngoài, ông nói: Nghệ sĩ thư thiệt, có ai đến đâu; các nghệ sĩ trẻ không thể học hỏi được trong sách vở. Ông Trung thì lạc quan hơn nhiều. Theo ông, bây giờ có nhiều cơ hội may để đi ngoại quốc học hỏi thêm, để theo dõi những tiến triển mới trong cộng đồng nghệ thuật quốc tế. Có một điểm, cả hai ông Việt và Trung đồng ý với nhau: Đó là hội họa Việt Nam còn rất non trẻ nếu đem so với những nền hội họa của các quốc gia khác ở Đông Nam Á.*"

Sau khi viết về quan điểm của vài nghệ sĩ, cô C. nhận định rằng muốn đẩy mạnh cho nghệ thuật Việt Nam tiến tới, không phải chỉ các sáng tác gia cần phát triển thêm, mà cũng cần có những phê bình gia:

"*Họa sĩ Trần Văn Thảo cảm thấy rằng các phê bình gia chạy đuổi không kịp những họa sĩ. Nhiều nhà phê bình đến dự khai mạc triển lãm, hỏi vài câu lơ là, rồi ra về. Họ không có kinh nghiệm gì trong lãnh vực này và không có khả năng thẩm định hay phê phán các tác phẩm*". Họa sĩ Đỗ Quang Em giải thích cho cô nghe về ảnh hưởng của các nhà phê bình trên quần chúng: "*Bất cứ ai được nhà phê bình khen ngợi một cái là được quần chúng coi như một nghệ sĩ tài ba, trong khi sự thật có thể là trái ngược vậy*".

*

Đoạn cuối bài viết, cô C. tỏ ra vừa thông cảm, vừa buồn bã. Cô viết:

"*Tôi thấy rằng cộng đồng các họa sĩ nói chung ở Sài Gòn còn phải đi thật xa nữa mới bước đến trình độ chín chắn sung mãn của những cộng đồng nghệ sĩ các nước khác vùng Đông Nam Á. Đường đi khó khăn lắm lắm vì họ không được nâng đỡ khuyến khích bởi xã hội Việt Nam. Nhà nước làm được gì cho Hội Mỹ Thuật? Theo tôi biết, chỉ trả tiền thuê nhà, tiền dọn dẹp quét tước, tiền điện nước" (...) "Phần đông các học trình không có chương trình mỹ thuật nào cả*". Ấy vậy mà cô C. nhận xét có một điều lạ lùng là:

"*Mấy năm vừa qua, hội họa hiện đại Việt Nam được chú ý ở ngoài nước nhiều hơn là ở trong nước (...) "Một số nghiên cứu gia và phê bình gia đã đến Việt Nam xem tận mắt những gì đang xảy ra" (...) "Chính sự hỗ trợ của những người nước ngoài này đã và còn giúp đỡ hội họa Việt Nam phát triển thêm lên*".

Trong phần kết luận cô C. nhắc lại là *Hội họa Việt Nam phải vượt qua nhiều chướng ngại để hình thành và củng cố cơ sở, trở thành một nền nghệ thuật được nể vì cả trong lẫn ngoài nước" (...) "Phải tìm cho ra con đường riêng. Tôi biết hiện nay còn nhiều người nhìn họa phẩm Việt Nam và bảo rằng có vẻ Tây phương quá. Tuy nhiên tôi thiển nghĩ họa sĩ Việt Nam không cần phải cố gắng thêm vào tranh những hình ảnh chùa chiền, phụ nữ mặc áo dài đội nón, v.v... mới làm nên tranh Việt Nam. Việt Nam hay không là nơi tinh thần người nghệ sĩ. Không ở trong mấy cái biểu tượng sáo mòn thông thường đó. Khổ nỗi*

người ta chưa có khả năng xem tranh trừu tượng Việt Nam là Việt Nam!" (...) "Một vấn nạn nữa là chưa có một cộng đồng nghệ thuật (có tổ chức, có sự tương thân, tương trợ) (...) "Không có những nhà chuyên môn sành sỏi với những nhận định, những phê phán có thẩm quyền, có giá trị. Được như vậy mới nảy sinh ra những tác phẩm có phẩm chất cao".

*

Đọc bài viết của cô C. thấy rõ đây là một người yêu mỹ thuật, nghệ thuật, và mặc dù còn rất trẻ tuổi cô đã có nhiều khả năng quan sát và thẩm định. Cô thấy được những nỗi khó khăn của những nghệ sĩ cô đã gặp, những nghệ sĩ có tác phẩm đem lại cho cô sự tò mò và nỗi thích thú. Có lẽ vì vậy mà để qua một bên mọi lo ngại, cô đã kết thúc bài viết bằng cách trích dẫn một câu ngắn từ tạp chí *Mỹ Thuật* số 33 (nhưng không ghi danh tánh người viết câu đó):

"*Ở Việt Nam có lắm tài hoa trời sinh (natural talents) nhưng vì môi trường hạn hẹp, cuộc sống co cụm bấy lâu, không có cái may được thịnh phóng hết mình với tất cả hương sắc. Hình như những nụ hoa này đang bắt đầu nở rộ đó*"(3)

Là một người cầm cọ ngày ngày chung thủy với hội họa trong gần bốn mươi năm qua, tôi muốn được chia xẻ niềm tin tưởng lạc quan ấy. Vì vậy nếu có mượn đỡ câu cuối của đoạn văn được trích dẫn làm nhan đề cho bài này, thiết nghĩ cũng không phải là phi lý.

VÕ ĐÌNH
Hạ, 1995

Bị chú:

(1) *Cửa tiệm*: Từ *Gallery* (Pháp ngữ *galerie*) thường được dùng để chỉ cửa hàng, cửa tiệm bán các tác phẩm mỹ thuật (họa phẩm, điêu khắc phẩm, thủ ấn họa...) Người Việt, nói hay viết, thường sử dụng những từ ấy, và đôi khi lại dịch ra tiếng Việt là *hành lang*. Như vậy không ổn. *Hành lang* chỉ là một trong mười hai định nghĩa của *gallery (galerie)* mà định nghĩa này lại chẳng dính dáng gì đến mỹ thuật. Đề nghị: gọi bằng một từ giản dị, nôm na, dễ hiểu. Tiệm bán tranh thì gọi là tiệm bán tranh. Còn Gallery thì có khi là tiệm bán tranh (ví dụ: *Pierre Matisse Gallery* ở New York) lại có khi là viện bảo tàng (ví dụ: *Pierre Gallery* hay *Corcoran Gallery* ở Washington, D.C.)

(2) *lầu xép*: Ở Mỹ nhà riêng thường có một tầng cao nhất, trần rất thấp, không ở, chỉ để cất đồ đạc, thường là các thứ hầm bà lằng, "bỏ thì thương vương thì tội". Pháp gọi là *grenier*, Anh gọi là *Attic*. Tạm dịch là *lầu xép*.

(3) Đoạn này được dịch ra từ câu Anh ngữ của cô C. vốn là... câu dịch từ Việt ngữ. Người viết tiếc là không có tạp chí *Mỹ Thuật* số 33 trong tay để trích dẫn nguyên văn trực tiếp.



NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

nói chuyện với tô thùy yên



- Xin anh cho một vài dòng về tiểu sử của mình.

- Tôi tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định, cha mẹ và mấy đời ông bà nội ngoại đều ở tại đất này.Tôi theo học tiểu học ở trường tỉnh Gia Định, trung học ở trường Petrus Ký, đại học ở trường Văn Khoa Sài Gòn. Lúc mới vào đời, trong mấy năm, tôi dạy học và làm báo. Cuối năm 1963, tôi bị động viên vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức và tôi đã phục vụ trong quân đội cho đến những giờ phút cuối cùng của chế độ miền Nam, phần lớn thời gian trong ngành Chiến Tranh Chính Trị. Cấp bực cuối cùng là Thiếu Tá và chức vụ cuối cùng là Trưởng Phòng Văn Nghệ / Cục Tâm Lý Chiến. Sau ngày 30 tháng 4 / 1975, tôi bị đưa đi cải tạo hơn 10 năm, trong đó có 6 năm lưu đày ở miền Bắc và chịu quản chế hơn 3 năm sau đó. Khoảng cuối năm 1988, tôi bị cầm tù hết mấy tháng vì một chuyến vượt biên thất bại. Trong lần tù này, khi ở biệt giam, tôi đã cắt đứt động mạch nơi cườm tay tự tử nhưng rồi được cứu sống vào những hơi thở tưởng là cuối cùng của tôi. Rồi đến năm 1991, tôi lại bị bắt, lần này tại nhà với những tội danh lần lượt gán ghép: sáng tác thơ văn chống chế độ xã hội chủ nghĩa, hoạt động gián điệp, âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân. Tổng cộng cả 3 lần, tôi đã ở tù gần 13 năm. Cuối năm 1993, tôi cùng gia đình được đưa ra khỏi nước, theo diện cựu tù nhân chính trị, và tái định cư từ đó đến nay tại Saint Paul, Minnesota, Hoa Kỳ.

- Anh bắt đầu cầm bút từ lúc nào? Anh viết những tác phẩm đầu tay trong trường hợp nào? Có kỷ niệm nào đặc biệt không?

- Tôi say mê chữ nghĩa từ hồi còn nhỏ, rất nhỏ, 13, 14 tuổi gì đó. Và tôi cũng đã rón rén tập tành làm văn, làm thơ từ cái tuổi đó, mặc dầu lúc bấy giờ cũng như mãi về sau rất lâu, tôi hoàn toàn không có ý thức và càng không có

ý muốn sẽ ăn ở một đời sống chết với văn chương. Đầu hè 1954, sau mùa thi, tôi lãnh một cơn bệnh thập tử nhất sinh, nằm liệt mấy tháng liền, và cứ mỗi lần tỉnh sốt, tôi lại ngấu nghiến sách vở, lúc lúc nhìn ra bãi cỏ trước sân nhà xanh rờ sau những cơn mưa. Lúc đó, tôi thèm một cách thảm khốc được sống, được đi, được trở lại căn nhà lá nhỏ lẫn khuất giữa khu vườn cây ăn trái, có những lối đi cỏ mát chân trần mà tôi đã ở qua hồi cùng mẹ và các em tôi chạy lọan ngoài chiến khu kháng Pháp. Và lúc đó, tôi thấy cần làm thơ, cần hơn tất cả mọi thứ cần khác. Một trong những bài thơ làm lúc đó, tôi gởi cho tạp chí Đời Mới do nhà văn lão thành Nguyễn Đức Quỳnh chủ trương biên tập. Bài thơ đó đã được chọn đăng với lời nhắn của ông Nguyễn Đức Quỳnh muốn tôi đến gặp ông. Lúc đó, tôi vừa 16 tuổi và tôi chợt lờ mờ hiểu rằng dường như giữa tôi và văn chương đã manh nha một ràng buộc định mệnh chờn rờn nào đó, một ràng buộc mà về sau có nhiều lần tôi muốn tháo bỏ mà rồi vẫn không tháo bỏ được. Tuy rằng bài thơ đầu tiên đăng báo đó chắc chắn không phải là một bài thơ hay và ngày nay tôi chẳng còn nhớ nó như thế nào nữa.

- Anh đã sinh hoạt với nhóm Sáng Tạo *khá lâu, vậy anh có thể kể lại để phác họa một thời kỳ rất đặc sắc của văn học miền Nam 1954 - 1975?*

- Thơ tôi lần lượt xuất hiện trên những số đầu tiên của tạp chí Sáng Tạo bộ cũ do Mai Thảo chủ trương. Lúc đó, tôi 17 tuổi. Tuổi của Rimbaud Le Bateau Ivre khi chàng bỏ trốn gia đình lang thang dưới bầu trời chì quặn thắt gió xấu. On n'est pas sérieux quand on a dix sept ans... Một số những tác giả hợp tác với tạp chí Sáng Tạo mấy năm sau quay quần thành ban biên tập chính thức trong đó có tôi của tạp chí Sáng Tạo bộ mới, sau một thời gian ngắn đình bản để chỉnh đốn hàng ngũ và chủ trương, những tác giả đó đều lớn tuổi, kể cả Thanh Tâm Tuyền cũng lớn hơn tôi 2 tuổi. Đương nhiên tôi là đứa em út trong đám, le benjamin de la troupe. Đó là thời kỳ hoang tưởng nhưng cũng là thời kỳ định hình của riêng tôi. Còn về phần cả nhóm thì có lẽ không cần phải nhìn kỹ cho lắm, người ta cũng có thể nhận ra ngay rằng chúng tôi hoàn toàn khác biệt nhau, mỗi người một vi bộ riêng tư và chúng tôi chỉ thuần nhất với nhau ở mỗi một sắc thái: muốn làm mới văn học nghệ thuật, cải đổi nhận thức thẩm mỹ. Trong những năm tháng đầu tiên, những năm tháng thuyết phục, nhóm Sáng Tạo, đặc biệt là Thanh Tâm Tuyền tứ bề thọ địch mặc dù tạp chí Sáng Tạo được độc giả, chủ yếu là độc giả trẻ đón nhận nồng nhiệt, càng lúc càng nồng nhiệt, người viết khí thế bừng bừng dã dành mà cả người đọc cũng vậy. Tiện đây, tôi xin mở ngoặc: không thể trông mong có được một nền văn học nghệ thuật đổi mới nếu như không có một lớp quần chúng sôi nổi khởi đầu. Tất nhiên chẳng phải lúc nào lịch sử cũng sẵn sàng một cơ hội hào hứng. Và cái cơ hội hào hứng mà chúng tôi may mắn có được đã chẳng kéo dài bao lâu. Chiến tranh gia tăng cường độ, nới rộng địa bàn, chính tình càng lúc càng rối ren, mờ mịt. Thanh Tâm Tuyền vào lính. ít lâu sau, đến lượt tôi vào lính. Quần chúng lông lốc dảo điên trong cơn bão lốc mỗi ngày một hung hãn, khốc liệt. Riêng tạp chí Sáng Tạo tồn tại cho đến

năm 1962 thì đình bản, vĩnh viễn đình bản. Nhưng tình bạn thắm thiết giữa chúng tôi, những người hợp thành nhóm Sáng Tạo, đã chẳng chấm dứt tại đó, giấc mơ chung nối kết chúng tôi đã chẳng tan biến tại đó. Chắc chắn mãi mãi chúng tôi còn muốn mình là những kẻ tiên phong đi cùng những lớp người tiên phong trẻ mới. Liệu rồi trong quãng đời còn lại của chúng tôi, lịch sử có còn kịp một cơ hội hào hứng nào nữa hay không?

- Anh cầm bút có chủ đích nào không? Nếu có, chủ đích đó có thay đổi tùy theo thời kỳ mà anh đã sống không?

- Tất nhiên là có chủ đích. Tôi thiết nghĩ ai cầm bút cũng phải có chủ đích. Viết, theo tôi, là một hành vi chung hậu khi không còn một hành vi khả thi nào khác nữa, chung hậu đến độ có thể coi như đó là mưu toan tuyệt cùng của vô vọng cũng đúng. Vậy chủ đích của tôi là gì ư? Chủ đích của tôi cực kỳ đơn giản, rõ rệt: nỗ lực thể hiện đến mức tối đa mà tôi có thể, bằng phương tiện chữ nghĩa, tất cả những gì tôi nghe thấy được về đời sống ở nơi tôi. Và ngoài chủ đích đó ra, tôi hoàn toàn không có một vọng động, một lung ảo nào khác về việc cầm bút. Thành thử chủ đích của tôi trong thể loại hành vi này trước sau vẫn không hề thay đổi dù rằng đời sống của tôi có thay đổi, thay đổi đến cỡ nào đi nữa cũng vậy. Cũng theo chỗ tôi thiển nghĩ, tất cả việc làm của người cầm bút trong tư cách nghệ sĩ chỉ là đặt, và thường khi là đặt lại những vấn đề nào đó, chớ người cầm bút không có trách vụ cũng như khả năng đưa ra những giải pháp này nọ. Nghệ thuật phát sinh từ những vấn đề trôi nổi và tự sát ở những giải pháp hình thành. Hơn nữa, điều rõ ràng ai cũng nhận thấy là ngôn ngữ như mọi hình thức nghệ thuật nào khác, vốn chỉ là một phương tiện có giới hạn, rất giới hạn. Cái nói lên của nghệ thuật không giống như cái nói lên của một logic bình thường, do đó không thể nào tường tận, khúc chiết được. Nhìn chung, nghệ thuật vẫn là một thách đố nào đó giữa người làm nghệ thuật và người thưởng ngoạn nghệ thuật trong bối cảnh hằng có của một thách đố lớn lao hơn, do đó cũng hùng vĩ hơn giữa một bên là nghệ thuật và một bên là đời sống.

- Anh có coi công việc làm thơ là một thiên chức cao quí hay cũng chỉ là một công việc bình thường của đời sống mỗi người?

- Tôi coi công việc làm thơ là một công việc bình thường trong đời sống của tôi. Chỉ sau khi bài thơ đã thành hình là một bài thơ được đưa đến người đọc rồi, lúc đó bài thơ tự nó có một thiên chức nào hay không, là hoàn toàn do chính nó, tác giả thôi không còn dính dáng gì nữa, không còn quyền hạn gì nữa. Nói cách khác, thơ có thiên chức nhưng thi sĩ thì không. Đơn giản, thi sĩ chỉ là người ráng làm cho được những bài thơ, những bài thơ hay.

- Theo anh, thế nào là một bài thơ hay?

- Giải thích thế nào là một bài thơ hay quả là một điều không thể nào làm được dù rằng người đọc, một người đọc có năng khiếu thưởng lãm thơ, nhận biết dễ dàng bài thơ nào là một bài thơ hay. Phù, thi chi, nan ngôn dã. Ôi, thơ

là điều khó nói vậy. Chắc chắn Cao Bá Quát không phải là người đầu tiên hay là người cuối cùng kêu như vậy. Bởi lẽ tôi nghĩ không thể có một khuôn mẫu nhất định, bất biến nào cho thơ nói chung. Thơ hay, hay theo từng bài, mỗi bài hay một cách, không bài nào hay giống bài nào. Do đó, nếu tìm một quy định thơ hay phải như thế này hoặc phải như thế kia thì một quy định như vậy, cứ tạm cho là tìm được đi, đương nhiên sẽ khiếm khuyết, què quặt một cách thảm hại, sẽ khoanh vùng, hạn chế một cách ngu dần phạm vi hiểu biết và thưởng lãm thơ. Trong khi đó, cõi bay lượn của thơ thì vô cùng, vô định. Nên cái khó khăn duy nhất, đầu tiên và cũng là cuối cùng của người đọc, đó là chính người đọc phải cố gắng thi triển trọn vẹn, đôi khi vượt quá khả năng bình sinh của mình bay đuổi kịp theo cái hay thiên hình vạn trạng, biến ảo khôn lường của thơ như một kỳ công phóng lượn vô song, tuyệt vời của hồn người chưa từng khứng chịu giam hãm, vùi dập. Bài thơ hay không đứng đợi những người đọc nặng nhọc, bài thơ nào đứng đợi như vậy, chắc chắn chẳng phải là một bài thơ hay, chẳng phải là thơ. Phần tôi, nếu như có người bạn nào cứ một mực khăng khăng đòi tôi giải thích cho kỳ được thế nào là một bài thơ hay, có lẽ tôi phải tạm bằng lòng với ý nghĩ rằng một bài thơ hay là bài thơ mà sau khi đã được đọc thấy rồi, bài thơ đó một cách vô thức mặc nhiên trở thành một phần hồn của người đọc. Thơ hay, thơ có hồn, và cái hồn đó của thơ không thể chỉ tồn tại ở bài thơ mà nó phải đáo nhập vào hồn của người đọc, hiển lộ trọn vẹn sinh kiếp ở nơi đó và chỉ ở nơi đó mà thôi. Tôi xin lỗi không thể nói được rõ ràng hơn. Khôn ngoan một chút, nói về thơ, bao giờ cũng nên xin lỗi trước.

- Điều gì xảy ra để anh làm thơ: cảm hứng tức thời hay là những nung nấu lâu ngày trong tâm tưởng? Có phải thơ cũng như rượu, càng ủ lâu càng ngon...?

- Làm thơ, cũng như làm bất cứ thể loại nghệ thuật nào khác đương nhiên đòi hỏi trước tiên phải có cảm hứng, tia sét thần khải đánh vỡ khối đá câm đặc ôm giấu trong lòng viên ngọc ẩn. Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, cảm hứng đó do đâu mà phát sinh, nếu chẳng phải là từ những nung nấu trường kỳ đến mức đã trở thành những ám ảnh một đời của tác giả. Bản thân tôi không tin là có thể có những cảm hứng ngẫu sinh. Dĩ nhiên, bài thơ thành hình không chỉ thuần với cái cảm hứng đầu tiên khai ngộ đó. Từ cái cảm hứng đầu tiên khai ngộ đó đến cuối bài thơ được hoàn thành, với tôi, luôn luôn là một con đường xa vợi, nhọc nhằn lắm khi tuyệt vọng ê chề vì lực bất tòng tâm. Tôi thọ nhận lời dạy của Paul Valéry: Nàng Thơ ban cho thi sĩ câu thơ đầu, còn những câu thơ sau, thi sĩ phải tự tìm kiếm lấy. Thành quả nào cũng phải là thành quả của cơ duyên, tu luyện và lao động. Một nghệ sĩ hoàn chỉnh nào cũng phải là một nghệ nhân hoàn chỉnh trước đã. Hiển nhiên quan niệm này chẳng phải là quan niệm riêng biệt của Paul Valéry. Ông chỉ lặp lại một quan niệm đã có từ trước, trước cả thời của những Malherbe hay Boileau, nhằm nhắc nhở... Tôi cũng tâm niệm lời hứa của Đỗ Phủ: Ngữ bất kinh nhân, tử bất an. Nói không làm người sợ, chết không yên. Dường như chẳng bao giờ

tôi ngừng nghỉ kiếm tìm cho dù có khổ công đến đâu một chữ đắc, cái chữ độc nhất mà không một chữ nào khác cho là tương đương hòng thay thế được. Nói cách khác, tôi chỉ chịu đi qua một câu thơ, một đoạn thơ khi nào tôi hoàn toàn kiệt quệ khả năng thể hiện hay hơn, gần hơn, sống hơn điều tôi ao ước thể hiện. Nhân đây, tôi cũng muốn góp phần soi sáng một điều thoạt đầu nghe có vẻ rất nghịch lý là làm việc nhọc nhằn với chữ nghĩa tuyệt nhiên không có nghĩa là kiếm tìm điên đảo những cái cầu kỳ, quái dị, mịt mờ biến chữ nghĩa thành diêm dúa, hợm hĩnh, giảo ngụy. Bậc võ công thượng thừa không để cho thấy chỗ tuyệt tử công phu của mình.Tôi nhại lời của Lão, Trang: mức cao nhất của chỗ tuyệt tử công phu xem ra chẳng khác gì với cái thoải mái hồn nhiên của kẻ chưa từng biết thế nào là thao luyện. Câu thơ hay nhất mà thi sĩ nào cũng mong mỏi làm được có lẽ là câu thơ gần gũi nhất với lối nói thông thường mà mới thoạt nghe ai cũng nhận ra ngay là thơ, không giải thích được, không diễn dịch được.

- Có phải như Bạch Cư Dị đã luận: Thơ, tình là gốc, chữ là ngọn, âm thanh là hoa, nghĩa là quả. Và như thế, phần nào quan yếu nhất?

- Theo tôi, nói chung, phần nào cũng quan yếu hết. Còn phân lượng gia giảm như thế nào tùy ở mỗi bài thơ. Lời bàn ví von bóng bẩy đó của Bạch Cư Dị nghe ra chẳng khác nào một bài giảng cách trí đầu mình chân tay về thơ. Liệu người nghe có hiểu thêm chút gì về thơ không? Phần tôi thì không. Bởi đó vốn là những điều ai ai cũng biết cả rồi. Khổ quá,... Tôi có cảm tưởng là Bạch Cư Dị đứng giữa nhà xác thơ, nói về những cơ phận của tử thi thơ. Mà thơ thì nhất định không thể là một cái xác. Thơ đã chết không còn là thơ nữa. Tôi không muốn nói trái ý Bạch Cư Dị. Ờ, thơ là một cái cây, và tôi chỉ muốn cảm nhận nó nguyên vẹn là một cái cây, một cái cây có sự sống của cây ở nơi tôi mà thôi.

- Làm thơ, có người chú trọng đến ngôn ngữ, có người lại để ý đến hình ảnh, hoặc âm điệu, vần điệu... Phần anh, anh để ý đến điều gì nhất?

- Tôi không quen phân tích như vậy. Theo tôi, câu thơ đạt, bài thơ đạt phải là một toàn khối gắn bó hữu cơ. Chữ mà dùng tới đương nhiên hội tập đông đủ, mật thiết tất cả các điều mãnh liệt tối yếu đó. Thơ nương náu chờ đợi trong ngôn ngữ, nó chính là phần huyền nhiệm của ngôn ngữ. Và thơ xuất hiện hân hoan từ cơ may mãi mãi trước sau chỉ xảy ra mỗi một lần đó thôi của những chữ tiếng hằng thất lạc nhau trong mịt mùng hoài vọng, chợt tương phùng phối kết nhau, mừng tủi điếng lặng.

- Làm mới thi ca có phải là niềm băn khoăn thường hằng của thi sĩ?

- Không thể nào còn được thi ca, còn được nghệ thuật nếu như không có sự làm mới thi ca, làm mới nghệ thuật. Vấn đề cần đặt ra và đặt ra bất cứ lúc nào: như thế nào là làm mới và làm mới như thế nào. Nghệ thuật là bóng dáng của đời sống. Đời sống biến thiên, nghệ thuật cũng biến thiên theo. Tôi thiển

nghĩ nghệ thuật đạt là nghệ thuật hiển lộ được đến mức tối đa cái tướng tình mà người làm nghệ thuật nhìn thấy được của đời sống. Và đạt được đến mức đó đương nhiên cũng là đạt được đến sự làm mới chính đáng của nghệ thuật. Người làm nghệ thuật nhìn ngắm đời sống mà tìm thấy nghệ thuật, chớ không phải nhìn ngắm nghệ thuật mà tìm thấy nghệ thuật. Tôi không tin là trong nghệ thuật lại có một phân lìa có thể nhận thức được của hình thức và nội dung. Nội dung nào có cái hình thức tương ứng đó và ngược lại, hình thức nào có cái nội dung tương ứng đó, không sai chạy đi đâu được.

- Jan Skacel viết: Thi sĩ không sáng tạo thi ca. Thi ca là một chốn nào đó ở đằng sau. Đã ở đó từ thời gian dài thật dài. Mà thi sĩ mãi miệt mài tìm kiếm. Như vậy, thơ chỉ là tìm kiếm những cái đã có sẵn chứ không có tính sáng tạo. Theo anh, có kết luận nào không? Và đó có phải là một quan niệm để làm mới thi ca không?

- Dường như tôi hiểu lời của tác giả anh vừa trích đọc đó khác anh. Tôi cũng vừa nói qua là thơ nương náu chờ đợi trong ngôn ngữ. Trạng thái thơ là một trạng thái có sẵn trong tâm khảm của loài người. Vậy tại sao cuộc miệt mài tìm kiếm thơ của thi sĩ lại chẳng phải là một sự sáng tạo, một sự làm mới thi ca? Thử hỏi sự tìm kiếm nào lại chẳng là một sự sáng tạo? Hơn nữa, trong bản chất, sự sáng tạo nghệ thuật là gì, nếu chẳng phải là sự tái tạo, sự dựng lại một cách chủ quan bằng những phương tiện riêng khác những cái vốn đã có sẵn trong ký ức tồn đọng từ muôn nghìn năm rồi bây giờ chợt tìm thấy lại của đời sống?

- Milan Kundura đã thắc mắc trong việc phân biệt âm điệu và vần điệu trong thơ văn xuôi và tản văn. Theo anh, có khi nào một bài tản văn hoặc tùy bút lại rất giống với một bài thơ văn xuôi?

- Tôi thật không hiểu, qua điều dẫn nhập của anh, Milan Kundura nhằm mục đích gì khi phân biệt như vậy qua hai thể loại văn chương khác biệt nhau là thơ văn xuôi và tản văn. Tác giả đó nhằm đi đến cái kết luận là có những áng tản văn nào đó bàng bạc chất thơ, do đó nên được coi như là những bài thơ văn xuôi chăng? Nếu vậy, tôi sẽ không đồng ý với ông ta. Theo tôi, một áng tản văn dù có chan chứa chất thơ đến đâu cũng không thể đồng hóa với một bài thơ văn xuôi được. Một bài tản văn còn có thể được diễn dịch ra trong cùng ngôn ngữ đó theo một cách thức khác mà vẫn không suy xuyển gì giá trị của nó, nhưng với một bài thơ dù là thơ văn xuôi thì nhất định chẳng thể làm như vậy được. Bài thơ khi được diễn dịch ra tức khắc sẽ tan biến, không còn là bài thơ, chính bài thơ đó nữa. Bởi lẽ một bài thơ được hình thành bằng những chữ không thể đổi khác được, nó là một toàn khối khắng khít đá vàng của những chữ hội ngộ hân hoan. Người ta cần đọc thuộc bài thơ nhưng không cần đọc thuộc áng tản văn. Cũng vì lý do đó, riêng tôi, khi đọc thơ nước ngoài qua một chuyển ngữ nào đó, tôi vẫn thích đọc một bản dịch sát sao từng chữ, từng dòng hơn là đọc một bản dịch bằng thơ cho dù bản thơ dịch đó có

là tài tình đến đâu đi nữa. Bài thơ dịch Phong Kiều Dạ Bạc của Tản Đà, chẳng hạn, không ai không nhận là tuyệt vời, nhưng đối với tôi, dường như đó là một bài thơ của riêng Tản Đà chớ không phải là bài thơ của chính Trương Kế. Trường hợp bản chuyển kiệt tác bằng thơ Anh của Edward Fitzerald những bài thơ Rubaiyat của Omar Khayyam cũng vậy.

- Triết học và thi ca là những phạm trù khác nhau. Nhưng có nhiều người làm thơ triết học. Theo anh, có biên giới nào giữa thi ca và triết học không?

- Có thật một loại thơ gọi là thơ triết học sao?

- Anh theo học chương trình Pháp từ trung học. Và chắc rất quen thuộc với những nhà thơ Tây Phương. Như vậy, tự nhìn ngắm mình, anh thấy có những ảnh hưởng nào?

- Tôi học hỏi được rất nhiều nơi những nhà thơ Tây Phương thuộc mọi trường phái, khuynh hướng, kể cả những nhà thơ mà vì những duyên do nào đó khác nhau, tôi đã chẳng thâm nhập được. Tôi không đặc biệt yêu mến một nhà thơ nào nhất định bởi lẽ ở mỗi giai đoạn của đời tôi, tôi lại phát hiện, yêu mến một hay những nhà thơ nào đó. Có rất nhiều nhà thơ tôi đã trở lại nhiều lần và mỗi lần trở lại, tôi đều khám phá thêm những điều mới lạ ở nơi họ và cả ở nơi tôi. Tôi nghĩ một tác giả lớn là một tác giả mà người đọc sau bao nhiêu biến thiên của đời mình, vẫn bị réo gọi phải trở lại và sẽ chẳng bao giờ múc cạn được tác giả đó. Một tác giả lớn bao giờ cũng vô hạn. Nói chung, tôi đã chịu nhiều ảnh hưởng của thi ca Tây Phương. Nhưng ảnh hưởng như thế nào, đến mức nào thì quả tình tôi chẳng thể nhận biết thấu đáo được. Có lẽ tôi nên mượn câu hỏi này của anh mà đặt lại với anh, nhờ anh giải đáp giúp. Cùng lắm, tôi cũng chỉ có thể nói là kinh nghiệm thi ca Tây Phương phần nào đã củng cố cho tôi niềm tin trong nỗ lực tăng cường khả năng chuyển vận của thi ca, cái khả năng mà tôi cảm thấy là còn bị hạn chế rất nhiều nơi thi ca Việt Nam, nói riêng và Đông Phương, nói chung.

- Anh có đọc Đường thi và Tống thi không? Ảnh hưởng của hai thời kỳ thi ca này đối với anh như thế nào?

- Có một thời gian khá dài, tôi đã mày mò tự học chữ Hán để đọc thơ Trung Hoa. Chẳng những tôi ngưỡng mộ một số đông đảo những thi sĩ đời Đường cùng một số tương đối ít hơn những thi sĩ đời Tống, Tô Đông Pha, Vương An Thạch, Lục Du, Tân Khí Tật..., mà còn ngưỡng mộ cả những thi sĩ vô danh của Kinh Thi, và xây xẩm kinh hoàng trước Khuất Nguyên. Tôi cũng có lúc yêu thích Ái Thanh, có lẽ là khuôn mặt lớn gần như duy nhất của thi ca Trung Hoa trong thế kỷ này, một nền thi ca dường như càng lúc càng khan hiếm tài năng vì tính chất tiểu xảo đè nén cầm hãm lẩn quẩn muôn đời của nó. Nhìn toàn cảnh, thi ca Trung Hoa là một thế giới rất ư diệu kỳ và cũng rất ư cách biệt. Từ những thời kỳ xa xôi, thi ca Trung Hoa tự nó đã hoàn thiện chung quyết những biên cương nghiêm nhặt của nó để rồi không làm

sao vượt thoát được chính nó nữa. Phải, sau những thời kỳ hoàn thiện cực kỳ rạng rỡ đó rồi, thi ca Trung Hoa hoàn toàn chẳng còn có được một thời kỳ hưng phấn kế tiếp nào nữa. Riêng đối với tôi, bất kỳ ở giai đoạn nào của đời tôi, bao giờ thi ca Trung Hoa cũng vừa quen thuộc vừa lạ lẫm, và tuy tôi đã trở lại gần như thường xuyên với nó nhưng không lần nào ở lại lâu dài được với nó. Tất nhiên qua cái gia sản thi ca Việt Nam mà tôi đã thọ lãnh từ lúc còn nằm nôi, ảnh hưởng của thi ca Trung Hoa đối với tôi chắc chắn là không nhỏ. Tuy nhiên, tôi ước lượng, hay đúng hơn là tôi mong mỏi, rằng những ảnh hưởng đó đối với tôi cuối cùng cũng tương tự như những ảnh hưởng nào đó của nó đối với Saint John Perse và Ezra Pound, chẳng hạn.

- Chiến tranh đã hiện diện trong đời sống cá nhân và thi ca của anh như thế nào? Trước năm 1975, anh là một người lính và là sĩ quan Tâm Lý Chiến. Vậy anh có tin tưởng nào về một chiến thắng không? Hay chỉ là thái độ hoài nghi như trong thơ anh đã bàng bạc có?

- Chiến tranh đã tiêu thụ gần như cả cuộc đời tôi. Cho đến những nông nổi tù rạc, lưu vong sau này hẳn nhiên cũng là do chiến tranh mà ra. Trong gần 12 năm của tuổi trẻ, tôi đã làm một người lính, một người lính động viên nhưng không hẳn là bất đắc dĩ. Bởi khi chấp nhận vào lính, tôi chỉ tự nhủ mỗi một điều là tôi phải chia xẻ số phận của dân tộc tôi và tôi mong mỏi rằng lịch sử sẽ sang trang khi tôi vừa đi mòn một hay hai đôi giày trận. Tôi nghĩ một cách tự nhiên rằng không có lý do nào chính đáng biện minh được cho một cá nhân tìm cách thoát thân lấy một mình khỏi cái đại họa đang trùm phủ xuống tập thể mà mình trực thuộc. Nhất là khi cá nhân đó lại là người cầm bút. Do đó, rất nhiều khi tôi đã tự nguyện lao mình đi giữa chiến tranh chỉ vì tôi muốn nghe thấy trên làn da và trong tâm khảm của mình niềm rát phỏng của đám cháy quê hương. Thật tình, ngay cả trong thời kỳ đó, tôi cũng chẳng tin tưởng gì vào một chiến thắng, tôi chỉ dám hoài vọng vào một trì hoãn, một sursis khả hữu nào đó cho miền Nam trong khi chờ đợi một giải pháp chính trị toàn bộ. Nhưng tâm trạng đó cũng đã không hề ngăn trở tôi thường xuyên mong mỏi như André Malraux từng mong mỏi khi tham gia vào cuộc chiến tranh chống Đức Quốc Xã: Cầu cho chiến thắng sẽ đến với những ai tham gia chiến tranh mà không hề yêu thích nó. Tôi có làm vài bài thơ về chiến tranh và những bài thơ đó thật sự chẳng nói được bao nhiêu so với những điều tôi đã thấy và muốn nói.

- Khi bị đối phương cầm tù, tâm trạng thực của anh ra sao? Có giống như trong những bài thơ mà sau này anh đã viết ra không?

- Tôi nghĩ là đại để tâm trạng trong tù và tâm trạng trong thơ của tôi không khác nhau. Sau ngày 30 tháng 4 / 1975, khi đã vào tù rồi, tôi luôn luôn tự nhắc nhở mỗi một điều là hãy coi như mình đã chết, và đây chính là phần posthumous life của mình. Đời ta sáng mượn ánh tàn dư / Đến từ một hành tinh đã tắt nghỉ... Tất cả mọi nỗ lực nhiều khi vượt sức bình sinh của mình

trong thế giới đày đọa đó là phải làm thế nào gìn vàng giữ ngọc, dương đầu với mọi kỹ thuật thâm độc nhằm hủy diệt nhân cách như là cái phần duy nhất còn lại của những người bại trận. Kẻ có liêm sỉ không vỗ ngực mình đã là người anh hùng trong một hoàn cảnh nghiệt ngã như vậy mà chỉ có thể hài lòng là mình đã chẳng gục mặt trước bạo quyền để phải nhục nhã về sau với bạn hữu.

- Anh đã sống một thời gian khá dài ở trong nước sau 1975. Vậy anh có thể nào mô tả xã hội mà anh phải sống và những bức xúc đã có trong thời kỳ ấy?

- Nói ngắn gọn, đó không phải là một xã hội dành cho con người. Bức xúc ghê gớm nhất là sống trong xã hội đó, liệu mình còn là con người cho đến lúc nào đây.

- Nhìn lại nửa thế kỷ vừa qua, anh có nghĩ chiến tuyến Quốc Cộng vẫn còn giữa những người Việt Nam? Hay nghĩ rằng đó là chuyện quá khứ và bây giờ là hiện tại và tương lai...?

- Trong thâm tâm chúng ta, những con người Việt Nam, thật sự chúng ta có chút nào hài lòng về cuộc chiến tranh Việt Nam vừa qua không? Nếu không thì tại sao chúng ta cứ phải duy trì và duy trì cho đến bao giờ cái điều mà chính chúng ta đã không hài lòng đó. Nghĩ như vậy không có nghĩa là chúng ta nhắm mắt làm ngơ cho bất kỳ thế lực tối tăm ngu muội nào muốn làm gì thì làm trên đất nước chúng ta. Từ hai mươi năm qua, những người Cộng Sản đã toàn thắng nhưng chính sự toàn thắng đó đã hàm chứa cái mầm móng đương nhiên của sự thất bại hiện giờ và vĩnh viễn của họ. Điều tiên quyết hết sức đơn giản là chúng ta phải tách ra khỏi, trong cái nhìn của chúng ta một bên là dân tộc Việt Nam dù ở miền Bắc hay ở miền Nam, dù ở trong nước hay ở hải ngoại, một dân tộc từ lâu mòn mỏi kêu cầu được xót thương nhau, vỗ về nhau, tha thứ nhau, với một bên là tập đoàn Cộng Sản thống trị ngăn trở. Từ đó, có thể chúng ta sẽ tìm ra được cái cách thức hữu hiệu nhất,nhẹ nhàng nhất nhằm xóa bỏ hoàn toàn chế độ Cộng Sản. Tôi đặt một hy vọng lớn lao vào những tiếng nói văn hóa.

- Anh có tham vọng diễn tả nỗi niềm chung mang của thế hệ chúng ta qua những bài thơ đã viết? Như Đỗ Phủ vẽ lại một xã hội và thời thế tan nát ngày xưa?

- Có. Một cách chung chung, đó là tham vọng đương nhiên của bất kỳ ai cầm bút. Đỗ Phủ là nhà thơ mà tôi thường tưởng nghĩ tới.

- Anh có mơ ước sẽ chen chân trên văn đàn quốc tế để nói lên nỗi niềm của con người Việt Nam không?

- Hẳn nhiên là có. Điều bao giờ tôi cũng muốn làm là cố gắng, qua tác phẩm của mình, biểu hiện được tâm hồn dân tộc Việt Nam, biểu hiện đến mức tối đa mà tôi có thể biểu hiện được. Thường tôi tự dày vò với câu hỏi là

tại sao mãi chúng ta vẫn chưa có được những tác phẩm đậm dà, bề thế nói lên được những gì mà dân tộc ta đã phải gánh chịu cũng như những gì mà nhờ đó, dân tộc ta đã trường tồn và còn trường tồn. Bởi lẽ đứng trên bình diện văn học nghệ thuật mà xét thì một thời kỳ đại họa của một dân tộc bao giờ cũng tiên báo một thời kỳ được mùa văn học nghệ thuật của dân tộc đó. Nên chẳng lúc nào trong lòng tôi tắt đi niềm mong mỏi ngày đêm đó. Và nếu như tôi chỉ còn được một niềm tin tưởng nào thì đó phải là niềm tin tưởng vào dân tộc Việt Nam.

- Có người chê bai và đánh giá thấp những thi sĩ mang chính đời sống của mình ra mà giải bày tâm sự. Theo anh, sự phê phán này có chính xác không?

- Ai mà chê bai kỳ vậy? Cái cao thấp của một tác phẩm không ở cái đề tài được sử dụng mà là ở cái cách thức diễn đạt cùng những tình ý được diễn đạt chung quanh hay đằng sau cái đề tài đó. Hơn nữa, nghệ thuật xuất phát từ cái riêng lẻ. Nói đến nghệ thuật tức nói đến cái chủ quan. Tại sao cứ phải áp đặt một cách nghiệt ngã như vậy những thể loại đề tài?

- Trong thơ anh có tình yêu không?

- Anh thấy có không?

- Khuôn dáng người nữ khá mờ nhạt trong thơ anh. Tại sao vậy?

- Tôi không rõ là tại sao. Có thể là trong những bài thơ mà tôi đã làm, tôi không chủ vào việc mô tả khuôn dáng người nữ.

- Khi làm một bài thơ, anh có chọn lựa sẵn thể loại: lục bát, bảy chữ, tám chữ, hoặc thơ tự do...? Hay tùy hứng không chủ đích trước?

- Thường tôi không có chủ đích trước. Sự chọn lựa của tôi về thể thơ chủ yếu được quy định bởi tính chất của những tình ý mà tôi muốn diễn đạt.

- Anh có nhận xét nào về văn học trong nước, văn học ngoài nước? Có so sánh nào không?

- Nhìn toàn cảnh, từ mấy năm nay, văn học trong nước có phần nào đổi khác, ít ra không còn bị khuôn bó trong một số những đề tài nào đó được ấn định sẵn nên người đọc còn muốn đọc qua. Cảm tưởng chung của tôi là phần lớn những tác giả trong nước dường như có vẻ gì đó vội vội vàng vàng của những người không muốn bị trễ muộn hơn nữa cho một chuyến xe, đồng thời cũng có điều gì đó còn ấp úng, không được mạnh dạn, thoải mái cho lắm đối với chính mình. Vài ba khuôn mặt nổi lên trong những ánh đèn chính trị chiếu từ nhiều phía hơn là do chính sức sáng tự có của tài năng văn chương. Còn văn học ngoài nước thì dường như cùng có chung cái sắc mặt mất ngủ dã dượi bần thần của nỗi hồi niệm cầm hãm. Tôi có cảm tưởng những tác giả ngoài nước chưa quyết định xong cho mình về một chuyến xe cần phải chọn. Số lượng phong phú sách báo văn học xuất bản từ nhiều tụ điểm văn hóa lưu

vong cho thấy một chen chúc nở rộ của rất nhiều tác giả cũ có, mới có nhưng thẳng thắn mà nói, chưa có tài năng nào hay tác phẩm nào có đủ từ lực khiến người đọc còn đang trông chờ phải tìm kiếm đến. Giữa hai trạng thái văn học trong và ngoài nước, tôi nghĩ không cần và cũng không thể có sự so sánh.

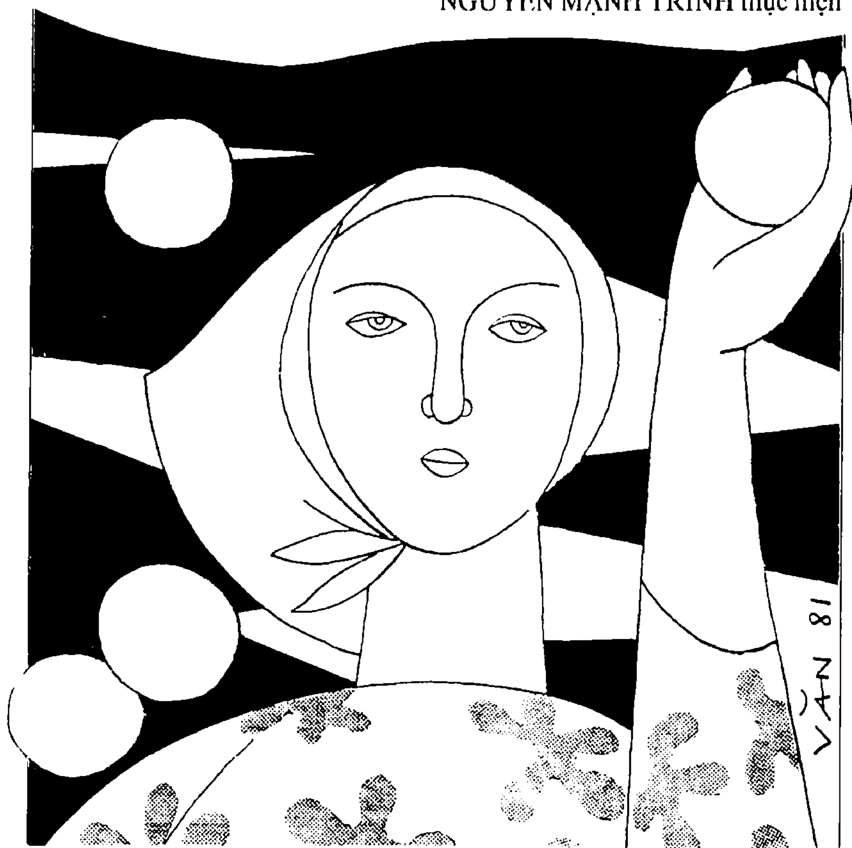
- Anh nghĩ thế nào về giao lưu văn hóa giữa trong nước và ngoài nước? Vào thời điểm bây giờ? Và trong tương lai?

- Lý ra, ta không cần phải đặt ra vấn đề giao lưu văn hóa bởi lẽ chuyện văn hóa giao lưu nhau vốn là chuyện đương nhiên phải như vậy. Ngăn sông cấm chợ văn hóa là một việc làm bỉ ổi của những quyền lực sợ hãi dù rằng nó có nhân danh một thứ gì cho là cao quý đến mấy di nữa. ờ, tại sao người Việt Nam trong nước lại không được đọc tác phẩm của những tác giả Việt Nam ngoài nước?

- Những dự trù văn chương của anh?

- Viết, viết, viết và viết.

NGUYỄN MẠNH TRINH thực hiện





thơ tô thùy yên

LTS: Sau đây là một số thi phẩm của Tô Thùy Yên, được sáng tác từ vài thập niên qua ở trong nước trước và sau 1975. Đến định cư tại Hoa Kỳ, Tô Thùy Yên tiếp tục sáng tác, một số tác phẩm mới đã ra đời. Một trong những sáng tác này ông có nhã ý dành cho độc giả *Hợp Lưu*, chúng tôi cho đi ở số này. Đó là bài "Sáng Nay, Ta Còn Đi Bên Nhau".

cánh đồng con ngựa chuyến tàu

Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến dối
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu
cỏ cây cỏ cây lùi chóng mặt
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển thở hào hển
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu
Cánh đồng a! Cánh đồng sắp hết
Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình mướt nhứt cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu.

đãng tử

Ngày kia trở lại ngôi Nhà Lớn
Lòng những bằng lòng một kiếp chơi

Bạn có nghe, này bạn có nghe
Ở bìa rừng bên gió sửa soạn
Tuần du - cuộc tuần du bất tận.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Giữa tầng trời cao chim giục giã
Từng giàn như những thủy triều sôi.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Trên đỉnh non nhòa, mây xôn xao
Về nơi hẹn nào không định trước.
Bạn có nghe, này bạn có nghe
Vũ trụ miên man chuyển động đều
Chim đã bay quanh từ vạn cổ
Gió thật xưa, mây thật già nua
Nên với một đời bao biến đổi
Mà trong vô hạn có chi đâu.
Ly rượu rót mời xin uống cạn
Bài ca ta hát đến đâu rồi
Xin hát nốt - còn đi kẻo muộn
Cho típ ly - bóng xế đường dài
Bìm bịp chiều chiều kêu nước lớn
Đi, đi đâu, chèo chống mỏi mê
Đến ngả ba, đành theo một lối
Tiếc ngẩn không cùng theolối kia.
Thoáng nhớ có lần ta đọc trộm
Lược sử ta trong bí lục nào
Văn nghĩa mơ hồ không hiểu trọn
Thiên thu lóe tắt vệt phù du...
Thuận tay, ta ngắt một cành sậy
Làm cây sáo thổi cạn hồn sầu
Bay tản khắp vô cùng trống trải
Âm thừa tưởng lạc đến muôn sau...

anh hùng tận

Dựng súng trường, cởi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt
Mồi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều.
Đây ngã ba sông, làng sát nước
Xuồng ba lá dậu kế chân bàn
Trời mới tạnh mưa còn thấp ướt
Lục bình, mây mỏi chuyến lang thang.
Mấy kẻ gặp nhau nào có hẹn
Nên gặp nhau không dấu nỗi mừng
Ta gạn dăm ba lời tặng bạn
Dẫu từ lâu bỏ việc văn chương.
Thiệt tình tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên...
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thắt ruột gan
Cũng không ai nhắc gì thân thế
Có vợ con mà như độc thân.
Bạn hỏi thăm ta cho có lệ
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bưng:
Còn mười tháng nữa lên trung úy
Có thể ngày mai chưa biết chừng...
Mặt bạn, mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa.
Tiếng hò mời dzô, dzô tở mở
Mũi thủy triều chừng cũng giạt ra.
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
Sông không bờ, trời cũng không chân.
Người thuở trước tìm vàng khẩn đất
Tiêu xác thân, để lại oan hồn.
Ngày nay, ta bạn đến đây nữa
Đất thì không khẩn, vàng không tìm...
Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó

Uống mất ngon vì chuyện loạn tâm
Ta chất cho nhau giọt rượu sót
Tưởng đời sót chút thiếu niên đây
Giờ cất quân, đưa tay bắt
Ước cõi âm còn gặp để say.

hề, ta trở lại gian nhà cỏ

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông
Trống trải hồn ta cơn gió rã
Tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông

Hừng đông hùng vĩ và thanh thản
Sương lửa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài

Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực
Con chim chèo bẻo hót lanh chanh

Ta ngồi cho đến khi trời trắng
Đồng ruộng xanh đông đúc tiếng người
Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm
Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi

Ở đây ta có dăm người bạn
Phúc tự tâm, không lý đến đời
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây...

Dòng sông u hiển trôi vô lượng
Dòng sônghiền triết chảy vô tâm

Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm...

Lòng ta vô sự, ta vui vẻ
Bướm với hoa cùng bay nhởn nhơ
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ

Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa
Trận lốc cười tròn trên quá vãng
Ta làm lại cả tâm hồn ta

Buổi trưa như buổi trưa nào đó
Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi
Điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm
Nước mây buồn bã chợt quên trôi

Ta thiếp trong vòng xanh đại thọ
Đời đời giương rộng lượng bao dung
Ví dù ta ngủ không còn dậy
Ắt hẳn lòng ta cũng dửng dưng

Chuyện trần thế bấy lâu thanh thỏa
Sống một ngày, ta rõ một ngày
Thôi vướng mắc dài duyên với nợ
Ân oán đời phong kiếm rửa tay

Còn lại chăng cây đàn lở tróc
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa
Còn lại chăng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua

Gặp buổi trời mưa bay phơi phới
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân

Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?

Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm...

Gặp buổi trời trong dàn bát ngát
Ngọn cây ô! đã giạt hoàng hôn
Cơn gió mơn man bờ bụi rậm
Kẻ dạo quanh vườn chuyện trống không

Ta ngắm gốc cây nứt nở vỏ
Gốc cây to đến mấy người ôm
Nghĩ tới bao điều thầm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường

Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lặng đi cho khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian

Đêm tối êm ru lời thủ thỉ
Bên hè có tiếng dế ca ran
Vầng trăng ta thấy thời thơ ấu
Mọc lại cho ta thuở xế tàn

Hình như mọi sự đều như thế
Kể cả lòng ta cũng thế thôi
Các việc vô công làm miết miết
Quên tiệt đời ta như nấm mai

Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ
Ta thức đêm nay chơi với trăng
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi
Trên mồ ta, trăng phải lang thang

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa
Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô

Xa nghe đợt gió lên cơn bão
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu
Bầy chó năm châu cắn sủa rộ
Quỉ ma cười khóc rợn đêm thâu

Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng
Ăn sạch quân, trừ tính được thua
Hỡi ai tráng sĩ mài dao nhọn
Xin nhớ đời không mối sắc vua

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ
Tử tội mừng ơn lịch sử tha
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ
Ngày qua ngày, cho hết đời ta.

bất tận nỗi đời hung hãn đó

Tặng Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ôi, những rặng cao su thẳng lối ngay hàng
Ngang dọc đất nhau ùa về vô cực điểm
Như cuộc hẹn hò lư tưởng không tới nơi
Ôi, những rặng cây mang án tử hình treo
Chẳng còn phun tỏa bao ngày trên mặt đất này
- mặt đất bôi trôi
Dẫu những rặng cây đang bừng tuổi thanh xuân
Tàn lá xanh mun, phát tiết nhựa nguyên nồng.
Ôi, những con đường phân định mối lô cây.
Những con đường đất máu. Những con đường,
nườm nượp những con đường
Song song nhau, cắt giao nhau, sát nhập nhau
Như những định mệnh tình cờ trên cõi đời này - cõi đời quính quíu
Ôi, những con đường sắp sửa bị phế bỏ,
Sắp sửa nới rộng ra, sắp sửa được tráng nhựa
Thời gian gia tốc thảm thê thay!
Ta đã nhìn thấy nơi cửa rừng bảng sơ đồ kiến thiết
Hứa biến khu vực này thành một kiểu mẫu chung cư
Như bản tuyên cáo bi hùng của Tương Lai dõng dạc

Nơi đây loài người sẽ tiến bộ, sẽ đi lên
Theo một cách thức dễ hiểu nhất.

Ta cảm ơn người đời. Cảm ơn trời đất
Còn lưu trữ khoảng cỏ cây này đến tận hôm nay
Để ngày ngày ta đến dỗ dành những nỗi ưu tư
Dưới nét phác nụ cười thầm mê man của Định Mệnh
Để ngày nay ta đến điều trần lặng lẽ trước Vô Cùng
Về một Hữu Hạn tuyệt vời đang phóng dụng.
Chiều. Chiều của đời ta. Chiều của thiên nhiên.
Những hàng cây bốc cháy ngọn.
Chiều tự bao giờ. Chiều già khô chậm lụt.

Mùa hè. Mùa hè trong ngần tiếng hát thiếu niên xanh
Hoa nước hối hả nở bung khỏi nguồn nội kín
Mùa hè xô xát reo vang
Mùa hè nhức rát tiếng cọ mài
Mùa hè bát ngát biển ve ran.

Ôi, sao tất cả lặng trang?
Ta nghe thấy bước chân ta thầm thầm trên sỏi, lá
Như những âm thanh chuyển động buồn rầu
Của Nhân Thế trên nẻo mòn Vĩnh Cửu
Làm xây xẩm loài sinh vật trăm năm
Ta nghe thấy cả những âm thanh Lịch Sử thịnh nộ
Rây lọc mơ hồ qua màn lưới an bình
Ôi, giấc mê vọng nào toan mở mang Hữu Hạn,
thèm chinh phục Tương Lai
Những cánh cửa lớn sập tung
Một thời đại khủng khiếp
Thế giới làm xàm điếc lác nặng
Khi ta chỉ ước ao ngắm nhìn toàn cảnh những con đường
Trước khi đi trọn chúng.
Giá ta được lên cao, lên cao
Để ngắm nhìn một lần thấu suốt Định Mệnh ta
Trước ngày từ biệt nó.
Ôi, kiêu hùng chiến mã
Ôi, hăm hở cỏ non
Giờ đây ngã quị, giờ đây héo xàu

Dưới chân tuổi hạc
Cao chất chồng thân xác những đam mê.

Trời nổi gió trên đầu cây. Tạo vật thốt cười
Trận cười ngất ngất.
Những mảnh rách da trời mục tựa trong tàn lá lăn răn
Những mặt phẳng cỏ cây thấp hèn âu sầu khiếp đảm
Mất tên trong thiên nhiên chen chúc rườm rà
Những nấm hoa đỏ ối nở bung
Trôi trên rào lá đặc
Con chim nào hớt hãi kêu van
Làm sao ta biết được
Niềm vô lượng không gian cuốn hút
Cõi trăm năm tiếp tiếp miệt mài
Cuộc phiêu lưu tinh thần bi liệt
Nùi lộ trình rối chẳng phăng ra.
Cầu cho ta khôi phục con người ta, vết lóe của Thiên Thu,
Con số không bao trùm vũ trụ
(Núi sầu tư quả cảm, biển khóc nức trần ai, gió cười lộng bất cần
Và thảo hoa thong dong trường tại...)
Cầu cho ta khôi phục con người ta, loài sinh vật nhẹ nhàng
Đã gia tăng trọng lượng cho trái đất
Loài sinh vật loay hoay quên nỗi kinh hoàng bé mọn
Trong vô tận quang niên và vô tận thời gian.

Ta tưởng tượng ngôi thiền viện thâm u ẩn hiện sau lùm bụi xanh kia
Rồi sẽ được tái thiết sáng trưng tiện nghi văn minh cần thiết
Cùng với việc xét lại toàn bộ giáo lý sắc không
Ta tưởng tượng những ngôi mộ đá lâu đời ma hóa kiếp kia
Rồi sẽ được sắp xếp lại
Trong một nghĩa trang tân thời đã được hình dung
Chúng ta sẽ gia giáo hóa thiên nhiên
Chúng ta sẽ đồng loạt hóa Định Mệnh
Chúng ta sẽ nhật tu đời sống miên man
trong từng phạm vi chi tiết nhất
Và chúng ta sẽ không ngừng sửa soạn bản thân cho hợp thời trang
Ngay từ bây giờ, chúng ta phải hối hả.

Trời nổi gió. Lông lốc con người ta.

Bất tận nỗi đời lưng hẫn đó
Ùa trong chân không mở toạc mịt mùng.
Ôi, những vừng lá khô quay đảo. Điệu luân vũ sinh ly tử biệt
vàng óng bạt ngàn trên cõi thế chuyển mùa.
Vạn vật chết đi và tái sinh.
Chết, sống, chết, đèn kéo quân quay tít.
Hẳn lá khô cũng muốn nằm yên bề xác mục
Khi đã hoàn thành sinh kiếp thở cho cây
Chờ ngày tiêu tán.
Nhưng vì điệu luân vũ huy hoàng, thảm thiết huy hoàng
Lý nào lá ngại thứ thân bay?

Ta cố gắng làm người. Con người vô ích sáng choang
như món trang hoàng deo lên Hư Vô den ngời bóng lộn.
Ta suy gẫm đau thương về hạnh phúc.
Hạnh phúc thực hư như hoa dốm nắng hè
Như cơn gió không thể nào lưu trữ.
Như lượng sóng xô lên rồi tan hoang.
Chúng ta bị khổ sai chung thân vì bại lộ mưu toan
vô hạn hóa ngông liều hạnh phúc biến thiên
Xin hưởng lấy đợt gió bạc hà xoa mặt mày ta. Hạnh phúc đó.
Ta suy gẫm đau thương về tình yêu. Tình yêu giả trang
mối sầu phiêu bạt của Nhân Thế trăm năm
trong bát ngát thời gian. Tình yêu giả trang
tiếng dội nỗi cô đơn của bản thân ta
- tiếng dội lừa phỉnh.
Ta bất chấp hạnh phúc, và ta hạnh phúc.
Hạnh phúc không chờ trông không tiếc thương
Hỡi con chim kia, hãy thảnh thơi khép kín vòng bay diễm tuyệt đó.

Đêm. Đêm lót trải giường nghỉ ngơi thơm.
Đêm hạ thấp chập chờn cung bậc những xôn xao.
Đêm vểnh tai tâm sự nguôi ngoai.
Đêm thời gian tàn hơi tắt lịm.
Đêm cốt tủy đêm.
Đêm xóa bỏ. Xóa bỏ.

Ta nhìn ra chất sáng tinh anh của màu den tuyệt đối.
Niềm hân hoan - niềm hân hoan không dừng -

bốc lên từ nỗi ai bi - nỗi ai bi dành mặc.
Ôi, cuộc đời điểm trầm bổng bùi ngùi
trong hợp tấu trần gian sắt vàng lấn chạy thênh thang.
Đêm mất xác không gian
Các vì sao đưa tín hiệu
Dưới này thế giới mãi lăng xăng
Cuộc đời trao Hữu Hạn - Thiên Thu càng ngày càng giảm giá
Con người ta dần nhẹ thể phong lưu
Giữa chập chùng dông bão cấp thời.
Ôi, những rặng cây mang án tử hình treo!
(7/1972)

mộ khúc

Gió từng đợt nổi rồi im
Buồn từng cơn dậy rồi chìm ngẩn ngơ
Chiều không trung chết vật vờ
Rưng rưng cành lá khóc bờ bụi rung
Thấy chăng em nắng lạnh lùng
Nghe chăng em gió ngập ngừng bãi không
Đàn chim trễ chuyến qua sông
Tiếng kinh hoàng tỏa một vùng quạnh hiu
Lòng ta quên mất đôi điều
Kể ra e cũng ít nhiều lạc sai
Thôi thì ngắt cánh hoa này
Dỗ dành em, thác những lời vẩn vơ
(1973)

tàu đêm

Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới.
Lúc đó, sao trời đã ngủ mê.
Tàu rú. Sao ơi, hãy thức dậy
Long lanh muôn mắt tiễn tàu đi.

Thức dậy, những ai còn sống đó
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này
Tàu đi như một cơn dông lửa
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay.

Cảnh vật mơ hồ trong bóng đêm
Dàn ra một ảo tượng im lìm
Ủ ê những ngọn đèn thưa thớt
Sáng ít làm đêm tối tối thêm.

Bến cảng, nhà kho, những dạng cây...
Chưa quen mà đã giã từ ngay
Dẫu sao cũng một lần tan hợp
Chớ tiếc nhau vài cái vẫy tay.

Toa nêm lúc nhúc hồn oan khốc
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai
Ta gọi rụng rời ta thất lạc
Ta còn chẳng đủ nửa ta đây.

Người bạn đường kia chắc chẳng ngủ
Thành tàu sao chẳng vỗ mà ca?
Mai này xô giạt về đâu nữa
Đất lạ ơi, đừng hắt hủi ta!

Đất lạ, người ta sống thế nào
Trong lòng có sáng những trăng sao
Có buồn bã lúc mùa trăn trở
Có xót thương người qua biển dâu?

Tàu đi như một cơn điên đảo
Sắt thép kinh hoàng va dập nhau
Ta tưởng chừng nghe thời đại động
Xô đi ầm ĩ một cơn đau.

Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyến đời xưng xát bạo tàn
Ta trở thành than, thành súc vật.
Tiếng người e cũng đã quên ngang.

Ta nghe rêm nhói thân tàn rạc
Các thỏi xương lìa đụng chỏi nhau
Nghe cả hồn ta bị cán nghiến
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau.

Dường như ta chợt khóc đau đớn
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan
Lệ chảy không ra ngoài khóe mắt
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van.

Giá ta có được một hơi thuốc
Dẫu chỉ là hơi thuốc mốc thôi
Để phả cho hồn ấm tỉnh lại
Để nghe còn sự sống trên môi.

Ta nhớ dăm ba hình ảnh cũ
Lờ mờ như nhớ lại tiền thân
Đời ta khi trước vui vầy thế
Bỗng thảm thương nghìn nỗi ngói tan.

Đem thân làm gã tù lưu xứ
Xí xóa đời ta với đất trời
Ngàn dặm lìa tan tình cố cựu
Bàng hoàng thân thế cụm mây trôi.

Đã mấy năm nay quằn quại đói
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo
Mẹ ơi, con nhớ thời thơ dại
Nhớ miếng ăn mà mẹ chắt chiu.

Liệu còn một bữa cơm đầm ấm
Bên ánh đèn đoàn tụ vợ con
Chia xẻ chút tình cay mặn cũ
Miếng không ngon cũng lấy làm ngon.

Tàu đi khoan xoáy sâu đêm thép
Tiếng nghiến ghê người, thác lửa sa
Lịch sử dường như rất vội vã
Tàu không đỗ lại các ga qua.

Ô những nhà ga rất cổ xưa
Dường như ta đã thấy bao giờ
Đến nay người giữ ga còn đứng
Đèn bão dong đưa chút sáng mờ.

Tàu qua những ruộng đồng châu thổ
Hiu hắt làng xa mấy chấm đèn
Đêm ở nơi đây buồn lặng lặng
Cái buồn trải nặng mặt bằng đen.

Hỡi cô con gái trăng mười bốn
Đêm có nằm mơ những hội xuân
Đời có chàng lần cam dối mẹ
Nhớ thương nào giấu thấm vành khăn?

Có lúc tàu qua những chiếc cầu
Sầm sầm những nhịp động đều nhau
Dưới kia con nước còn thao thức
Bát ngát dềnh lên bãi sậy sầu.

Có lúc tàu qua những thị trấn
Mà đêm đã gói lại im lìm
Tàu qua âu cũng là thông lệ
Nên chẳng ai buồn hé cửa xem.

Ôi, những nỗi sầu vô dạng ấy
Gọi ta về với những đêm vui...
Ở đâu đèn sáng nhưng nhức châu ngọc
Đường phố người chen chúc nói cười.

Ở đâu mộng ảo vườn sao tụ
Yến tiệc bày trong những khóm cây
Ta rót mừng em ly rượu đỏ...
Mà thôi, chớ nhớ nữa, lòng ơi.

Mà thôi, hãy nuốt lệ còn nghẹn
Tỉnh thức, lòng ơi, nhìn tận tường
Thời đại đang đi từng mảng lớn
Rào rào những cụm khói miên man.

Người bạn đường kia chắc vẫn thức
Mong tàu đi đến chỗ đêm tan
Có nghe lịch sử mài thê thiết
Cho sáng lên đời đã rỉ han.

Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu
Lay động những tiếng mê sảng tối...
Loài người, hãy thức, thức cùng nhau.

TÔ THÙY YÊN
1980.

ta về

Ta về – một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay

Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt xạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ

Ta về qua những truông cùng phá
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tàn cát bụi tháng năm bay

Chỉ có thế. Trời câm đất nín
Đời im lìm đóng váng xanh xao
Mười năm, thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi đất bạc màu

Ta về như bóng chim qua trễ
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông vời mây nước đó
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ

Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã lắm khi
Lịch sử ngơi đi nhiều tiếng động
Mười năm, cổ lục đã ai ghi?

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi

Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên non nả gióng mừng

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó
Người thức nghe buồn tận cõi xa

Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển dời
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt
Tội tình chi lắm nữa, người ơi

Quán dốc hơi thu lùa nỗi nhớ
Mười năm người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm, bèo mây hỡi
Đành uống lưng thôi bát nước mời

Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài quãng vắng
Phải ôi vàng đá nhắn quan san?

Lời thề truyền kiếp còn mang nặng
Nên mắc tình đời cởi chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ
Mười năm ta vẫn cứ là ta

ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ
Giậu nghiêng, cổng đổ, thềm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa...

Ta về khai giải bùa thiêng yểm
Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi
Hãy kể lại mười năm mộng dữ
Một lần kể lại để rồi thôi

Chiều nay ta sẽ đi thơ thẩn
Thăm hỏi từng cây những nỗi nhà
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm cây có nhớ người xa?

Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già như vậy
Huống mẹ cha, đèn sắp cạn dầu

Con gẫm lại đời con thất bát
Hứa trăm điều, một chẳng làm nên
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn
Giọt lệ sương thầm khóc biến thiên

Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trổ bông
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
Nỗi mừng rân rụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Từ kiếp xưa nào tưởng lạc nhau

Ta về dẫu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Hè nhà bụi chuối thức thâu đêm

Cây bưởi xưa còn nhớ trắng hoa
Đêm chưa khuya lắm, hỡi trăng tà
Tình xưa như tuổi già không ngủ
Bước chạm khua từng nỗi xót xa

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm những lối vui
Trăng sáng lưu hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi

Bé ơi, này những buồn vui cũ
Hãy sống, đương đầu với lãng quên
Con dế vẫn là con dế ấy
Hát rong bờ cỏ, giọng thân quen

Ta về như nước tào khê chảy
Tình đầu mười năm luống nhạt mờ
Thân thích những ai giờ đã khuất
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa

Người chết đưa ta cùng xuống mộ
Đêm buồn ai nữa đứng bờ ao
Khóc người, ta khóc ta rơi rụng
Tuổi hạc, ôi ngày một một hao

Ta về như bóng ma hờn tủi
Lục lại thời gian kiếm chính mình
Ta nhặt mà thương từng phế liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh

Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
Đọc lại bài thơ thuở thiếu thời
Ai đó trong hồn ta thổn thức
Vầng trăng còn tiếc cuộc rong chơi

Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trải hết được lòng ta.

sáng nay,
ta còn đi bên nhau...

Sáng nay, ta còn đi bên nhau...

Ngày lòa dậy.
Trời đất một lần nữa mới lại.
Em sáng rỡ niềm vui...
Hẳn rất đẹp,
Giấc mơ nào em thấy đêm qua
Còn tản mạn nơi em như làn hương quyến luyến.
Gió trôi trôi
Qua qua những lượn đồi hư huyễn sương,
Qua qua những tàn cây nô nức nắng.
Gió trôi trôi như gió đã từng trôi
Qua qua những vùng đời quang quạnh chờ,
Qua qua những hồn đá lẻ loi khóc.
Bao lâu rồi,
Em đó, anh đây,
Hai đầu thương nhớ biếc...
Giữa đôi ta là gió, gió ngày đêm
Thổi chai dại những tiền thân như tượng đợi.
Anh dừng bước chỉ em nhìn
Hàng cây nước miên man bung nở
Mê mẩn lực kiên trì chi chực buông tan
Của nỗi hân hoan không dễ dàng gì,
Thường xuyên phải tái tạo.
Anh nhìn xa lối đi
Múa đảo nắng vàng ròng
Mất vào chỗ không còn thấy được nữa,
Lòng thẩn thờ...
Vui đi em,

Vui được chút nào vui.

Trưa nay, ta còn đi bên nhau...

Thành phố lững hoa mê
Duỗi phơi xa những triền mái lóa.
Gió luông tuồng.
Anh nghe rõ nắng lao xao trên giàn hoa giấy rộ.
Trưa đứng sững giữa lòng đường.
Cây cùng thu vén bóng.
Em nhón chân vừa tầm cõi thực hư
Hôn, hôn anh...
Bàng hoàng hai hạt cát
Từng rời xa trôi giạt những thiên thu
Mịt mùng vô vọng.
Em nói qua về một nỗi trống trải...
Anh nói qua về một thuở trầm luân...
Bao giờ người nữ cũng chờ đợi
Cho người nam còn có buổi quay về,
Niềm quê nhà nặng gói khăn xưa,
Lời han hỏi trào ràn lên mắt nhớ...
Em phủi ngực áo anh bán thảm bụi đường xa...
Em mơn mặt mày anh dính buồn gió cõi lộng...
Quán thưa khách, mơ hồ những tiếng động.
Em chăm chút anh ăn,
Tưởng tượng anh còm cõi vác âm thầm
Từng ấy nhục nhằn
Đi chân đất băng qua miền đá chởm
Tìm em,
Thuở trời đất chưa định hình nhật nguyệt.
Anh nhìn em, nước mắt đột nhiên tuôn,
Nghe vỡ lỡ những gì không thổ lộ.
Ngoài hè đường, bóng nắng đã hơi nghiêng...

Chiều nay, ta còn đi bên nhau...

Em nghiêm cẩn như kho tàng mất dấu,
Giọng chùng đi...

Gió thổi lãng quên về.
Nắng dốc sức một lần thật rực rỡ.
Hoa trên đồng đã bắt đầu buồn.
Bên kia núi, vườn nhà ai đốt lá.
Em chậm bước
Như ngó quanh tìm một mất mát nào
Trong rậm rối của hồn mình trở tối.
Anh lặng thinh,
Chừng chẳng thể nói gì hơn
Dù chỉ một lời dỗ dành vô nghĩa nhất.
Đi, đi em,
Đi cho hết lòng ta...
Hãy sống lớn, buồn vui so núi biển,
Ngay lần này, không đợi đến lần sau.
Cám ơn em,
Nghìn thuở cám ơn em
Đã theo chân anh về thăm biết những ngôi nhà
Anh đã ở,
Gọi tái sinh những huyễn mộng của đời anh,
Cho đáo nhập em, hiện thành những thực mộng.
Anh ngắt cho em một cành hoa cỏ
Ngoài tầm,
Ứa nước mắt,
Nghĩ tới ngày chiếc võng treo không
Như chiếc nôi nào
Hồi anh chưa có mặt.

Đêm nay, ta còn đi bên nhau...

Thành phố dốc rộ vàng đèn.
Đêm giữa mùa biển có mang trăng,
Sóng xô lùa tròn trận.
Bất tận em trời nắng gió mây mưa ngày đêm sao trăng cỏ cây
hoa thú cá chim thần thánh người ma quỷ đồng rừng
phá truống đầm hồ sông biển.
Bất tận em mang dại rĩ rền vùng vằng phụng phịu trìu mến
dịu dàng hớn hở thở than sầu muộn mơn man
van lơn đằm thắm xót xa kêu dỗi cười khóc,

Chẳng lúc nào vũ trụ nguôi ngoai...
Và em gọi anh, không ngớt gọi anh
Thất tung
Xa ngoài cõi không còn nghe thấy được.
Nơi đây, thế giới ngủ từng phần.
Cuộc sống vẫn chảy xiết thâu đêm đèn đôi dòng xuôi ngược đỏ, vàng.
Hội hè đâu đó rộ về khuya.
Anh chợt nhớ dù không muốn nhớ
Ôi vô số đêm nào đó của đời anh,
Cho buồn một bóng đợi trời sáng,
Cả xót thương mình e cũng không...
Cám ơn em,
Nghìn thuở cám ơn em
Đã đi cùng anh trong đêm nay.
Đêm nay,
Cũng một đêm nữa của đời anh,
Nhưng là một đêm xếp ngoài mọi đêm nào đó khác,
Bởi chính em,
Chớ chẳng phải là anh nữa,
Bây giờ đau đớn xót thương anh.

Mai ta không còn đi bên nhau...

Gió thổi tới, gió ngày đêm thổi tới.
Những bèo mây không ở mãi bên nhau...
Em sẽ đi,
Đi chỉ một mình,
Hay đi với người tình, một người tình mới khác,
Cho trọn những quãng đường còn lại trong hồn em
Mà anh tiếc chẳng cùng đi đến trọn.
Rồi không chừng em sẽ nhớ về anh...
Rồi không chừng em sẽ thấy mình buồn
Như gió hắt hiu
Mơn man em,
Ngờ ngợ gió xưa nào
Nhắc em chuyện hai đầu thương nhớ biếc.
Em sẽ buồn,

Buồn một chút thôi em.
Một chút thôi, đủ lòng trân quí trước,
Để còn vui, vui được chút nào vui.
Hàng cây nước sẽ còn đứng xõa tóc.
Biển sẽ còn đầy đặn với tình trăng.
Đóa hoa cũ bên đường sẽ nở lại.
Sẽ còn người, ai đó hái trao em...
Anh ở đâu, anh ở đâu xa?
Họa hoằn lắm, chỉ không gian còn gợi nhớ
Lần anh qua,
Đã có một lần qua...
Gió thổi tới, gió ngày đêm thổi tới.
Em sẽ đi,
Không còn anh bên cạnh nữa.
Em sẽ đi...
Anh chúc em trọn đường hạnh phúc rộ.

TÔ THÙY YÊN
6/95*

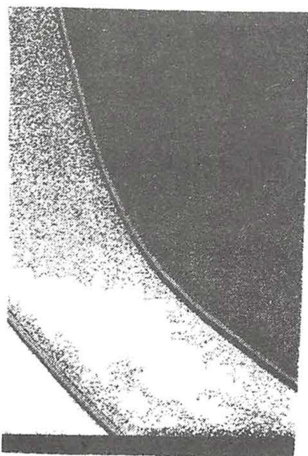
---

* *Bài thơ trên là sáng tác mới nhất của nhà thơ Tô Thùy Yên, dành riêng cho tạp chí Hợp Lưu*



ĐOÀN CẦM THI

từ hành xác đến hành văn
đọc giấc mơ thổ của trần vũ



"Les délices de la cruauté!
Délices non passagères..."
Những hương vị của bạo tàn
hương vị không hề ngắn ngủi
Lautréamont

Giấc Mơ Thổ (1) là chuyện của một lũ người hoá điên vì một nỗi ám ảnh: quá khứ. Quá khứ ở trong mọi ý nghĩ, đè nặng lên từng số phận. Quá khứ hằn dấu lên ngôn ngữ, trong những lời nói đã trở thành thói quen, được phát ra giống những khẩu hiệu trơ cứng, như trong câu của Quý với Vĩnh lúc đi săn rồng *"Khẩn trương lên giặc lái đến bây giờ"*. Quá khứ ở trong từng thức ăn, đồ uống, trò giải trí, trong thịt rồng, tim phượng, trong *"rượu Armagnac Marquis de Caussade, đóng chai năm 71"*, và trong *"trận World Cup của năm 66"*. Ngay cả bạo lực cũng mang màu sắc của quá khứ, của chiến tranh: *"Quý hùng hục lục trong rương đưa tôi một khẩu AK, hai bộc phá, còn anh vác thượng liên 12 ly 7 với B40"*, *"Chiến giơ cao súng. Tôi hãi hùng trông thấy những dây đạn chầm chậm chạy vào nòng thép (...). Những tiếng rú đau đớn đinh tai. Những tiếng rú thảm khốc..."* (tr.121).

Lũ người ma ám, hơn nữa, được bao bọc bởi một thời gian và một không gian chỉ tồn tại với nhiệm vụ duy nhất, vật chất hoá dĩ vãng. Thời gian trong thế giới đó ngừng chảy, không chấp nhận hiện tại lẫn ngày mai: *"Bất cứ ngày nào cũng là Tết Giáp Tuất. Chiều nào cũng là chiều hai mươi tám Tết. Sáng nào cũng là sáng mùng Một"* (tr.114), *"Ngày hôm nay là ngày 19 tháng 6 Quân*

Lực VNCH cũng là ngày 2 tháng 9 Tuyên Ngôn Ba Đình lịch sử" (tr. 129). Không phải ngẫu nhiên mà cụm từ *"Tết GiápTuất"* được nhắc đi nhắc lại trong truyện, như để nhấn mạnh tính bất động của thời gian, đến độ mà tương lai cũng chỉ được coi là một cái gì đã qua: câu chuyện được kể vào năm Giáp Tuất, vậy mà một trong những câu cuối của nó là : *"Tôi trở về dinh cơ của Quý, nhiều năm sau Tết Giáp Tuất (...) Khu đất thiêu rụi hoang tàn..."* (tr.125). Giấc Mơ Thổ - thời gian quá khứ = G.M.T (2) - Thời gian chuẩn mực ?

Còn không gian, quá khứ hiện lên ở từng chi tiết của nó. Từ kiến trúc, *"một thứ lăng lâu đời, cũ kỹ"* (tr.106), *"Kiến trúc của ngôi nhà trông như lăng vua. Mấy hàng trụ biểu trồng đều tăm tắp, xen giữa linh quy đội bia trước sảnh đường. Có lần Quý giải thích: Để sau này con cháu đỗ đạt khắc tên vào văn bia như truyền thống của dân tộc nghìn xưa"* (tr.108), đến trang trí, *"hàng bạch đàn ngút ngắt"* (tr.107) gợi lại *"mười năm vượt Trường Sơn"*, *"rặng hoa sữa trắng ngát"* là *"kỷ niệm thời trai trẻ của Quý ở Hà Nội"* (tr.107), và tên gọi của các nơi chốn *"hồ Ba Bể"*, *"cổng Đại Môn"*, *"tháp Bảo Nghiêm"*. Không khí đầy ắp dĩ vãng, thứ dĩ vãng cứng nhắc, thô thiển, chết chóc, càng trở nên nặng nề nếu ta biết rằng thế giới đó ở rất xa, *"phía nam phần lục địa"* (tr.106) hoàn toàn bị chia cách với hiện thực bên ngoài, với cái được gọi là thổ dân. Vì vậy hành động tưới xăng đốt nhà xẩy ra ở cuối truyện phải được đọc như dấu hiệu của một niềm ao ước, dù chỉ là thầm kín, là vô thức, niềm ao ước tự giải thoát.

*

Song song với cuộc hành trình cùng cộng đồng mình tìm về quá khứ, Vĩnh, nhân vật chính và người kể chuyện của Giấc Mơ Thổ đã sống một cuộc phiêu lưu rất riêng, cuộc phiêu lưu trong lãnh địa của cảm xúc. Mọi kỷ niệm tìm thấy đều gây ra ở nhân vật này, cùng một lúc, những tình cảm mãnh liệt nhất và trái ngược nhất: đau đớn và khoái lạc, yêu đương và thù hận.

Tất cả bắt đầu với chén trà Thổ. Nhờ hương vị của mình, như chiếc bánh madeleine của Marcel Proust trong *Đi Tìm Thời Gian Đã Mất*, nó có khả năng ru Vĩnh vào giấc mơ ngược dòng thời gian. Quá khứ mà Vĩnh tìm thấy có một bề dầy, một chất liệu hiếm có. Nó càng đặc quánh và sinh động hơn bởi rất thường xuyên được sống với hiện tại, khi nỗi đau trên thân thể Vĩnh không biết đến từ cú ấn của Chiến hay từ nhát búa tạ của đao phủ, khi cái *"ấm, nóng"* của cơn mưa tuổi thơ hoà với cái *"thác lũ"* của cơn mưa buổi săn rồng, khi nước biển ngày ra đi quyện với mồ hôi cơn mê loạn làm nên một vị *"mằn mặn"* khó tả. Giấc Mơ Thổ ghép những mảnh vụn của thời gian vào nhau, chồng chất những kỷ niệm lên nhau, không theo một trật tự nào hết, không có một chuyển tiếp nào hết, tạo thành một chiếc kính vạn hoa mê hoặc: *"hỏa tiễn 122 ly bay rót vào trường tiểu học Cai Lậy, đuôi lửa bay ngang ô cửa sổ lúc tôi tốc váy giật quần lót Nữ"* (tr.125). Quá khứ ở đây tầng tầng lớp lớp, nó vừa cá nhân vừa tập thể, nó liên quan cùng lúc đến một điểm chính

xác và một mảng vô định trong thời gian. Tôi muốn nói đến cái chất vừa huyền thoại vừa thân thuộc trong hình ảnh của bầy rồng: " *Không phải vẻ đẹp thông thường mà là nét đẹp huyền sử, truyền thống; nét đẹp cổ xưa đã có từ ngàn năm (...) Uy vũ mà thân thiện. Tôi quen chúng từ thuở sơ sinh, còn nằm ẫm ngửa mẹ bồng đến xin xăm. (...) Suốt thời thơ ấu chúng tôi có bao giờ xa nhau...* " (tr.121).

Chén trà Thổ cũng là một loại linh dược đưa sự nhậy cảm của tâm hồn Vĩnh đạt đến cực độ của nó, *"Tôi nghe được tiếng nước chảy ở đáy hồ Ba Bể, thường nhật sâu lắng, lúc này ầm ào kêu vang. (...) Tôi không biết mình nằm trong buồng bao lâu, chỉ nghe rất rõ mọi tiếng động. Tiếng những ngọn cỏ mọc khắc khoải quanh nhà. Tiếng những cột gỗ trăn trở vặn vẹo ngoài hành lang. Tiếng mối mọt bò trong các ngạch gỗ. Thậm chí đến tiếng trứng gà vỡ trong góc chuồng tôi cũng nghe được. Những mảnh trứng vỡ rạo rạo, non nớt xen kẽ tiếng động thật khẽ, yếu đuối của từng cánh cải cúc..."* (tr.112). Ta hiểu vì sao trong tâm hồn đó, giới hạn giữa khoái cảm và thống khổ thật mỏng manh, mỏng manh đến độ một rung động nhỏ của nỗi đau có thể trở thành một tiếng ca lạc thú, và ngược lại một thoả mãn quá lớn có thể biến thành một vết thương giết người.

Chỉ ý nghĩ về ngày ra đi, gợi lên dưới những vuốt ve của Quỳ, *"Đôi môi Quỳ chín rực, lên xuống, cuồng nhiệt (...) Quỳ vẫn tiếp tục, ngậm chặt, mải miết, nuốt trọn toàn thân tôi đang rơi trở lại vào đại dương của tuổi thơ tự sát..."*(tr.113), cũng đủ gợi lên cho Vĩnh tột đỉnh hạnh phúc *"toàn thân xác tôi bỗng phủ kiến, những đàn kiến bò khắp châu thân, cắn, tiêm mật vào các thớ gân, cùng lúc người tôi tách rời ra, bay qua những cánh đồng, lướt gió, lơ lửng, mải mê"* (tr.113), và tận cùng của đau khổ *"Quỳ như kẻ thả diều bắt tôi lên cao nữa, lên cao mãi, lên cao cho đến lúc nổ tung, cho đến lúc bước chân xuống tàu bị giết. Lưỡi mác chém vào đầu, chém vào vai, xẻ óc, đổ thịt, tan xương, nát sọ, máu me nhầy nhụa."* (tr.114). Chỉ hình ảnh về chiến tranh sống lại qua tiếng hát của Quý và Chiến cũng đem lại cho Vĩnh một đam mê mới mẻ *"Quý như kẻ động kinh vừa pháo kích vừa phồng mang trợn mắt:* **Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù.** *Tôi chạy trở lên lầu, người tôi cũng bị kích động đột ngột (...) Tôi ôm ghì Nữ"* (tr.125), và một hận thù hừng hực *"Chiến bắc loa thổi kèn đánh trống:* **Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại, xương da thịt mẹ cha ông miệt mài.** *Tôi đâm Nữ bằng tất cả sức mạnh, trí tuệ và cơ bắp. Máu chảy ở vết thương..."* (tr.125).

*

Nhưng rất nhanh, người ta có cảm giác rằng sự tồn tại song song của hai thứ tình cảm này báo hiệu không chỉ một tâm hồn vô cùng nhạy cảm, mà một nội tâm cực kỳ phức tạp, ở đó nỗi đau đớn, vật chất hay tinh thần, chỉ tồn tại để làm tăng thêm niềm khoái lạc. Đoạn nấu rồng chứng minh điều đó: *"con rồng con đỏ hỏn vừa bắn về ban chiều tươi rói, khoe những thớ thịt trẻ thơ bụ*

bẩm. Ghê sợ. Nhưng tôi không cưỡng lại được niềm phấn kích hồ hởi của cảm giác được ăn thịt tươi lần đầu không đông lạnh. Tôi phụ với Qúy luộc thịt, gói bánh tráng..." (tr.123). Hơn thế nữa, để đạt được một giây phút thoả mãn, Vĩnh sẵn sàng hành hạ thân xác mình, thân xác kẻ khác, chấp nhận mọi cực hình, mọi sỉ nhục, ngay cả cái chết, không ngần ngại dùng đến tra tấn, bạo lực, thậm chí giết người. Hành hạ đã trở thành điều kiện không thể thiếu được của mưu cầu nhục dục. Và hành hạ càng tinh tế thì khoái cảm càng ngọt ngào. Không được quên rằng cảm giác vui thú trong cảnh làm tình với Quỳ đã được so sánh ngay với những mũi kiến chích. Nếu không thì làm sao giải thích được những hành động khổ dâm: *"cơn khát, giấc mơ, cả hai trộn lẫn thúc đẩy. Tôi nửa muốn sống, nửa muốn chết (...) Bạn bè đứng trước tôi lần lượt tự sát* (tr.110), hay bạo dâm *"tôi hãm Nữ tàn khốc. Tôi giết tuổi thơ của Nữ (..). Thỏa mãn."* (tr.125) mà nhân vật này không ngừng bày tỏ?

Tất cả những cái đó biến bốn cảnh quan trọng nhất của Giấc Mơ Thổ thành những cảnh hành xác, từ cảnh vượt biển, đến cảnh làm tình, từ cảnh săn rồng đến cảnh hiếp Nữ. Ở đó, ngoài những cảm xúc cực mạnh, ta còn gặp những chi tiết đặc thù của trò chơi kỳ lạ này: không khí giam hãm, hung tàn, gần như siêu thực, ma quái, tạo thành cái *fond* lý tưởng cho các cuộc hoan lạc kiểu Sade, thêm vào đó là các dụng cụ tra người như lưỡi rựa chặt đầu, đinh chọc mắt, cưa xẻ xác, dây điện quất mặt. Bốn cảnh hành xác trong đó cảnh vượt biển-tự sát giữ vai trò mở đầu, *"tôi sắp sống những giây phút đớn đau đầu tiên"* (tr.110). Phần lớn những cảnh sau chỉ là tiếng vang, những âm hưởng của nó: hình ảnh đứa trẻ bị giết trong cảnh săn rồng, động tác xẻ thịt tươi trong cảnh nấu rồng, hành động tra tấn trong cảnh hiếp Nữ là những motif đã có sẵn trong cảnh đầu. Có trong cảnh mở đầu này một cái gì rất Marquez. *"...Chúng tôi đi tìm cái chết (...) Tôi run rẩy vì ý nghĩ mình sắp chết (...) Nền trời mỗi lúc một xanh..."*, không thể nào không nhận ra ở đây những nét chung của Giấc Mơ Thổ và Ký Sự Về Một Cái Chết Đã Được Báo Trước: bạo lực, định mệnh, nỗi chết.

Bốn cảnh hành xác trong đó phụ nữ là người giữ vai trò hướng đạo. Người mẹ đưa các con xuống tàu tự sát, tiễn các con sang thế giới bên kia; Vĩnh chẳng nói đó sao *"Mẹ tôi đau nỗi đau của người đàn bà lúc lâm bồn (...) Biết đau đớn nhưng vẫn ham sanh. Tánh khổ dâm tôi thừa hưởng từ mẹ"* (tr.110) ? Sau đó, Quỳ là người đã lôi cuốn Vĩnh vào các trận hành lạc, bằng những thái độ vừa khổ dâm *"Quỳ cúi gập người liếm vũng nôn. Dáng điệu mải miết say mê (...) trông thấy hình ảnh người đàn bà đẹp, quỳ nuốt những thứ mà mình vừa nôn ra khiến tôi càng cực ham muốn"* (tr.113), vừa bạo dâm *"Tôi thét gọi mẹ, bấu lấy đầu Quỳ muốn ngừng, nhưng Quỳ vẫn tiếp tục, ngậm chắc, mải miết, nuốt trọn toàn thân tôi..."*(tr.113). Phải nói rằng, ngay từ đầu, ở người đàn bà này, trong con mắt của Vĩnh, mọi thứ đều đồng nghĩa với hành xác, thậm chí cả những động tác rất thông thường, không thuộc lĩnh vực tình dục, như nấu ăn: *"Vợ Quý đang khom lưng bổ đôi quả cật. Mấy ngón tay Quỳ mân mân lăn lăn miếng bầu dục bóng lưỡng nằm tráy trên thớt. Quỳ vuốt ve, âu*

yếm, hết trở qua rồi lật lại, lạng bỏ nhịp nhàng những gân hôi, rồi khía. Quỳ lấy nước ở hồ Ba Bể, ngâm bầu dục cho xả nhớt, rắc một chút húng lìu, và ghép một lạng mỡ trước khi xiên" (tr.107). Cuối cùng, vẻ trẻ thơ, yếu ớt của Nữ chỉ vô tình làm khơi dậy dục vọng ở Vĩnh *"Quỳ phụ Quý lấy dây điện quất vào mặt Nữ không cho cãi (..) Chiếc vòng ngọc Nữ đeo ở cổ tay rớt trên mặt đất, tôi cúi lượm thấy vỡ giữa lòng bàn tay mình một nỗi ham muốn mới kỳ lạ"* (tr.123), và làm tăng thêm tính bạo dâm ở nhân vật này *"Nữ lấy hai tay che ngực che bụng van lạy, tôi nắm tóc Nữ ấn đầu xuống gối bẻ quặt tay mở cúc quần mình..."* (tr.125).

Bốn cảnh hành xác trong đó cơ thể, nhất là cơ thể người nữ giữ một vị trí trung tâm. Người mẹ đau đẻ *"xẻ thịt, banh da, rạch tử cung, xé buồng nhau, mất huyết"*. Người tình *"chắc", "hăm hở"*, với *"sức vóc của người đàn bà chăm việc đồng áng"*. Nữ với *"thân thể tròn mịn, như cánh đồng lúa chín căng những hột thóc"*. Những cơ thể sẽ tự khám phá hay được khám phá qua những cơn hành lạc. Những người đàn bà của Giấc Mơ Thổ thường câm lặng. Cứ như thể chỉ tấm thân họ thôi, với những nhịp điệu, cử chỉ, động tác rất đặc trưng của nó, cũng đã là một ngôn ngữ, đủ để nói lên những thèm khát và ước vọng. Có lẽ trong thẩm mỹ của mỗi nhà văn, người phụ nữ thường có một dáng điệu riêng. Các cô gái của Bảo Ninh, từ Phương và Hạnh của Nỗi Buồn Chiến Tranh đến Diệu Nương của Gió Dại đều có một *"dáng đi mềm mại dung đưa toàn thân"*. Ở Trần Vũ, người đàn bà quyến rũ nhất trong thế quỳ. Có lẽ vì vậy mà nhân vật nữ chính của Giấc Mơ Thổ tên là Quỳ? Tôi không rõ, chỉ biết rằng tên gọi và dáng vẻ của người đàn bà này hoà quyện với nhau một cách kỳ diệu trong cái tư thế gợi cảm nhất đó: *"cúi gập người (..) Dáng điệu mải miết say mê (..), quỳ nuốt..."* hay *"khom lưng"*, trong các ngón tay khi thì *"mát dịu"* khi thì *"nóng nảy", "mằn mằn lăn lăn"*. Bức tranh đẹp nhất của Giấc Mơ Thổ là trăm con rồng *"uốn lượn nhịp nhàng tựa trăm cô gái múa lụa (...) quỳ xuống đứng lên uyển chuyển"*. Nhưng sự khác nhau chỉ ở hình thức. Về nội dung, tác phẩm của Trần Vũ và Bảo Ninh đều nói một điều, cơ thể người nữ chỉ mang một ý nghĩa duy nhất với người nam: mục tiêu phá hủy và phương tiện khoái lạc. Chẳng phải cái chết của Diệu Nương được gây ra do chính những người đàn ông đã ngủ với cô? Cái nhìn của Vĩnh đặt lên cơ thể Quỳ và Nữ là gì khác ngoài cái nhìn của kẻ hưởng thụ và của tên đồ tể? Tấm thân Diệu Nương quằn quại dưới làn súng của những người lính gợi lại một cách chính xác bầy rồng đang múa lượn bị ghim đạn *"lỗ chỗ (..) lăn lộn ngã quỵ xuống trảng"* của Giấc Mơ Thổ.

Bốn cảnh hành xác là những cột mốc của một chặng đường trên đó nhân vật chính đi từ tội lỗi này sang tội lỗi khác: tội thông dâm, tội tổ tông, tội hiếp dâm, đi từ tự sát đến hủy hoại, đổi từ vị trí nạn nhân sang vị trí đao phủ.

Quá khứ - Hành xác - Tội ác, là ba chi tiết gắn liền nhau trong số phận, trong bi kịch của Vĩnh. Cứ như thế để đạt được tuyệt đỉnh của khoái lạc, Vĩnh phải ngược về điểm cuối của dĩ vãng đớn đau và đi đến tận cùng của lương tâm tàn bạo.

*

Nhưng một trong những điểm độc đáo trong cuộc hành trình tìm về quá khứ của Vĩnh có lẽ là sự có mặt, dù rằng ngắn ngủi, của những giây phút tỉnh táo, so với nỗi ám ảnh dài vô tận của Quý, của Quỳ, của Chiến. Tỉnh táo để biết mình vừa nằm mơ *"giấc mơ khủng khiếp (...) căn phòng ngợp hơi"* (tr.110). Tỉnh táo để nhận ra thời gian đang chảy *"tiếng động của các tế bào sinh sôi nảy nở rồi chết đi liên tục, sôi động hàng hàng lớp lớp, cứ mớ này đến mớ khác, cứ lớp này đến lớp khác, tái tạo hủy diệt sinh tử đổi ngôi cho nhau"* (tr.113). Tỉnh táo để nhận thấy sự bất lực của con người trước thời gian - nếu ở kỷ niệm tuổi thơ *"chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ trông thấy ..."* (tr.110), thì trong hiện tại, Tết Giáp Tuất *"Chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ* **không** *trông thấy...* (tr.106). Tỉnh táo để nhìn thấy những dấu vết không chối cãi được, càng ngày càng nhiều, của thời gian trên cơ thể, lúc đầu trong *"đôi mắt"*, *"gương mặt"*, sau đó trên *"làn da"*. Tỉnh táo để lạc quan nhờ *"những giấc mơ không bao giờ tắt"*.

"Chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ không trông thấy trên gương mặt, trong đôi mắt, nhưng ở những giấc mơ không bao giờ tắt". Không phải là một sự vô tình nếu những hàng chữ mở đầu này của Giấc Mơ Thổ được in nghiêng. Để tô đậm thêm sự lạc lõng của chúng, lạc lõng của một lời nói hiếm hoi không đến từ những cơn mộng mị mà đến từ tri thức, lạc lõng của niềm thức tỉnh và nỗi lạc quan. Chính vì vậy cái tỉnh táo vĩnh viễn chợt đến với Vĩnh trong cảnh cuối cùng, sau biết bao những giằng co, giữa mơ và thực, giữa hiện tại và kỷ niệm, giữa ý thức và vô thức, giống như một sự vỡ mộng: *"Tôi trở về dinh cơ của Quý, nhiều năm sau Tết Giáp Tuất. Bốn trụ trời chỉ cao ngang tầm mắt..."* (tr.125). Niềm tin vào tuổi trẻ chợt tìm thấy *"tôi đọc lờ mờ câu thơ cổ văn do cụ Cử - thầy Quý - khắc :* **Thanh niên phương dự ái nho lâm.** *Lần đầu tiên tôi hiểu nghĩa* của câu thơ sáu kỷ trước. Hương rừng nho ở đâu tỏa thơm thoang thoảng" (tr.126), cũng không khỏi mang một chút gì cay đắng, muộn màng, *"Gió thổi qua chín chung đỉnh đồng còn vững, đứng trơ vơ, như tiếng than của một thời đại đã khuất"* (tr.126). Giấc mơ thổ của Vĩnh tắt đi để nhường chỗ cho giấc mơ thổ vừa bừng nở của Nữ, người con gái yêu một chàng trai Thổ, tham gia biểu tình chống kỳ thị. Nữ là nhân vật duy nhất trong truyện biết chối từ dĩ vãng để mơ đến một ngày mai. Vâng, phải có cái độ chín đó của Nữ thì mới viết được cho Vĩnh những dòng này sau tất cả những gì đã xẩy ra: *"Được tin chú về X. Cháu ghé về nhưng không gặp. Chuyện xẩy ra đã lâu. Cháu không còn giận gì chú nữa. Cháu sống hạnh phúc với Mohamed"*.

*

Hành xác hay hành văn?

Tôi nghĩ đến số phận của chính truyện ngắn Giấc Mơ Thổ. Giấc Mơ Thổ đã được in trọn vẹn trong Hợp Lưu số 19, sau đó được cắt xẻo trong Diễn Đàn

số 37. Lần này, phần đầu và phần cuối của tác phẩm biến mất; *"tôi"* - người kể chuyện và nhân vật chính, không có tên, cái tên Vĩnh chỉ xuất hiện trong bản của Hợp Lưu, giống như kẻ cụt đầu; hoàn toàn bị xóa sổ nhân vật Đình, một biến thể, một cái *"tôi"* khác của Vĩnh - bức tranh anh vẽ chính là tấm gương phản chiếu giấc mơ của Vĩnh, với *"thứ ánh sáng nhạt lưa thưa lơ lửng hoe vàng rải dọc những chiều thời gian đa chiều..."* và *"những khối loạn sắc không tài nào (...) chụp bắt, cảm giác cùng một lúc mọi vật, thế giới đều tản mát và tập trung..."* (tr.116).

Tôi nghĩ đến những mảnh vỡ đã cấu thành nên Giấc Mơ Thổ, nó thể hiện trong những tháng ngày và địa điểm rời rạc, được ghi lại ở cuối tác phẩm, đánh dấu những bước ra đời khó khăn, khoắc khoải, của truyện ngắn: *"Date-written. 21/7/94 Sàigòn Quận Nhất. Date-Compiled. 23/8/94 Paris Marne La Vallée. Mise en Prod: Sinh nhật Hợp Lưu 10/91-10/94"*. Chẳng phải chính Giấc Mơ Thổ đã gợi lên sự so sánh giữa lao động nghệ thuật và hành xác, bằng cách đưa ra hình ảnh một nghệ sĩ đang sáng tạo *"Bàn tay Đình lún vào mặt vải, vùng vẫy. Cả thân mình dần co với tấm tranh. Hai cánh tay anh nắm cứng lấy chuôi dao dâm ngập đến cán (..) Vẽ mà như tra tấn, nát người"*(tr.116)? Nó giải thích vì sao Giấc Mơ Thổ được bắt đầu với lời đề tựa *"Về Ph. Nguyên và Võ Đh."* (3).

Tôi nghĩ đến tâm trạng tác giả lúc viết những dòng chữ như roi quất, như dao đâm, đưa người đọc nhiều khi đến giới hạn của sự chịu đựng. Mặt khác những câu ứa máu, xẻ thịt, chồi da đó lại mang nhiều nét tự truyện. Như để đánh thức quá khứ? Như để sống lại cái chết?

Tôi nghĩ đến nỗi phẫn nộ của rất nhiều độc giả (4) không chịu nổi cái khoái lạc của Vĩnh - khoái lạc "đồi bại" vì chỉ tìm thấy trong đớn đau, hơn thế nữa trong bạo lực, trong nỗi chết. Và tôi mường tượng ra nụ cười của Trần Vũ...

ĐOÀN CẦM THI
Tháng 6/1995

---

(1) *Hợp Lưu* số 19. Những lời dẫn trong bài là trích ở số này của *Hợp Lưu*.

(2) G.M.T = Greenwich mean time

(3) Hoạ sĩ Phan Nguyên và hoạ sĩ Võ Đình.

(4) Xem thư bạn đọc *Diễn Đàn Forum* (Paris) số 38.



tư liệu



BG. NGUYỄN VĂN TỐ(*) VỚI TÁC PHẨM TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trong lịch sử văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ khoảng phần ba cuối thế kỷ XIX, Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là một tác giả có một vị trí đặc biệt. Trong gần suốt thế kỷ XX, những đánh giá về ông đi từ cực này sang cực khác, cả về hai mặt: cuộc đời và văn nghiệp mà cho đến nay chưa có sách báo nào kê khai đầy đủ và chính xác. Năm 1937, có người tự hào về một nhân vật của xứ mình, khẳng định: "Chúng ta phải chịu rằng từ xưa đến nay trong hàng văn mặc xứ ta chưa dễ gì có hai người như ông J.B. Petrus Trương Vĩnh Ký, dẫu đem so sánh với nước ngoài cũng chưa chắc có mấy nước đặng có những bậc anh hùnh vĩ nhân trong văn học giới như thế nữa"(1). Năm 1990, Nguyễn Văn Hoàn đánh giá Trương Vĩnh Ký là "một tác giả lớn, một nhà văn hóa có ảnh hưởng lớn"(2).

Ở cực khác, năm 1975, Nguyễn Sinh Duy - Phạm Long Điền dành cả một cuốn sách, "*Cuốn Sổ Bình Sanh Của Trương Vĩnh Ký*", để lên án gay gắt, quyết liệt toàn bộ cuộc đời và văn nghiệp Trương Vĩnh Ký vì cho rằng ông "nằm trong quỹ đạo xâm lăng văn hóa của thực dân Pháp"(3).

Kể từ khi Trương Vĩnh Ký nằm xuống cho đến nay, không có một thập niên nào vắng bóng sách, báo viết về Trương Vĩnh Ký. Mật độ tập trung cao nhất có thể quan sát được vào năm 1937, năm có tổ chức lễ kỷ niệm một trăm năm ngày sinh tác giả, tổ chức ở khắp cả ba miền đất nước. Sáng kiến tổ chức

thuộc về Hội Đông Dương Học. Người được cử ra đứng đầu ban Trị sự để chuẩn bị lễ kỷ niệm là ông Nguyễn Văn Của, chủ nhiệm tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*. Do đó, tờ báo này có bài vở và tin tức phong phú nhất về họ Trương trong làng báo Việt, Pháp. Hầu hết bài vở được đăng trọn trong một số báo. Bài đăng làm ba kỳ như "*Một Đời Gương* của Nguyễn Văn Liễn(4) là một trường hợp lẽ loi.

Nổi bậc lên trên hết là một bài bằng Pháp văn của Nguyễn Văn Tố đăng trên tập *Kỷ Yếu Hội Trí Tri Bắc Kỳ (5): Petrus Ký 1837-1898*. Bài dài bốn mươi trang khổ 16X25: Nếu in thành sách khổ 13X19 thì cũng trên dưới một trăm trang.

Nguuyễn Văn Tố không làm thư mục về Trương Vĩnh Ký nhưng trong bài viết, ông đề cập hầu hết những tác phẩm đã xuất bản của tác giả này ở mức chính xác tuyệt đối. Chừng như đoán định trước những chỗ người ta dễ vấp, ông thêm một hai chi tiết rất đúng lúc, chỗ nọ chỗ kia. Như về cuốn "*Gia Huấn Ca*", ông thêm: "Trần Hi Tăng" (tác giả), nếu không thì dễ nhầm với Nguyễn Trải theo thói quen; về "*Kim Vân Kiều Tập Án*" của Nguyễn Văn Thắng, ông thêm: "Tham hiệp ở Thanh Hóa", nếu không thì dễ nhầm với Nguyễn Khuyến vốn có tên trước là Nguyễn Văn Thắng; và "*Học Trò Khó Phú*" (Hán Việt là "*Hàn Nho Phong Vị Phú*") ông thêm: "*Học Trò Khó Phú trào Lê, tỉnh Hà Nội, học trò giám tên là Nguyễn Thế Lan làm", nếu không thì có thể tưởng là của Nguyễn Công Trứ...*

Những chi tiết xem ra tưởng nhỏ nhặt nhưng thực sự không phải vô ích. Cho đến mấy thập nên sau, vẫn còn nhiều sách báo cứ vấp váp.

Nếu trước đó J. Bouchot với cuốn "*Un Savant et un Patriote Cochinchinois Petrus Trương Vĩnh Ký*" (1927), Đặng Thúc Liên với cuốn "*Trương Vĩnh Ký Hành Trạng*" (1927) đề cập cả con người và văn nghiệp của Trương Vĩnh Ký, thì Nguyễn Văn Tố chỉ tập trung vào tác phẩm(6). Nếu bài viết công phu của ông đánh giá tác phẩm trong mối quan hệ với hoàn cảnh lịch sử lúc đó thì nội dung bài viết có lẽ sẽ thêm phần sâu sắc hơn nữa. Trong hơn nửa thế kỷ sau cho đến tận hôm nay, với bài viết "*Petrus Ký 1837-1898*", Nguyễn Văn Tố vẫn còn là một tác giả phân loại và đánh giá tác phẩm Trương Vĩnh Ký tương đối đầy đủ hơn hết.

Tiếc thay, bài của ông lại ít được người biết đến ngoại trừ một số ít tác giả như Lê Thanh với cuốn "*Trương Vĩnh Ký*" (1943), Khổng Xuân Thu với tác phẩm cùng một nhan đề (1958). Lê Thanh có tham khảo Nguyễn Văn Tố nhưng lại kê sách theo thư mục của J. Bouchot. Khổng Xuân Thu cũng có tham khảo Nguyễn Văn Tố nhưng lại theo gần sát bảng kê của Long Điền(7). Do đó cả hai đều không tránh khỏi vấp váp.

Sáu năm sau, khi đề tựa cho cuốn "*Trương Vĩnh Ký*" (1943) của Lê Thanh, Nguyễn Văn Tố có phần nào rút gọn lại một số ý kiến đánh giá của mình trước đây, coi Trương Vĩnh Ký lập ngôn là một trong ba người bất hủ. "Ông Trương Vĩnh Ký có thể liệt vào hạng người đó vì không những Hán học uyên thâm, Pháp học uyên bác, ông lại còn tinh thông về các thứ chữ ở Viễn Đông

(...), thật là một nhà bác ngữ uẩn súc, nước ta chưa từng có bao giờ, chỉ một quyển sử Nam chép bằng chữ Pháp và mấy quyển truyện Nôm dịch ra Quốc ngữ cũng đủ nổi tiếng là một nhà *lập ngôn bất hủ*, thế mà ông lại còn làm biết bao nhiêu là sách, trong quyển của ông Lê Thanh (...) có kể đủ cả. Những sách ấy hiện vẫn còn giá trị (...), không phải là người có thiên tài học vấn thì không sao viết nổi (...) Về Hán văn, ông có dịch bộ *Tứ Thư* và quyển *Minh Tâm Bảo Giám* ra Quốc ngữ, kể cũng có công với Hán học khi gần tàn, và tỏ ra là một nhà Nho gồm cả văn học Âu Á, mà vẫn giữ được tính cách người Đại Nam"(8).

Nói khái quát, Trương Vĩnh Ký viết tới đâu, thì Nguyễn Văn Tố phê bình đến ngang tầm đó (nói về những tác phẩm đã xuất bản). Cũng chẳng có gì lạ. Anh hùng mới biết anh hùng. Ở phần ba cuối thế kỷ thứ XIX, vào buổi sơ khai của nền văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ, có ba khuôn mặt nổi bật, kể theo tuổi tác: Huỳnh Tịnh Của (1834-1908), Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Trương Minh Ký (1855-1900). Trong số này, chỉ có một người được học giới Pháp nể nang nang về sức học, gọi là nhà học giả uyên bác, hay thông thái, đó là Trương Vĩnh Ký.

Ở phần ba đầu thế kỷ XX, theo một giáo sư người Pháp thì trên đất Bắc, có ba người thông minh: Quỳnh, Vĩnh, Tố (Phạm Quỳnh, 1892-1945 - Nguyễn Văn Vĩnh, 1882-1936 - Nguyễn Văn Tố, 1889-1947). Rốt lại cũng chỉ còn một người được đánh giá là nhà học giả uyên bác, đó là Nguyễn Văn Tố.

Theo Nguyễn Thiệu Lâu, người đã từng cùng làm việc tại trường Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội thì ngay chính ông G. Coedès, nhà học giả giám đốc trường cũng thật sự nể trọng Nguyễn Văn Tố, một nhân viên thuộc quyền. G. Coedès viết xong bài nào cũng đưa cho Nguyễn Văn Tố xem qua, rà lại trước khi đăng.

Cuối năm 1992, Trung tâm Hán Nôm trong một buổi nói chuyện chuyên đề tại đài Truyền T.ph. HCM, có nhắc qua một loạt tên các nhân vật có công trong việc sưu tầm Hán Nôm. Trong số này có hai người mà tên tuổi được kê liền nhau:

Tôi nhớ ngày trước tôi đến học thầy đồ. Thầy kiêm-thông cả Pháp-văn. Một hôm tôi hỏi: « Thưa thầy, học cái gì khó? » Thầy dạy rằng: « Học cách làm người, học để giúp ích cho nhà, cho nước, cho đồng-bào, học bao giờ biết được những việc gì là hay, là phải... » Ngẫm ra lời dạy ấy đời nào cũng hợp.

Nguyễn văn Tố

Bút tích Nguyễn Văn Tố, trích Lê Thanh, *Cuộc Phỏng Vấn Các Nhà Văn* (1943), tr. 323

Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Tố. Cũng như Trương Vĩnh Ký, nhà học giả Nguyễn Văn Tố có những trang viết về nhiều lãnh vực thuộc khoa học xã hội. Ông có nhiều bài về ngôn ngữ, văn học, lịch sử, mỹ thuật, khảo cổ học v.v... Nhiều bài nghiên cứu, phê bình có giá trị bằng chữ Pháp đã được đăng tải trong các tập kỷ yếu của trường Viễn Đông Bác Cổ, Viện Nhân Chủng Học, Hội Trí Tri Bắc Kỳ, và bằng Quốc ngữ trên các tờ tạp chí Đông Thanh (1932-1938). Tri Tân (1941-1946), v.v...

Có những bài dài đăng nhiều kỳ, nếu gom lại in thành sách cũng được, như bài "*Petrus Ký 1837-1898*" kể trên, hay loạt bài "*Việt Nam Văn Học Sử*" đính chính những sai sót của Dương Quảng Hàm, trong cuốn "*Việt Nam Văn Học Sử Yếu*" trên tờ Tri Tân từ số 172 ngày 28-XII-1944 đến số chót loại cũ, 212 ngày 1-XI-1945 mà cũng chưa dứt, tổng cộng được 22 bài, mỗi bài từ hai trang đến hai trang rưỡi trên giấy khổ 21X27, nếu in thành sách khổ 13X19 thì cũng được khoảng 140 trang.

Còn nữa, như "*Tài Liệu Đính Chính Những Bài Văn Cổ*" cũng trên Tri Tân,... Những bài viết của ông về văn học, lịch sử bằng quốc ngữ trên các tạp chí Đông Thanh, Tri Tân rất có ích cho giới nghiên cứu. Nếu một cơ quan có chức năng góp nhặt tập trung lại in thành sách thì thật là có ích biết bao cho học giới.

Về sau, có người nhận xét chí lý, các công việc mà Nguyễn Văn Tố đã làm khi xưa, ngày nay chúng tôi thấy chưa ai kế tiếp làm được. Rất tiếc Nguyễn Văn Tố đã sớm tạ thế, nước nhà đã thiệt đi một học giả thông thái, một nhà phê bình đáng kính"(9).

Năm 1943, lúc Nguyễn Văn Tố còn đang làm việc tại trường Viễn Đông Bác Cổ, Lê Thanh có ý kiến đánh giá khẳng định như một đề nghị: "... Sau này, nếu ai biên tập cuốn sử Văn Học Việt Nam cận đại, trong mục những nhà học giả, không thể nào không để vài trang nói về tiên sinh..."(10)

Nhà học giả Trương Vĩnh Ký - mặc dầu có sự đánh giá khác nhau về ông từ cực này đến cực khác - đã có vị trí không thể quên đi hay bỏ được trong lịch sử văn học Việt Nam cận đại. Còn nhà học giả đáng kính Nguyễn Văn Tố thì đang còn ở ngoài phòng đợi của *Từ Điển Văn Học* (1983-1984). Hay là không có địa chỉ?

BG.

(*) Nguyễn Văn Tố hiệu Ứng Hòe, sinh tại Hà Nội ngày 5-VI-1889. Năm 1905 ông đỗ bằng Thành chung và tốt nghiệp trường Thông Ngôn. Cũng năm đó, ông làm việc tại trường Viễn Đông Bác Cổ và học thêm, lấy bằng Năng lực luật khoa.

Ông là cây bút chủ lực của tập *Kỷ Yếu Hội Trí Tri Bắc Kỳ*, đảm đang chức vụ Hội trưởng Hội truyền bá học quốc ngữ từ năm 1938.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, ông tham gia Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời ở cương vị Bộ trưởng Bộ Cứu Tế Xã Hội. Ông cũng là quyền chủ tịch Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Sau đó, giữ chức Quốc Vụ Khanh

trong chính phủ Liên Hiệp. Ông qua đời tại Bắc Cạn ngày 7-X-1947 trong một cuộc tấn công của quân đội Pháp.

(1) *Lục Tỉnh Tân Văn*, số 5532, 10-IV-1937.

(2) Nguyễn văn Hoàn "Về Công Trình Giai Đoạn Đầu Của Nền Văn Học Quốc Ngữ", *Tạp chí Văn Học* số 6 (1990), tr. 67.

(3) Nguyễn Duy Sinh - Phạm Long Điền, "*Cuốn Sổ Bình Sanh Của Trương Vĩnh Ký*" (s. 1975), tr. 17.

(4) Nguyễn Văn Liễn, "*Một Dời Gương*", *Lục Tỉnh Tân Văn* số 5596, 28-VI-1937, số 5597, 29-VI-1937, số 5620, 27-VII-1937. Nguyễn Văn Liễn là hội viên Hội Đông Dương Học, Chủ tịch ủy ban (Văn học) Phan Thanh Giản của Hội Nam Kỳ Đức Trí Thể Dục.

(5) *Bulletin de l'enseignement mutuel du Tonkin* số 1-2 (I-VI, 1987), tr. 25-67.

(6) Về sau cũng có tác giả viết về Trương Vĩnh Ký nhưng cũng muốn bỏ qua như Nguyễn Văn Tố. Theo Trường Sơn Chí, "ta hãy để một bên dời chính trị của cụ - có lẽ đó không phải là chí hướng của cụ - (Nam Kyø Tuaàn Baùo, số 50, 2-IX-1943). Số đặc biệt về Trương Vĩnh Ký.

Hơn bốn mươi năm sau, Trần Bạch Đằng cũng muốn "gạt thái độ chính trị" của họ Trương để đánh giá về mặt khác (*Đồng Bằng Cửu Long 40 năm* - T.ph. HCM 1986) tr. 106.

(7) Long Điền, "Sự nghiệp trước thuật của cụ Trương Vĩnh Ký (1837-1898). Trong 31 năm, cụ trước thuật được 118 pho sách, tính trung bình mỗi năm làm được từ 3 đến 4 quyển" (*Tri Tân*, số 44, 22 đến 28-IV-1942), tr. 6-7.

(8) Lê Thanh, Sdd (trang không đánh số).

(9) Nguyễn Phan, Thân Thế *Và Sự Nghiệp Nhà Học Giả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố*, *Văn Học giai phẩm* (S, 25-XII-1973) tr. 64.

(10) Lê Thanh, Sdd, tr. 34.



NGÔ TUỆ
NHÀ VƯỜN HUẾ

Nói đến Huế, không thể không nhắc đến nhà vườn. Nhà thơ Hàn Mặc Tử ghi nhận:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...

Nhà thơ Nguyễn Bính cũng viết về "xóm Ngự Viên" với nỗi buồn man mác:

Lâu nay có một người du khách
Gió bụi mang về xóm Ngự Viên
Giậu đổ dây leo suồng sã quá
Hoa tàn con bướm cánh nghiêng nghiêng...

Huế là một thành phố vườn, cả thành phố là một công viên vĩ đại, nhà vườn Huế được xây dựng khắp nơi trong và ngoài thành. Mỗi nhà tọa lạc trong một khu vườn xanh tươi thoáng mát.

Nhiều khu vườn, sân vườn của các gia đình được kiến tạo từ các đời vua trước, thể hiện tình yêu thiên nhiên, lòng khao khát của con người bằng cách thâu tóm không gian rộng lớn, đất nước mênh mông trong khuôn viên của sân vườn. Mỗi nhà vườn là một thế giới biệt lập, bao bọc bằng lũy tre xanh hay bằng hàng rào chè tàu cắt xén cẩn thận, giữ cho ngôi nhà được yên tĩnh kín đáo.

Khách vào nhà vườn bằng chiếc cổng xây, lối đi vào hai bên có hàng rào chè tàu, tấm bình phong chấn ngay trước sân bằng gạch hoặc bằng cây xanh, sau bình phong là bể cạn có hòn non bộ: cảnh sơn thủy thu nhỏ, có hang động, rêu xanh, cầu bắc qua sông suối. Dưới bể cạn những loài cá cảnh đủ màu nhởn nhơ lội như trong một thế giới thần tiên. Tiếp đến là một quãng sân rồi mới vào nhà, hai bên và sau nhà là vườn cây ăn quả bốn mùa theo ý thích của chủ nhân.

Nhà thường là loại nhà trệch cổ kính chạm trổ tinh vi dành riêng để thờ tổ tiên, ngôi nhà phụ dành cho con cháu ở, căn giữa nhìn vào không thấy cửa chính, do bức bình phong che làm tăng vẻ trang nghiêm. Người Huế có tính kín đáo, không thích phô trương, và cũng theo nghệ thuật kiến trúc, không bao giờ nhà vườn Huế lại có lối đi thẳng từ cổng chính vào gian giữa tòa nhà, mà không bị chắn bởi bức bình phong, và các loại hoa lá cây kiểng.

Nhìn cảnh quan một nhà vườn, người ta nhận ra được tâm hồn và phong cách sống của người Huế. Sống trong nhà vườn, chủ nhân gần gũi với thiên nhiên, cây cỏ, hưởng thú điền viên. Về với nhà vườn là xa cảnh phồn hoa đô hội để lắng tâm hồn với tạo vật. Đời sống nội tâm người Huế phong phú có lẽ một phần nhờ sống trong khu nhà vườn giữa cảnh quan của một thành phố vườn, bao quanh là núi non sông biển.

Có đến nhà vườn Kim Long, Nguyệt Biều, Vĩ Dạ, An Cựu, Bao Vinh... chúng ta mới thấy được nếp sống ung ung thanh thản của người dân xứ Huế giữa lòng thiên nhiên. Nhiều giống hoa quả đã được gầy trồng tạo lập nên trong các khu vườn. Thanh trà Huế là một giống bưởi đặc sắc được trồng nhiều ở Lương Quán, Nguyệt Biều. Sapôchê (hồng xiêm), măng cụt, vú sữa, xoài, dừa từ phía Nam đưa ra. Nhãn, vải, táo, hồng, cam miền Bắc đem vào. Cà phê, hồ tiêu từ Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị hay từ Tây Nguyên

đưa tới.

Hoa mai vàng ở Huế cũng thật đặc biệt, mai vàng nở là tín hiệu mùa Xuân đến, nhưng mai vàng ở Huế có nhiều hoa, cánh dày hơn các nơi khác. Mai được trồng trong vườn hoặc hãm trong chậu, uốn tỉa công phu. Trồng mai, trồng cây uốn thế là nghệ thuật có truyền thống lâu đời ở Huế.

Tuy vậy không thể không tính đến kinh tế nhà vườn, chính các nhà vườn trù phú Kim Long, Nguyệt Biều, hoa trái đã nuôi dưỡng chính gia chủ suốt đời, những vườn của Huế không mang đặc tính cao sản kiểu chủ nhân vựa trái như các miệt vườn Nam bộ, mà đậm đà chất văn hóa. Chủ nhân nhà vườn Huế, tuy ý thức vườn là nơi tăng tiền thu nhập bằng cây lưu niên, vẫn không quên dành những khoảng đất thích hợp để cho hoa mai, hoa hồng tưng bừng nở rộ.

Ngoài ra, Huế còn có hàng chục ngôi chùa nổi tiếng ẩn mình ở các vùng gò đồi, hay các vùng nông thôn hẻo lánh. Một số vườn chùa đã được xây dựng và chăm sóc tốt, cùng với kiến trúc nhà chùa tạo ra một khung cảnh thanh tịnh hài hòa, phù hợp với cuộc sống người tu hành, nhiều vườn ao được quản lý tốt cũng đem lại một nguồn thu nhập đáng kể tạo điều kiện thuận lợi cho người tu hành yên tâm lo việc đạo. Mỗi vườn chùa là một khung cảnh thiên nhiên đượm triết lý nhà Phật. Các nhà sư là tác giả của những vườn hoa cây cảnh đạt đến trình độ thẩm mỹ cao. Các chùa Thiên Mụ, Bảo Quốc, Từ Hiếu, Huyền Không... mỗi vườn chùa có hàng chục bồn hoa, hàng trăm giò lan, chậu cảnh.

Đó là quang cảnh chung của vườn Huế. Có thể đây đó có những khu vườn đã tiêu điều qua chiến tranh, bão lụt, hoặc qua một thời có chủ trương sai lầm chặt vườn trồng sắn!

Đến viếng cố đô, nhiều du khách thích lưu trú trong một cảnh nhà vườn hơn là ăn ở tại khách sạn hiện đại, nơi các nhà cao tầng trần trụi, hoặc chỉ thích sống trong các "khách sạn-nhà vườn" để được gần gũi với thiên nhiên và nếp sống con người địa phương. Phải chăng xây dựng nhà vườn xinh xắn cho khách du lịch là một phương án phù hợp trong hướng trình phát triển du lịch?

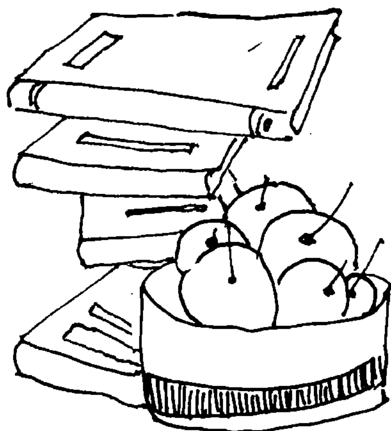
NGÔ TUỆ



PHẠM VIỆT CƯỜNG

PHAN TẤN HẢI *phụ trách*

sinh hoạt văn học nghệ thuật



RA MẮT TUYỂN TẬP HAI MƯƠI NGƯỜI VIẾT TẠI CANADA

Tối thứ Bảy ngày 20 tháng 5 vừa qua, tại Centre D'Essai, Đại Học Montréal, Trung tâm Văn Bút Québec và cơ sở xuất bản Nắng Mới đã tổ chức một đêm sinh hoạt giới thiệu *Tuyển Tập Hai Mươi Người Viết Tại Canada* do Nắng Mới ấn hành.

Buổi sinh hoạt qui tụ khoảng 200 quan khách, thân hữu và văn hữu. Mở đầu chương trình, nhà thơ Hoàng Xuân Sơn ngõ lời chào mừng và cảm ơn quí vị quan khách. Nhà thơ Trang Châu đại diện Nhóm Thực Hiện trình bày quá trình hình thành tuyển tập. Tiếp theo, giáo sư Hoàng Chiều Nhân giới thiệu nội dung Tuyển Tập (gồm ba phần. phần 1: Vào tập, Nhóm Thực Hiện đã lược duyệt hai mươi năm sinh hoạt văn học của người Việt tại Canada từ 1975 đến 1995. Phần 2: Gồm 35 bài thơ của 8 tác giả. Phần 3: gồm 12 truyện ngắn của 12 tác giả.)

Tiếp theo, nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc đến từ Washington D.C., Hoa Kỳ phát biểu một vài cảm nghĩ sau khi đọc *Tuyển Tập Hai Mươi Người Viết tại Canada.*

Sau hai mươi phút nghỉ giải lao để quan khách thăm viếng quầy sách, buổi ra mắt *Tuyển Tập* được tiếp tục với một chương trình văn nghệ khá phong phú, bằng sự góp mặt của nhiều nghệ sĩ quen thuộc tại Montréal.

Theo nhóm Thực Hiện Tuyển Tập cho biết thì *Tuyển Tập* được khai sinh vào thời điểm tháng 5 năm 1995 là để đánh dấu 20 năm sinh hoạt văn học của người Việt hải ngoại nói chung và tại Canada nói riêng. Tuyển Tập tuy không phải là tập hợp gồm tất cả những người cầm bút đang định cư ở vùng Bắc Mỹ, nhưng cũng hy vọng ghi lại được những nét tiêu biểu cho một giai

đoạn văn học trải dài hai thập niên, ngoài quê hương, tại xứ sở này.

Buổi sinh hoạt chấm dứt vào lúc 23 giờ cùng ngày.

VỀ SALMAN RUSHDIE

Chính quyền Iran vừa rồi đã từ chối lời yêu cầu của Na Uy xin tháo bỏ lệnh xử tử nhà văn người Anh Salman Rushdie. Lần này Teheran còn nói thêm là chính quyền Iran sẽ không cử ai đi tìm giết nhà văn cả, nhưng cái fatwa đó thì họ không thể bãi bỏ được.

Đài phát thanh chính thức của Iran đã bình luận rằng việc Na Uy quyết định rút đại sứ của họ ở Teheran về hôm đầu tháng bảy, với lý do Iran đã từ chối không xóa bỏ lệnh xử tử Rushdie, là một hành động nhằm gây áp lực chính trị đối với Iran. Đài này còn cho rằng yêu cầu của chính phủ Na Uy là "không thể chấp nhận được" và rằng "không có một áp lực nào có thể làm thay đổi được điều gì đối với án lệnh tôn giáo này cả". Na Uy cho biết sẽ không thực hiện việc buôn bán với Iran, và sẽ vận động các tổ chức quốc tế kêu gọi Teheran tháo bỏ án lệnh giết người nói trên và cải thiện nhân quyền ở Iran. Ngoài ra, Na Uy sẽ phản đối việc ngân hàng thế giới cho Iran vay thêm nợ mới cùng việc Iran được tham gia Ngân Hàng Phát Triển Á Châu có trụ sở đặt tại Manila.

Nhắc lại là nhà văn Salman Rushdie đã bị cố giáo chủ Ayatolah Khomeini ra lệnh xử tử vào tháng 2 năm 1989 vì đã viết "Satanic Verses", một tác phẩm bị cho là có tính cách báng bổ Hồi giáo. Rushdie đã phải thay đổi chỗ ở hàng trăm lần trong hơn sáu năm qua, và số tiền ông phải trả cho việc bảo vệ ông 24-trên-24 đã lên tới vài triệu mỹ kim. Cách đây hai năm, tổng thống Iran Ali Rafsanjani tuyên bố là lệnh xử tử Rushdie chỉ có thể được tháo bỏ bởi chính người đã ban hành nó mà thôi. Giáo chủ Khomeini thì đã qua đời hơn 5 năm qua.

VÙNG ĐẤT MỚI VÀ GIẢI "TỰ DO PHÁT BIỂU" (FREE EXPRESSION PROJECT)

Ngày 7 tháng 6 năm 1995, lúc 10 giờ tối, nhà thơ Mai Trung Tĩnh đã cùng với gia đình (gồm vợ và hai con trai đã trưởng thành) đặt chân xuống phi trường Baltimore theo diện H.O., và sẽ định cư tại thành phố Annapolis.

Chúng tôi cũng được biết tổ chức Human Rights Watch, trong dự án vận động cho quyền tự do phát biểu (Free Expression Project) năm nay đã trao giải thưởng cho 49 nhà văn trên 24 quốc gia trên thế giới. Trong số những người được tặng giải này có ba người Việt Nam là:

1) Ông Nguyễn Hộ, cựu Đảng viên Đảng CSVN, là một nhà viết tiểu luận. Sau khi gia nhập Đảng CS từ thập niên 1950, lên đến cấp lãnh đạo công đoàn

ở Việt Nam. Năm 1986 ông cùng một số người thành lập Câu Lạc Bộ Kháng chiến có khuynh hướng đòi đảng CSVN phải thay đổi chính sách, cởi mở hơn. Ông bị bắt và quản thúc tại gia từ đó cho đến năm 1993. Năm 1994 ông bị bắt lần nữa, nhưng vì tuổi già, sức yếu, chính quyền Hà Nội buộc phải thả ông về, giao cho con gái của ông "quản lý".

2) Nhà văn Châu Sơn Thái Vị Thủy, thuộc Đảng Duy Dân, hoạt động cách mạng từ năm 1950. Là tác giả của nhiều sách về chính trị, văn học và biên soạn một Tuyển Tập Thơ Việt Nam. Ông bị bắt và bị giam từ năm 1975 đến năm 1983. Tới năm 1990 ông bị bắt lại vì hợp tác với Đoàn Viết Hoạt trong nhóm *Diễn Đàn Tự Do*, bị kết án 18 năm tù. Năm 1994, vì bị kích ngất nên được chuyển qua bệnh viện. Hiện vẫn còn bị quản thúc tại đấy.

Và người thứ ba là nhà thơ Mai Trung Tĩnh.

Nhà thơ Mai Trung Tĩnh tên thật là Nguyễn Thiệu Hưng, sinh năm 1937 tại Hà Nội, là tác giả hai tập thơ: "Vườn Địa Đàng" và "Tập Thơ Chọn Lọc" (in chung với thi sĩ Vương Đức Lệ) được xuất bản tại miền Nam trước 1975. Với cấp bậc Đại Úy của ngành Tâm Lý Chiến VNCH, phụ trách Đài Phát Thanh Quân Đội, Mai Trung Tĩnh nằm trong diện "cải tạo". Sau bảy năm tù (từ đến 1975 đến 1982), ông được trả tự do, nhưng lại tiếp tục chống đối và đã hợp tác cùng Giáo sư Đoàn Viết Hoạt và một số trí thức văn nghệ sĩ thực hiện tờ *Diễn Đàn Tự Do*. Ông bị bắt lại, đưa ra tòa, lãnh thêm bốn năm tù. Được thả lần thứ hai vào tháng tám năm 1994, cùng với bệnh tim, sưng gan và hư một mắt.

Cũng cần nhắc lại: giải thưởng Free Expression còn được biết dưới tên Giải Hellman-Hammett hoặc Free Expression Project, lấy từ ngân khoản tặng dữ của các nhà văn Lillian Hellman và Dashiell Hammett, hàng năm được tổ chức Human Rights Watch tặng cho các văn thi sĩ bị các quốc gia CS hoặc độc tài ngược đãi, cầm tù trên 40 nước trên thế giới. Giải thưởng năm nay trị giá 10.000 đô la. Ban tuyển chọn gồm các nhà văn quốc tế lừng danh: Arthur Miller, John Updike, Tony Morrison v.v...

Mai Trung Tĩnh, Nguyễn Hộ, Châu Sơn Thái Vị Thủy là ba người Việt Nam được lãnh giải (1995) sau nhà văn Duy Lam (1992), nhà báo Như Phong và nhà văn Doãn Quốc Sỹ (1993), nhà thơ Tô Thùy Yên và giáo sư Đoàn Viết Hoạt (1994).

NHÀ ĐẠI SỨ MỚI CỦA THI CA HOA KỲ

Vào tháng năm vừa qua, lần đầu tiên một nhà thơ ngụ cư ở San Francisco phía Tây Hoa Kỳ được phong chức thi sĩ quốc gia (Poet Laureate), một vị trí mà trước đây đều do các thi sĩ hơi bảo thủ thuộc miền Đông Hoa Kỳ nắm giữ trong suốt lịch sử gần 60 năm của vinh dự này. Đó là nhà thơ Robert Hass, giáo sư Anh ngữ tại đại học Berkeley, tiểu bang California, vừa được thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ chọn lựa để phong tặng làm thi sĩ quốc gia nhiệm kỳ tới.

Nhắc đến mảng sinh hoạt văn học ở phía Tây Hoa Kỳ, Hass nói: "Đây là một trong những nơi chốn để viết lách thú vị nhất nước. Kể từ thập niên 20, 30 San Francisco đã có truyền thống cởi mở và hiếu khách với giới cầm viết. Vùng Vịnh (Bay Area) có lẽ là một trong những trung tâm văn học lớn trong nước mà tôi rất sung sướng được đại diện."

Hass, 54 tuổi, sinh trưởng tại San Francisco, tốt nghiệp tiến sĩ tại đại học Stanford, đã từng đoạt giải Những Nhà Thơ Trẻ thuộc đại học Yale năm 1973 với tập thơ đầu tay "Field Guide". Ông cũng đã được trao tặng MacArthur Fellowship và giải National Book Critics Circle năm 1984. Các tác phẩm thường được nói đến của ông là các tập thơ "Praise" (1979), "Human Wishes" (1989) và tập tiểu luận về thơ "20th Century Pleasures". Tác phẩm mới nhất của ông là "The Essential Haiku: Version of Basho, Buson and Issa". Ông cộng tác chặt chẽ với Czeslaw Milosz (Nobel Văn Học 1980) trong việc chuyển dịch nhiều tác phẩm của nhà thơ này sang Anh ngữ.

Có khác biệt đôi chút với một Poet Laureate thuộc Hoàng gia Anh (hiện nay có lẽ vẫn do nhà thơ Ted Hughes đảm nhiệm từ năm 1984), thi sĩ được chính phủ Hoa Kỳ chính thức tuyên phong sẽ hành động như một vị đại sứ của thi ca trong nhiệm kỳ một năm, với 35.000 Mỹ kim lương bổng và một văn phòng khang trang trong tòa nhà Jefferson ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Thi sĩ sẽ phải tìm cách để làm cho thơ nổi đình đám hơn trong sinh hoạt văn học. Riêng Hass, một người thường xuyên tham dự các sinh hoạt văn học như thuyết trình, diễn đọc, hội luận, đang có dự định sẽ vận động thúc đẩy việc diễn đọc thơ trước công chúng mạnh mẽ hơn.

Nhiệm vụ của một-thi-sĩ-được-choàng-hoa-nguyệt-quế này sẽ được nữ thi sĩ đương nhiệm Rita Dove - thi sĩ trẻ nhất và là thi sĩ da đen đầu tiên được phong tặng - chuyển giao lại cho Robert Hass vào mùa thu này.

NHÀ VĂN QUYÊN DI VỚI "HOA HỒNG NHÀ KÍN" VÀ "NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI"

Buổi giới thiệu hai tác phẩm *Hoa Hồng Nhà Kín* (tập truyện) và *Nhìn Xuống Cuộc Đời* (suy tư - cảm nghiệm) của nhà văn Quyên Di đã khai mạc lúc 3 giờ 15 tại phòng hội báo quán Người Việt, quận Cam, California. Đáng tiếc: Phòng hội quá chật, không đủ chỗ cho số người đến tham dự, ước lượng có thể lên đến 300. 300 thính giả cho một buổi ra mắt sách (không "phụ diễn" nhảy đầm) có thể xem là một "hiện tượng" khá hiếm hoi, nếu so với nhiều buổi ra mắt khác, đếm được trên đầu ngón tay.

Chương trình được mở đầu bằng lời chào mừng quan khách và giới thiệu tác giả của nhà thơ Huy Trâm. Tiếp theo, Linh Mục Trần Công Nghị nói đến tính chất tôn giáo của tác phẩm. Ông cho rằng: "Nhà văn Công giáo có sứ mạng lớn lao là rao truyền thông điệp yêu thương và bình an của Thượng Đế cho một thế giới đầy vọng động và bất an". Kế, giáo sư Lưu Trung Khảo nói

về khía cạnh giáo dục của "Hoa Hồng Nhà Kín" và "Nhìn Xuống Cuộc Đời": đều mang tính chất hướng thượng, giúp người đọc tìm thấy những giá trị cao cả của đời sống, một lý tưởng đẹp để nương theo. Diễn giả thứ ba: nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc. Ông đào sâu khía cạnh văn chương của hai tác phẩm. Theo ông, văn Quyên Di là hơi văn của một người có một tâm hồn phong phú nhưng lắng đọng, có những nhận xét vô cùng tế vi trước cảnh đời và diễn tả lên bằng một lối văn chương trong sáng, chân thật. Cuối cùng, trước khi bước sang phần hai, phần văn nghệ giúp vui với các nghệ sĩ trình diễn tên tuổi, nữ ký giả Vũ Thanh Thủy đã phân tích, mổ xẻ tâm lý của các nhân vật nữ trong tác phẩm. Bà xác định là nhà văn Quyên Di đã hiểu rõ được bản chất đằm thắm, dịu dàng, đôn hậu, nhẫn nhịn mà vẫn không kém phần can đảm và cao thượng của người phụ nữ Việt Nam.

Buổi ra mắt bế mạc với một tiệc trà nhẹ. Vui và ấm cúng.

"HÀNH TRÌNH MỘT H.O"

Nhà văn Đặng Trần Huân, tác giả của sáu tác phẩm xuất bản trước 1975 tại miền Nam Việt Nam, trong đó có "Chuyện Cấm Đàn Bà" (1969), tuy không thuộc loại văn chương nhưng lại rất nổi tiếng nhờ những mẩu chuyện nhỏ, vui cười, có pha tý... tình dục, dịch lại từ sách báo ngoại quốc, hoặc viết lại theo lời kể của dân gian, hoặc chính tác giả sáng tác, vừa cho ra mắt tập bút ký "Hành Trình Một H.O." hôm Chủ Nhật ngày 11 tháng Sáu 1995 tại Hội quán Lạc Hồng, thành phố Garden Grove, Nam California.

Là cựu tù nhân cải tạo, cựu Tổng Thư Ký Nguyệt san VNCH, nhà văn Đặng Trần Huân đến Mỹ theo diện H.O. ngày 9 tháng Sáu năm 1992. Tác phẩm "Hành Trình Một H.O." kể lại đoạn đường một cựu tù nhân cải tạo phải vượt qua, từ lúc có thỏa ước giữa hai chính phủ Việt - Mỹ về việc tái định cư trong vòng trật tự những quân nhân cũ bị chế độ mới cầm tù đến lúc đặt chân đến Hoa Kỳ.

NHÀ VĂN DOÃN QUỐC SỸ RA MẮT SÁCH TẠI SEATTLE

Seattle Publi Library và Tuần báo Người Việt Tây Bắc phối hợp tổ chức buổi đọc truyện và ra mắt sách của nhà văn Doãn Quốc Sỹ tại Thư Viện Seattle, Trụ Sở Trung Ương, đường số 4 thành phố Seattle vào ngày 17 tháng 6 năm 1995.

Ba tác phẩm được giới thiệu với giới thưởng ngoạn là "Người Vái Tứ Phương", "Dấu Chân Cát Xóa" và "Mình Lại Soi Mình".

Trong buổi sinh hoạt này có sự tham dự của văn sĩ Robert Olen Butler, người từng đoạt giải Pulitzer với tác phẩm "A Good Scent From A Strange

Mountain" (Mùi Hương Đến Từ Núi Lạ) và phu nhân, cùng một số văn nghệ sĩ Việt Nam tên tuổi của địa phương và từ tiểu bang Cali đến.

SÁCH VIẾT VỀ VIỆT NAM

Nhà xuất bản Viking ở Mỹ vừa cho phát hành quyển "After Sorrow. An American Among the Vietnamese" do bà Lady Borton viết. Tác giả đã từng làm việc với các thương phế binh ở miền Nam Việt Nam từ 1969 đến 1971, và giúp đỡ các thuyền nhân Việt trong năm 1980. Bà nói tiếng Việt thông thạo, và đã có in sách trước đây, quyển "Sensing the Enemy". Trở lại sống lâu dài ở các làng quê nhỏ Việt Nam từ mấy năm nay, tác giả cho rằng đã nhận hiểu rõ hơn nhiều điều mà trước đây hai mươi năm bà không cảm nhận thấy. Quyển sách là cái nhìn của tác giả trước một Việt Nam đổi thay hiện nay, miêu tả những làng xóm sông ngòi trẻ em nhất là phụ nữ VN xen kẻ không ngớt những hồi tưởng về cuộc chiến tranh ghê gớm ngày trước.

Cũng trong loại sách liên hệ đến chiến tranh Việt Nam thì quyển sách gây sóng gió của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara đã bước sang tuần lễ thứ 12 trên danh sách best-sellers. Dù bị chống đối khá dữ, tác giả cũng đã xuất hiện ở nhiều nơi để cổ động và ký tặng sách. Bản Việt ngữ dịch từ quyển này cũng đã thấy nhanh nhẩu xuất hiện ở một vài tiệm sách VN.

TỪ ĐIỂN VIỆT NAM HỌC

Bộ "Từ Điển Việt Nam Học" đang được Trung Tâm Nghiên Cứu Châu Á - Thái Bình Dương, thuộc Đại Học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn, với sự tham gia của gần 50 nhà nghiên cứu trên cả nước. Công trình này dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 1995, dày khoảng 1,000 trang, được in với khổ 19 X 23.

Tiến sĩ Lê Ngọc Trà, Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Châu Á - Thái Bình Dương cho biết Trung Tâm đã tổ chức nhiều cuộc nói chuyện và hội thảo về các đề tài Văn Hóa dưới sự đề dẫn của các Giáo Sư Dương Thiệu Tống, Giáo Sư Cao Xuân Hạo, Học Giả Hoàng Xuân Việt, Học Giả Huỳnh Minh Đức. Mới đây nhất là buổi sinh hoạt về đề tài "Các Nền Văn Hóa Cổ Đồng Bằng Sông Cửu Long" do ông Hồ Sĩ Khải, thuộc Viện Khoa Học Xã Hội thành phố Hồ Chí Minh đề dẫn, tổ chức ngày 27 tháng Năm 1995, giới thiệu khái quát các cuộc khảo cổ khai quật từ 1975 đến nay.

Những cuộc nói chuyện và hội thảo này sẽ góp thêm tư liệu cho bộ sách vừa nêu.

BÀ CLINTON SẼ VIẾT BÁO TUẦN VỀ CHUYỆN VUI BUỒN BẠCH ỐC

Theo chân đệ nhất phu nhân Eleanor Roosevelt, bà Hillary Rodham Clinton hôm thứ hai cho biết bà sẽ viết một mục báo thường xuyên để chia sẻ "một số chuyện vui và những biến cố đáng ghi nhận" trong sinh hoạt Bạch Ốc.

Nói chuyện trước Câu Lạc Bộ Nữ Ký Giả Mỹ tại phòng East Room, bà Clinton cho biết sẽ không lấy tiền nhuận bút từ bài báo hàng tuần này, dự trù sẽ bắt đầu từ 23.7 qua hãng bài vở Creators Syndicate.

"Tôi nghĩ là việc này sẽ làm tôi hứng thú khi cố gắng nói về những vấn đề tôi biết về những suy nghĩ của người khác và cũng để chia sẻ với người khác về những gì xảy ra ở đây—một số chuyện tức cười và một số biến cố đáng nhớ, một số chuyện về con người, loại chuyện về những người đến đây mà ở ngoài không biết đến."

Eleaner Roosevelt trước đây đã chia sẻ những kinh nghiệm và nói thẳng thắn về những vấn đề đương thời trong cột báo hàng ngày "Ngày Của Tôi", đăng trên hàng trăm tờ báo trong khi và cả sau khi chồng bà làm Tổng Thống.

Richard Newcombe, chủ tịch Creators Syndicate, cho biết đã liên lạc với bà Clinton về việc mời viết bài 2 năm trước. Ông nói hãng trung gian bài vở này sẽ trả tất cả chi phí liên hệ cho cột báo này, kể cả thuê một người chuyên nghiên cứu thu thập thông tin.

Hiện chưa biết bao nhiêu báo sẽ đăng cột báo của bà Clinton, nhưng tỉ lệ lớn của tiền này sẽ gửi các hội từ thiện trẻ em. Hãng bài vở này sẽ lấy phần còn lại. Sau khi truyện và phim "Những Chiếc Cầu ở Madison County" ra đời

BÁO GEOGRAPHIC NHẬN HÀNG NGÀN THƯ HỎI VỀ MỘT NHÂN VẬT TIỂU THUYẾT

Những lá thư đầu tiên đã gây bối rối cho Sở Địa Lý Quốc Gia. Các thư này từ những độc giả muốn biết thêm về cuộc đời và công trình của nhiếp ảnh gia Robert Kincaid, mà họ tin là Kincaid đã viết và chụp về những chiếc cầu Iowa trong có một tấm được làm bìa cho số tháng 5.1966 của tạp chí *National Geographic.*

Susan Canby, người thư viện trưởng của Sở, lục lại ất cả thư tịch và chỉ tìm thấy một người có họ Kincaid là Don Kincaid, người đã viết một bài về những chiếc thuyền ma trong năm 1982. Và không hề có số báo nào, kể từ khi thành lập 1888, tạp chí *National Geographic* viết về những chiếc cầu ở Madison County, Iowa.

Sự thật đáng buồn là nhiếp ảnh gia nổi tiếng nhất của *Geographic*, Robert Kincaid—nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết "Những Chiếc Cầu ở Madison County" của Robert James Waller, và được chuyển thành phim do Clint Eastwood đóng—lại không hề hiện hữu trên đời này. Tuy nhiên nhiều độc giả và khán giả ái mộ lại không muốn tin như vậy.

Cô Pat Tobin, thư ký tiếp khách tại *Geographic* ở Washington D.C., cho biết, "Mỗi ngày đều có 8 hay 9 người vào tòa soạn hỏi mua số báo về những chiếc cầu do Kincaid viết. Khi tôi bảo đó chỉ là tiểu thuyết thôi, họ vẫn nói là họ biết vậy rồi, nhưng vẫn muốn thấy về những gì Kincaid đã làm cho báo này."

Joseph Blanton, trưởng phòng 11 nhân viên chuyên trả lời trung bình mỗi năm 50,000 thư từ 9 triệu độc giả, cho biết đã phải đáp nhiều ngàn thư hỏi về chàng Kincaid từ khi truyện của Waller được phát hành năm 1992.

Thêm nữa, trong phim lại chiếu lên những chiếc cầu Madison trên hình bìa số báo tháng 5.1966 *Geographic* với bài phóng sự do Kincaid viết, thì sao lại không thật được? Nhưng đó chỉ là xi-nê. Số báo thật lúc đó là cầu Golden Gate trên hình bìa.

Trong truyện thì nhiếp ảnh gia Kincaid yêu đương với một phụ nữ có chồng, cuốn này được 147 tuần liên tục trong danh sách bán chạy nhất Hoa Kỳ mặc dù các phê bình gia chê chỉ là trung bình. Và cuối cùng thì *Geographic*, sau một thời gian ngần ngừ, đã đầu tư ngay cơ hội bằng vàng này: Các nhiếp ảnh gia *Geographic* chủ nhật tới sẽ đưa lên truyền hình cable trong chương trình dài 1 giờ "National Geographic Explorer," và số báo tháng 8 tới sẽ có bài về những chàng nhiếp ảnh có thật Robert Kincaids.

Khi phim của Eastwood bắt đầu chiếu hồi đầu tháng thì *Geographic* đã mời 30 nhà quảng cáo hàng đầu của hãng phim tới Washington dự buổi ra mắt và tổ chức bữa tiệc tối, nơi đây đã sắp chỗ cho một nhiếp ảnh gia tòa soạn ngồi chung với các tay quảng cáo tại mỗi bàn trong tổng cộng tám bàn.

Tuy nhiên, tiểu thuyết và phim vẫn khác sự thực ngoài đời.

Tờ báo đang tìm cách giảm chi, số nhiếp ảnh gia tòa soạn từ 12 người giờ chỉ còn 2 thôi, và số 50 tới 60 nhiếp ảnh gia khế ước và free-lance đang tranh chấp với tòa soạn từ 2 năm nay về quyền sử dụng các tấm ảnh không được in trên báo. Đó là sự thực đau lòng mà chàng Robert Kincaid không bao giờ gặp.

NHU LIỆU DẠY VIẾT VĂN

Hãy hình dung rằng bạn chỉ biết đôi chút về cách viết kịch bản, cần kiếm gấp vài trăm ngàn Mỹ kim, và luôn luôn tự thấy mình như cực kỳ uyên bác, nhưng cứ tiếc mình là một người viết kịch bản còn thiếu kỹ thuật—chỉ cần thêm chút đỉnh kỹ thuật trong nghề nữa thôi chẳng hạn. Thì bạn sẽ nhờ ai giúp chứ?

Nhiều người trong giữa thập niên 90 này sẽ đáp, nên nhờ tới một nhu liệu điện toán vậy. Ít nhất thì kỹ nghệ nhu liệu điện toán về viết kịch bản, 3 triệu Mỹ kim một năm, đang muốn bạn tin như vậy.

Mới sáu năm trước, kỹ nghệ này chỉ duy có một công ty, điều hành từ nhà riêng, với một sản phẩm không được xét là khá lắm. Bây giờ thì có tới bốn hãng ở miền Nam—cũng như nhiều hãng nhỏ hơn ở miền Đông—và một trận chiến đang bùng nổ khi hãng lớn nhất chuẩn bị hung hãn lấn áp thị trường các hãng nhỏ.

Nếu bạn khó hình dung được hình ảnh trên, khi Hội Nhà Văn Hoa Kỳ (Writers Guild of America) chỉ khoảng 7,000 hội viên và mức thu trung bình của kịch bản gia là 50,000 Mỹ kim một năm thì bạn chưa nhìn thấy hết thị trường này.

Tom Sawyer, chủ nhân của nhu liệu "Plots Unlimited" (Cốt Truyện Vô Giới Hạn), giải thích, "Chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng các hội viên Hội Nhà Văn là một thị trường lớn." Thực sự thì Sawyer nhắm vào thị trường khoảng 4 tới 8 triệu người đang muốn trở thành nhà văn, với nhiều người đang mơ tới chuyện kiếm trên 600,000$/năm như khoảng 5% các kịch bản gia Hoa Kỳ, hay là chia sẻ bớt con số 568 triệu năm 1993 nhuận bút cho những người viết các chương trình truyền hình và truyện phim màn ảnh lớn.

Do vậy, nhu liệu "Plots Unlimited" được quảng cáo trên những tờ báo chủ yếu nhắm vào các nhà văn tài tử. Nhu liệu sẽ hướng dẫn người viết qua một loạt các câu hỏi kèm với kiểu chọn một trong các trả lời có sẵn, với mỗi lựa chọn sẽ đưa tới các câu hỏi mới và mở khả thể cho một cốt truyện.

Chỉ một ngân sách quảng cáo khoảng 4,000$/tháng cho nguyên một trang trên báo Writer's Digest, một tờ báo hàng đầu cho những người mê viết văn, ông đã bán tổng cộng khoảng vài trăm ngàn Mỹ kim với nhu liệu 299$ một ấn bản này.

Nhu liệu "Collaborator" (Hợp Tác) của Francis X. Feighan được bán lẻ 199$ một ấn bản thì cũng tương tự hướng dẫn người sử dụng đi qua suốt 70 câu hỏi, rồi đưa tới một cốt truyện gọi là hấp dẫn.

Còn nhu liệu "Storyline Pro" (Cốt Truyện Nhà Nghề) của John Truby lại kết tập từ các lớp dạy viết kịch bản cuối tuần của ông (ước lượng các lớp này có khoảng 15,000 học trò trên toàn quốc). Truby, với nghề chính là chuyên sửa bản thảo các nhà văn, khám phá rằng học trò ông quên hết 2/3 những gì đã học trong lớp dài 6 tháng này, và nhu liệu 295$ của ông sẽ là nỗ lực "đưa một người hướng dẫn viết truyện vào máy điện toán giúp người viết."

Tuy nhiên, ngược lại, Stephen Greenfield rõ ràng chỉ xem thị trường người viết tài tử là món tráng miệng trước khi vào thực đơn chính: Chiến lược của ông là buộc các phim trường sử dụng nhu liệu của ông. Trong năm năm, ông tiên đoán, "Dramatica Pro" (Kịch Tính Nhà Nghề) của hãng Screenplay Systems của ông sẽ trở thành vũ khí chính cho các nhóm soạn kịch bản phim. Để nhắm điều này, Greenfield đã mở cuộc vận động đi nghịch với các đánh giá truyền thống của kỹ nghệ này.

Ông nói, các tay nhà nghề Hollywood thường không biết cách kể truyện— cứ nhìn một loạt những tai họa trên màn bạc thì thấy. Ngay cả "Jurassic Park," một trong ba phim hốt bạc nhiều nhất lịch sử điện ảnh, thì cũng bị hỏng trong cấu trúc truyện, theo lời Greenfield.

Ông tuyên bố, nếu nhà văn Michael Crichton hoặc đạo diễn Steven Spielberg lấy nhu liệu ông chỉnh cho truyện phim này thì họ đã có thể khám phá ra—và dễ dàng sửa chữa—những sơ hở truyện, và có thể đưa phim vào danh sách các phim kinh điển theo truyền thống của "Gone With the Wind" (Cuốn Theo Chiều Gió) hoặc "Citizen Kane" (Công Dân Kane), thay vì tuổi thọ của phim chỉ vài năm là cùng.

Greenfield quảng cáo dữ dội cho nhu liệu của ông rằng "Dramatica" là một khí cụ để viết tiểu thuyết, truyện ngắn, và kịch hoặc phim bản.

Tuy nhiên cũng nhiều người hồ nghi.

Gabriele Meiringer, chủ tiệm Writers' Computer Store (Tiệm Điện Toán của Nhà Văn) tại West Los Angeles, nghi ngờ chuyện một nhu liệu điện toán, cho dù được lập chương kỹ thế nào, có thể thực sự dạy cho một ai viết được một truyện hay.

Bà nhận định, "Bạn có thể dùng Dramatica hay bất kỳ nhu liệu nào để tìm ý. Rồi bạn cũng lại nhìn vào màn ảnh trống. Tôi thiệt sự không bán bất cứ thứ gì có thể làm cho chuyện viết dễ dàng hơn."

Các Nhu Liệu Chính:

DRAMATICA PRO: Giá 399 Mỹ kim, tiêu thụ trung bình 10,000 ấn bản/năm; Bán chạy nhất, tối tân nhất, nhưng bị vài nhà văn chỉ trích rằng can thiệp quá nhiều vào tiến trình sáng tạo. Còn nhu liệu Dramatica Lite (cho người mới cầm bút) bán lẻ với giá 149$.

COLLABORATOR: Giá 199 Mỹ kim, hơn 4,000 ấn bản/năm; Dựa theo cấu trúc kịch ba hồi Aristotelian. Dễ sử dụng nhất.

PLOTS UNLIMITED: Giá 299 Mỹ kim, khoảng 4,000 ấn bản/năm; Trộn lẫn và cân bằng 5,600 mảnh cốt truyện để tạo một con số gần như "vô giới hạn" cho các cốt truyện.

STORYLINE PRO: Giá 295 Mỹ kim; Tốt nhất nếu được dùng chung với các lớp dạy viết của John Truby, trung bình 195$ mỗi cuối tuần.

NHẠC SĨ VĂN CAO TỪ TRẦN TẠI HÀ NỘI

Nhạc sĩ Văn Cao, một trong những người đi tiên phong trong phong trào tân nhạc Việt Nam vừa qua đời vào lúc 4 giờ sáng, giờ Việt Nam, thứ hai 10.7.1995, tại Hà Nội, thọ 72 tuổi. Theo bà Văn Cao cho biết, tang lễ nhạc sĩ quá cố sẽ được cử hành vào thứ tư 12.7.1995. Ông bị ung thư phổi, trong phổi có 4 cái bướu.

Nhạc sĩ Văn Cao tên thật là Nguyễn Văn Cao, sinh tại Hải Phòng ngày

15.11.1923, trong một gia đình tiểu công chức. Ông được học âm nhạc tại trường Trung Học Saint Joseph, nhưng vì nhà nghèo nên sau đó nhạc sĩ Văn Cao phải bỏ học để đi xin việc làm, nhưng được một tháng thì bỏ việc. Sáng tác đầu tiên của nhạc sĩ Văn Cao là bản *Buồn Tàn Thu* ra đời vào năm 1939, được nhạc sĩ Phạm Duy sau đó hát trình diễn khắp nơi ở Việt Nam. Thời kỳ sáng tác mạnh nhất của ông được đánh dấu bằng những nhạc phẩm *Thiên Thai* 1941, *Bến Xuân* 1942, *Cung Đàn Xưa* 1943. Đặc biệt là bản *Tiến Quân Ca* 1944 đã được chọn làm quốc ca, một năm sau khi ông Hồ Chí Minh tuyên bố lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Còn những bản tình ca của nhạc sĩ Văn Cao đã bị chế độ cộng sản cấm kể từ cuối những năm 1950, khi những nhà lãnh đạo cộng sản giới hạn khuôn khổ sáng tác, chỉ cho phép những bản hát ca ngợi lòng ái quốc và chế độ vô sản.

Vì có liên hệ đến vụ Nhân Văn Giai Phẩm, nhặc sĩ Văn Cao sau vụ này đã bị thất sủng. Nhưng đến 1986, lần đầu tiên Một Đêm Văn Cao đã được tổ chức ở Sài Gòn đánh dấu thời kỳ các bản tình ca của Nhạc Sĩ được phục hồi.

Đối với nền âm nhạc Việt Nam thì nhạc sĩ Văn Cao được coi là một trong những người đi tiên phong trong phong trào tân nhạc Việt Nam, cùng với các nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Đỗ Nhuận, và Nguyễn Xuân Khoát.

Ngoài việc sáng tác nhạc, nhạc sĩ Văn Cao còn là một họa sĩ, một nhà thơ,

"TIẾNG NÓI CỦA ĐỜI SỐNG"

Đó là tên một chương trình truyền hình gồm tám kỳ trên đài truyền hình số 9 PBS nhằm giới thiệu 18 thi sĩ Hoa Kỳ dương thời. Chương trình do Bill Moyers thực hiện, một phần được thu hình tại một đại hội thi ca tổ chức tại Waterloo, tiểu bang New Jersey. Phần trò chuyện với các thi sĩ về đời sống, kinh nghiệm sáng tác... và diễn dọc các tác phẩm của họ được thu hình tùy tiện thoải mái ở nhà riêng, công viên....Nói chung các nhà thơ sẽ được thu xếp để xuất hiện một cách tự nhiên nhất. Chương trình cũng muốn giới thiệu các thi sĩ và tác phẩm khác biệt đa dạng cả về mặt khuynh hướng lẫn chủ đề. Ngoài Robert Hass, nhà thơ vừa được chính phủ phong tặng nhắc ở tin trên, còn có nhiều thi sĩ nổi tiếng khác như Gary Snyder, Robert Bly, Adrienne Rich, Carolin Forché, Lucille Clifton... tham dự. Tính chất đa văn hóa và hội nhập của xã hội Mỹ còn được thể hiện qua các nhà thơ gốc sắc tộc như nhà thơ nữ gốc Salvador Claribel Alegria, nhà thơ gốc Nicaragua Daisy Zamora, nhà thơ nữ gốc Trung quốc Marilyn Chin...(Chưa thấy nhà thơ gốc Việt nào!) Chương trình "Tiếng Nói Của Đời Sống" (The Language of Life) được phát hình trong hai tháng 6 và 7 năm 1995. Dân chúng Mỹ có một cơ hội khá hiếm hoi để nhìn thấy tận mắt các thi sĩ nổi tiếng của họ trên màn ảnh nhỏ. Đồng bào Việt chúng ta chắc còn lâu mới được chiêm ngưỡng dung nhan các vị Khế Iêm, Thường Quán, Nguyễn Duy, Thanh Thảo...

THƠ CẤT TIẾNG Ở LIÊN HIỆP QUỐC

Thật ra, trong sinh hoạt văn học ở Mỹ, đối với công chúng nói chung, ít có tác giả nào được biết đến nhiều và được nhận diện ở tầm vóc quốc gia như Robert Frost cách đây mấy thập niên. Thi sĩ, ở mọi nơi mọi thời, hiện diện một cách khiêm tốn, mờ nhạt, gần như vô hình. Danh vọng của họ so với các ca sĩ nhạc Rock chỉ là con số không. Tuy nhiên nói về mặt này, có lẽ Maya Angelou là một nhà thơ được biết đến nhiều nhất, được nhìn thấy nhiều nhất hiện nay. Nữ thi sĩ da đen này lại vừa được mời đọc thơ trong buổi lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hiệp Quốc tổ chức tại San Francisco cuối tháng 7 vừa rồi, trước sự hiện diện của nhiều vị nguyên thủ quốc gia và đại diện của 155 quốc gia hội viên trên thế giới. Bài thơ kêu gọi hòa bình và hiểu biết của loài người có tựa đề "Sự Thật Can Đảm Đầy Ngạc Nhiên" (A Brave and Stratling Truth) đã được cử tọa chăm chú lắng nghe. Xin nhắc lại, Maya Angelou cũng chính là người đại diện cho thơ ca nắm lấy diễn đàn trong khoảnh khắc hồi tháng 1-93, trong lễ đăng quang của tổng thống Clinton. Độc giả có thể tìm đọc bản dịch bài "On The Pulse of Morning" của bà trong dịp này trên một số báo Văn Mai Thảo nào đó. Bà là thi sĩ đầu tiên kể từ năm 1961, kể từ Robert Frost đến với cố tổng thống Kennedy, tham dự một loại buổi lễ như vậy.

ANNE FRANK CỦA BOSNIA ĐẾN SAN FRANCISCO

Zlata Filipovic, người viết nhật ký nổi tiếng nhất kể từ Anne Frank và Samuel Pepys đã có mặt tại San Francisco nhân lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên Hiệp quốc. Cô bé mười bốn tuổi đã trở thành một biểu tượng quốc tế này cho biết:"Tất cả mọi nhật ký ở Sarajevo đều như nhau hết. Tôi có thể là bất cứ đứa bé nào khác thôi". Zlata đã trở thành nổi tiếng nhờ việc ấn hành tập nhật ký mà cô đã ghi chép lại những gì cô nhìn thấy chung quanh suốt hai năm trong thành phố Sarajevo bị vây hãm. Năm 1993 cô cùng cha mẹ đã phải bỏ chạy và hiện sống lưu vong ở Paris. Cô cho biết hiện nay cô không viết được nhiều nữa, một phần vì không có gì nhiều lý thú xảy ra chung quanh để ghi lại, và một phần cũng vì hiện nay cô có quá nhiều bài tập phải làm ở nhà. Cô cũng bày tỏ nỗi lo ngại là người ta sẽ ngấy dần với những chết chóc đau khổ đang xảy ra ở Sarajevo và sẽ không còn quan tâm nữa. "Tôi sợ người ta sẽ quên chuyện ấy đi".

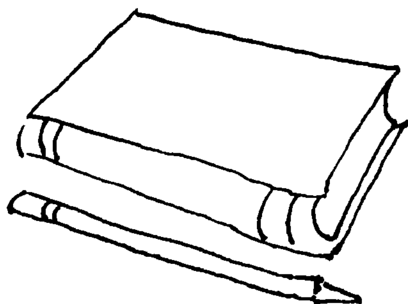
PHẠM VIỆT CƯỜNG, PHAN TẤN HẢI

Để mục "Sinh Hoạt..." thêm phong phú, đề nghị các văn hữu cung cấp cho chúng tôi mọi tin tức liên quan đến Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam và thế giới trong chu kỳ hai tháng của tạp chí Hợp Lưu.



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 15 tháng 6 năm 1995

Đã định và tưởng sẽ viết được nhiều về vùng đất ấy. Nơi đã bỏ đi, mười năm trước, và đã trở về, sau chừng ấy năm tắm gội thỏa thuê trong một bầu khí thường được gọi văn minh, tiến bộ, tự do, công bằng...

Đã định và tưởng, với bao nhiêu điều thấy tận mắt, nghe tận tai, cảm nhận bằng cả tâm hồn và thân xác, những con chữ sẽ xô đẩy nhau trào ra, kín dày những trang giấy.

Đã định và tưởng, bằng sự ngay thẳng còn giữ được, sẽ nói hết mọi chuyện, mà không ngại bất cứ áp lực nào, đến từ bất cứ phe phái nào, cả trong nước lẫn hải ngoại.

Nhưng bao nhiêu lần ngồi xuống ghế, mở máy, nhìn vào màn hình, đặt tay trên những nút chữ, hoang mang... và bỏ cuộc.

Viết cái gì?

Viết về những đổi thay chóng mặt của một đất nước vừa gượng dậy sau cơn đau thập tử nhất sinh? Những đổi thay làm bàng hoàng, sửng sốt mọi đầu óc sáng suốt nhất, thông tuệ nhất. Đúng hay sai, phải hay trái, nên hay không? Và định nghĩa làm sao cho hợp tình, hợp lý những cái đúng, cái sai, cái phải, cái trái?

Viết về những khách sạn ba sao, bốn sao, năm sao đồ sộ, hiện đại không thua bất cứ một đại khách sạn nào của bất cứ một thành phố văn minh tiến bộ nào. Ở đó, tiền phòng một đêm có khi lên đến 800 đô la. Ở đó, những bữa tiệc linh đình đầy ắp sơn hào hải vị, và rượu Tây đổ như suối, và giấy xanh

mang hình ông washington bay như bươm bướm? Và thịt da ngồn ngộn thơm hương, và tiếng rú, giọng cười cực kỳ hài mãn...

Viết về những quán bia ôm nhan nhản khắp mọi thành phố, trên mọi miền đất nước, từ Nam ra Bắc, từ thành thị đến thôn quê. Ở những nơi ấy (có khi là một căn phòng kín cửa rì rào máy lạnh, tường vách trắng sạch, đèn màu mờ ảo, salon bọc da sang trọng; nhạc thính phòng mơi trớn dìu dặt. Có khi chỉ là một "hộp diêm" chật chội mỗi chiều ba thước, cửa chính được "đóng" lại bằng một tấm vải hoa vừa bẩn vừa nhàu nhò, cửa sổ long đinh bật cánh nhìn sang sân sau nhà hàng xóm ủn ỉn, quang quác lợn gà, trên nền xi măng bia rượu đổ lênh láng, góc phòng chiếc quạt máy cũ xì chuyển động ầm ầm như động cơ máy đuôi tôm...), có những ông già trên dưới 70 tham lam ghì siết, sục sạo, bóp nắn, hôn hít, cắn xé... những bé gái mười bốn mười lăm tuổi, mặt mày còn bụ sữa, giọng nói mang nặng âm sắc những vùng quê xa xôi: Thanh Hóa, Quảng Nam, Đông Hà, Nghệ Tỉnh... nhưng cung cách đã chai lì như các cô gái làng chơi thuộc đủ "vòng ngoài bảy chữ vành trong tám nghề"?

Viết về những ngôi nhà ba, bốn, năm, chín, mười từng sừng sững áp gạch men, đắp phù điêu, với những lan can uốn lượn cầu kỳ nửa quê nửa tỉnh, xuất xứ từ đủ mọi "quốc tịch": Nga, Tây Âu, Đông Âu, Ả Rập, Đài Loan, Hồng Kông, Mỹ...; về những chiếc xe hơi bóng lộn, những chiếc Dream láng cóng nhấn còi inh ỏi và liên tục trong một thành phố ngột ngạt hơi người, bụi, khói cùng tiếng động?

Viết về những kẻ tật nguyền lê lết xin ăn, những em bán vé số, bán báo, đánh giày mòn chân trên hè phố từ sáng đến khuya chỉ mong kiếm được năm mười nghìn lo đủ hai bữa ăn cho chính bản thân?

Viết về nụ cười của đứa em trai: "Mấy năm nay tình hình chung khá ra. Nhờ thế em xoay sở được, đủ nuôi mẹ con nó". Về những ly bia của đám bạn bè cũ viết văn làm báo: "Giờ thì bọn tao chả cần đô la của mày đâu, ngược lại còn thừa sức bao mày nhậu mút chỉ. Bia chai hẳn hòi nhé"?

Viết về những người dân quê miền núi xa xôi, cơm vẫn thiếu ăn, áo vẫn thiếu mặc. Viết về những người đàn bà chưa đến năm mươi đã da mồi, răng rụng, tóc bạc trắng, ngồi còng lưng đan lưới từ sáng tinh mơ đến chiều nhá nhem trong các thôn xóm dọc bờ biển miền Trung, chỉ kiếm nổi trên dưới mười nghìn, đong vài lon gạo. Viết về những người quai búa tạ suốt ngày giữa mù mịt bụi xi măng, triệt hạ những ngôi biệt thự nguy nga tráng lệ xây cất bất hợp pháp trên đê Yên Phụ, chỉ để đổi lấy vừa đủ hai bữa cơm bụi. Trong lúc lúc ở Hà Nội, ở Sài Gòn, ở các thành phố lớn, rất nhiều những "ông chủ", những "quan chức" tiền rừng bạc biển, những Việt kiều mặt mày vênh váo, tiêu mỗi đêm năn bảy triệu đồng, chi tiền "típ" cho các "em" sau vài giờ sò mó vung vít một hai trăm nghìn nhẹ nhàng, thoải mái. Và những con ông cháu cha - cấp thủ tướng, bộ trưởng - chơi bi-da ăn thua bằng đô la xanh, loại một trăm, sắp từng chồng dày cộm?

Một tháng lang thang từ Nam ra Bắc và khắp dải đất miền Trung, trên

những con tàu chợ bụi than mù mịt, ì ạch bò qua những rừng, những ruộng, những đèo cao, vực thẳm, có khi chỉ vượt trên dưới một trăm cây số phải mất đến... bảy tiếng đồng hồ! Tôi đã đi, đã nhìn, đã thấy hàng nghìn những hoạt cảnh, những mảnh đời, những con người... Tâm hồn, cân não tôi đầy ắp dữ kiện. Viết về những dữ kiện ấy, qua quít, võ đoán, được. Nhưng nếu bảo tôi tổng hợp, tìm một đáp số, quả thật, không cách nào tôi làm nổi. Kết luận nào cũng có thể đúng, cũng có thể sai. Góc nhìn nào cũng hợp lý, cũng phi lý. Một điều quan trọng nữa từ trước tôi không nhận ra, nay, trực diện với hiện thực mới thấy thấm thía: dù thiết tha đến bao nhiêu với quê hương chăng nữa, dứt khoát, tôi vẫn là kẻ ngoại cuộc, một khách du cưỡi ngựa xem hoa. Suy nghĩ, nhận xét, ước mơ, hoài vọng, kể cả u uất, phẫn nộ của tôi đối với đất nước ấy không phù hợp đã đành, hình như còn đầy vẻ bất nhân, vô liêm sĩ. Cái phần đất chật chội, chậm tiến với bảy mươi bốn triệu dân, với những lo toan hàng ngày, những trăn trở hàng đêm, họ cần gì tôi, cần gì chúng ta? Cần gì cái nhúm người từng bỏ nước trốn chạy, để rồi suốt hai mươi nay mãi quẩn quanh với tiện nghi vật chất, với con cái đỗ đạt thành danh, với bản thân nhà to xe tốt, để rồi thỉnh thoảng, để "giải khuây", hoặc xem như một thứ job "kiếm ăn", bằng cách tỏ ra ưu tư đến vận mệnh đất nước, qua những bài "tham luận" tanh tưởi đến lợn giọng vẫn thường xuất hiện trên báo chí, hay được đọc ra rả trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình? Qua những câu tuyên bố ngô nghê, vô trách nhiệm đến... sởn da gà của những "chính trị gia" hết thời hàng tháng ngửa tay nhận tiền... già của Mỹ để lo toan lật đổ chế độ Hà Nội và đem tự do no ấm đến cho mọi con dân! Không, cái đất nước ấy, bảy mươi tư triệu con người ấy không cần tôi, không cần chúng ta. Hoặc nếu cần, cũng chỉ giới hạn trong những thùng quà, những tờ giấy xanh gửi về, mang về. Chỉ thế thôi, và chấm hết. Tuyệt đối chấm hết!

Gần hai tháng từ ngày trở lại đất Mỹ. Tôi hiểu, sẽ không vẽ được, và sẽ chẳng bao giờ vẽ được cái chân dung biến hóa không lường của quê hương tôi. Không vẽ được, chẳng phải vì sợ ngòi bút mình sẽ thiếu trung thực, sẽ bị những bóng ma vô hình của những định kiến chật hẹp, ngu muội chi phối (tôi khinh bỉ tất cả mọi thứ lao xao ở đây, ở đó, thì việc quái gì phải e sợ chúng?). Không vẽ được, chỉ vì, tôi đủ tỉnh táo thấy rằng, tôi chẳng có quyền gì để nói về vùng đất ấy, lại càng không có quyền gì để phê phán, khi mà bản thân tôi không thực sự đau cái đau của nó, khổ cái khổ của nó, sung sướng cái sung sướng của nó, hài lòng cái hài lòng của nó. Trái tim tôi không đập cùng nhịp đập với trái tim đất nước, lấy tư cách nào tôi cất tiếng khen chê?

Vả lại, lịch sử của một dân tộc, vận mệnh của một quốc gia, hướng đi của một giống nòi bao giờ cũng chuyển động theo tiến trình nào đó mà chúng ta sẽ không thể nào lý giải thuận lý, nếu chỉ nhìn cái đại khối ấy bằng con mắt phiến diện của một cá nhân, thậm chí của một nhóm, một hội đoàn, hay một đảng phái. Rất nhiều khả năng chúng ta sẽ rơi vào trường hợp những anh mù sờ voi trong câu chuyện ngụ ngôn quen thuộc.

Vì vậy, xin cho gửi lời xin lỗi đến mọi bằng hữu, mọi độc giả, trong gần

hai tháng qua, đã thư, điện thoại đề nghị và chờ đợi một bài viết "đàng hoàng" của tôi, về vùng đất ấy, vùng đất tôi đã ra đi, đã trở về, đã rất nhiều đêm, nhiều ngày ngồi quây quần giữa đông vui anh em cũ, mới, những anh em cùng có chung với tôi một màu da, một ngôn ngữ, một cội nguồn, nhưng không hiểu sao cảm giác lạc lõng, bơ vơ, xa cách vẫn thường xuyên hiện diện trong tâm hồn, cân não tôi.

Ngày 30 tháng 6 năm 1995

Tôi tự do phơi phới một đời
Sao có lúc lòng còn nhỏ lệ
(MT)

Hai câu thơ cũng bình thường thôi, nhưng gần tháng nay vẫn lẩn quẩn trong đầu tôi, mọi lúc, mọi nơi, cả khi ngủ. *Sao có lúc lòng còn nhỏ lệ*. Hình như rất lâu rồi tôi không *nhỏ lệ*. Nhỏ lệ, hiểu cả hai nghĩa: đen và bóng.

Tháng 4 năm 1985, nằm trên trại đảo chờ Cao ủy Liên Hiệp Quốc phân loại, nghe tin người đàn bà từng có với tôi một đứa con, vượt biển chuyến sau, bị hải tặc bắt. Qua mười ngày dày vò thỏa thuê, chúng cột cô ấy trên một *can* dầu, ném xuống biển, mặc cho sóng gió đưa đẩy, may, dạt vào bờ, sống, không may, làm mồi cho cá, tôi đã *nhỏ lệ*, hai mắt ràn rụa, cay xót. Ba mươi hai ngày sau, nhận thư đứa em trai gửi từ quê nhà, báo tin bố tôi qua đời vì quá âu lo "không biết thằng anh mày sống chết thế nào". Tôi cầm lá thư, chết lặng, rồi âm thầm leo lên một bờ đá cheo leo sau lưng khu trại, ngồi nhìn sóng biển ùa đập miên man vào chân vách đá, nhìn mặt trời đỏ ối khuất chìm sau chân trời tím thẫm, cho đến khi chung quanh bóng đêm phủ trùm như mực, cho đến khi vầng trăng trễ muộn nhả ánh sáng yếu ớt xuống bãi cát trắng nhờ xa xa, tôi cũng đã *nhỏ lệ*, dù hai mắt ráo hoảnh. Lệ nhỏ vào trong, lệ thấm vào tim gan, quặn đau, tan nát.

Từ ấy đến nay, mười năm, tôi vẫn nghĩ sẽ chẳng bao giờ nữa, còn có cơ hội *nhỏ lệ*.

Tuổi trẻ cùng những sôi nổi đã qua đi. Đời sống hiện tại tuy không tốt đẹp gì nhưng cũng trôi êm trong một nhịp độ rất đều (và rất nhạt). Còn có gì ghê gớm đâu để mà *nhỏ lệ*?

Nhưng nào phải thế! Chuyến trở lại quê hương, bàng hoàng trước cơn vật mình đứng dậy với lắm khổ đau và nhiều thương tích, với nghìn triệu nụ cười và ngàn vạn tan thương, tôi bỗng nhận ra sự nhỏ nhoi, bất lực, thừa thải của mình. Khi quay lui xứ người, bị vây hãm giữa trăm mối hệ lụy vô phương giải quyết: bằng hữu, gia đình, tương quan xã hội, những khuôn mặt người mang dáng thú đang quay cuồng hoan hô đả đảo bằng những trang báo, những bài "tham Luận" đọc ra rả trên hệ thống truyền thanh, truyền hình, hoặc ở các parking lot dọc đường phố Bolsa... kèm theo mầm bệnh âm ỉ bao năm bỗng

ùng ùng bung phá. Đêm, nửa nằm nửa ngồi vì khó thở, trăn trở cố tìm giấc ngủ, bỗng nhận ra cuộc đời thật vô nghĩa, bản thân thật vô nghĩa, và cả những đam mê, những hoài bão, những khát vọng... tất thảy đều vô nghĩa... Thế là lòng dạ cồn cào, ruột gan quặn thắt, tôi thảng thốt hỏi tôi, một câu hỏi rất... cải lương, nhưng thật: "Ta đã làm chi đời ta?", và rồi, dẫu cố kìm lòng, vẫn rưng rưng... *nhỏ lệ*!

"Ta đã làm chi đời ta?". Một vài cuốn sách, những bức tranh. Có cũng được, không cũng chẳng tổn hại hay hữu ích cho ai. Một chiếc lá trong khu rừng bạt ngàn, dăm hạt cát giữa sa mạc mênh mông... đôi giọt nước nhỏ vào đạo dương. Nghĩa lý gì. Thế mà tôi đã tiêu phí gần trọn một cuộc đời! Thế mà tôi đã dồn cả sinh lực, và cả hạnh phúc của mình cho những điều hết sức vô nghĩa ấy!

"Ta đã làm chi đời ta?" Sáng nay, vừa ra khỏi giấc ngủ chập chờn, mắt bỗng chạn phải vạt nắng hắt qua cửa sổ, nắng đổ dài cái bóng của chiếc ly đựng viết trên bàn xuống những trang bản thảo vừa đánh máy xong đêm qua. Những trang bản thảo của bằng hữu, những trang bản thảo của những anh, những chị, những em, ngày, quần quật tám tiếng ở sở, tối, còng lưng trước màn ảnh, hay trên trang giấy, một mình với ngọn đèn, một mình với những con chữ, một mình với ngổn ngang những hình, những ảnh, những người, những thương, những ghét, một mình, gõ gõ, viết viết, bôi, xóa, vò, xé... Bỗng nhiên tôi thấy rất rõ cái vô lý và vô nghĩa thảm thiết của công việc ấy! Công việc tôi cũng đang làm, mỗi ngày, mỗi đêm một cách kiên trì, tuyệt vọng! Và dưng không, tôi thèm... *nhỏ lệ!*

"Ta đã làm chi đời ta?" Người bạn bác sĩ viết văn nghe tin tôi ốm, đến thăm. Sau khi biết qua bệnh tình, anh lắc đầu: "Phải vào nhà thương, dứt khoát phải vào nhà thương, không thể kéo dài tình trạng *nổ chậm* này". Vào nhà thương, những viên thuốc, những ống chích, những mặt giường trải ra trắng, những vách tường câm, lạnh... Ừ thì cũng được! Nhưng còn những trang bản thảo vừa đánh máy xong, nhưng còn những độc giả đang chờ đợi số báo mới, nhưng còn những kệ sách trong các nhà sách thừa một khoảng trống. Và hai miếng bố còn treo trên tường, trắng tinh, và tên mười mấy nhan sách của một nhà xuất bản còn ghim cạnh màn ảnh computer... Ai lay-out những trang bản thảo ấy để mang đến nhà in? Ai làm kín những mặt bố kia để giao cho khách? Ai biến những nhan đề nọ thành các bìa sách? Không làm, không có báo, không làm, không giao được hàng cho thân chủ, cũng có nghĩa tháng này không có tiền trả tiền nhà, không có tiền thanh toán tiền in, không có tiền đổ xăng, không có tiền cơm hàng cháo chợ... Những trách nhiệm, những bổn phận, đối với mọi người và với chính bản thân, làm sao xao lãng, có quyền gì xao lãng? Thôi thì, hãy nghiến răng lại, hãy chổi dậy, hãy ngồi vào bàn, hãy tự vỗ về "mày vẫn còn khỏe, mày vẫn làm được khối việc", dù hơi bao giờ hết, thèm đến quặn lòng được buông bỏ tất cả, để chui vào giường, trùm chăn, nhắm mắt lại và tha hồ... *nhỏ lệ*.

"Tôi tự do phơi phới một đời
Sao có lúc lòng còn nhỏ lệ"

Hai câu thơ của ông anh văn nghet - ông bạn vong niên - phòng kế cận. Nhiều buổi chiều nhá nhem, qua khung của sổ thấy đèn không sáng, thấy cửa cái chỉ khép hờ, chả hiểu ông đang có mặt trong phòng hay đã ra ngoài. Thử đẩy cửa thăm chừng, và giật mình bắt gặp cái hình dáng khô đét, gầy mỏng ấy nằm bẹp dí trên chiếc giường cá nhân, không ngủ, bất động, trong bóng tối chập choạng. Bên cạnh giường là chiếc bàn đêm, trên mặt bàn ly rượu bao giờ cũng đầy. Tôi lặng lẽ khép nhẹ cánh cửa, trở về phòng mình, nhìn lên những bức tranh, nhìn quanh những kệ sách, nhìn lâu hơn chiếc giường cá nhân, bất giác tôi liên tưởng đến những tháng năm sau này... Cũng sẽ là hình ảnh ấy, hình ảnh khô đét, bẹp dí cùng đôi mắt mở trừng, vô hồn, nhìn hun hút vào cõi âm u, giữa bóng chiều vây kín chung quanh. Sự tàn tạ của thời gian và sự tàn tạ của một kiếp người! Sao mà buồn đến... *nhỏ lệ!*

Ngày 12 tháng 7 năm 1995

Hôm qua, Tổng thống Clinton đã chính thức tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam lúc 2:02 chiều giờ miền Đông, tức 11:02 sáng giờ California ngày thứ ba 11, 7, 1995.

Kim Thi sẽ không có ý kiến gì về biến cố này. Trong nămnăm qua, với 24 số báo, chủ trương của tạp chí *Hợp Lưu* thế nào, độc giả hẳn quá rõ. Chỉ xin tóm lược và trích dẫn vài đoạn trong bài diễn văn của Tổng thống Clinton mà Kim Thi nghĩ rằng, qua đó, độc giả sẽ tự rút ra cho mình những kết luận.

Mở đầu bài diễn văn, Tổng thống Clinton nói rằng, từ buổi đầu của chính quyền hiện tại (Hoa Kỳ), bất cứ sự cải thiện nào với Việt Nam cũng đều tùy thuộc vào vấn đề người Mỹ mất tích hoặc bị bắt giữ làm tù binh trong chiến tranh Việt Nam. Thực tế cho thấy, sau khi ban hành lệnh bãi bỏ cấm vận, nhiều tiến triển trong vấn đề ấy đã xảy ra liên tục, chứng tỏ việc làm của chính phủ Hoa Kỳ là đúng,

"Đường lối của chúng ta đang có kết quả, bình thường hóa quan hệ chỉ là một bước thích nghi kế tiếp."

(...) "Bằng việc đưa Việt Nam gia nhập cộng đồng các quốc gia, bang giao cũng phục vụ lợi ích của chúng ta là đem lại một nước Việt Nam hòa bình và tự do trong một châu Á ổn định và thân thiện. Chúng ta sẽ khởi sự bình thường hóa quan hệ mậu dịch với Việt Nam mà nền kinh tế của họ đang được khai phóng và hội nhập vào nền kinh tế vùng châu Á - Thái Bình Dương. Chính sách của chúng ta sẽ là thực hiện những chương trình thích nghi của chính phủ Hoa Kỳ để phát triển mậu dịch với Việt Nam phù hợp luật lệ Mỹ."

(...) "rất nhiều trong những chương trình ấy đòi hỏi được sự xác nhận về điều kiện nhân quyền và quyền lao động trước khi có thể cho tiến hành. Chúng ta đã từng khởi sự thảo luận về vấn đề nhân quyền với Việt Nam, đặc

biệt những vấn đề liên quan đến tự do tín ngưỡng. Giờ đây chúng ta có thể khai triển và củng cố những cuộc đối thoại ấy. Ông Ngoại trưởng sẽ đi Việt Nam vào tháng 8 để thảo luận tất cả các vấn đề ấy, bắt đầu từ tù binh và người mất tích."

"Tôi tin là bình thường hóa bang giao và tăng cường liên lạc giữa người Mỹ với người Việt Nam sẽ thúc đẩy chính nghĩa tự do của Việt Nam, giống như đã thấy ở Đông Âu và Liên Bang Xô Viết cũ. Tôi tin tưởng một cách mãnh mẽ rằng đưa Việt Namcan dự trên một bình diện rộng rãi về cải cách kinh tế đồng thời với cải cách dân chủ, sẽ làm vinh danh sự hy sinh của những người đã chiến đấu cho lý tưởng tự do tại Việt Nam."

"Tôi tự hào là quan niệm này đã được sự đồng tình của những cựu chiến binh chiến tranh Việt Nam nổi danh. Họ từng phục vụ tổ quốc với sự dũng cảm. Họ thuộc các đảng khác nhau. Cách đây một thế hệ họ có những phán đoán bất đồng về cuộc chiến tranh, đưa đến những chia rẻ thật sâu sắc trong chúng ta. Nhưng ngày nay họ có cùng một tâm tư. Họ đồng ý là đã đến lúc Hoa Kỳ phải tiến lên phía trước ở Việt Nam (...) Những vị trong cử tọa đoàn nơi đây còn lưu giữ nhiều dính dáng thiết tha với Việt Nam, nhưng đã có thể vượt lên trên những ám ảnh của quá khứ đau khổ để có chung một ý hướng đến tương lai. Hôm nay họ và những cựu chiến binh khác đã ủng hộ việc bình thường hóa bang giao, tạo cơ hội cho Việt Nam gia nhập trọn vẹn cộng đồng các quốc gia." (...)

"Bước tiến này cũng giúp chúng ta đi tới để vượt quan một vấn đề đã làm chia rẻ người dân Mỹ quá lâu. Hãy hướng vào tương lai. Chúng ta còn nhiều việc trước mặt.Thời điểm này cung cấp cơ hội hàn gắn vết thương của chúng ta. Thời gian do dự đã quá kéo dài, giờ đây chúng ta có thể tiến tới bằng sự đồng tâm. Những gì đã chia rẻ chúng ta hãy bỏ trôi vào dĩ vãng..."

Ngày 28 tháng 7 năm 1995

Suốt tháng nay trong những hàng quán, trên các con đường chính của vùng Quận Cam, người ta thấy tấm poster in hình nhà văn Mai Thảo với hàng chữ "*Đêm Mai Thảo, và mười bốn năm tạp chí Văn*" hiện diện cùng khắp. Dư luận văn giới cũng như những người yêu văn chương, chữ nghĩa đã tỏ ra lưu tâm đến sinh hoạt mang đầy tính văn học này, bằng những bài viết trên báo ngày, báo tuần và hệ thống truyền thanh.

Một cách đúng đắn, mọi người chờ đợi một " Đêm Mai Thảo" ở quê người đã từ nhiều năm qua, chứ không phải chỉ đến bây giờ.

Tại sao?

Lý do, đa số người Việt, ít nhiều, đều có một món nợ văn chương với người nhà văn đã dành cả cuộc đời cho văn học Việt Nam.

"Không nhất thiết cứ phải đọc sách của Mai Thảo, mới nợ nần nhà văn này" - một văn hữu nói - "khi chúng ta hãnh diện về nền văn học của miền Nam Tự do và hai mươi năm văn học ở quê người, tức thị, chúng ta đã gián

tiếp mang một món nợ tinh thần với Mai Thảo rồi vậy. Quay lui khúc phim quá khứ, thử tưởng tượng, gần năm mươi năm trước đây, nếu Mai Thảo không phất cao ngọn cờ văn học nghệ thuật mới, liệu, hôm nay, ở quê người, dòng văn học của chúng ta sẽ ra sao? Sự đoạn lìa với dòng văn học tiền chiến là một đoạn lìa cần thiết để văn học ta cất cánh vào những chân trời sâu thẳm và mới lạ khác".

Ký mục gia Bùi Bảo Trúc, rất nổi tiếng với mục "Lá Thư Hoa Thịnh Đốn" trên nhật báo Người Việt xuất bản tại Cali, nói: "Cái chúng ta có ngày hôm nay, tưởng như chẳng ăn nhập gì tới những tựu thành từ trước, nhất là phương diện chữ nghĩa, nhưng thật ra, chúng ta đã thừa kế rất nhiều những tìm kiếm, thử nghiệm của người trước, cũng như hưởng dụng được những sáng tạo của người đồng thời. Người làm công việc sáng tác văn học cùng lúc vừa kế thừa vừa sáng tạo. Và tôi nghĩ, chúng ta không thể nói chúng ta không nợ nần gì một người viết văn như Mai Thảo, khi mà, liên tiếp, gần nửa thế kỷ qua, ông không ngưng nghỉ sáng tác."

Riêng chúng tôi, trong số Hợp Lưuđặc biệt "Mai Thảo , 50 Năm Hệ Lụy Với Văn Chương" phát hàng tháng 4 và 5, 1994, đã từng nói: Về văn nghiệp của Mai Thảo, cái gì còn lại, cái gì sẽ trôi vào lãng quên, đâu là công, đâu là mặt cần phê phán... rồi sẽ được các nhà nghiên cứu định giá. Duy sự có mặt của ông trên văn đàn ròng rả nửa thế kỷ qua, một cách thủy chung và tận tụy, đã xứng đáng cho chúng ta, những người yêu mến chữ nghĩa và những người đang theo đuổi nghiệp chữ nghĩa trân trọng, vinh danh.

Từ lâu, người Việt chúng ta thường có "thói quen": Đối với những người có công với dân tộc, trong mọi lãnh vực, vẫn thường bị "lơ là" khi còn sống, đợi đến lúc các vị ấy mất đi, mới ồn ào "tưởng nhớ", "ca ngợi", "thương tiếc"!

Thiết nghĩ như vậy là không "công bình", chúng ta phải phá vỡ đi thói quen ấy, thói quen đã bám rễ quá lâu trong não trạng người Việt chúng ta. Đó là lý do "ĐêmMai Thảo" được "Nhóm Thân Hữu" của nhà văn này thực hiện, mở đầu cho những "Đêm" khác, cho những nhà văn nhà thơ , và những nghệ sĩ các ngành khác, xứng đáng được vinh danh.

Kim Thi thấy việc làm trên rất nên được hỗ trợ.

Cũng cần biết thêm, *Đêm Mai Thảo & 14 Năm Tạp Chí Văn* sẽ được tổ chức tại hý viện Westminster Auditorium, (ngã tư đường Westminster và Hoover,) từ lúc 8:30 tối chủ nhật 30 tháng 7, 1994.

Nhà thơ Trần Dạ Từ trong một tiếp xúc ngắn với Ban tổ chứ, bày tỏ mối e ngại hý viện này, với sức chứa trên 600 người, sợ không đủ chỗ cho những người muốn tới để bày tỏ lòng tri ân một người cầm bút Việt Nam, lưu vong, như Mai Thảo.

Không ngờ, nữ tài tử Kiều Chinh cũng có cùng một ưu tư như nhà thơ Trần Dạ Từ. Bà cho rằng, không chỉ văn giới, bạn hữu khắp nơi về vui với nhà văn Mai Thảo mà, bạn đọc, quần chúng, cũng sẽ tới tham dự Đêm Mai Thảo, như một hiện diện đầy tri ân và đầy thân ái.

KimThi cũng được biết, những văn hữu, nghệ sĩ từ khắp nơi sẽ về Cali vào

tối chủ nhật 30-7-1995, gồmcó: Ký giả Lê Văn, Trưởng ban Việt ngữ Đài V.O.A., về từ Hoa Thịnh Đốn. Nam danh ca Duy Trác, Nhạc sĩ Đăng Khánh, nhà báo Trương Trọng Trác, về từ Texas. Nhạc sĩ Cung Tiến về từ Minnesota. Nhà thơ Phạm Nhuận, Đường Minh Hoàng, Hồ Đình Nghiêm, nhạc sĩ Lê Văn Thành..., về từ Canada. Hoạ sĩ Đinh Cường, nhà thơ Phó Ngọc Văn..., về từ Virginia. Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn, Phạm Việt Cường, nhà văn Lê Thị Thấm Vân, Đỗ Vẫn Trọn, nhạc sĩ Trần Quảng Nam..., về từ San Jose. Nhà thơ Trần Thiện Hiệp, Phan Lạc Giang Đông, nhà báo Võ Thành Đông..., về từ Washington State. Điêu khắc gia Mai Chửng, nhà văn Phạm Huấn về từ Hawaii, vân vân...

Về phía những ca nhạc sĩ đã chính thức nhận lời tham dự *Đêm Mai Thảo & 14 Năm Tạp Chí Văn* có thể kể tên như Kim Tước, Lệ Thu, Quỳnh Giao, Julie, Thanh Lan, Diễm Liên, Việt Dzũng, Trần Quảng Nam, Đăng Khánh, Hà Thanh Lịch, Ngọc Thúy, Hạ Vi, Công Thành - Lynn, Hoàng Nam, Anh Dũng, Anh Quý, Thái Châu, vân vân... Chương trình sẽ do Phạm Long và Trần Quốc Bảo, điều khiển và Ban nhạc Moonflower lãnh phần đệm nhạc.

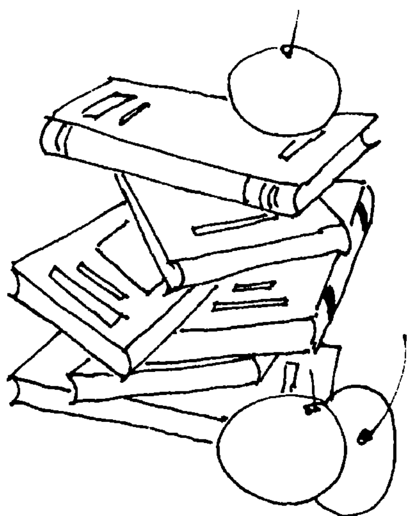
Riêng Nam danh ca Duy Trác, tuy đã chính thức tuyên bố giã từ thế giới âm nhạc cũng sẽ xuất hiện trong *Đêm Mai Thảo*, với hai tình khúc làm bất tử giọng hát của ông.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



MỘT NGÀY CÓ 26 GIỜ, bút ký Nguyên Vũ, bìa Long Ân, Văn Hóa xuất bản, Houston, TX 1995. Giá 15MK.

Cuốn sách kể lại - khá chi tiết - diễn tiến của vụ án "Mặt trận Kháng Chiến Hoàng Cơ Minh kiện báo chí", từ khởi đầu đến kết thúc. "

Mặt trận kháng chiến", một tổ chức qui mô, từng một thời làm mưa làm gió tại hải ngoại, trên mọi quốc gia (đến nay, nghe đâu vẫn còn rất "ngầu" tại Úc châu?), với nhiều thủ đoạn có khi vô cùng tàn độc. Chung qui, "Mặt trận" này sống và tồn tại được, (để nuôi béo một thiểu số cơ hội, hoạt đầu) là nhờ biết khai thác, lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của đồng bào hải ngoại.

Báo chí, mà điển hình là một trong các nhân vật có liên hệ đến "vụ án" này: Cao Thế Dung, cũng lại là một nhân vật chẳng lấy gì làm "sạch sẽ" lắm.

Cả hai, "bên tám lạng người nửa cân", đã cùng tham gia thủ diễn rất "đạt" một hài kịch "cười ra nước mắt" tại pháp đình Hiệp Chủng Quốc trong nhiều ngày. Người điểm sách không lý đến chuyện "thắng, thua", vì dẫu thắng hay thua, vấn đề vẫn nguyên trạng: những "giá trị" như lòng yêu nước, niềm tin, chức năng truyền thông... từ lâu, đã băng rã, hư hoại, méo mó, lệch lạc đến thảm hại, tại hải ngoại bao nhiêu năm nay. Cuốn sách, dù được tác giả ghi lại một cách tương đối "khách quan", vẫn không tránh khỏi những "hằn học", "phẫn nộ".

ĐỔI VỢ, tập truyện Tiêu Nương. Bìa Vũ Hối, phụ bản Vũ Thái Hòa. Nhân Trí xuất bản 1995. Giá 10 Mỹ kim.

Hình thức xấu vì tranh bìa quá tệ và chữ dùng để in nhan đề không nghiêm

trang, thích hợp với thơ hơn truyện (kinh nghiệm của ngành xuất bản: sẽ ảnh hưởng không tốt đến mãi lực).

Về nội dung, nhà xuất bản cho rằng: Qua 10 truyện trong tập sách này, tác giả dẫn dắt chúng ta du lịch vào những vùng thời gian và không gian xa lạ mà từ lâu chúng ta mơ ước đến hay nói một cách khác, bà đã thoải mãn được những ước vọng thầm kín của chúng ta" (?)

DẪU NGÀY XƯA RẤT XƯA, Cassette, CD và tập nhạc, tuyển tập mười tình khúc phổ từ thơ Huỳnh Văn Dụng, bởi Võ Tá Hân, sản xuất tại Việt nam và Singapore. Tại Mỹ và Canada, muốn mua, xin liên lạc: MIGNON VO, P.O.Box 420843, San Diego, CA 92142, USA. Giá: Nhạc tập: US$6.00. CD: US$10.00. Cassette: US$5.00.

Để giới thiệu công trình sáng tác này, Phạm Duy viết: "Lục bát Huỳnh Văn Dụng (sâu đậm và mượt mà như lục bác Cung Trầm Tưởng) đã khiến cho nhạc Võ Tá Hân không có cách nào đi ra ngoài nhịp ba. Trừ bài nhịp 4/4 HƯƠNG XƯA, tất cả những bài còn lại đều theo nhịp 3/4 - bài KHÚC CA MỚI 4/4 dễ dàng chuyển qua nhịp 3/4 - điều này càng làm tăng sự trầm lặng trong hơi thở của xứ Huế, **rất Huế** này. Ai nghiên cứu hơi thở của con người đều thấy rằng ban ngày con người đều thở nhịp đôi (hay nhịp tư), nhưng trong giấc ngủ, con người thở theo nhịp ba, một nhịp thở vào, hai nhịp thở ra. Nhạc Võ Tá Hân trong tập nhạc này thật tuyệt vời, giai điệu trong hầu hết các ca khúc đều rất Việt Nam, **rất Huế**... Tập nhạc này cho ta gần gũi với quê hương hơn bao giờ hết..."

TUYỂN TẬP HAI MƯƠI NGƯỜI VIẾT TẠI CANDA 1975-1995. Bìa Hồ Đình Nghiêm, Nắng Mới xuất bản. Giá 15mỹ Kim. Liên lạc: Nắng Mới, CP 40 Succ Côte des Neiges. Montréal HS 2S4, Canada.

Đây là tuyển tập thơ văn đánh dấu hai mươi năm văn học Việt tại Canada, của những ngòi bút rất quen thuộc với chúng ta trong vòng hai thập niên qua, như Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Quý Toàn, Lâm Hảo Dũng, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Phạm Đình Cường, Phan Ni Tấn, Vũ Kiện, Hoàng Chính, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Đông Ngạc, Hoàng Du Thụy, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Hồ Phổ Lại, Hồng Hoang, Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Văn Ba, Song Thao, Trang Châu.

Với con số hai mươi người ban chủ biên đã chọn, chưa đầy đủ lắm nếu so với lượng người viết, cả văn lẫn thơ, hiện đang cư ngụ tại Canada. Tuy nhiên, có lẽ để phù hợp với con số "hai mươi" (đánh dấu hai thập niên lưu vong), và cũng có lẽ do thời gian giới hạn, không liên lạc hết với các văn nghệ sĩ, hoặc vì nhiều lý do khác, tuyển tập đành chỉ tương đối.

Dù thế, khi đi sâu vào nội dung, người đọc cảm thấy không thất vọng. Hầu hết các truyện ngắn, bài thơ góp mặt trong tuyển tập đều trên trung bình, từ được đến hay. Thiết tưởng như vậy cũng có thể xem là điều khá hiếm hoi, nếu so với những tuyển tập khác, thỉnh thoảng xuất hiện trên thị trường chữ

nghĩa, ở Canada, nói riêng, thế giới, nói chung.

MỘT KIẾP TRẦM LUÂN truyện dài Thanh Vinh , bìa Phan Thiên Hương. Xuân Thu xuất bản 1995. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

Là tác giả của các tác phẩm *Mái Tóc Hoa Râm (1981), Cuối Đường (1985), Nửa Đời Phiêu Bạt (1988).*

Một Kiếp Trầm Luân là tác phẩm mới nhất của Tiến Sĩ Triết và Tâm Lý Học Phan Ngọc Tiếu (tức nhà văn Thanh Vinh).

Gợi ý từ cuộc đời của chính mẹ ruột tác giả, *Một Kiếp Trầm Luân* vẽ ra hình ảnh một người đàn bà, từ thanh xuân đến lúc nhắm mắt lìa đời, trải qua không biết bao nhiêu thảm kịch, nước mắt nhiều hơn tiếng cười, khổ đau nhiều hơn hạnh phúc, hy sinh nhiều hơn an hưởng. Hình ảnh rất riêng ấy, của Thanh Vinh, cũng là hình ảnh rất chung của đa số những người Mẹ Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước, giữ nước. Đọc *Một Kiếp Trầm Luân*, độc giả có cảm tưởng Người Mẹ trong tác phẩm này dường như rất quen thuộc với chúng ta. Bà ta đang sống, đang sinh hoạt đâu đấy quanh ta, trong thôm xóm, bên láng giềng, hay ngay cả trong gia đình ta.

Văn phong trong *Một Kiếp Trầm Luân* bình dị, trong sáng, hơi cổ điển. Nhưng chính nhờ giọng văn ấy, cộng thêm những xúc động thật, khởi từ tấm lòng yêu mẹ của một đứa con, tác phẩmtạo được sự lôi cuốn khá mạnh.

Một tác phẩm, một món quà "báo hiếu" thật đẹp.

MÙA TRĂNG, truyện Lê Thị Thấm Vân. Hình bìa Billy Bùi. In lần thứ nhất, tác giả giữ bản quyền. Giá 10MK. Liên lạc thư từ, chi phiếu: Trần Mạnh. P.O.Box 360923. Milpitas, CA 95035.

Tác phẩm thứ hai của một nhà văn nữ, "mới và trẻ" (chữ dùng của nhà phê bình Đặng Tiến).

Mùa Trăng là một chuyện tình lãng mạn, thơ mộng, tràn đầy nữ tính, bàng bạc sự bao dung, ấm áp, tuy không kém phần táo bạo. Sự táo bạo tất yếu của một người dù không sinh ra nhưng đã trưởng thành bên ngoài quê hương Việt Nam, nơi phong tục, tập quán, luân lý, đạo đức (và kể cả sự tương quan bất bình đẳng giữa nam nữ) đã như những mạng nhện chằng chịt trói buộc từng cá nhân với những hệ lụy vây bọc. Trong *Mùa Trăng*, người nữ vẫn giữ được những nét đẹp của truyền thống Á châu, những giá trị của văn hóa cổ truyền Việt Nam, nhưng độc lập hơn, tự tín hơn và thẳng thắn hơn trong suy nghĩ, trong hành động. Người điểm sách cho rằng đó là ưu điểm rất đáng quí chỉ có được ở những sắc dân thiểu số xuất xứ từ phương Đông, đang sinh sống ở các quốc gia phương Tây, điển hìnhtại đất nước này.

Về văn phong, *Mùa Trăng* vẫn "trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc (...) tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật (Đặng Tiến).

TUYỂN TẬP THƠ, Tô Thùy Yên. Bìa tranh Lê Trọng. Edition Imn (Tủ

Sách Thi Ca Hiện Đại) xuất bản tại Bonn, Germany. Không ghi giá bán.

Gồm 36 bài thơ từng xuất hiện rải rác trên dưới ba thập niên qua, tại miền Nam Việt Nam trước tháng 4, 1975 và hải ngoại những năm gần đây.

Tô Thùy Yên là một hiện tượng khá lạ trong lịch sử văn học Việt Nam. Ông xuất hiện và nổi tiếng như một nhà thơ có tầm vóc của thơ ca Việt Nam, hầu như ai thích thơ, đọc thơ đều không thể không thuộc một vài đoạn, một vài câu hoặc chí ít cũng từng biết đến Tên Tô Thùy Yên. Nhưng ngoài ba thập niên có mặt trên văn đàn, tác phẩm của ông chưa một lần được thu gom để in thành sách. Kể ra cũng hết sức nghịch lý. Càng nghịch lý hơn khi chúng ta nghĩ đến những tác giả khác, có hàng chục tác phẩm được in ra, nhưng mãi mãi, chẳng bao giờ được đề cập, nhắc tên.

Về thơ Tô Thùy Yên, đã có quá nhiều những bài viết, trên rất nhiều tạp chí văn học, suốt 30 năm nay. Một vài dòng giới thiệu qua quít ở đây, hẳn nhiên không thể nào "hết ý" được (trong HL số này, chúng tôi sẽ trích đăng vài bài, mỗi bài tiêu biểu cho mỗi giai đoạn, để độc giả thưởng thức, với sự đồng ý của tác giả).

Rất tiếc tác phẩm nhìn chung tương đối trang trọng, nhưng đã được in và phổ biến quá hạn chế. Hy vọng tác giả sẽ cho tái bản tại Mỹ, để độc giả yêu thơ dễ tìm mua hơn.

NHỮNG CON CHUỘT THỜI THƠ ẤU, tập truyện Hoàng Khởi Phong. Bìa Khánh Trường, trình bày bản văn Cao Xuân Huy. Người Việt xuất bản. Giá 10MK.

Tính đến nay, gần ba thập niên cầm bút, Hoàng Khởi Phong đã là tác giả của 10 tác phẩm. Từ một người làm thơ, với *Mặt Trời Lên* (thơ, 1967) - *Phục Hồi Quyền Chức Làm Người* (thơ, 1973), Hoàng Khởi Phong chuyển sang viết văn xuôi. Tác phẩm đầu tiên trong thể loại này có tên *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng*, tập truyện, viết chung với Hoàng Chính Nghĩa (nxb Bố Cái, Mỹ, 1978). Sau đó, trong vòng 10 năm ông nghỉ viết, lý do khá phức tạp, nhưng có một lý do ông vẫn thường kể với mọi người, khá đặc biệt: Khi đi rảo trong một khu chợ người Việt, ông phát hiện những tác phẩm văn học bày chung với... nước mắm, hành tỏi, tiêu ớt... (đó là thời kỳ phôi thai của văn học hải ngoại, chưa hoặc rất ít các tiệm bán sách), khiến ông cảm thấy nản. Viết văn, ở xứ sở cơm áo tất bật này đã là lạc điệu, sách in ra lại bị bày bán ngang hàng với... nước mắm, thì có can đảm bằng trời cũng đành bẻ bút. Mãi đến năm 1988, khi văn học hải ngoại tìm lại được chỗ đứng xứng dáng của mình, ông mới cầm bút trở lại, và *Ngày N+* ra đời, tiếp theo, đều đặn, gần như hàng năm, những tác phẩm khác tuần tự đến với độc giả, bằng nhiều thể loại: truyện ngắn, Ký sự nhân vật, trường thiên tiểu thuyết... Anh em văn hữu và độc giả kinh ngạc trước sức sáng tác dũng mãnh của nhà văn gốc quân cảnh này.

Tác phẩm mới nhất: *Những Con Chuột Thời Thơ Ấu* tôi đang có trong tay là một tập truyện, với 8 truyện ngắn, Đọc xong 8 truyện ngắn ấy, tôi không

thể không kết luận: đó là một nhà văn chân thật, thuần hậu. Hầu hết những truyện ngắn của ông đều được dựng từ kỷ niệm: kỷ niệm với đấng sinh thành, với bè bạn... Và ông đã viết nó bằng nhịp đập của trái tim mình, bằng ý hướng cao cả của đạo đức làm người. Dù có thể vì thế, đôi khi ông vượt khỏi chức năng người kể truyện, để trở nên người đi rao giảng luân lý. Và cũng có thể vì thế, văn chương ông có một sức hút rất mạnh, hình như khi cầm đến cây bút, Hoàng Khởi Phong đã sống lại - sống thật trọn vẹn bằng cả tâm hồn, trí tuệ và thân xác mình trong không khí của câu truyện.

ĐỐI THOẠI VỚI GIÁO HOÀNG GIOAN-PHAO-LÔ II. Nhiều tác giả. Biên tập Phan mạnh Lương và Đỗ Hữu Tài. Bìa Khánh Trường. Trình bày Phan Tấn Hải. Giao Điểm xuất bản 1995. Giá 15MK.

Sách chia làm hai phần. Phần I: Gồn 13 bài viết của 13 tác giả trong và ngoài nước liên quan đến những nhận xét, tuyên bố, kết luận của Đức Giáo Hoàng Gioan-Phao-Lô II về Phật Giáo, là một trong ba tôn giáo - có nhiều tín đồ nhất hoàn cầu. Phần II: Phụ lục, gồm 5 bài viết của 5 tác giả, viết về Phật Giáo cùng những tương quan của nó với các vấn đề giải thoát, kinh tế, nhân văn...

Tưởng cũng cần nhắc lại: Trong tác phẩm *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng*, khi nói về Phật Giáo, Đức Giáo Hoàng Gioan-Phao-Lô II đã có nhiều nhận xét mà theo những tín đồ đạo Phật, là hết sức "sai lầm". Ví dụ ngài cho rằng "Phật Giáo là một tôn giáo tiêu cực", "Phật Giáo là một hệ thống vô thần", "Cứu độ mình bằng cách trở nên lãnh đạm với thế giới"...

Từ nghìn xưa đến nay, tôn giáo là một vấn đề vô cùng tế nhị, có thể gây các cuộc "thánh chiến". Những lời tuyên bố trên dĩ nhiên sẽ làm phiền lòng không ít những người theo Phật Giáo. Tác phẩm "Đối Thoại" là một hình thức biểu tỏ sự "phiền lòng" ấy.

Người điểm sách thuộc hạng... vô thần thứ thiệt, nên không dám có "lời bàn Mao Tôn Cương" nào, e rằng sẽ làm mọi chuyện trở nên rối rắm hơn. Chỉ xin giới thiệu cùng các độc giả, Công Giáo cũng như Phật giáo, hãy tìm đọc, để mà đồng ý hay phản bác. Tùy.

TRAO TẶNG ĐẤT TRỜI, thơ Nguyễn Hoàng Nguyên. Bìa, phụ bản Võ Đình. Cái Đình xuất bản. Địa chỉ liên lạc: Den Uylstraat 36, *015 DZ Zwolle. The Netherlands. Không ghi giá.

Hình thức đẹp, tập thơ là món quà tặng trang nhã không phải để "trao tặng đất trời", mà để "trao tặng" cho nhau, thật ý nghĩa. Nguyễn Hoàng Nguyên vượt biển và định cư tại Hòa Lan vào cuối năm 1979. Từ 1987 đến 1988 là chủ bút tờ *Việt Nam Nguyệt San* của Cộng Đồng Tỵ Nạn tại Hòa Lan. Có văn và thơ đăng trên các tạp chí Quê Mẹ, Độc Lập, Làng Văn...

Thơ Nguyễn Hoàng Nguyên trong sáng, giản dị, không cầu kỳ trong vần điệu, chữ nghĩa. Nhiều bài lục bát (ông có vẻ sở trường với thể Lục Bát) rất đẹp, dù nhiều từ hơi cũ:

Ngõ sau cổng trước chiều hôm
Bình sinh đảo lộn giữa hồn trắng mây
Tuyết in vóc mẹ hao gầy
Gió nam phương giục rung cây đổi mùa

Một tập thơ những người yêu thơ nên tìm mua.

THIÊN THẦN QUÉT LÁ, tập truyện Vĩnh Hảo, Chiêu Hà tái bản lần thứ nhất. Sách dày 216 trang. Giá 10MK. Địa chỉ liên lạc: P.O.Box 2303 N. Hills, CA 91393-0303. USA.

Hợp Lưu số trước đã giới thiệu nhà văn Quyên Di với tác phẩm "Hoa Hồng Nhà Kín", lấy cảm hứng từ đức tin Thiên Chúa.

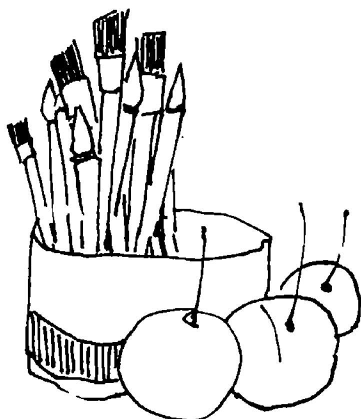
Cũng nằm trong dòng văn chương ấy, nhà văn Vĩnh Hảo, lấy cảm hứng từ Phật Giáo, để tạo nên nhiều tác phẩm văn học.

Hầu hết mọi tác phẩm khác của tác giả này đều xoay quanh chủ đề này. Vĩnh Hảo viết mạnh, chỉ trong vòng vài năm đã có năm bảy tác phẩm chào đời. Điều ấy cũng chứng tỏ ông là một ngòi viết được độc giả lưu tâm tìm đọc. Có thể chứng minh cho nhận xét trên bằng chính tác phẩm này: *Thiên Thần Quét Lá*, đã được tái bản chỉ trong vòng hơn một năm.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Ngày 5 tháng 7 năm 1995

Kính gửi: **Bộ Trưởng Trần Hoàn**
Bộ Văn Hóa
Hà Nội.

Kính thưa Ông Bộ trưởng,

Tôi tên Đỗ Khiêm, sinh tại Hải Phòng năm 1955, vào Nam ngay sau đó và rời nước từ năm 1969 lúc lên 14 tuổi. Tôi hiện đang cư ngụ tại California và mang quốc tịch Hoa Kỳ.

Cũng tại đây từ năm 1988 tôi bắt đầu hoạt động văn nghệ trong lãnh vực thơ và văn xuôi bằng tiếng Việt dưới bút hiệu Đỗ Kh. Ngoài các tác phẩm đã xuất bản ở nước ngoài, tập *"Kí Sự Đi Tây"* đã được tái bản trong nước với tên thật tác giả (Văn Hóa Thông Tin, 1993).

Từ năm 1990, tôi đã có dịp nhiều lần về nước và tiếp xúc, trao đổi với nhiều anh chị em văn nghệ hay hoạt động trong lãnh vực văn hóa nói rộng. Vào cuối tháng 6 năm nay, cũng như mọi lần, tôi làm các thủ tục đăng ký máy bay, xin chiếu khán và sắp xếp mọi công việc cơ quan, gia đình v.v... để về nước vào ngày 5 tháng 7 (tức là ngày hôm nay).

Không ngờ, bốn ngày trước khi lên đường, Phòng Liên Lạc tại Washington cho biết (và sau đó tái xác) là *"không chấp nhận đơn xin cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam của ông Đỗ Khiêm"* (?). Đến đây, tôi xin Ông Bộ trưởng tha lỗi làm phiền ông với vấn đề nhỏ nhặt này.

Kiểm lại quá khứ, nếu không kể 14 năm đầu ở trong nước chủ yếu là tập vần, tôi chỉ có một thành tích bất hảo duy nhất là phục vụ trong quân đội

miền Nam với cấp bậc tân binh tình nguyện, vào thời điểm 74-75. Thành tích này đã được tôi chuộc lại phần nào bằng cách tình nguyện đào ngũ vào tháng 1/1975. Trong thời gian tại ngũ ngắn ngủi này tôi chưa hề được thấy bóng dáng một bộ đội (giải phóng) nào, dù là từ xa, và không hề bắn một phát súng nào về phía họ, dù là bắn trệch, bắn sém, bắn chỉ thiên, bắn dọa. Vô số những người từng phục vụ trong quân đội miền Nam trước tôi (và đào ngũ sau tôi), với cấp bậc dĩ nhiên cao hơn tôi, đã từng bắn sẻ, bắn sả, lẫn trọng pháo, phi pháo, hải pháo về phía bộ đội cách mạng (và cả về phía thường dân ít/nhiều/hữu/vô tội) vẫn được về nước ăn chơi du lịch, thăm gia đình hay góp phần vào việc xây dựng một Việt Nam văn minh và giàu mạnh.

Tôi ít quan tâm đến danh lam thắng cảnh, mác xa tiệm nhảy, cũng như không có cha già, con dại hay người yêu bé bỏng ở bên nhà (đứng ở vườn bông). Tôi cũng không về nước để xin lại nhà, đòi lại đất. Ở bên nhà tôi chỉ có Đảng, Nhà Nước, và Nhân dân, nghĩa là những độc giả đã có hoặc còn tiềm tàng của tôi cùng những đồng nghiệp như tôi ngày đêm từng con chữ vật vã. Trong phạm vi chuyên môn của tôi, mà ông Bộ trưởng là người trọng trách, tôi chỉ muốn được phần chia sẻ khiêm nhường với những người đọc và người viết trong hướng đang đi tới của cả dân tộc.

Càng ngạc nhiên là trong lần về nước trước, tôi tự xét không hề có một hành vi nào (cũng như không hề có cả ý định) vi phạm luật pháp, hiến pháp và phép tắc nhà nước dù là luật giao thông, chạy xe quá tốc độ qui định hay hình sự thông thường mà các nhà văn nhà thơ hay vướng mắc phải như là mua dâm hay say rượu đả thương. Tóm lại, nếu có phạm pháp thì tôi cũng chỉ phạm đến thi pháp, cú pháp hay (có khi phạm đến) một vài... hộ pháp. Vẫn biết, hình phạt không có gì quá đáng, tôi vẫn còn đi lại được trong nhà, ngoài vườn, ngoài phố ở California cũng như ở mọi nơi khác trên trời dưới biển trên thế giới, viếng các nhà văn viết bằng tiếng Ămharíc hay thăm các nhà thơ vần bằng tiếng Ả Rập. Nói cách khác, tôi (chỉ?) bị *quản thúc ở ngoài nước*. Nhưng như Nazim Himet từng nói, lưu vong thật là một nghề khó nhọc, nhất là với những người làm thơ (dù là cưỡng vận).

Tôi thành khẩn xin Ông Bộ trưởng xét đến trường hợp của tôi và can thiệp với những cơ quan trách nhiệm. Trong khi chờ đợi được về góp hơi vào một Việt Nam bằng trắc và nhịp điệu, tôi xin Ông Bộ trưởng nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của tôi.

Trân trọng kính chào Ông Bộ trưởng.

Đỗ Khiêm

- Nể tình anh đã ròng rã từ trên bốn năm nay, không ngừng yểu trợ cả vật chất lẫn tinh thần cho tạp chí Hợp Lưu (thơ, truyện, giấy xanh...), nên cứ phải...

bấm bụng công khai lá thư trên. Chứ suy cho cùng, bổn báo cảm thấy hành động "khiếu nại" của anh nó giống y khuôn hoạt cảnh "con kiến kiện củ khoai" trong ngụ ngôn quá thể.

Theo dõi tin tức trong lẫn ngoài nước bấy lâu nay hẳn anh đã biết: các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Trung Thành, bà Phạm Thị Tê (quả phụ ông Vũ Đình Huỳnh), Nguyễn Thị Mỹ (quả phụ thiếu tướng Đặng Kim Giang) đã gửi bao nhiêu đơn khiếu nại đến các cấp cao nhất của nhà nước ta (Tổng Bí Thư Đảng, Chủ Tịch Quốc Hội, Thủ Tướng Chính Phủ, Cố Vấn Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng , Viện Trưởng Viện Kiểm Sát Tối Cao, Chánh Án Tòa Thượng Thẩm Tối Cao và Hội Luật Gia), yêu cầu công khai hóa, xác định rõ trách nhiệm của các cá nhân liên quan, khôi phục danh dự và bồi thường tinh thần lẫn vật chất cho các nạn nhân và thân nhân liên quan đến "vụ án xét lại" hơn 30 năm trước, mà hậu quả là nhiều người đã chết trong tù, nhiều người khác bị tước đoạt đến khánh kiệt cả danh dự, địa vị, bị đẩy ra ngoài rìa xã hội, sống khốn đốn trong đói nghèo, tăm tối, vợ con cũng bị vạ lây. Thế mà những lá đơn ấy, những tiếng kêu oan ức ấy, tựa những hòn sỏi nhỏ ném xuống vực thẳm. Biệt tích, không âm vang!

Dẫn chứng trường hợp trên, để anh hiểu: có những chuyện "động trời" liên hệ đến mạng sống và cuộc đời của cả hàng trăm con người, lại là những con người từng đóng góp xương máu cho Đảng và chế độ, còn thế, chuyện của anh nhỏ như đầu tăm, nhằm nhò gì đòi khiếu với nại. Chỉ tốn giấy, mực, tem cò vô ích!

Tuy nhiên, dẫu sao HL vẫn chia buồn cùng anh, hy vọng "lệnh quản thúc ở ngoài nước" *sẽ sớm được giải tỏa (chẳng hiểu cái quyết định Tổng thống Clinton vừa công bố: "bình thường hóa bang giao với nhà nước ta" có ảnh hưởng tí nào đến việc "bình thường hóa chuyện đi đứng" của anh không?), để anh có cơ hội về lại Việt Nam, thực hiện ước mơ: góp sức đẩy quê hương tiến nhanh tiến mạnh đến văn minh và giàu mạnh. Thân mến.*

Mong thay, hy vọng lắm thay...

Ngày 11 tháng Bảy, 1995 vừa qua Tổng thống Bill Clinton đã công bố quyết định thiết lập bang giao với Cộng Sản Việt Nam. Như vậy, không hiểu rồi đây các tổ chức chống Cộng sẽ phải hành động làm sao cho có hiệu quả, để phản ánh đúng "nguyện vọng của toàn dân Việt" là không bao giờ chấp nhận anh bạn đồng minh Mỹ, "lần thứ hai phản bội chúng ta" bằng cái quyết định ngu xuẩn vừa rồi là bắt tay với CSVN, như vài tờ báo tại Bolsa hồ hởi cho in chữ lớn trên trang nhất! Tài thật, chẳng hiểu mấy ông bà chủ nhiệm này tìm đâu ra cái "nguyện vọng" sáng suốt ấy, của con dân Giao Chỉ. Hoan hô các ngài chủ nhiệm anh minh, mai này đất nước sạch bóng quân thù, nhất định toàn dân Việt sẽ khẩn thiết vời các ngài qui hồi cố hương, kêu gọi các ngài hy sinh đứng ra lèo lái con thuyền quốc gia. Có thế, đất nước mới có cơ may thoát khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu, mà hậu quả, một trăm phần trăm,

gây nên bởi bọn Cộng Sản tham tàn!

Hợp Lưu mấy năm nay mãi lội ngược dòng lịch sử, đi trệch cả trăm dặm nếu lấy lòng dân làm cột mốc, vậy đề nghị đã đến lúc HL cần phản tỉnh, trở lại với cộng đồng lưu vọng kiên cường bất khuất, để khỏi phụ lòng những người ngày đêm âu lo mưu cầu cho ấm no của đất nước, mà điển hình là các vị chủ báo anh minh tôi vừa dẫn chứng. Hy vọng thay, mong lắm thay. Nước tuy đã cạn, nhưng... còn nước còn tát! Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao. Phương ngôn tục ngữ thì nhất định chẳng thể sai.

Người Sáng suốt (Cali)

Thưa ông (bà?), lẽ ra chúng tôi không đăng thư này, vì nó nặc danh. Nhưng suy cho cùng, nhận thấy nội dung bức thư đang đề cập đến một vấn đề còn nóng bỏng, và ít nhiều cũng "phản ảnh đúng nguyện vọng của tập thể lưu vong, nói riêng, toàn dânViệt nội địa, nói chung", nên chúng tôi tạm bỏ qua chuyện... thiếungay thẳng trong lý lịch. Hy vọng lần sau, ông (bà) có ý kiến muốn đóng góp, cứ thoải mái ghi tên thật. Chả chết ai và cũng chả ai làm chết được mình đâu. Kính

HỢP LƯU TRẢ LỜI THƯ ĐỘC GIẢ

Anh NĐT (Anh): - Chuyến đi có quá nhiều điều để nói, nhưng rốt cục không nói được gì cả. Chẳng phải sợ vạ gì ai (cả đời, tôi chỉ sợ không đủ trung thực để nói thật, chứ "sợ ai", còn khuya!), chỉ tại tôi có cảm tưởng nói thế nào cũng có thể đúng mà cũng có thể sai. Chuyển động của một đất nước nào phải chỉ giản dị ở mặt hiện tượng? Tôi e mình sẽ trở thành "thầy bói mù xem voi". Bất công và bất nhân.

- Những tấm ảnh chụp (bìa sách BN) lạ, lẽ ra nên làm theo đề nghị của anh. Nhưng chuyện ấy khá tế nhị, sẽ có thư riêng nói rõ để anh hiểu.

- Đã gửi bù số HL 22. Thỉnh thoảng ông bưu điện (chả hiểu Mỹ hay Anh) vẫn gửi HL vào... hư vô, chẳng có chi "lạ" cả. Thân mến.

Chị PTHH (Pháp): Được biết chị cùng quê với anh ĐT (nghĩa là cũng cùng quê với tôi), vui. Vui hơn khi biết thêm chị lại có đến ba cô con gái tên Khê (mà cô giữa là Trần Nữ Yên Khê, diễn viên chính trong phim "Mùi Đu Đủ xanh" của đạo diễn Trần Anh Hùng. Thảo nào bút hiệu của chị là Phan Tam Khê.

Bài viết của chị về nhạc sĩ họ T. tòa soạn đã đọc và rất lấy làm tiếc đã... không có chỗ dùng. Phải chi số đặc biệt về Âm nhạc, chị cho bài này thì tuyệt vời. Vậy, tòa soạn cứ giữ đó, thế nào rồi cũng có dịp trở lại chủ đề Âm nhạc, lúc ấy, "nó" sẽ lên giàn phóng, nếu chị chưa cho đăng ở báo nào. Mong sang năm gặp chị, tại Pháp, hoặc ngược lại, có dịp Mỹ du, ghé Cali, phone cho tòa

soạn một tiếng, sẽ xin được hầu tiếp. Kính mến.

Ông LHL (Bungari) Không có sự "kỳ thị" nào hết. Mọi sáng tác, của bất cứ ai, không cứ phải "có name", đạt đến một tiêu chuẩn nào đó, là chúng tôi chọn đăng. Còn "lập trường chính trị", cái đó không phải trọng tâm. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý: chống ai, bênh ai, kể cả "chửi" ai... cũng chỉ nên dựa vào một nguyên tắc bất di dịch: đàng hoàng, xây dựng và có lòng. Mọi thứ xuất phát từ lòng đố kị, ác độc, dù thoạt nghe, hữu lý, vẫn chẳng tác động được đến ai, không nên và không bao giờ nên có, ở một người viết chữ. Cụ thể nhất: xin hãy gửi gấp bài về tòa soạn. Được, hoặc không, chúng tôi sẽ trả lời ngay bằng thư riêng. Thân kính.

Bà ĐHNg (Cali): Sách báo hiện nay vẫn đang trong giai đoạn "thoi thóp". Người đọc cạn dần, mãi lực yếu. Điều nguy hiểm nhất: Độc giả càng ngày càng già đi, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, lớp thay thế hầu như không có. Điều này cũng xảy ra cả với người viết. Vì vậy, văn chương Việt ngoài nước hình như không thể "trẻ" được. Một tác phẩm nào ra ngoài cái khuôn mòn đã được định đặt trong vài ba thập niên qua, là lập tức bị phản bác, chê bai, chửu mắng! Vì thế, chúng ta chẳng hy vọng gì có được một "bứt phá ngoạn mục", như trên dưới bốn mươi năm trước, của *Sáng Tạo* với văn chương tiền chiến, hay xa hơn, của văn chương tiền chiến với thơ đường luật, văn biền ngẫu... Hợp Lưu, bằng cố gắng của mình, làm được đến đâu hay đến đấy, còn thì mọi chuyện phú cho... trời! Chẳng thể khác hơn, không có khả năng, phương tiện để khác hơn. Kính mến.

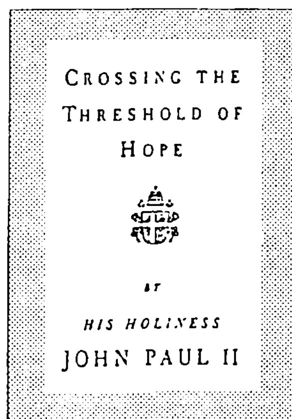
Cô LHM (Cali): Cuốn sách ấy nhất định sẽ ra mắt, trễ lắm, cuối năm nay. Nếu để đến sang năm thì mất thời gian tính, đâu có được. Sở dĩ chậm trễ là vì công trình này tương đối công phu, đồ sộ (trên dưới 1400 trang, gần 120 tác giả, đủ mọi bộ môn), mà những người trực tiếp trông coi biên tập, đánh máy, trình bày thì lại tối mày náo mặt vì chuyện cơm áo, chỉ có thể dành cho cuốn sách hai ngày cuối tuần. Chẳng thể khác hơn, "cơm nhà ngà voi" ấy mà, không ai uống nước lạnh triền miên để lo toàn thời gian cho một công việc "chùa" ấy được! Mong cô thông cảm. Thân mến.

Anh THK (Boston): Ừ nhỉ, anh nói, chúng tôi mới để ý. Những Kinh Dương Vương, Hồ Minh Dũng, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Hoàng Lộc, Đinh Trầm Ca, Hà Nguên Thạch, Mường Mán, Trần Doãn Nho... đã một thời tạo nên một giai đoạn văn học tại miền Nam, trên tờ tạp chí Văn, nay, hình như họ đều "tụ" trên Hợp Lưu! Cũng vui. Một số người ở quanh vùng quận Cam, một số ở các tiểu bang khác, và một khác nữa ở trong nước. Họ vẫn giữ liên lạc đều với nhau. Thân mến.

HỢP LƯU

SÁCH MỚI! SÁCH MỚI! TÌM ĐỌC NGAY

ĐỐI THOẠI
VỚI
GIÁO HOÀNG GIOAN-PHAO-LÔ II



Nhân đọc cuốn BƯỚC QUA NGƯỠNG CỬA HY VỌNG

GIAO ĐIỂM
1995 - HOA KỲ

- Một tuyển tập đặc biệt mang tính lịch sử kể từ khi Thiên Chúa giáo La Mã du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ 16.
- Với gần 20 học giả và trí thức Phật Giáo Việt Nam ở khắp năm châu trình bày rành rẽ sự sai lầm lớn của Giáo Hoàng trong việc chỉ trích Phật Giáo, chiến lược của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, và sự khác biệt căn bản giữa Thiên Chúa giáo và Phật giáo về tín lý: *giải thoát - cứu rỗi, hữu thần - vô thần, tích cực - tiêu cực, v.v...*
- Bổ ích cho mọi độc giả - đặc biệt là Phật tử và tín hữu Kitô giáo - **vì hiểu biết hỗ tương là căn bản để hòa hợp tốt đẹp và lâu dài giữa hai tôn giáo lớn và giữa các cộng đồng đa tôn giáo.**

•

Tuyển tập dày 370 trang.
Tìm mua tại các hiệu sách trong vùng hay mua trực tiếp về địa chỉ:
GIAO ĐIỂM, P.O.Box 2188, Garden Grove, CA 92642. USA
Giá 15Mỹ Kim. Ngoài Bắc Mỹ thêm 3MK cước phí hạng I

PHIẾU TÁI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN, và xin dùng giá biểu này cho Phiếu tặng báo)

Hạn mua dài hạn của tôi đến số ________ là chấm dứt.
Tôi bằng lòng tái hạn kể từ số _____ . Yêu cầu gửi báo về địa chỉ sau:

Tên: ____

Địa chỉ: ____

____

Điện thoại: ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ, Canada: Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) ● 40MK ☐ (1 năm)
Âu châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) ● Máy bay: 70MK ☐ (1 năm)
Úc , Á châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) ● Hàng không: 80MK (1năm)

• Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.
Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi tên: ____

____

____

yêu cầu tòa soạn gửu một nămtạp chí HỢP LƯU từ số __________
do tôi tặng cho:
Mr (Mrs): ____
Địa chỉ: ____

____

____

Số đ iện thoại ____
Đính kèm ngân phiếu. Nhận được, xin gửi Invoice về địa chỉ người tặng.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:____

Địa chỉ:____

____

Điện thoại:____

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: ____________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) ● 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

● Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau dây: 1) Thay dổi địa chỉ - 2) Không nhận báo dúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

● Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 dến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 dến số 25 là hết hạn.

● Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)

24

Gía bảy Mỹ Kim